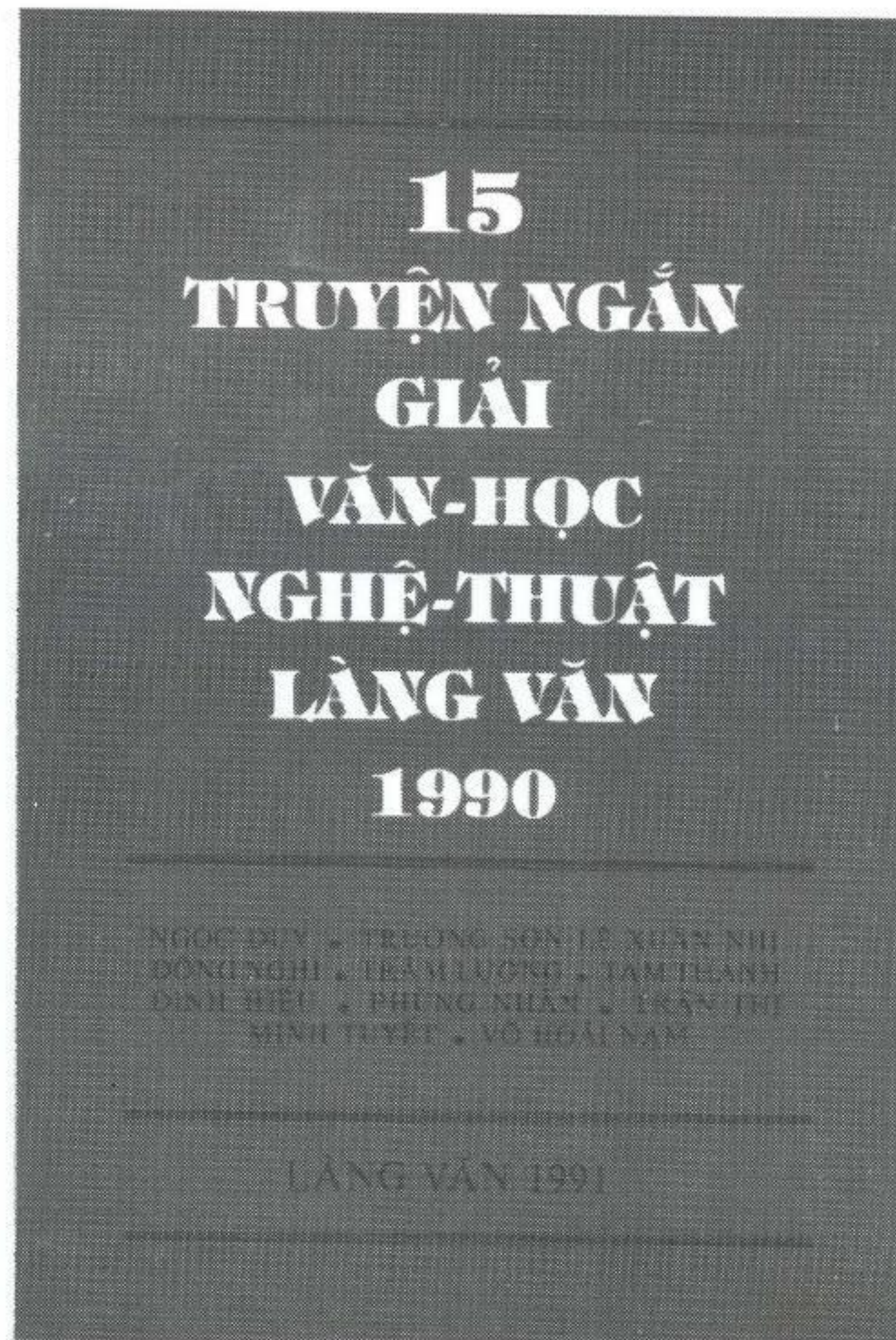


làng văn

81
5.1991



Phát-hành cuối tháng 4.1991



Giá 10 mỹ-kim (12.50 gia-kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"

Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada

Điện-thoại: (416) 249-4195 / Điện-thư: (416) 240-0342

làng văn



P.O. Box 310, Station "W" Published 12 times a year
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada Second Class Mail Reg. No 8040
Tel. (416) 249-4195 Fax. (416) 240-0342 ISSN 0832-1922 — LDN 310578

Volume 8 — No 81 — May 1991

TRONG SỐ NÀY:

Tại sao không "giao-lưu văn-hóa" với CSVN, Nguyễn Hữu Nghĩa	2
Tin vắn	4
Tin Việt-nam	6
Trong làng	8
Ngoài ngõ	10
Tin tị-nạn	12
CSVN không hề thay-đổi cách nhìn về sinh-hoạt-văn nghệ vùng tự-do, Nguyễn Hữu Nghĩa	14
Thơ Cao Hoàng Nhân, Hà Huyền Chi	17
Nói chuyện về "bonsai", Nguyễn Nhật Tân	18
Phi-công thời loạn, Trường-sơn Lê Xuân Nhị	24
Thơ Cao Tiêu	28
Thơ Khoa Hữu	32
Thơ Phạm Xuân Thành	32
Thơ Vạn Giả	36
Thơ Phạm Quang Ngọc	39
Thơ Hoàng Xuân Sơn	40
Thơ Hoàng Việt Thi	43
Dốc đứng	44
Thơ Dã Thảo	47
Thơ Việt Phương	48
Trà đàm, Phan Lạc Tiếp	52
Thơ Lê Thụy Vi	55
Người giữ vườn sầu riêng, Phùng Nhân	56
Thơ Phan Ni Tấn	58
Chạy trốn quê-hương, Nguyễn Quốc Trụ	61
Thơ Lâm Nam Triều	63
Xóm cũ: Từ thể-thao đến kịch-trường, di-cảo Nguyễn Ang Ca	65
Thơ Trần Văn Lệ, Huỳnh Liễu Ngạn, Dương thị Minh Tâm	66
Côn-nôn 49 năm về trước, An Khê	69
Thơ Trần Trung Tá	72
Thơ Vĩnh Hảo	76
Thơ Phạm Nam Quân	80
Thơ Nguyễn Sĩ Long	83
Chân quang, Tự Tĩnh	86
Thơ Thâm Tâm, Nguyễn Hữu Nhật chuyển thể	88
Thơ Duy Năng	90
Huyền-thuật và các đạo-sĩ Tây-tạng, Nguyễn Phong	93
Thơ Tuệ Nga	95
Xếp Al Capone, Trường-sơn Lê Xuân Nhị	97
Thơ Hoàng Chính	100
Thơ Nguyễn Huy Phước	105
Đầu làng cuối xóm, Mõ làng văn	112
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương	115
Giải văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1991	118

Ảnh bìa: Xuân ấm tình đôi của Lê Quang Xuân

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Dân—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Du Thụy—Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân—Luân Hoàn
Mai Kim Ngọc—Mõ Làng Văn—Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Phong—Nguyễn Nghĩa—Nguyễn Đức Bạt Ngàn
Nguyễn Văn Ngọc—Nguyễn Ngọc Ngạn
Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng—Tự Tĩnh
Thái Văn Kiểm—Trần Mộng Tú
Trường Sơn Lê Xuân Nhị—Tuệ Nga
Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:

Bác Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Dương Hoài Ninh—Đặng Thị Quế Phương—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Hoàng Xuân Sơn
Kha Huyền—Lưu Nguyễn—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Như Chi—Nguyễn Đức Lập—Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Tất Nhiên—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Việt—Nguyễn Tấn Hưng
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ—Phan Ni Tấn
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thế Uyên—Trần Quang Hải—Trần Văn Lệ
Trịnh Gia Mỹ—Vân Nương—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Trình-bày: Cung Vũ

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Thái Tuấn
Vệt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Trương Trọng Trác

Đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà
Đức: Ngô Việt Dũng—Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Pháp: Bạch Thái Hảo—Anh: Hoài Châu
Đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông-Minh
Đại-diện tại Úc-châu: Ngọc Hân

GIÁ BÁO BÁN LẺ:

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã — Hòa lan: 8 gulden
Úc: 8 úc kim — Nhật: 500 yen

GIÁ BÁO DÀI HẠN VÀ QUẢNG-CÁO:

Xem trang 119

Tại Sao Chống “Giao-Lưu Văn-Hóa” với Cộng-Sản Việt-Nam

Nguyễn Hữu Nghĩa

Gần đây, nằm trong sách-lược tuyên-truyền nhằm tranh-thủ tư-tưởng người Việt tại hải-ngoại, mạng lưới trí-vận của cộng-sản Việt-nam đã ráo-riết cổ-võ cho việc ấn-loát, mua bán sách báo, phim-ảnh do Hà-nội sản-xuất, qua ngụy-danh “giao-lưu văn-hóa.”

Để trấn-an giới tiêu-thụ, giúp bảo-vệ cho các sản-phẩm tuyên-truyền ấy khỏi bị đánh bật trở về, Hà-nội đã mở chiến-dịch ru ngủ, vuốt-ve và đánh lạc hướng người Việt tại hải-ngoại. Bằng cách này hay cách khác, hoặc cho cán-bộ trực-tiếp viết, hoặc gián-tiếp mớm ý cho một số các cây bút đứng giữa và chính-khách hàng hai đưa ra những bài nhận-định mù-mờ, cố tạo ấn-tượng sai-lầm, cốt lung-lạc đồng-bào rằng, khối độc-độc tuyên-truyền ấy chỉ là những sản-phẩm văn-ngệ thuần-tuý, để mọi người an-tâm đón nhận như một “món quà” từ đất mẹ mang đầy tình-tự dân-tộc, quê-hương! Trong vòng vài tháng trở lại đây, các bài báo kêu gọi “giao-lưu văn-hóa” với CSVN đã xuất-hiện khá đều, với chủ-đích chính-trị rõ-rệt, và không phải là không tạo được ảnh-hưởng. Sự kiện đó khiến chúng ta phải suy-nghĩ và phân-tích cặn-kẽ vấn-đề...

Trước hết hãy định-nghĩa, “giao-lưu văn-hóa” là gì?

Giao lưu là sự tiếp-xúc và trao-đổi qua lại giữa hai dòng, hai luồng khác nhau. Giao-lưu văn-hóa là sự trao-đổi, tiếp-xúc giữa hai luồng

văn-hóa khác nhau. Tham-khảo sách vở, tự-điển của đối-phương, chúng ta thấy họ cũng quan-niệm tương-tự như vậy.

Xin chú-ý tới các chữ “trao-đổi” và “khác nhau.”

Trước hết, hiện-tượng giao-lưu văn-hóa chỉ xảy ra khi có hai nền văn-hóa khác nhau.

Thí-dụ: giao-lưu văn-hóa giữa Đông và Tây, giao-lưu văn-hóa giữa Nhật-bản và Việt-nam, giao-lưu văn-hóa giữa Ấn-độ và Anh-quốc, v.v. Không có chuyện giao-lưu văn-hóa giữa người Việt với người Việt, dù là người Việt miền Nam với người Việt miền Bắc, người Việt quốc-nội và người Việt hải-ngoại. Chúng ta có cùng một nguồn-cội văn-hóa, cùng thờ một vua Hùng, có chung một dòng lịch-sử hơn 4000 năm, cùng nói một thứ tiếng, cùng viết một thứ chữ, cùng ăn cơm bằng đũa, cùng quấn khăn tang trắng,... có điểm nào khác-biệt mà phải... giao-lưu ?

Giữa người Việt với người Việt, không có sự khác biệt về văn-hóa. Nói chuyện “giao-lưu văn-hóa” là làm trò hề, một thứ trò hề trẻ con.

Sự khác biệt lớn-lao, trong giai-đoạn hiện-tại là sự khác biệt về quan-điểm chính-trị. Và điểm cần nhấn mạnh là, sự khác biệt quan-điểm chính-trị đó không thể-hiện giữa quần-chúng người Việt quốc-nội và quần-chúng người Việt hải-ngoại, mà là sự khác biệt giữa nhân dân (trong và ngoài nước) với chính-quyền.

Chúng ta tẩy chay sản-phẩm văn-hóa của CSVN, vì xét về thực-chất, sách báo, phim ảnh do guồng máy cầm quyền sản-xuất không có yếu-tính văn-hóa, và ngược lại, thuần chính-trị, nặng tuyên-truyền.

Không riêng gì quần-chúng hải-ngoại chống, đồng-bào trong nước cũng tẩy-chay. Bạn có thể thẩm-định nhận-xét này một cách dễ-dàng, bằng cách kiểm-chứng với các đồng-bào vừa rời Việt-nam ra đi: có bao nhiêu người cầm tiền đi mua sách báo cộng-sản về đọc? có bao nhiêu mặt sách cộng-sản được bày bán tại các chợ trời sách báo của nhân-dân?

Mặt khác, tác-phẩm phi-chính-quyền được đón nhận nồng-nhiệt. Người Việt ở hải-ngoại chào đón thơ trong nước của Nguyễn Chí Thiện, H.V. Thi, Trần Kha ấm-áp như thế nào thì đồng-bào trong nước cũng ngóng nghe sáng-tác từ hải-ngoại được phát về qua làn sóng điện của các đài BBC, VoA chăm-chú và nồng-nàn thế ấy...

Tới đây, chúng ta đã xác-định được các điểm:

- Giữa người Việt và người Việt không có sự khác biệt về văn-hóa, nên không cần phải “giao-lưu.”

- Quần-chúng Việt-nam chỉ tẩy-chay sản-phẩm tuyên-truyền chính-trị của CSVN, không chống tác-phẩm văn-hóa phi-chính-quyền.

Xác-định được hai điểm này, chúng ta đã đọc được mặt trái của bốn chữ “giao-lưu văn-hóa” do CSVN mạnh miệng cổ-võ bấy lâu nay.

Thực sự, thâm ý của CSVN qua chiêu-bài “giao-lưu văn-hóa” là nhằm trung-hòa sự chống-đối về quan-điểm chính-trị mà Hà-nội đã khéo-léo lồng trong chất-liệu văn-hóa trước khi tung ra ngoài.

“Giao-lưu văn-hóa” hiểu theo ý ngầm của Hà-nội, chính là “dung-hòa quan-điểm chính-trị” giữa quần-chúng và chính-quyền.

Dung-hòa ở đây chỉ có nghĩa là nhân-dân xuôi theo, thuận theo, không chống-đối chính-quyền.

Nhân-dân có quyền “dung-hòa” với nhà nước, bằng cách mua sách báo phim ảnh do nhà nước sản xuất về xem; còn nhà nước có chịu “dung-hòa” với nhân-dân hay không, cứ xem gương các ông Nguyễn Chí Thiện, Doãn Quốc Sỹ,... ngồi mục trong tù thì đủ rõ.

Tại hải-ngoại, trong khi phần lớn các sản-phẩm tuyên-truyền của CSVN bị chặn đứng ở bên kia biên-giới nhờ sự cảnh-giác của đồng-bào tị-nạn, lại nảy ra một vài bài báo của người quốc-gia, van-vỉ rằng “*thay vì chống sự xâm-nhập các sản-phẩm văn-hóa hay tuyên-truyền của cộng-sản Hà-nội thì tranh-đấu đòi tự-do lưu-thông văn-hóa và tin-tức cả hai chiều để 65 triệu người Việt-nam biết rõ được sự thực cả trong và ngoài nước.*”

Ý-kiến này thật đáng tán-thưởng, nếu người phát-biểu trình-bày kế-hoạch tranh-đấu đòi tự-do lưu-thông văn-hóa về Việt-nam, trước khi khuyên-bảo người khác mở cửa đón nhận sản-phẩm tuyên-truyền của cộng-sản.

Trong “hai chiều lưu-thông” vừa đề-cập, *chiều ra*, Hà-nội đã nỗ-lực đẩy mạnh, có kế-hoạch vận-động nhịp-nhàng, kể tung người hứng rất đẹp mắt, không cần phải hô-hào lôi-kéo gì nữa; còn *chiều vào*,

Hà-nội vẫn đóng kín như bưng, bằng đủ mọi hình-thức cấm-đoán, hăm-dọa, ngăn-chặn, kiểm-duyet, v.v.

Người Việt hải-ngoại không đến nỗi ngây-thơ để không biết tới việc thông-tin về nước. Trong khi có những người kêu gào mở cửa cho kẻ cướp vào nhà, thì cũng có những người góp công góp sức xông ra ngoài bắt cướp. Chiến-dịch *Chuyển lửa về quê nhà* chẳng là một đòn đau khiến cho CSVN phải bức-bội nguyên rủa liên-tục trên các phương-tiện truyền-thông của họ đấy sao?

Điểm công-bằng tuyệt-đối cần phải đạt cho bằng được trong một trận chiến-tranh tuyên-truyền là: *trong khi địch chưa mở cửa cho ta tung sản phẩm của ta vào, ta phải vít chặt các cửa ngõ lại trong thời-gian tranh-đấu đòi lưu-thông hai chiều.* Đó chỉ là một hành-động tự-vệ, và đồng-thời tạo điều-kiện để thương thảo trong cuộc tranh-đấu. Hà-nội không tung được sách ra, họ mới chịu thương-thảo về việc trao-đổi, lưu-thông hai chiều. Nếu sách cộng-sản tràn-ngập hải-ngoại, Hà-nội đã chiếm xong mục-tiêu, họ cần gì bàn cãi tới chuyện mở cửa, đóng cửa nữa?

Nói cách khác, trong khi CSVN

ngăn chặn không cho sách báo của chúng ta vào, mà ta cứ toang toang hô-hào mở hết cửa-nẻo đón sách báo của họ gửi qua, nếu đó không phải là hành-động bất trí thì cũng là cách trối tay anh em trong trận chiến chống lại kẻ thù.

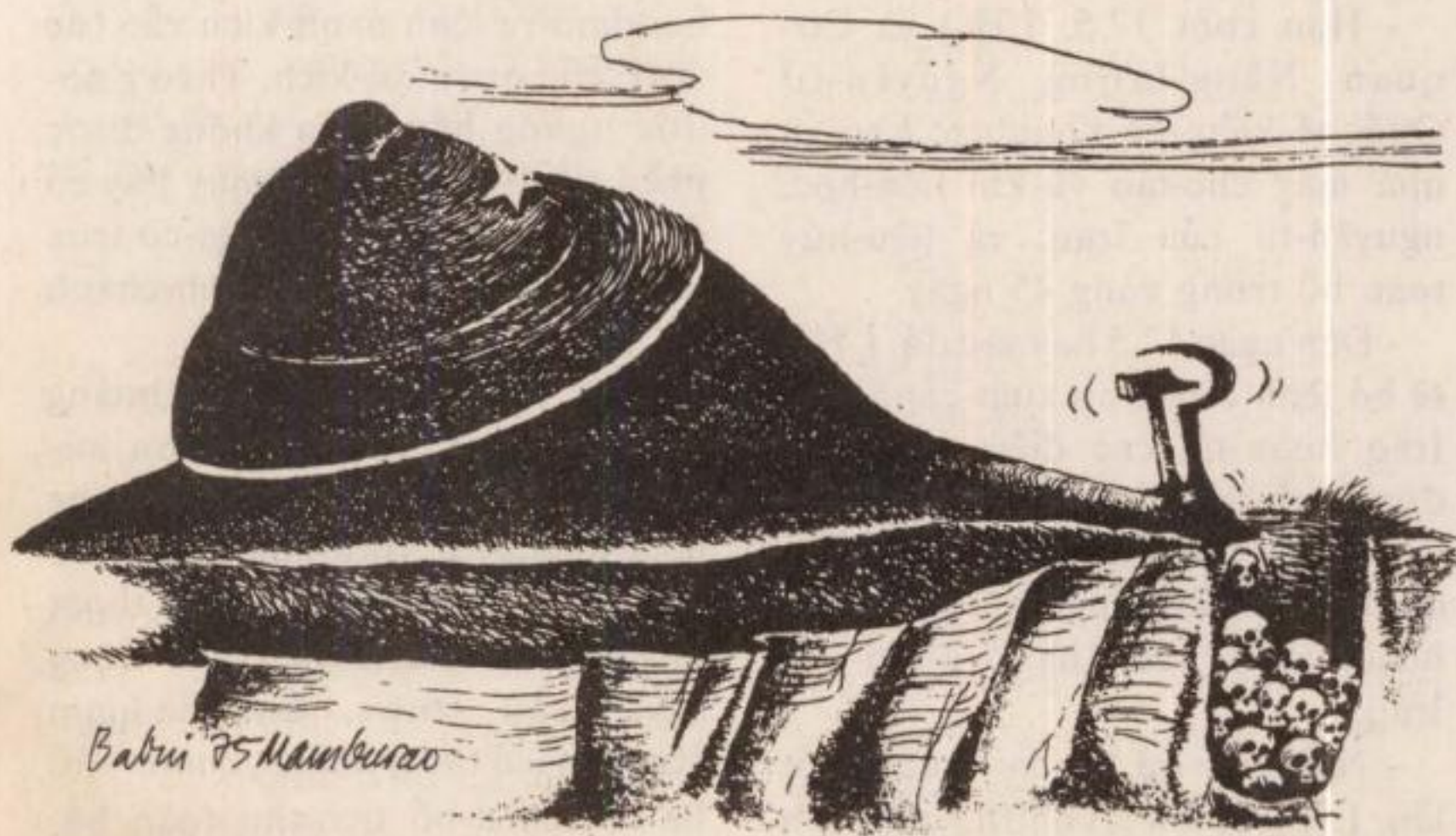
Mặt khác, xét về cả hai mặt luận-lý lẫn áp-dụng vào thực-tế, cộng-sản không quan-niệm “giao-lưu văn-hóa” theo nghĩa đơn-giản là trao-đổi quan-điểm, sách báo, băng nhạc, phim ảnh. “Giao-lưu văn-hóa”, đối với cộng-sản rất gần với “hòa-hợp hòa-giải dân-tộc,” đều nhắm tới mục-đích xây-dựng và củng-cố xã-hội chủ-nghĩa, sau khi “thống-nhất đất nước.”

Đối với văn-ngệ-sĩ chế-độ cũ còn kẹt lại, cộng-sản xem như những đứa con hoang, những tên biệt-kích văn-ngệ phục-vụ chủ-nghĩa thực-dân mới (Mỹ), Nhà nước cần phải uốn nắn, giáo-dục lại cho thành người. Những tác-phẩm mới của họ, nếu đạt được “chất lượng” và “yêu-cầu”, sẽ được tiếp-nhận ở mức vừa phải.

Đối với văn-ngệ-sĩ đã bỏ nước ra đi, trong nhu-cầu mở rộng dân-chủ xã-hội chủ-nghĩa, CSVN chỉ muốn “giao-lưu” với những bài “*gửi-gắm nỗi-niềm nhớ-nhung quê-hương, đất nước vào từng trang viết, mang sự sáng-tạo của mình góp thêm vào tiếng nói ca-ngợi con người Việt-nam, dân-tộc Việt-nam với bầu bạn năm châu.*”

(1) Viết ra ngoài khuôn-khổ này, văn-ngệ-sĩ ở hải-ngoại sẽ được xếp ngay vào loại “*mang nặng tư-tưởng phục-thù, trút nỗi hân-học lên ngòi bút để vẽ nên cái gọi là ‘tác-phẩm văn-học’ mà thực-chất là hoạt-động chiến-tranh tâm-lý của những kẻ được các thế-lực phản-động quốc-tế o-bế,*” “*những kẻ đi ngược lại lợi-ích dân-tộc,*” “*đã bị lịch-sử vất vào sọt rác.*” (2)

Nhưng thế nào là lợi-ích dân-tộc, cộng-sản không có một thang điểm rõ-ràng. Đối với cộng-sản, chẳng những văn-chương chống Cộng bị vất vào sọt rác, văn-chương lưng



chùng cũng không được chấp-nhận. Có tác-giả miền Nam từng viết mấy ngàn trang sách đề-cập một không-gian lịch-sử lớn, bao gồm cả thời đệ nhị Cộng-hòa tới sau 1975, được cộng-sản phê-bình là "đã gửi gắm vào đó cái nhìn lệch-lạc đầy ác-cảm của mình, nhằm bôi-bác, phê-phán những gì đã diễn ra ở miền Nam" (3), nhưng rồi tác-phẩm ấy vẫn không được đánh giá cao, và tác-giả cũng không được tôn-trọng. Chỉ có cán-bộ văn-ngệ Nhà nước mới có quyền đưa ra "cái nhìn lệch-lạc", "bôi-bác" chính-phủ và nhân-dân miền Nam, theo quan-điểm chủ-nghĩa xã-hội, tùy thời mà thay-đổi, tùy việc mà áp-dụng; tác-giả gốc miền Nam cho dù có tự đâm ngực kể tội tới chết vẫn bị coi là thành-phần "lưng chùng", nguy-hiểm không kém thành-phần "phản-động." Điều này không có gì mới lạ. Chúng ta hẳn chưa quên, một trong những khẩu-hiệu tiêu-biểu của cộng-sản thời cải-cách ruộng đất là "Tiêu-diệt bọn cường hào ác-bá, lưng chùng phản-động!"

Nói tóm lại, đối với cộng-sản, chúng ta chỉ có một phương hướng duy-nhất để sống còn, để cứu dân cứu nước là chiến-đấu trực-diện. Không thể "hòa-hợp hòa-giải" trong thế yếu. Không có chuyện "giao-lưu văn-hóa" trong tinh-thần chờ-đợi khoan-hồng. Không thể hợp-tác với cộng-sản trong tình-trạng đi chung voi với đức ông (4), dù là voi văn-ngệ hay voi chính-trị.

Trên mặt trận văn-hóa, chính-trị, văn-ngệ và cả quân-sự, muốn thắng cộng-sản, chúng ta chỉ có một con đường: tiến đánh và đánh cho kỳ thắng. Không có con đường nào khác. Không có giải-pháp nào khác.

(1) (2) (3) *Quân-đội nhân-dân*, số ra ngày 11.11.1990

(4) *Đi chung voi với đức ông, Vừa phải đánh cồng vừa phải hót phân* (ca-đạo)

tin văn



HIỆP-ƯỚC ĐÌNH CHIẾN CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VỀ VẤN-ĐỀ IRAQ

Ngày 3.4 vừa qua, Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc đã thông-quá bản Hiệp-ước Đình-chiến tại Iraq với các điểm chính như sau:

- Hủy-bỏ việc giới-hạn nhập-cảng thực-phẩm và nhu-yếu-phẩm vào Iraq.

- Hạn chót 5.4.91, lập xong kế-hoạch tập-trung lực-lượng giám-sát quốc-tế trong vùng trái độn dọc theo biên-thùy Iraq và Kuwait. Vùng này nằm sâu trong lãnh-thổ Iraq 6 dặm và Kuwait 3 dặm.

- Hạn chót 17.4.91, Iraq phải cung-cấp đầy đủ danh-sách, địa-điểm, số lượng vũ-khí hóa-học, sản-phẩm và dụng-cụ chế-tạo vũ-khí nguyên-tử, hỏa-tiễn tằm nhiệt có tầm bắn xa trên 90 dặm.

- Hạn chót 2.5.91, Hội-đồng Bảo-an LHQ thông-quá bản chiết-tính ngân-khoản chiến-phí. Iraq sẽ phải bồi thường một phần, tính vào tiền bán dầu.

- Hạn chót 17.5, LHQ và Cơ-quan Năng-lượng Nguyên-tử Quốc-tế kiểm-kê xong các kho và nhà máy chế-tạo vũ-khí hóa-học, nguyên-tử của Iraq; và tiêu-hủy toàn bộ trong vòng 45 ngày.

- Đến ngày 17.5 hay sau đó, LHQ sẽ bỏ lệnh cấm Iraq xuất-cảng, nếu Iraq hoàn-tất các điều trên theo đúng lịch-trình.

- Ngày 1.6, Tổng Thư-ký LHQ đệ-trình Hội-đồng Bảo-an kế-hoạch cấm buôn bán vũ-khí với Iraq.

- Ngày 1.6 và cứ hai tháng một lần, LHQ sẽ xét lại những qui-định giới-hạn những sản-phẩm phi-vũ-khí bán vào Iraq, có thể cải thiện

hoặc siết chặt tùy theo mức độ Iraq thi-hành nghiêm-chỉnh bản Hiệp-ước.

- Tháng 8.91, LHQ cứu xét qui-chế cấm nhập-cảng vũ-khí qui-ước vào Iraq.

QUÂN-ĐỘI ĐỒNG-MINH PHÒNG NGỰ NAM IRAQ

Sư-đoàn 2 Kỵ-binh Hoa-kỳ đã cho 125 chiếc xe tăng M1-A1 hộ-tống một cánh quân thuộc quân-đoàn 7 Bộ-binh, cùng các đơn-vị pháo-binh tiến sâu thêm 96 cây số về phía thung-lũng sông Euphrates để trấn-áp các đơn-vị trung-thành của Saddam Hussein.

Các đơn-vị này đã tới sát vùng giao-tranh giữa du-kích và quân-đội Iraq, và sẵn-sàng nhập cuộc, nếu Saddam nhất quyết tiêu-diệt lực-lượng kháng-chiến-quân.

Trong tuần qua, Hoa-kỳ đã bắn rơi 2 phần-lực-cơ của Iraq, khi Saddam ra lệnh oanh-kích vào các vị-trí của quân du-kích. Theo giao-ước ngưng bắn, Iraq không được phép sử-dụng toàn bộ máy bay có cánh, và chỉ được dùng phi-cơ trực thăng trong các phi-vụ hành-chánh và xây cất mà thôi.

Hiện nay Iraq chỉ còn khoảng 450 máy bay chiến-đấu còn sử-dụng được, nhưng không được phép mang ra khỏi hầm chứa. Về 135 chiếc chiến-đấu cơ bay thoát qua Ba-tur trong cuộc chiến trong mấy tuần trước, khi Saddam Hussein lên tiếng đòi lại, chính-phủ Ba-tur tuyên-bố tịch-thu toàn bộ, coi như một phần tiền do Iraq bồi-thường chiến-phí trong trận chiến 8

năm giữa hai nước trước đây.

Về phía lực-lượng kháng-chiến Iraq chống Saddam Hussein, các tổ-chức này lớn mạnh rất mau, nhưng cuối cùng đã bị các lực-lượng trung-thành của Saddam Hussein dập tắt.

Tại thủ-đô Bá-đạt, quần-chúng Iraq nổi dậy biểu-tình đòi Saddam Hussein từ-chức, đã bị chính-phủ đàn áp dã-man, dùng cả máy bay trực thăng xịt át-xít xuống đầu dân-chúng. Saddam đã ra lệnh tập-trung các đơn-vị trung-thành nhất về thủ-đô làm hàng rào người bảo-vệ ông ta, chống lại các mũi dùi tấn công của du-kích-quân đang tiến về gần thành Bá-đạt.

Các tổ-chức nổi dậy Shiite và Kurd đã làm chủ các thành-phố Nasiriyah, Amara và Kut, nhưng cuối cùng đã bị đánh dạt ra tận biên-giới. Hơn 30.000 người Kurd chết trong cuộc chiến chống Saddam, và 3.000 người chết vì bệnh tật, đói lạnh trên đường đào-thoát sang Thổ-nhĩ-kỳ. TT Hoa-kỳ George Bush đã lấy vĩ-tuyến 36 ở bắc-phần Iraq làm ranh giới, cấm Saddam Hussein truy-kích 3 triệu người Kurd đang trú-ẩn ở phía bắc vĩ tuyến này.

Mặt khác, phía Tây-phương sau khi kiểm kê tài-sản của Saddam Hussein cho biết, Saddam là người giàu nhất thế-giới. Đài CBS Hoa-kỳ công-bố, trong 11 năm cầm quyền, Saddam đã gom được 200 tỉ mỹ-kim. Saddam đã đầu tư rất nhiều vào các đại công-ty, và cả báo-chí, như các tạp-chí *Elle* và *Women's Day*.

Về phí-tồn của Hoa-kỳ trong cuộc chiến vùng Vịnh, theo thống-kê của Quốc-hội Mỹ, ước tính vào khoảng 52 tỉ mỹ kim.

QUỐC-HỘI HOA-KỲ: KHÔNG VIỆN-TRỢ CHO JORDAN

Quốc-hội Hoa-kỳ đã bỏ phiếu chấm dứt viện-trợ cho Jordan, vì quốc-gia này đã về bè với Iraq trong cuộc chiến vùng Vịnh trước đó.

Tuy-nhiên, theo dự thảo của Thượng nghị-viện, Jordan sẽ nhận được 35 triệu mỹ-kim viện-trợ kinh-tế, khi hành-pháp Hoa-kỳ xác-nhận rằng vua Hussein đã tỏ thiện-chí đóng-góp vào nỗ-lực xây-dựng hòa-bình tại Trung-đông. Riêng 20 triệu mỹ-kim viện-trợ quân-sự, Quốc-hội Hoa-kỳ cắt bỏ vĩnh-viễn.

LIÊN SÔ RÚT QUÂN KHỎI HUNG GIA LỢI

Ông Lajos Fuer loan báo, quân-đội Liên-sô sẽ rút hết khỏi Hung-gia-lợi trước ngày 29.6 sắp tới.

Ông Jozsef Antall, thủ-tướng Hung tuyên-bố: "*Ngày mà tất cả quân-đội Liên-sô rút hết khỏi Hung-gia-lợi sẽ là ngày đất nước này thực-sự độc-lập và có chủ-quyền.*"

TIỆP-KHẮC TRỰC-XUẤT TÌNH BÁO KGB

Hôm 26.3, bộ Nội-vụ Tiệp-khắc đã ra lệnh trực-xuất toàn-bộ nhân-viên tình-báo KGB ra khỏi lãnh-thổ Tiệp, hạn chót là ngày 31.8 tới đây. Toàn bộ quân-đội Liên-sô cũng sẽ ra khỏi biên-giới Tiệp trước ngày 29.6 sắp tới.

HỘI ĐỒNG TƯỚNG LÃNH THÁI-LAN THÀNH-LẬP QUỐC-HỘI CHI-ĐỊNH

Trong tháng 3.91, Hội-đồng tướng-lãnh Thái-lan đã chọn hộ dân-chúng 292 vị dân-biểu để thành-lập Quốc-hội lâm thời, có nhiệm-vụ soạn thảo hiến-pháp vĩnh-viễn cho quốc-gia này.

Các tướng đảo-chánh cũng đã phong chức thủ-tướng chính-phủ cho Anand Panyarachun. Ông Anand trước đây là nhân-viên bộ Ngoại-giao, bị cách-chức vì hô-hào chống Mỹ, và lên lút đi lại với Trung Cộng và Việt Cộng.

MƯA ĐÁ: 69 CHẾT

Một trận mưa đá dữ-dội đã rơi xuống 27 thị-trấn ở tỉnh Hồ-nam,

Trung Cộng giết chết 69 người, gây thương-tích cho 1.051 người khác hôm 7.4 vừa qua.

Về tài-sản, 3 triệu mẫu hoa màu đã bị tàn-phá.

BẮC KINH BÓP MÉO CỔ VĂN TRUNG QUỐC

Trong vòng mười năm qua, Bắc-kinh đã ngấm ngấm ra lệnh sửa đổi nền cổ văn Trung-quốc, điển hình là vụ *Hồng Lâu Mộng* và *Thủy Hử*.

Sau khi Tào Tuyết Cần qua đời, danh-tác *Hồng lâu mộng*, gồm 80 hồi dở-dang, đã được Cao Ngạc dựa vào bản-thảo của họ Tào viết tiếp 40 hồi nữa cho thành bộ. Tới 1984, nhà văn Trương Chi, Phó thị-trưởng Bộ-dương (Hà-nam, Trung-quốc) nhận lệnh của Trung-ương, viết lại phần 2 của bộ *Hồng lâu mộng*, thay thế 40 hồi của Cao Ngạc. Trong 6 năm, Trương Chi đã viết được 30 hồi, gồm 27.000 chữ, ráp vào 80 hồi của Tào Tuyết Cần, được nhà nước ấn-hành dưới nhan *Hồng lâu mộng tân bổ*. Các cơ-quan tuyên-truyền của nhà nước Trung Cộng ca-tụng Trương Chi "từ văn-phong Trương Chi đến nội-dung 30 hồi tân tác đều phù-hợp tư-tưởng và ý-nguyên của Tào Tuyết Cần." Trong khi đó, giới nghiên-cứu và thưởng-ngoạn cổ-văn tỏ ý chống-đối, cho rằng Trương Chi đã xuyên-tạc dụng ý của họ Tào.

Ngoài ra, bộ *Thủy hử* của Thi Nại Am cũng bị nhà nước "nổi điều." Cơ-sở xuất-bản quốc-doanh Hoa Thành của tỉnh Quảng-đông cũng tung ra bộ *Thủy hử tân truyện*. Bộ này gồm 40.000 chữ trong nguyên-tác *Thủy hử truyện* của Thi Nại Am, bỏ phần nghị-luận của Kim Thánh Thán, thay bằng phần viết thêm gồm 130.000 chữ của Chủ Đồng Khánh. Trong phần thêm vào, Chủ Đồng Khánh viết lại xuất-xứ nhân-dân và giai-cấp của 108 vị anh-hùng cách-mạng ở Lương Sơn Bạc, và nói thêm về hậu-sự của họ sau khi Tống Giang về đầu hàng triều-đình.

Tin Việt Nam



MỸ ĐẶT ĐIỀU KIỆN ĐỂ TIẾN TỚI BANG GIAO VỚI VIỆT CỘNG

Tờ *Washington Post* hôm 10.4 công-bố kế-hoạch 4 giai-đoạn để tiến tới hội-ng nghị về vấn-đề bình-thường-hóa bang-giao với CSVN, như sau:

- Giai-đoạn 1: Hoa-kỳ có thể chấp-thuận mở hội-ng nghị thương-thảo về vấn-đề bang-giao với CSVN; có thể cứu xét cấp phép cho thương-gia và cựu chiến-binh Hoa-kỳ thăm-viếng Việt-nam, nếu VC chịu ký hiệp-ước quốc-tế giải-quyết vấn-đề Cao-miên.

- Giai-đoạn 2: Hoa-kỳ sẽ giải-tỏa từng phần việc cấm-vận CSVN cùng Cao-miên, nếu VC chấm-dứt cuộc nội-chiến và thành-lập lực-lượng thường-trực của Liên-hiệp-quốc tại Cao-miên, đồng-thời xúc-tiến nhanh-chóng việc tìm kiếm người Mỹ mất-tích tại Đông-dương.

- Giai-đoạn 3: Hoa-kỳ có thể sẽ trao-đổi nhân-viên ngoại-giao với CSVN; giải-tỏa hoàn-toàn việc cấm-vận VN và thôi chống việc Ngân-hàng quốc-tế cùng các tổ-chức quốc-tế cho Hà-nội vay nợ, sau khi lực-lượng Liên-hiệp-quốc đã hiện-diện tại Cao-miên ít nhất 6 tháng, bộ-đội và cố-vấn VN rút hết khỏi Cao-miên, và còn tùy thuộc vào nhp độ kế-toán người Mỹ mất-tích.

- Giai-đoạn 4: Hoa-kỳ sẽ chính-thức thiết-lập bang-giao và quan-

hệ kinh-tế, nâng-đỡ CSVN và Cao-miên trong việc mượn nợ ở các ngân-hàng quốc-tế, sau khi Cao-miên tổ-chức bầu cử tự-do có Liên-hiệp quốc giám-sát, và Quốc-hội mới được thành-lập tại Cao-miên.

Nhìn chung, kế-hoạch bang-giao bốn giai-đoạn do chính-phủ Hoa-kỳ đưa ra không có gì mới lạ, chỉ nhằm chi-tiết-hóa những văn-kiện, thông-cáo và các lời tuyên-bố trước đó. Về phía CSVN vẫn ù-lì mong kéo dài thời-gian để tổ-chức mành lưới hạ tầng hầu nắm chắc kết quả trong cuộc bầu-cử tự-do tại Cao-miên, một mặt vẫn giả-vờ van-nài để Mỹ "nới tay" hơn trong việc cấm vận.

Về phía chính-giới Việt-nam tại hải-ngoại, các phe đang chạy nước rút để thành-lập một tổ-chức liên-hiệp các khuynh-hướng chính-trị khả-dĩ được cả Hoa-kỳ lẫn Hà-nội chấp-nhận để đứng vào thành-phần chính-phủ liên-hiệp Quốc-Cộng sau này, nếu CSVN cũng theo đà, cho nới rộng chính-phủ, chấp-nhận các thành-phần "đối-lập không gay-gắt" tại hải-ngoại.

CSVN XÁC-ĐỊNH: HÒA-HỢP HÒA-GIẢI ĐỂ XÂY-DỰNG CHỦ-NGHĨA XÃ-HỘI

Hôm 26.3, đài phát-thanh Hà-nội đã cho phát-thanh bài nghị-luận *Hòa-hợp hay hòa tan*, đăng trên báo *Nhân Dân* trước đó, nhằm xác-định quan-niệm của đảng và

nhà nước cộng-sản về vấn-đề hòa-giải hoà hợp dân tộc do chúng đặt ra. Bài báo có đoạn viết:

"*Hòa-hợp hòa-giải dân-tộc không phải là một vấn-đề mới, mà là một chủ-trương chính-sách có tính truyền-thống của đảng và nhà nước ta, nằm trong chủ-trương đại đoàn-kết tổng-hợp...*

Quan-điểm của đảng ta là sau khi chiến-thắng kẻ thù xâm-lược, trong tình-hình phối-hợp nhiều thành-phần xã-hội, vì lý-do này hay lý-do khác, cần phải hòa-hợp và hòa-giải dân tộc để cùng nhau xây dựng lại đất nước, xây-dựng chủ-nghĩa xã-hội và bảo-vệ tổ-quốc xã-hội chủ-nghĩa...

Chúng ta không chấp-nhận hòa-giải hòa-hợp theo kiểu hòa cả làng, lẫn-lộn giữa chính-nghĩa với nhân-bản, không phân-biệt theo cách triệt-để của nó."

BÙI TÍN RÁO RIẾT CHUẨN BỊ RA ỨNG CỬ

CSVN đã chính-thức cách-chức phó tổng biên-tập báo *Nhân-Dân* và đồng-thời khai-trừ Bùi Tín ra khỏi đảng. Đồng thời trên tờ *Hà-nội mới*, Tuấn Minh, một đồng-chí kiêm đồng đội kiêm đồng nghiệp của Bùi Tín đã chỉ-trích họ Bùi đã cố-tình đánh bóng mình như một chính-khách quốc-tế, bằng cách phê-bình Đảng và Nhà nước, đòi thành-lập cơ-cấu đa nguyên, trong khi chính họ Bùi trước nay vẫn mạt sát thậm tệ những người có khuynh-hướng thân Tây-phương.

Các quan-sát-viên thời-sự Việt-nam nhận-định rằng, sau khi dàn xong nhĩn đối-lập cấp-tiến cho Bùi Tín, Hà-nội sẽ mời ông này về lập chính-phủ liên-hiệp với các nhóm đối-lập cuội trong nước, như vậy vừa được tiếng dân-chủ vừa không phải chia-chác quyền-hành cho những nhóm chống-đối thật vẫn bị giam trong các trại tù.

Nguồn tin riêng của *Làng Văn* tại Âu-châu cho biết, Bùi Tín đã ráo-riết vận-động nước Pháp và cộng-đồng tị-nạn Việt-nam ở hải-ngoại

ủng-hộ ông ta ra ứng-cử chức tổng-thống Việt-nam, một khi CSVN chấp-nhận bầu-cử tự-do để đánh đổi với việc giải-tỏa cấm-vận và thành-lập bang-giao với Mỹ. Ngoài Bùi Tín, Hà-nội sẽ đưa ra thêm một số khuôn mặt “đối-lập” nữa cho nhân-dân để chọn-lựa, gồm Hoàng Minh Chính, Nguyễn Khắc Viện và một số các “nhà văn” của Đảng.

Hiện nay, trong cộng-đồng hải-ngoại, một số chính-khách trở cờ tha-thiết muốn tham-gia chính-trường, sẵn-sàng phục-vụ bất cứ chính-quyền nào (miễn là chính-quyền đó chấp-nhận họ) đã kết-hợp lại dưới trướng Bùi Tín thành một khối thò-lò nhiều mặt. Khối này gồm nhiều cánh khác nhau, mỗi cánh được một nước lớn “tin-tưởng.” Khối thò-lò này có cái lợi, là khi cần nói chuyện với Mỹ, sẽ đưa cánh “thân Mỹ” ra; khi cần bàn thảo với Pháp, có bộ mặt “thân Pháp”; khi cần vận-động với các nước Đông Nam Á, có khuôn mặt “thân ASEAN”; khi cần xin xỏ với Nhật, có cánh “thân Nhật” và khi cần thương-nghị với CSVN thì đã có Bùi Tín. Điểm quan-trọng là khối chính-khách hoạt-đầu này không có mặt nào thân ... nhân-dân Việt-nam, vì họ vẫn coi nhân-dân Việt-nam là một lực-lượng không đáng kể, chỉ cần mạnh tay áp-bức là được.

Trong thời-gian qua, nhiều cuộc “hội luận” nhằm trình-diễn lực-lượng với chính-phủ Hoa-kỳ đã được tổ-chức rầm-rộ tại một số các thành-phố lớn. Chưa thấy các tổ-chức quốc-gia có thể-lực tỏ thái-độ trước hiện-tượng này.



TRÊN 14 NGÀN ĐẢNG VIÊN CỘNG-SẢN VN HOẠT-ĐỘNG TẠI HẢI-NGOẠI

Báo *Nhân-dân* (Hà-nội) số ra ngày 1.4.1991 tiết-lộ, hiện nay CSVN có 14.198 đảng-viên và cán-bộ hoạt-động trong 48 đảng bộ và chi bộ tại hải-ngoại.

Các con số này được đưa ra trong hội-nghị “*Xây-dựng Đảng ở ngoài nước*,” tổ-chức ngày 29.3.91 vừa qua tại Hà nội, dưới sự chủ-tọa của Đào Duy Tùng, ủy-viên bộ Chính-trị, bí-thư Trung-ương Đảng. Thành-phần điều-hành hội-nghị còn có ban Đối-ngoại Trung-ương Đảng, bộ Ngoại-giao, Văn-phòng Trung-ương Đảng, Văn-phòng Hội-đồng Bộ-trưởng; cùng sự tham-dự của nhiều ban, ngành, đoàn-thể, cơ-quan thông-tin đại-chúng.

Đối-tượng chính của Hội-nghị là các đại-biểu cơ-sở đảng CSVN tại Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Pháp, Đức, Hòa-lan, Thụy-sĩ, Nhật-bản, Úc và tại nhiều nước khác về dự. Chủ-điểm của Hội-nghị là “*tập-trung làm rõ những bài học kinh-nghiệm mang tính đặc-thù của công-tác xây-dựng Đảng ở ngoài nước*,” “*tổ-chức quản-lý, giáo-dục cộng-đồng người Việt-nam xa tổ-quốc*,” xác-định công-tác mới và trao-đổi kinh-nghiệm giữa những cán-bộ trà-trộn vào các tổ-chức quần-chúng tại hải-ngoại, nhằm “*góp phần xứng-đáng vào việc thực-hiện các nhiệm-vụ xây-dựng về ngoại-giao, kinh-tế, tư-tưởng, v.v.*”

DƯƠNG THU HƯƠNG “BỊ BẮT” (?)

Hai hãng Pháp-tấn-xã và Reuter hôm 19.4 cho biết, Hà-nội đã ra lệnh bắt giam Dương Thu Hương hôm 13.4 để lấy khẩu-cung về vụ bà này nhờ một “Việt-kiều” chuyển tài-liệu chống Đảng ra nước ngoài. “Việt-kiều” này đã bị nhân-viên hải-quan phi-trường bắt giữ. Trước khi “bị bắt” ít lâu, Dương Thu Hương đã bị khai-trừ ra khỏi Đảng vì đã tuân theo lệnh Đảng, lên

tiếng phê-bình chính-sách Nhà nước.

Đây là lần thứ hai có tin họ Dương bị bắt. Tin trước đây, và cả tin “DTH mắng Nguyễn Đình Thi” đều do báo *Đoàn-kết* VC tại Pháp loan đi, và đã cải-chính.

Giới nghiên-cứu chính-trường VN đã tiên-liệu vụ “Hà-nội bắt DTH” từ lâu. Từ vụ đưa Bùi Tín ra hải-ngoại, đến chiến-dịch đánh bóng tên tuổi Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Trần Xuân Bách,... cho tới việc “bắt giam” Dương Thu Hương, tất cả đều nằm chung trong sách-lược dụng đối-lập cuối để tuyên-truyền dân-chủ, giữ vững chế-độ. Nếu lâm vào thế kẹt, giới lãnh-đạo Hà-nội sẽ bàn-giao chính-quyền từ tay phải sang tay trái, để dễ ăn nói trước công-luận quốc-tế, trong khi đó đảng Cộng-sản Việt-nam vẫn không sút mẻ gì.

THAM-NHỮNG TẠI VN: ĂN CẤP MÁY BAY, THÁO RA BÁN SẮT VUN

Báo *Tuổi trẻ* xuất-bản tại thành Hồ ngày 2.4.91 vừa qua loan tin, xí-nghiệp Ánh Hồng, một cơ-quan kinh-tài trực-thuộc Tòa Án Nhân-Dân thành Hồ đã can tội mua một số hàng ăn cấp, gồm 129,2 tấn nhôm phẳng tháo từ máy bay Mig-17 và Mig-18; 600 tấn gang pha thép tháo từ đầu đạn đại-bác 105 ly; 500 tấn đồng tháo từ vỏ đạn 105 ly; hơn 100.000 cây cọc sắt áp chiến-lược; 20 động-cơ máy bay Mỹ và một số phi-cơ Mig-19 còn mới nguyên.

Mớ hàng khổng-lồ này do trưởng Sĩ-quan Chỉ-huy Kỹ-thuật Không-quân VC ăn cấp và bán ra, với giá 3800 đồng một kí nhôm, 6800 đồng một ký vỏ đạn đồng đã cưa bỏ đuôi có ngòi nổ, 350 đồng một ký đầu đạn gang pha thép, 5500 một trụ sắt áp-chiến-lược, động-cơ máy bay Mỹ 493 triệu đồng một cái còn nguyên thùng, máy bay Mig-19 chỉ có 645 triệu đồng tiền Hồ một chiếc mới nguyên (tương-đương 80.000 mỹ-kim).



Trong Làng

KÝ GIẢ NGUYỄN ANG CA QUA ĐỜI TẠI BỈ

Ký-giả Nguyễn Ang Ca, tức soạn-giả Ngọc Huyền Lan, đã đột-ngột qua đời hôm 26.3 vừa qua tại Bruxelles (Bỉ) sau khi bị mổ tim, hưởng thọ 65 tuổi.

Nguyễn Ang Ca tên thật là Nguyễn Kim Cang, pháp-danh Giác Ngộ, sinh ngày 10.10.1927 (năm Đinh Mão) tại Sa-đéc. Ông nổi tiếng trong giới ký-giả thể-thao tại VNCH từ thập niên 50, cùng Huyền Vũ, Thiệu Võ, Thanh Đạm, Phan Như Mỹ,... cộng-tác với các báo *Sài-gòn mới*, *Tiếng dội*, *Tiếng chuông*, *Đuốc nhà Nam*. Về sau, ông làm chủ nhiệm nhật báo *Tin sớm*.

Về giải thưởng quốc-tế, Nguyễn Ang Ca đoạt giải nhất phóng-sự thể-thao tại Thế vận hội 1972 tổ-chức tại Mễ-tây-cơ.

Sau 1975, ký-giả Nguyễn Ang Ca kẹt lại quê nhà. Ông vượt biên sang Pulau Bidong, Mã-lai năm 1978 và định-cư tại Bỉ-quốc. Tại hải-ngoại, ông từng giữ chức phó chủ-tịch Trung-tâm Văn Bút VNHN. Về tác-phẩm, Nguyễn Ang Ca có hàng ngàn bài báo đăng rải-rác khắp nơi trong 35 năm. Về sách, ông để lại tập di-cảo *Giá tự-do* (sẽ xuất-bản).

VĂN-NGHỆ KỶ-NIỆM NGÀY QUÂN-LỰC

Hội Cựu Quân-Nhân Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa tại Ottawa

(thủ-đô Gia-nã-đại) sẽ tổ-chức đêm *Hát cho mẹ Việt-nam* nhân dịp kỷ-niệm ngày Quân-lực 19.6 sắp tới.

Chương-trình sinh-hoạt tổ-chức tại tại Centrepointhe Theatre, Nepean Civic Square, số 101 Centrepointhe Dr. (góc Woodroffe và Baseline), lúc 8 giờ tối thứ bảy, ngày 6.7.1991.

Về thành-phần trình-diễn, ngoài ban nhạc Meloman và các nghệ-sĩ thủ-đô Ottawa, còn có sự góp mặt của các nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa (từ Toronto), Nguyệt Ánh (từ Virginia) và ca-sĩ Đoàn Chính (từ Montréal) về dự.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn (Toronto) cũng sẽ góp mặt trong chương-trình này.

Chương-trình do Tổng Hội Cựu Quân-Nhân Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa Tổ-Chức, với sự hỗ-trợ của Cộng-Đồng Người Việt. Đóng-góp chi-phí tổ-chức: 10 gia-kim, vé bán tại cửa; có thể mua trước tại trụ-sở Cộng-đồng, số 249 Rochester, Ottawa, điện-thoại: (613) 230-8282.

Ottawa chỉ có khoảng 3.000 đồng-bào tị-nạn cư-ngụ, nhưng là một trong những nơi có tinh-thần đấu-tranh, từng "bùng" được tòa-đại-sứ VC gần mười năm nay. Hiện CSVN đang chuẩn-bị lập lại tòa-đại-sứ, và đồng-bào sẵn-sàng đương đầu với Hà-nội trong tình-thế mới.

ĐÊM THƠ NGUYỄN HỮU NHẬT TẠI NA-UY

Nguyễn Hữu Nhật đã cho ra mắt tập *Thơ* của ông hôm 16.3 vừa qua trong một buổi thưởng trà nghe thơ tại phòng sinh-hoạt nhà thờ Saint Paul, Bergen, Na-uy, vừa để kỷ-niệm 20 hoạt-động của nhà xuất-bản Anh Em, và hai năm tròn ngày tác-giả sang Na-uy, đoàn-tụ cùng nội-tướng là nhà văn Nguyễn Thị Vinh.

Đêm thơ Nguyễn Hữu Nhật, ngoài phần nghe thơ, nghe chuyện, hơn một trăm thân-hữu thuộc giới yêu thơ còn được thưởng-thức

chương-trình ca-nhạc dân-tộc với các nghệ-sĩ thân-hữu như Nguyễn Công Hùng và các tài danh văn-ngệ Việt-nam tại Na-uy.

Thơ Nguyễn Hữu Nhật là thơ tù, tù cải-tạo. Cộng-sản chỉ có thể "cải-tạo" hình-hài của ông, không cải-tạo nổi thơ ông, dù *Bây giờ mới thấy hạt cơm, quý hơn cả đóa hoa thơm cài đầu* (trang 14). Tác-giả phát-biểu yêu tự-do một cách tuyệt-đối, mãnh-liệt. Trong khi Tố Hữu mơ-ước làm loài hoa mặt trời, luôn luôn ngưỡng-vọng về một hướng, thơ Nguyễn Hữu Nhật nói lên quan-niệm nhân-sinh tự tại, không câu-thúc: *Dù yêu tất cả loài hoa, Sao tôi vẫn ghét nếu là hướng dương, Mênh-mông trời đất vô thường, Lẽ đâu chỉ biết một phương mặt trời...* (trang 13).

Tác-giả đối-diện với bạo-lực, đập lên nỗi sợ-hãi và sự yếu hèn: *Sống hèn thì chết ngay đi! và Hèn mà sống được tới già, Mỗi sợi tóc bạc nhọc ba đời liền* (trang 98).

Để sống, và sống cho ra con người, trong hoàn-cảnh cực-đoan ấy, tác-giả vẫn tiếp-tục làm thơ, dù rằng *Chống tay thấy máu nở hoa, Một bài tử tuyệt đối ba năm tù* (trang 100).

Tác-giả năm nay 49 tuổi, dùng tên thật làm bút-hiệu (bút-hiệu khác: Động Đình Hồ), 11 năm tù cải-tạo, hiện sống cùng gia-đình tại Na-uy.

Tập *Thơ Nguyễn Hữu Nhật*, dày



Nguyễn Hữu Nhật

128 trang in đẹp, bìa và phụ-bản của tác-giả, giá bán 10 mỹ-kim (12 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

"PHẬN ĐÀN BÀ" RA MẮT ĐỘC GIẢ

Nhà văn Nguyễn Văn Ba đã cho trình làng cuốn *Phận đàn bà*, tác-phẩm chung của Bạch Mai-Nguyễn Văn Ba hôm 31.3 vừa qua tại nhà hàng South Vietnam của cộng dân-biểu Nguyễn Văn Tiệt, số 444 Spadina Ave., Toronto.

Buổi sinh-hoạt rất ấm-áp, qui-tụ khoảng 100 văn-nghệ-sĩ, thân-hữu và độc-giả. Nhân dịp này, tác-giả đã giới thiệu thêm các cuốn *Làm mai lành nợ gác cu cầm châu* (Nguyễn văn Ba) và *Tuyển tập các cây bút miền Nam* (nhiều tác-giả).

Góp mặt trên máy vi-âm (giới-thiệu sách, văn-nghệ bỏ túi), có các nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, Trà Lũ, các bạn thơ Phạm Kim Thư, Phương Nhật Nam, Song Hường, Phạm Đình Cường, Cung Vũ.

Văn giới tham-dự có các bạn thơ Lưu Nguyễn, Nguyễn Bá Đình, họa-sĩ Vi Vi, bạn ảnh Lê Quang Xuân, nhà báo Vũ Ngọc Hiến (từ Montréal) cùng các khuôn mặt văn-nghệ sống trong vùng Toronto như các họa-sĩ Nguyễn Nhật Tân, Phạm Thế Trung, Nguyễn Tăng; các nhà văn Đỗ Khánh Hoan, Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Trung Tâm, Nguyễn Việt; nhạc-sĩ Phan Ni Tấn.

Về kết-quả tài-chánh, tác-giả đã bán được và mang về Saskatchewan 1000 gia-kim tiền sách



Nguyễn Văn Ba

SÁCH ĐÃ IN XONG

Như đã loan-báo, *Làng Văn* đã in và phát-hành khắp nơi trong tháng các cuốn:

- *Vũ môn*, tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Tâm, một cây bút góp mặt thường-xuyên trên báo *Văn*, phó chủ-tịch TT Văn Bút Ontario.

Vũ môn gồm 11 truyện ngắn thời thế, có chiến-đấu-tính của Nguyễn Trung Tâm, dày trên 200 trang, in tuyệt đẹp, tranh bìa của Nguyễn Đồng, phụ-bản Nguyễn Nhật Tân, Cung Vũ trình-bày bìa và các trang, giá bán 10 mỹ-kim (12 gia-kim).

- *Con mưa đầu mùa*, tuyển tập truyện ngắn thứ hai của Diệu Tần (Nguyễn Tinh Vệ), một kịch-tác-gia kiêm họa-sĩ kỳ-cựu của miền Nam tự-do, hiện là giáo-sư giảng dạy tại trường Sinh-ngữ Quân-đội Hoa-kỳ tại Monterey, California.

Con mưa đầu mùa gồm 9 truyện ngắn thời-thế, xã-hội, dày trên 200 trang, tranh bìa và phụ-bản của Nguyễn Nhật Tân, Cung Vũ trình-bày, giá bán 10 mỹ kim hoặc 12 gia-kim (thay vì 15MK, 18GK như đã in nhằm trên trang quảng-cáo ở bìa sau mặt trong số này, *Làng Văn* ấn-bản quốc-tế).

- *15 Truyện ngắn giải văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1990*, gồm 15 tác-phẩm xuất-sắc, đoạt giải truyện ngắn trong năm vừa qua, của Ngọc Duy, Trương Sơn Lê Xuân Nhị, Đông Nghi, Trâm Lương, Tam Thanh, Đình Hiếu, Phùng Nhân, Võ Hoài Nam và Nguyễn Quốc Ngân.

Mặc dù hầu hết là tác-giả mới, nhưng đã có nhiều người thành danh tại hải-ngoại và sáng-tác của họ được văn-giới, độc-giả đánh giá cao. *Tuyển tập 15 truyện ngắn* gồm cả hình-ảnh, tiểu-sử, chữ ký của các tác-giả đoạt giải, xứng-đáng có mặt trong tủ sách của mọi gia-đình.

Sách dày 350 trang, phụ-bản Nguyễn Nhật Tân, bìa và các trang do Cung Vũ trình-bày, giá bán 13 mỹ-kim hoặc 16 gia-kim (thay vì

15 TRUYỆN NGẮN GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1990

NGỌC DUY . TRƯƠNG SƠN LÊ
XUÂN NHỊ . ĐÔNG NGHI . TRÂM
LƯƠNG . TAM THANH . ĐÌNH HIẾU
PHÙNG NHÂN . NGUYỄN QUỐC
NGÂN . VÕ HOÀI NAM

LÀNG VĂN 1991

10MK, 12GK như in đã nhằm trên quảng-cáo ở trang bìa trước mặt trong số này, ấn-bản quốc-tế), đã phát-hành khắp nơi.

Trong mùa hè này, *Làng Văn* cũng sẽ in các cuốn *Chuông đêm* (Ngô Nguyên Dũng), *Máu hận* (Nguyễn Trung Tâm), *Tiếng núi* (Ngô Nguyên Dũng), bộ *Thạch kiếm* (gồm 5 cuốn dày, của Tự Tĩnh), *Con đường tiến lên dân-chủ tự-do của dân-tộc Việt* (tham-luận chính-trị của Nguyễn Hữu Nghĩa).

Về sách tái-bản, tập nhạc thiếu-nhi *Em hát em vui* của Nguyễn Hữu Nghĩa và Phan Ni Tấn đã bán hết sạch trong ba năm, sẽ được in lại trong tháng này.

NGÀY TRUYỀN-THỐNG HỌC ĐƯỜNG TẠI TORONTO

Hội Phụ-huynh học-sinh VN, Hội Phụ-nữ, nhóm giáo-viên Việt-ngữ và khối nhân-viên người Việt tại sở Giáo-dục Toronto sẽ tổ-chức chung *Ngày truyền-thống học-đường* lúc 2 giờ chiều thứ bảy 25.5 sắp tới tại Central Technical School, 725 Bathurst St. (góc Harbord), Toronto.

Chương-trình gồm có tuyên dương, phát thưởng các em học-sinh VN xuất-sắc, văn-nghệ dân-tộc và đồ vui để học. Kính mời đồng-bào tham-dự đông-đáo, vào cửa tự-do.

Ngòai Ngõ



GIỎ TỔ TẠI TORONTO

Hội-đồng đại-diện người Việt quốc-gia vùng Toronto và phụ-cận tổ-chức giỗ tổ Hùng-vương lúc 12 giờ trưa ngày 20.4 tại hội-trường Trung-tâm Regent Park, 203 Sackville Green, Toronto.

Buổi lễ qui-tụ khoảng 300 đồng-bào và quan-khách, chương-trình gồm có tế tổ theo nghi-thức cổ-truyền do Hội Cao-niên và Hội Quốc Tổ đảm-trách, với phần văn-nghệ dân-tộc của Hội Thi Ca Kịch Nhạc và phần thụ lộc tổ, do sự góp sức của các đoàn-thể quốc-gia trong Hội-đồng.

TỔNG HỘI CỰU QUÂN NHÂN QUÂN-LỰC VNCH TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

Tổng Hội Cựu Quân-Nhân Quân-Lực VNCH đã bầu xong ban chấp-hành nhiệm-khoá 1991-1993, thành-phần như sau:

- Chủ-tịch: Ông Đào Ngọc Thọ
- Tổng Thư-ký: Ông Trần Nhã Nguyên

Phó Tổng Thư-ký kiêm Thủ-quỹ: Ông Trương Đình Phước.

Ngoài ra còn có một số ủy-viên các ngành.

Địa-chỉ liên-lạc của Tổng Hội đặt tại:

Tổng Hội CQN/QLVNCH
5405 Av. De Carignan
Montréal, PQ H1M 2H6
Canada

Điện-thoại: (514) 255-3777 và (514) 288-1424.

TỔNG HỘI CỰU TÙ NHÂN CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI

Tổng Hội Cựu Tù-Nhân Chính-Trị CSVN sẽ tổ-chức đại-hội vào dịp Quốc-khánh Hoa-kỳ, 4.7 sắp tới tại Houston, Texas.

Đại-hội kéo dài trong hai ngày 5 và 6 tại Fu-Kim tửu lâu, số 2615 Fannin, Houston. Nhân dịp này, Tổng Hội sẽ tổng-kết tình-hình hoạt-động trong năm và soạn-thảo các dự-án mới.

Lệ-phí tham-dự: 40 mỹ-kim. Mỗi khu-hội cử 5 đại-biểu chính-thức và 2 dự khuyết; các ban đại-diện và thành-hội cử 2 đại-biểu chính-thức và 1 dự khuyết. Danh-sách đại-biểu gửi về văn-phòng Tổng Hội trước ngày 31.5.91 để tiện sắp-xếp. Địa-chỉ: P.O. Box 38485, Houston, Texas 77238-8485, USA.

Được biết, Tổng Hội Cựu Tù-Nhân Chính-Trị CSVN được chính-thức thành-lập từ 1989, do nhạc-sĩ Hưng Ca Huỳnh Công Ánh làm chủ-tịch, hiện có 10 khu-hội, 1 thành hội và 4 ban đại diện.

GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG TẠI MISSISSAUGA

Hội Quốc-tổ Hùng-vương và Cộng-đồng Việt-nam Mississauga tổ-chức giỗ tổ lúc 2 giờ chiều ngày 21.4 tại Erindale Community Centre, 1620 Dundas St. West, Mississauga (Ontario, Gia-nã-đại). Chương-trình gồm có tế tổ theo nghi-thức cổ-truyền, văn-nghệ về nguồn và thụ lộc tổ.

NGÂN-HÀNG VIỆT-NAM TẠI PARIS, PHÁP-QUỐC

Ngân-hàng đầu-tiên của cộng-đồng người Việt tại hải-ngoại đã được khai-trương tại Pháp, đó là *Banque Sofinco*, nằm trong Trung-tâm thương-mại Galaxie, số 30 avenue d'Italie, quận 13 Paris, điện-thoại: 45-88-90-09.

Ngân-hàng này do một nhóm chuyên-gia Việt-nam được Ủy Ban Quốc-tế Trần Văn Bá nâng-đỡ tinh-thần, và hệ-thống ngân-hàng Pháp hậu-thuần. Toàn bộ ban

giám đốc và nhân viên ngân hàng *Sofinco* là người Việt, tiếp-xúc khách-hàng bằng hai thứ tiếng Việt, Pháp. Nhà băng nhận ký-thác và tín-dụng với lãi-suất hợp-lý nhằm bảo-vệ tối-đa quyền-lợi của khách hàng. *Sofinco* nhận cổ-vấn, giúp-đỡ đồng-bào về mọi vấn-đề thuộc phạm-vi hành-chánh tài-chánh.

BỮA CƠM HẠNH-NGỘ CỰU TÙ CHÍNH TRỊ VN DƯỚI CHẾ ĐỘ CS

Nguyệt-san *Thời mới* đã tổ-chức bữa cơm hạnh-ngộ họp mặt 150 anh em cựu tù-nhân chính-trị dưới chế-độ CSVN và quan-khách, hôm 30.3 vừa qua tại Nhà hàng Hải Tiên, Philadelphia (Hoa kỳ).

Trang-trí cho hậu cảnh của buổi họp mặt, ban tổ-chức đã dựng cây *trăm hoa vẫn nở trên quê-hương*, trang-trí toàn bằng hoa kết bằng sọ người, và lá là những lông xương.

Nhắc lại, *trăm hoa vẫn nở trên quê-hương* là nhan-đề một cuốn sách ca-tụng phong-trào văn-nghệ phản-kháng giả hiệu do Nguyễn Văn Linh thổi phồng lên để tuyên-truyền dân-chủ. Nhan-đề đề đó đã được dùng lại, chú-thích dưới bức biếm-họa *cây mùa xuân* của họa-sĩ Mít (San Jose), vẽ một cái cây mọc toàn những xương và sọ, để nói lên thực-cảnh Việt-nam, trình-bày mặt trái những lời tuyên-truyền hoa-mỹ của chế-độ. Bức biếm-họa này đã được nguyệt-san *Thời mới* dựng thành hậu cảnh, cao đến 4 mét, dùng làm nền cho buổi sinh-hoạt nêu trên.

Sau bữa cơm là phần hội-luận chính-trị, nhận-định tình-hình đất nước, với các bài phát-biểu của ông Lê Thành Quang (ban tổ-chức), đại-tá Lưu Cầu, trung-tá Nguyễn Phán (TĐ 8 TQLC), cụ Phạm Công Thuyết và các ông Lê Phú Nhuận, Trần Danh San,...

Bữa cơm và buổi sinh-hoạt đã hâm nóng không-khí sinh-hoạt cộng-đồng trong vùng, gây không-khí tích cực trong công tác đấu tranh cho tự-do dân-chủ Việt-nam.

HỌC BỔNG CHO SINH-VIÊN VIỆT-NAM

Ủy Ban Quốc-Tế Trần Văn Bá tại Paris loan báo, vào cuối tháng 4.1991, nhằm mục-đích khuyến học, Ủy Ban tổ-chức trao tặng học bổng cho một sinh-viên trong cộng-đồng Việt-nam. Học bổng này khoảng 30.000 quan trở lên.

Quý vị mạnh thường quân muốn đóng góp vào quỹ học bổng, hoặc các học-sinh nghèo muốn dự tuyển để nhận học bổng, hãy liên-lạc:

Comité International Trần Văn Bá

11 rue Poncelet
75017 Paris, France
ĐT: 47-40-84-50

Ngoài văn-phòng Ủy Ban Quốc-Tế Trần Văn Bá, có thể hỏi lấy hồ-sơ học bổng tại:

Banque Sofinco
Centre Comercial Galaxie
30 avenue d'Italie, Paris 13è

3 LAO CÔNG VIỆT NAM TẠI BẢO-GIA-LỢI BỊ BẮN

Sau khi cách-mạng dân-chủ thành-công, chính-phủ Bảo-gia-lợi đã cho đuổi việc 11.000 nhân-công Việt-nam. CSVN nại có chưa mãn giao-kèo, không chịu nhận lại 11.000 đồng-bào này; trong khi đó Bảo-gia-lợi không giao việc, phát lương hay trợ-cấp nhân-đạo gì cả khiến các nạn-nhân hết sức khốn-đốn.

Tình-trạng này đã kéo dài gần nửa năm, và tòa đại-sứ VC tại Sofia ù-lì, không can-thiệp giúp-đỡ gì cả, khiến đồng-bào phải tự xoay-sở lấy để tìm cách sống còn. Một số lớn xoay ra làm nghề lao-động hạ-tiện chỉ để đổi lấy bánh mì cầm hơi. Một số thanh-niên đi lái tắc-xi độ nhựt, và tai-họa đã xảy ra.

Vì quyền-lợi bị sút mẻ, các tài-xế tắc-xi Bảo-gia-lợi đã họp nhau lại tìm cách chèn-ép, gây sự với tài-xế tắc-xi người Việt. Ngày 19.3, hai nhóm tài-xế đụng-độ tại Sofia. Đám đánh nhau to đến nỗi nhà cầm quyền Bảo-gia-lợi phải điều-động cảnh-sát dã-chiến và lực-lượng

chống khủng-bố tới dẹp.

Thay vì dàn-xếp một cách công-bằng, lực-lượng cảnh-sát của Bảo-gia-lợi đã bắn xối-xả vào nhóm tài-xế Việt-nam khiến 3 người chết thảm tại chỗ và hàng chục người khác bị thương.

Trước tình-trạng thảm-sát dã-man này, tòa đại-sứ CSVN tại Bảo-gia-lợi giữ thái-độ bàng-quan khó hiểu, khiến hàng ngàn đồng-bào lao-công đã phẫn-nộ biểu-tình phản-đối trước tòa đại-sứ, rồi mang các tử-thi kéo đến trụ-sở Quốc-hội Bảo-gia-lợi để yêu-cầu trả lời về hành-động tàn-sát nói trên.

Đoàn biểu-tình đã bị khoảng 500 cảnh-sát dã-chiến và lực-lượng chống khủng-bố ngăn chặn trên đường đi, buộc phải giải-tán nếu không họ sẽ nổ súng. Đoàn biểu-tình sau đó đã tan rã từ từ.

Ngay buổi tối hôm đó, chính-phủ Bảo-gia-lợi đã ra lệnh càn-quét các cư-xá của người Việt. Cảnh-sát báo-cáo rằng, lao-công Việt-nam đã núp trong các cửa sổ bắn ra, và dùng dao và gậy-gộc tấn-công họ. Bản báo-cáo nói rằng, cảnh-sát đã bắn 10 người Việt bị thương và bắt đi 28 người khác trong vụ càn quét.

Hôm sau, chính-phủ Bảo ra thông-cáo cho biết sẽ trả 4.500 lao-công Việt-nam về nước ngay tức-khắc, bất-chấp Hà-nội có chấp-

thuận hay không. Số còn lại, 7.000 người cũng sẽ được trả về Việt-nam trong một thời-gian ngắn.

NGÀY ĐẤU-TRANH CHO DÂN CHỦ TỰ DO VN

Để đánh dấu 16 ngày CSVN xâm chiếm miền Nam, đồng-bào tị-nạn Việt-nam tại Stuttgart tổ-chức *Ngày đấu-tranh cho dân-chủ và tự-do tại Việt-nam* hôm 27.4, kéo dài từ 9 giờ sáng tới 5 giờ chiều tại Trung-tâm thành-phố Stuttgart, Đức-quốc.

ĐÀI BBC TUYỂN NHÂN-VIÊN VIỆT-NAM

Ban Việt-ngữ đài BBC Luân-đôn tuyển thêm một số nhân-viên Việt-nam, điều-kiện:

- giọng nói tốt,
- dịch nhanh và chính-xác Anh-Việt,
- có kiến-thức chính-trị, thời-sự,
- có kinh-nghiệm về báo-chí, phát-thanh càng tốt, đài sẽ huấn-luyện kỹ-thuật.

Lương khởi sự khoảng 33.200 mỹ-kim một năm.

Liên-lạc lấy mẫu đơn:

Recruitment Office

BBC World Service

Bush House, Strand

London WC2B 4PH

England

Xin ghi "Reference: 7187."

THÔNG-BÁO VỀ "VĂN XÃ"

Để đáp ứng sự mong-mỏi và yêu-cầu của quý độc-giả và thân-hữu, tạp-chí Văn Xã đang nghiên-cứu sắp-xếp lại phần biên-tập để có thể tục-bản trong mùa thu và đông 1991 sắp tới, với hai chủ-đề:

VŨ HOÀNG CHUƠNG THI-SĨ VIỆT-NAM

và

CA-DAO, TỤC-NGŨ VIỆT-NAM

tin tị-nạn



VẤN ĐỀ GỬI THUYỀN NHÂN SANG KUWAIT

Dân-biểu Robert Donnan thuộc tiểu-bang California đã đệ-trình lên Tổng-thống George Bush (Hoa-kỳ) và trao tận tay Quốc-vương Sheik Jabir al-Ahmad al-Sabah (Kuwait) bản dự-thảo kế-hoạch gửi thuyền-nhân Việt-nam sang định-cư tại Kuwait, giúp hàn gắn vết thương của cuộc chiến vừa qua.

Ông Donnan đang vận-động chữ ký của các bạn đồng-viện ủng-hộ giải-pháp của ông. Văn-phòng của dân-biểu Donnan cho biết, TT Bush không bác bỏ đề-nghị này, và yêu-cầu ông Donnan nghiên-cứu kỹ hơn và chi-tiết-hóa bản kế-hoạch.

Tòa đại-sứ Kuwait tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn cũng đang nghiên-cứu bản dự-thảo của dân-biểu Donnan.

Dân-biểu Robert Donnan sau đó cũng đã tiếp-xúc ông James Baker, Ngoại-trưởng Hoa-kỳ xin chính-phủ dùng ảnh-hưởng của mình, thúc-đẩy Kuwait tiến hành kế-hoạch định cư này. Ông nói với Ngoại trưởng Baker: "Tôi rất tha thiết với vấn đề này, và mong hoàn tất công tác". Với quốc vương Kuwait, ông nói: "Người tị nạn Việt Nam cần một quốc gia, và quốc gia Kuwait thì cần người".

Ông xác định, công nhân Việt nam cần-cù, nhẩn-nại, sẽ là những công-dân gương mẫu, và nếu Kuwait không muốn nhận họ là công-nhân, thì hãy cứ thuê họ như từng thuê hàng triệu nhân-công ngoại-quốc trước đây.

"Vấn-đề dị-biệt tôn-giáo, văn-hóa không quan-trọng," ông Donnan nhấn mạnh, "cái khó là về mặt công-pháp quốc-tế." Dân-biểu Donnan phân-tích, một khi người tị-nạn ra khỏi các trại tị-nạn, các nước tại Á-châu sẽ không nhận cho họ trở về, sau khi những "công-nhân" này đã mẫn giao-kèo với Kuwait. Tuy-nhiên, ông Donnan tỏ ra lạc-quan: "Việc tái-thiết Kuwait không phải làm trong một vài năm mà xong. Năm năm, bảy năm nữa, tình hình thay đổi, biết đâu họ lại vui-vẻ trở về Việt-nam thì sao?"

LM OLIVIER MORIN RỜI THÁI-LAN

Linh-mục Olivier Morin, người cha tinh-thần, và là ân-nhân che-chở cho người tị-nạn Việt-nam tại Thái-lan đã nhận lệnh Tòa thánh La-mã, lên đường chuyển công-tác sang Ivory Coast, Phi-châu.

Linh-mục Morin đã làm việc tại Thái-lan được hơn 5 năm, và đã hết lòng thương-yêu, đùm bọc tinh-thần người Việt.

Vì bị chuyển công-tác bất ngờ sau khi rời Thái-lan, không kịp chào từ-giã người tị-nạn, Linh-mục Morin nhờ tòa-soạn *Làng Văn* chuyển lời thăm hỏi và chúc phúc cho toàn-thể mọi người tại các trại.

Hiện Linh-mục chưa có địa-chỉ mới tại Phi-châu, chỉ biết là sẽ làm việc tại biên-giới Liberia.

TỊ-NẠN TUYỆT-THỰC TẠI SIKIU, THÁI-LAN

Gần 400 đồng-bào tị-nạn Việt-nam đã tuyệt-thực tập-thể tại trại Sikiu, Thái-lan, kể từ hôm 11.3 vừa qua để phản-đối chính-sách cưỡng-bách người tị-nạn hồi hương mà Liên hiệp quốc đang theo đuổi.

ÚC NHẬN THÊM 35 THUYỀN NHÂN TẠI MÃ-LAI

Chính-phủ Úc loan-báo hôm 1.4, thêm 35 thuyền-nhân tị-nạn tại Mã-lai đã được đón sang Sydney, nâng

tổng-số thuyền-nhân riêng từ Mã-lai sang Úc lên tới 47.000 người, kể từ 1975 tới nay.

THUYỀN-NHÂN TIẾP TỤC TỚI HƯƠNG-CẢNG

Nhà cầm quyền Hương-cảng tiên-đoán, số người Việt tầm-trú đồn tới lãnh-địa này trong năm nay sẽ nhiều gấp đôi năm ngoái.

Trong ba tháng đầu năm 1991, tất cả có 1.240 thuyền-nhân VN cập bến Hương-cảng, trong khi ba tháng đầu năm ngoái chỉ có 636 người. Con số 1.240 này cao nhất trong bản thống-kê 10 năm nay. Hương-cảng dự kiến 13.000 người nữa sẽ tới trong mùa thuận gió sắp tới.

Trong khi đó, trong ba tháng đầu năm 1991, chỉ có 628 người tình-nguyện hồi hương, kém xa định mức do Anh-quốc mong muốn, là 1.000 người mỗi tháng.

TẠP CHÍ "TỰ DO"

Mặc dù hoàn-cảnh thiếu-thốn, khó-khăn, nhờ sự tận tình giúp-đỡ của cơ-quan thiện-nguyện *Garden Streams*, đồng-bào tại trại tù tị-nạn Bạch đầu (Whitehead, Shatin) ở Hương-cảng đã phát-hành được 7 số báo *Tự-do* bằng kỹ-thuật



SỐ ĐẶC BIỆT
MỪNG XUÂN TÂN MÙI.1991

roneofax.

Chủ-bút tờ báo là Trịnh Độ, ban biên-tập gồm: Nguyễn Ngọc Sao, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Phạm Mười, Trương Đình Trung, Đào Quang Lượng và Lê Huỳnh.

Tờ báo có lập-trường chống Cộng, chuyên-chở nhiều tin-tức, bài vở, nhận-định thời-sự, chính-trị, phân-tích vấn-đề thuyền-nhân một cách mạch-lạc; và ngoài ra, còn có phần biên-khảo, sáng-tác khá phong-phú.

Báo bị cấm mang hoặc gửi ra khỏi trại, và số phát-hành bị hạn-chế, đồng-bào phải chuyển tay nhau, nhiều người cùng đọc một tờ.

HỘI LUẬT GIA HỘI LUẬT GIA HƯƠNG CẢNG: THUYỀN NHÂN BỊ GIAM TRÁI PHÉP

Theo tin từ *South China Morning Post* số ra ngày 21.3, Hội Luật-gia Hương-cảng tuyên-bố với Ủy ban Nhân-quyền Hoa-kỳ rằng 28.000 thuyền-nhân Việt-nam chờ thanh-lọc, đang bị chính-phủ Hương-cảng giam-giữ trái phép trong các trại tù tị-nạn, chiếu theo Hiệp-ước Quốc-tế về Dân-quyền

và quyền Chính-trị (*International Covenant on Civil and Political Rights*).

Hội Luật-gia Hương-cảng xác-định, ngay cả việc giam-giữ 15.000 thuyền-nhân đã thanh-lọc và xếp vào thành-phần di dân kinh-tế, cũng là hành-động phi-pháp.

Hội Luật-gia kết-luận, nhân-quyền người tị-nạn Việt-nam đã bị xâm-phạm, và cả hệ-thống chính-quyền Hương-cảng đã vi-phạm Hiệp-ước một cách trầm-trọng.

HƯƠNG-CẢNG DỤ HOẶC THUYỀN-NHÂN VIỆT-NAM

Tờ *South China Morning Post* số ra ngày 28.3 loan tin, chính-phủ Hương-cảng đã thuyết-phục nhóm 8 thuyền-nhân đang kiện chính-phủ, rằng họ sẽ được sàng-lọc lại để có thể trở thành người tị-nạn nếu 8 người này chịu rút đơn truy-tố.

Nhóm 8 người này đã đồng ý thôi kiện, và chính-phủ Hương-cảng hứa sẽ tái thẩm-vấn trong vòng ba tháng. Mỗi nguyên-đơn sẽ được hai nhân-viên Ủy ban Tái xét phỏng-vấn và phân-loại lần chót. Về án-phí, mỗi bên tự trả lấy. Chính-phủ trả bằng quỹ của Cục Pháp-lý; thuyền-nhân nguyên-đơn

được Cục Trợ-pháp (Legal Aid) trả thay, tổng-số án-phí của hai bên vào khoảng 200.000 mỹ-kim (*Trần Thìn, Hương-cảng*).

QUỸ GÓP TEM GỬI SÁCH BÁO SANG CÁC TRẠI TỊ NẠN

Làng Văn cầu cứu, quỹ góp tem gửi sách báo cho đồng-bào tị-nạn bị thiếu-hụt trăm-trọng, khả-năng đóng-góp của tòa-soạn chỉ thỏa-mãn được một phần nhỏ nhu-cầu, kính mong quý hội đoàn, thân hữu và độc giả tích cực giúp đỡ thường xuyên, xin đa tạ.

QUỸ GÓP TEM THÁNG 4.1991

Ô. Kinh-Tân 20 gia-kim
Ô. Võ Thanh Long, HK 100GK
Cô Thái Trinh Thảo, BC 35GK
Cụ Mai Quý Lịch, Ont. 20GK
Ô. Lê Thanh Nam, Winnipeg ... 50GK
D.N. Trần, Vancouver 30GK
N.Đ.T. 20GK
Thái Bích Mai, Toronto 50GK
Ô.B. Nguyễn Thanh Sơn, AB.... 23GK
Một bạn không ký tên 20 GK
Ô. Hồ Bửu Khanh, OH 10MK
Bà Phan Việt, OK 25MK

Tổng số độc-giả và thân hữu góp sức trong tháng 4.1991:

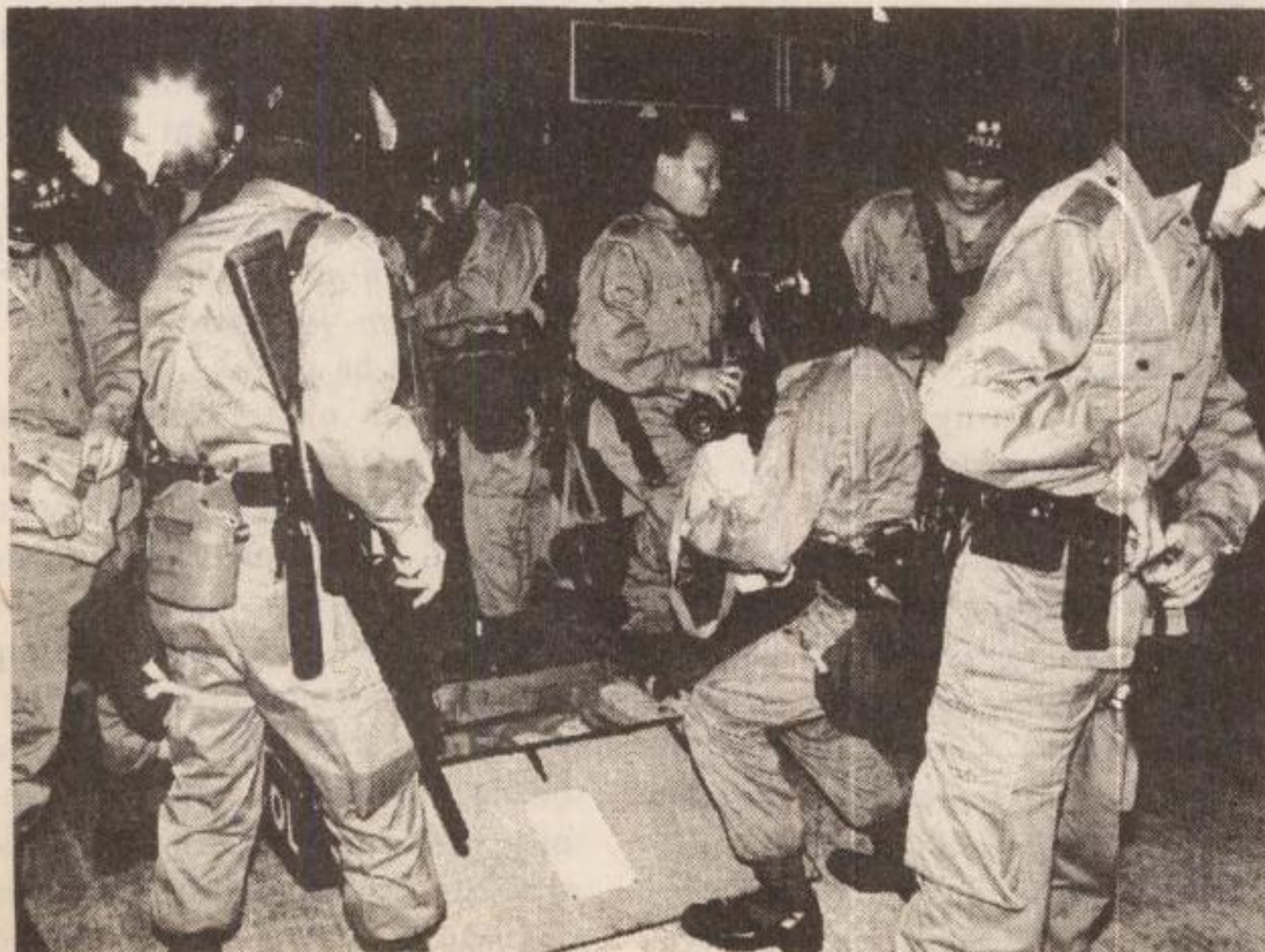
358 gia-kim
và 35 mỹ-kim

Thay mặt đồng-bào còn kẹt tại các trại, Làng Văn trang-trọng cảm tạ quý vị và các bạn.

ĐỒNG BÀO TỊ NẠN TẠI HƯƠNG CẢNG CHÚ Ý !

Tất cả các đồng-bào bị từ-chối tình-trạng tị-nạn, hãy viết thư cho Cục Pháp-trợ Hương-cảng để xin giúp-đỡ:

Mrs. Pamela Baker
Legal Aid Department
3rd Floor
Kelly Comercial Centre
570 Nathan Road
Kowloon.



Cảnh-sát Hương-cảng chuẩn-bị lựu-đạn cay để tấn-công thuyền-nhân VN

trên trong đảng đàn

Văn hóa Văn nghệ

phục vụ
chủ nghĩa
thực dân mới Mỹ
tại

NAM VIỆT NAM
1954 - 1975

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN - NHÀ XUẤT BẢN LONG AN
1990

Cộng-Sản Việt-Nam Không Hề Thay Đổi Cách Nhìn Về Sinh-Hoạt Văn-Nghệ vùng Tự-Do

Nguyễn Hữu Nghĩa

Trong giai-đoạn tuyên-bố cởi mở, đổi mới, Hà-nội cố-gắng tạo cho người Việt vùng tự-do có ảo-tưởng rằng đảng Cộng-sản có hảo ý muốn dung-hợp quan-điểm chính-trị trong sinh-hoạt văn-nghệ giữa hai miền. Thực-tế không phải như vậy. Cái ảo-tưởng hòa-hợp ấy, nếu có, là do óc tưởng-tượng phong-phú và sự nhẹ dạ của một vài người chưa có kinh-nghiệm, hoặc có *kinh* nhưng không *nghiệm* được gì trong thời-gian sống chung với cộng-sản.

Trong năm 1990, Hà-nội đã đưa ra nhiều sách báo, tài-liệu xác-định quan-điểm của họ về sinh-hoạt văn-nghệ vùng tự-do. Trên *Làng Văn* số 76 (tháng 12.1990) chúng tôi đã phân-tích và nhận-định cuốn *Thơ văn người Việt-nam ở nước ngoài*, do CSVN xuất-bản trong tháng 10.1990 trước đó với dụng ý mô-tả sinh-hoạt văn-nghệ của người Việt tị-nạn như một mớ hỗn-mang, lầy-lụa, mất hướng và mất gốc.

Cùng lúc với việc bôi nhọ văn-học lưu-vong, CSVN cho in cuốn *Văn-hóa văn-nghệ phục-vụ chủ-nghĩa thực-dân mới Mỹ tại Nam Việt-nam 1954-1975*, nhằm tô đen

toàn bộ công-trình văn-học vùng tự-do. Điều đáng lưu ý, là cả hai cuốn sách này, cùng một loạt nhiều bài viết khác, ra đời *sau khi* Hà nội tuyên-bố đổi mới và hòa-hợp hòa-giải, khiến chúng ta phải căn-cứ vào đó, xét lại toàn bộ những điều cộng-sản nói và làm trong thời-gian gần đây...

Sách do nhà xuất-bản Thông-tin ấn-hành, dày 856 trang, bìa cứng, giấy tốt, giá bán 12.000 đồng tiền Hồ (1/3 lương tháng giáo-viên trung-bình). Cán-bộ biên-tập là Trần Trọng Đăng Đàn, được giới-thiệu là tiến-sĩ khoa-học ngữ văn, nhà nghiên-cứu, lý-luận phê-bình văn-hóa, văn-nghệ của Đảng. Trong "lời giới-thiệu" in ở đầu sách, bộ Thông-tin Hà-nội nhấn mạnh (in chữ đậm) rằng: "*Mỗi thư-viện, mỗi trường học, mỗi cơ-quan thuộc các ngành văn-hóa, văn-nghệ, giáo-dục, mỗi cửa hàng buôn bán sách và văn-hóa-phẩm, mỗi gia-đình, mỗi người quan-tâm đến đời sống văn-hóa, văn-nghệ,...* nếu có tập sách này sẽ dễ-dàng hơn trong việc biết được thư-viện mình, cơ-quan mình, tủ sách gia-đình

mình có những sách gì là tốt, sách gì là xấu, sách nào bị cấm, sách nào được lưu-hành, sách nào, văn-hóa phẩm nào từ thời Mỹ-ngụy còn lại cần được sử-dụng theo phương hướng nào."

Chi-tiết quan-trọng này xác-định giá-trị "chính-thức" của cuốn sách. Đó là một tài-liệu gốc, một tập văn-kiện có tính-cách hướng-dẫn của đảng và nhà nước về vấn-đề giao-tiếp, đánh giá sinh-hoạt văn-nghệ miền Nam.

Về hình-thức, *Văn-hóa văn-nghệ phục-vụ chủ-nghĩa thực-dân mới Mỹ tại Nam Việt-nam 1954-1975* chia ra làm ba phần.

Phần thứ nhất: *Phương-pháp tiếp-cận, hoàn-cảnh lịch sử xã-hội, con người*, tác-giả đặt tiêu-chuẩn phê-bình, xác-định văn-chương vùng tự-do là sản-phẩm văn-học thực-dân mới. Trong cái khung này, phần đầu của cuốn sách trình-bày hoàn-cảnh lịch-sử, xã-hội và những chính-sách, đường lối, âm-mưu, thủ-đoạn về văn-hóa, văn-nghệ của "Mỹ-ngụy", điểm mặt các hoạt-động văn-hóa, văn-nghệ "phục-vụ chủ-nghĩa thực-dân mới

Mỹ tại Việt-nam.”

Phần thứ hai: *Văn-hóa văn-nghệ thực-dân mới nhìn qua bộ-phận chủ-yếu: văn-học*. Phần này được coi như một bản cáo-trạng chung cho toàn bộ sinh-hoạt văn-nghệ miền Nam từ 1954 tới 1975. Tác-giả chứng-minh rằng văn-học vùng tự-do “nhằm đồi-trụy-hóa con người” và “phục-vụ xã-hội tiêu-thụ miền Nam.”

Phần thứ ba: phụ-lục. Phần này có giá-trị tài-liệu, bao gồm các văn-bản của nhà nước CSVN, là những bằng-chứng hiển-nhiên về chủ-trương vui dập công-trình 21 năm của nền văn-học nhân-bản của vùng tự-do. Trong phần này, cuốn sách in lại công-văn của CSVN cấm lưu-hành sách báo “có nội-dung xấu xuất-bản tại miền Nam dưới thời Mỹ-ngụy”, gồm danh-mục sách bị cấm lưu-hành, các cơ-sở xuất-bản bị cấm toàn bộ, các tác-giả dịch-giả bị cấm toàn bộ, cùng các sách Việt, Anh, Pháp được tạm lưu-hành.

Đi vào nhận-định về văn-học vùng tự-do, gọi chung là “văn-học phục-vụ chính-trị phản-động”, “là khuynh-hướng gần-bó trực-tiếp nhất và chặt-chẽ nhất với những âm-mưu chiến-thuật và chiến-lược của đế-quốc Mỹ và tay sai; là mũi xung-kích trong cuộc chiến-tranh tâm-lý chống lại nhân-dân ta,” tác-giả cho rằng xã-hội miền Nam đã bị “nhiễm-độc về tư-tưởng” từ các nước tư-bản tràn vào, đã dùng văn-học để xuyên-tạc cách-mạng, chống-phá cộng-sản. Cuốn sách đề-cập loạt truyện của Võ Phiến viết từ 1960-1961 trở về trước, dựng lên cảnh hoạt-động ở núi rừng và ở nông-thôn của cán-bộ cộng-sản (*Mưa đêm cuối năm*), cảnh đấu-tổ cải-cách ruộng đất (*Anh em, Băn khoăn*), cảnh tiếp-xúc giữa bộ-đội CS và dân-chúng (*Đêm Xuân trắng sáng*), v.v. tố-cáo ông Võ đã “gieo rắc sự giao-động, nghi-ngờ về lý-tưởng cách-mạng, về mục-đích đấu-tranh.”

Tác-giả cuốn sách cũng lên án “xuyên-tạc” cho nhiều người:

Nguyễn Mạnh Côn “xuyên-tạc chủ-nghĩa cộng-sản, chủ-nghĩa xã-hội trắng trợn nhất, thâm-độc nhất” (1) (dẫn cuốn *Truyện ba người lính nhảy dù lâm nạn*), Mai Thảo “xuyên-tạc” khung-cảnh Hà-nội (dẫn *Căn nhà vùng nước mặn, Giã từ Hà-nội*), Dương Nghiễm Mậu “xuyên-tạc” đấu-tranh giai-cấp (dẫn *Tuổi nước độc*), Doãn Quốc Sỹ “xuyên-tạc” phương cách làm cách-mạng của cộng-sản (dẫn *Hồ Thủy-dương, Đoàn quân xung-phong, Trăng sao, Tiếng hú tâm linh*).

CSVN còn tỏ ra cay cú với Chu Tử, Duyên Anh, Xuân Vũ, Kim Nhật, Lý Đại Nguyên, Phan Nhật Nam, Tú Kếu,...

Về mặt xã-hội, cán-bộ phê-bình Trần Trọng Đăng Đàn kết án văn-nghệ vùng tự-do, ngoài việc phục-vụ cho chính-trị “phản-động”, đã làm đồi-trụy-hóa con người. CSVN dẫn tác-phẩm *Những sợi sắc không* của Túy Hồng, xếp tác-giả này vào loại “dâm-ô, kích-thích nhục-dục, khiêu dâm, dâm-đăng” (2). Một số các nhà văn khác như Lê Hằng (*Chiều gió, Tóc mây*), Nguyễn Thị Thụy Vũ (*Mèo đêm*), Trùng Dương (*Mưa không ướt đất*), Nhã Ca (*Đêm dậy thì*), Nguyễn Thị Hoàng (*Vòng tay học trò*) cũng bị kết án “đồi-trụy, vô-luân, bị ảnh-hưởng của Freud.” (3)

Cộng-sản cũng không quên cột chung loại thương-phẩm văn-nghệ có tính-cách giải-trí như tiểu-thuyết xã-hội của Bút Trà, Nghiễm Lê Quân, chương Cổ Long, Độc Cô Hồng, chuyện tình suýt-mướt Quỳnh Dao, La Lan vào dòng văn-học vùng tự-do để hạ giá toàn bộ xuống đất đen, gọi là “văn-chương phục-vụ xã-hội tiêu-thụ.”

Để kết-luận, cuốn *Văn-hóa văn-nghệ phục-vụ chủ-nghĩa thực-dân mới Mỹ tại Nam Việt-nam 1954-1975* khẳng-định rằng tác-phẩm văn-học nghệ-thuật vùng tự-do “do chủ-nghĩa thực-dân mới Mỹ tạo ra” đã “phản lại phương hướng giáo-dục lành mạnh đối với con người.”

Tác-giả nhấn mạnh, qua thứ văn-chương ấy, “người thưởng-thức sẽ bị gọi lên những suy-nghĩ độc-ác, thấp-hèn”, “khuyến-kích nếp sống suy-đốn, đồi-bại.”

Điểm qua nội-dung tập sách, so sánh với những bài diễn-văn hoa-mỹ của Nguyễn Văn Linh, chúng ta đã hiểu rõ thực-sự cộng-sản nghĩ gì, muốn gì và định làm gì trên con đường văn-nghệ hiện tại. Những lời tuyên-bố ngọt-ngào chưa kịp tan-loãng ngay trong không-khí, những bài báo, những công-văn mời-mọc, dụ-hoặc chưa kịp ráo mực, nay chỉ trong một một sớm một chiều, cộng-sản Hà-nội xóa đi viết lại, in thành một tập sách dày cộp làm khuôn vàng thước ngọc cho các cơ-sở địa-phương. Những lời-lẽ kết án phũ-phàng, những giọng điệu cừu hận từ thời 1975 được nhắc đi nhắc lại, trải ra đầy giấy. Quan-trọng nhất là những lệnh cấm sách đăng đầy-đủ trong phần phụ-lục đã được ban-hành từ cuối năm 1975, cho tới nay chưa hề bị rút lại, xóa bỏ hay thay-thế bằng các văn-bản mới. Tất cả những điều đó chứng-tỏ CSVN vẫn theo đuổi một chính-sách duy-nhất về văn-hóa văn-nghệ, mặc dù trong một giai-đoạn nào đó, vì nhu-cầu vận-dụng, tuyên-truyền, CSVN có giải-thích chệch đi, nói trớ đi.

Trong lúc mạng lưới trí-vận của Đảng tại hải-ngoại hô-hào “giao-lưu văn-hóa”, cộng-sản trong nước vẫn tìm cách lũng diệt tàn tích văn-nghệ vùng tự-do. Khi đề-cập các tác-phẩm ấn-hành tại miền Nam trước 1975, tác-giả than-phiền: “nó vẫn được lên-lút lưu-hành trên đường phố, trên vỉa hè, trên các sạp sách, trong nhiều tủ sách gia-đình”, “tiềm nhiễm nọc độc vào công-chúng, tạo nếp suy nghĩ sai trái, không lành mạnh, ngăn trở nghiêm-trọng việc tiếp thu văn-hóa, nghệ-thuật cách-mạng.” CSVN vẫn khẳng-định, việc “tẩy rửa” các thứ “thấp-kém” đó là việc làm “hết sức cần-thiết.” (4)

Cuốn *Văn-hóa văn-nghệ phục-*

vụ chủ-nghĩa thực-dân mới Mỹ tại Nam Việt-nam 1954-1975 do cán-bộ phê-bình của Đảng viết, được bộ Thông-tin giới-thiệu và xuất-bản, tất-nhiên phản-ảnh trung-thực suy-nghĩ và hành-động của Đảng và Nhà nước về vấn-đề “giao-lưu văn-hóa.” Họ có muốn giao-lưu thực-sự hay không, giao-lưu như thế nào, ở cấp-độ nào, trong bao lâu, toàn bộ nội-dung cuốn sách này là câu trả lời rõ-ràng và đầy đủ nhất.

“Giao-lưu”, đối với cộng-sản, cũng giống như “hòa-hợp, hòa-giải”, chỉ có một chiều. Giao-lưu tư-tưởng với cộng-sản chỉ có nghĩa là ngoan-ngoãn mở óc ra đón nhận tư-tưởng cộng-sản. Trao đổi quan-điểm với cộng-sản có nghĩa là cúi đầu nghe theo cộng-sản. Hòa-hợp với cộng-sản nghĩa là xuôi tay chờ đợi sự “khoan-hồng nhân-đạo” của cộng-sản. Người làm văn-hóa văn-nghệ trong vùng tự-do được coi như những đứa trẻ con hư-hỏng, nhờ “lớn lên theo đà lớn của cách-mạng, “góp phần xây-dựng và bảo-vệ đất xã-hội chủ-nghĩa” mà được chấp-nhận, nếu như “tác-phẩm của họ có chất lượng hoàn-toàn khác với những gì họ làm trước 30.4.75”. Chỉ có những tác-phẩm bọc xuôi như vậy mới được “đánh giá đúng.” Chỉ có những con người xoay trở theo chiều mới được tôn-trọng. Tuy-nhiên, cộng-sản cũng chỉ đánh giá và tôn-trọng những tác-phẩm mới mà thôi, những gì sáng-tác trước 30.4.75 vẫn phải được đánh giá lại trên lập-trường và quan-điểm “cách-mạng.” Chính vì thế, một mặt Đảng cứ lạc giọng kêu gọi “giao-lưu”, một mặt vẫn tìm cách tiêu-diệt văn-hóa-phẩm vùng tự-do trước 1975. Nên nhớ rằng các ấn-phẩm còn sót lại trong nước hầu hết đều là sách nghiên-cứu văn-hóa hoặc giải-trí vô hại. Thế nhưng ngoại-trừ một vài cấp chính-quyền địa-phương cần tiền, sẵn máy sẵn tiền, in bừa bãi một số sách cũ ra bán kiếm lời một cách trái phép (đối với cộng-sản), số còn lại vẫn bị cấm-đoán chặt-chẽ.

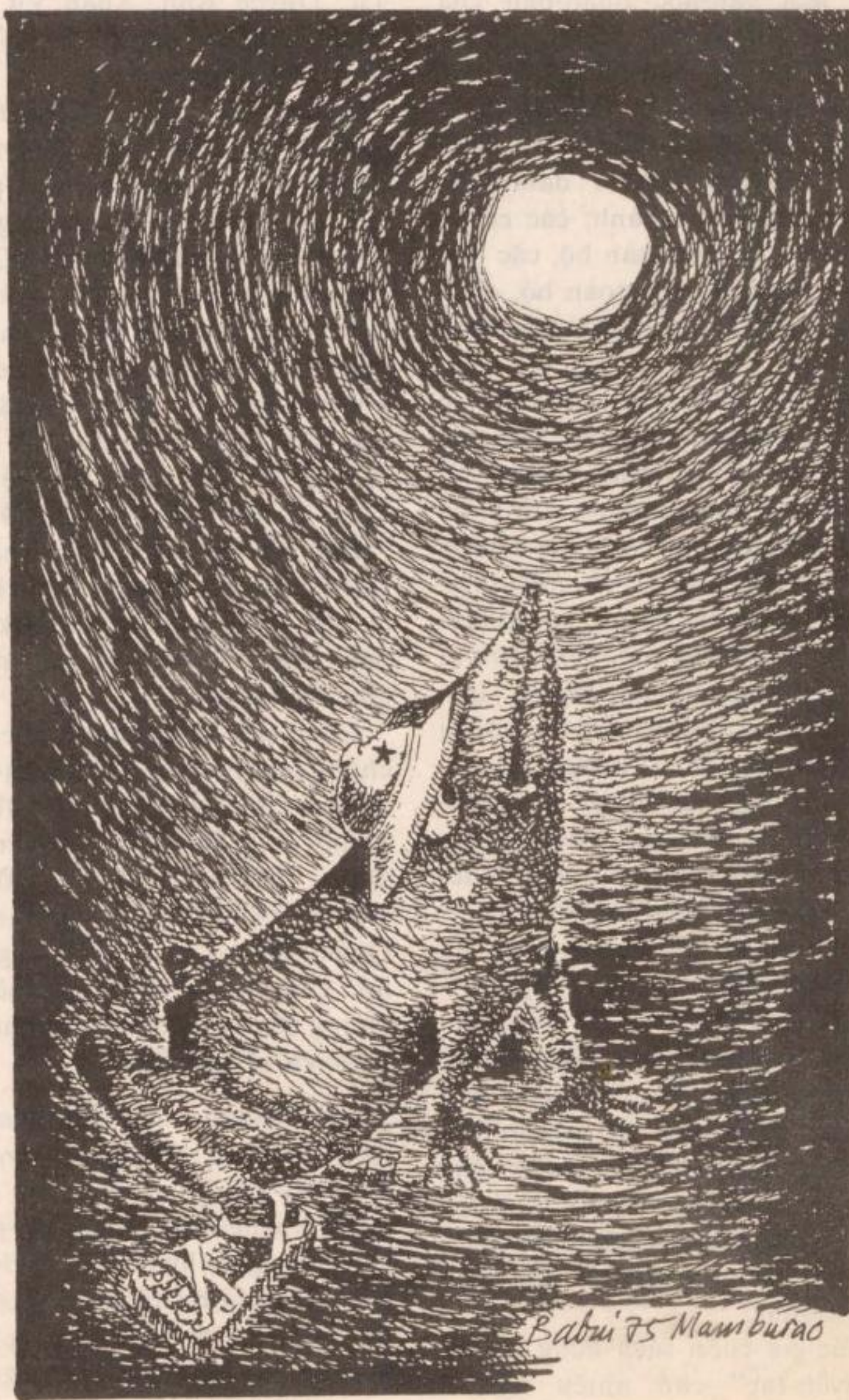
Chúng ta không phải tìm kiếm đâu xa. Chỉ cần xem hàng mấy trăm trang danh-sách “cấm” ở phần cuối cuốn sách, đối-chọi chan-chát với những lời đường mật của Đảng in ở đầu sách, không cần phải tinh ý lắm, người ta cũng phải thấy sự giả-dối và gian-trá của CSVN.

Sách nghiên-cứu, tiểu-thuyết lãng nhãng còn bị kết án như vậy, văn-nghệ-sĩ “lớn lên trong chế-độ mới” còn bị theo dõi, phê-phán, kiểm chế như vậy, còn sách mới người mới tại hải-ngoại, Hà-nội chiều-đãi ra sao?

TỪ QUỐC-NỘI TỚI HẢI-NGOẠI

Báo Quân-đội nhân dân số ra ngày 11.11.1990 đã dành trọn một trang lớn, nhận-định về “Cái gọi là văn-học Việt-nam lưu-vong, thực-chất là hoạt-động chiến-tranh tâm-lý phản-động.” Bài báo có tựa là “nhận-định”, nhưng cũng ngay trên cái tựa, chưa kịp nhận-định (nhận-định văn-nghệ lưu-vong) đã đi ngay tới kết luận rồi (thực-chất chỉ là hoạt-động chiến-tranh tâm-lý phản-động).

Tác-giả bài báo chỉ-trích Văn Bút



Việt-Nam Hải-Ngoại là “trung-tâm qui-tụ những nhà văn phản-động ở nước ngoài”; gọi Võ Phiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Diêu Tần, Đào Trường Phúc, Nguyễn Đức Lập (văn), Hà Huyền Chi, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Nghĩa, Bắc Phong, Cung Vũ (thơ) là “những tên lính xung-kích trên mặt trận văn-chương chống cộng tại hải-ngoại.” Bài báo dè-biểu lớp người mới tại hải-ngoại là “lớn lên nhờ cơm áo què người”, “thoát-ly thực-tế trong nước”. Như thường-lệ Nhà nước không quên dán cho họ nhãn hiệu “bồi bút cho tay sai tư-bản nước ngoài”, “luận điệu tuyên-truyền xuyên-tạc của mạng lưới thông-tin đại-chúng phương Tây.”

Chẳng những phủ-nhận tác-phẩm xuất-bản trong vùng tự-do trước 1975, không chấp nhận các tác-giả ở hải-ngoại sau 1975, CSVN cũng không chấp-nhận những nhà

văn tuy không cùng quá-khứ nhưng tha-thiết muốn đóng-góp cho chế-độ xã-hội chủ-nghĩa. Trong số những nhà văn miền Nam, cũng có người chịu khó đội nón cối, mang xà-cột, đi dép râu cả ba bốn năm liền tới lui họp-hành Hội Văn-Nghệ Giải-Phóng mà cuối cùng vẫn phải ngậm-ngùi ra đi; Vượt biên, gặp bao tai-nạn hiểm-nghèo, tới nước thứ ba định-cư ít lâu họ lại vâng theo lời kêu-gọi của Nhà nước, hăm-hở khăn gói trở về mà vẫn chưa được tin dùng. Có người vì nhiệt-tình với đất nước, tự viết sách chỉ-trích nặng lời những nhà cách-mạng quốc-gia trong tộc thuộc, vẫn không được đoái hoài. Có người tin-tưởng vào đường lối hòa-hợp hòa-giải dân-tộc, bỏ ra ba bốn năm trường, mài miệt học thuộc lòng tên tuổi những nhân-vật lịch-sử, anh-hùng cách-mạng thuộc giai-cấp nông-dân do

cộng-sản bịa ra, đưa hết vào trong mấy ngàn trang sách, vẫn bị ghê lạnh khước-từ, cuối cùng phải mang ra hải-ngoại xuất-bản.

Những sự kiện ấy chứng-tỏ mãnh-liệt rằng CSVN không hề và không bao giờ chấp-nhận bất cứ luồng văn-hóa, văn-nghệ nào ngoài dòng văn-hóa văn-nghệ chủ-nghĩa xã-hội. Mọi khuynh-hướng, chủ-trương giao-lưu tư-tưởng và dung-hòa quan-điểm chính-trị với cộng-sản là hành-động ngậy-ngô, chỉ giúp Hà-nội phục-hồi chức-năng tuyên-truyền, tiếp-tục khổng-chế tư-tưởng đồng-bào.

Trải qua 16 năm chính-sự thăng-trầm (thực sự, chỉ *trầm*, không *thăng*), lạy Nga chửi Tàu chống Mỹ, lạy cả Tàu lẫn Mỹ rồi chửi Mỹ, Hà-nội vẫn không hề thay-đổi cách nhìn về nền sinh-hoạt văn-nghệ vùng tự-do. Một số các nhà văn miền Nam còn sống-sót trong tù vẫn chưa được thả ra. Hầu hết ấn-phẩm miền Nam đều bị dày xéo, lãng-mạ, bồi bản, xuyên-tạc.

Trong cảnh huống đó, cộng-sản học được những gì, và phía bên này, chúng ta rút tĩa được kinh-nghiệm nào? Hà-nội cứ hô-hào đổi mới, cải-cách, mở rộng, tôn-trọng giá-trị dân-chủ tự-do, nhân-bản, pháp-trị; trong khi họ vẫn vùi-dập, chà-đạp lên kho-tàng văn-nghệ thể-hiện tự-do dân-chủ, nhân-bản pháp-trị. Nói và làm, dưới ánh-sáng chủ-nghĩa xã-hội, may ra chỉ xuất-hiện trên mặt báo tuyên truyền!...

(1) Đã “trắng-trợn” thì không “thâm-độc”; đã “thâm-độc” thì không thể lộ-liều, trắng-trợn. Anh cán-bộ phê-bình này hăng máu quá sức, gán cho đối-phương mọi thứ “tội-lỗi” đối-nghịch nhau!

(2) Lại bệnh điệp ý. Dường như có bao nhiêu tính-từ xấu-xa, tác-giả mang ra đồn hết cho đối-tượng phê-bình, để giải-tỏa hận-thù đồn-nén.

(3) Freud: “khuynh-hướng nhục-dục bị đồn-nén tìm thỏa-mãn trong trạng-thái mê-sảng, mộng-mị.”

(4) trang 505, 506.

vầng trăng tiễn biệt

Đốm lửa chài sương sâu cuối đông
Con thuyền cô quạnh lặng xuôi dòng
Ngọn triều lưu luyến trao về biển
Một tấm lòng mang vạn tấm lòng

Dòng sông ngẫu đỏ ánh phù sa
Mờ ảo trăng thu dãi sữa ngà
Bến hẹn xin dừng tay tiễn biệt
Mắt nghìn thu một phút chia xa

Rồi cỗi nào bên kia đại dương
Có lênh đênh một nhánh sông buồn
Có người cô phụ làm chinh phụ
Và giữa thanh bình vẫn nhiều nhưong?

Sông núi nghìn năm bỏ lại rồi
Trường Sơn Đồng Tháp có đơn côi
Và rừng xuân có mai vàng nở
Vội bớt điều linh khoảng đất trời?

Sông nhỏ có làm nên Dịch thủy?
Ngậm ngùi thân chiến bại, Kinh Kha?
Mười lăm năm luyện gươm trong trí
Há một vầng trăng tiễn nhạ nhòa?

cao hoàng nhân

sóng bạch đầu

Tôi đi trong mưa bụi
Ngỡ mùa xuân đã về
Mệnh mông rùng lá tử
Đông xám dài lê thê

Mùa tình như mùa tang
Nỗi chia xa bàng hoàng
Trong hay ngoài cửa ngục
Đều đón đau võ vàng

Nhẫn mồn lời an ủi
Tôi khảnh tận niềm tin
Đâu còn gì để nói
Ngoài mệnh mông ưu phiền

Tháng hai gọi tháng bảy
Mưa phùn nhớ mưa ngâu
Tôi gọi hoài chỉ thấy
Ngân giang sóng bạch đầu.

hà huyền chi



Nói Chuyện Về “Bonsai”

Nguyễn Nhật Tân

Khoảng ba mươi năm trước, nhân dịp qua Nhật, vừa bước chân xuống phi trường, tôi đã ngạc nhiên thích thú khi được thấy một cây bonsai trưng bày ngay tại phòng khánh tiết.

Đó là một cây tùng gốc bằng cổ chân và cao độ nửa thước, thân nứt nẻ mang nhiều vết sẹo chứng tích của thời gian, lại có đôi ba cành gãy còn sót lại như bị sương tuyết gió mưa vùi dập đã lâu lắm. Vậy mà lá nó vẫn xanh tươi làm sao! Búp non trở mơn mớn. Rõ ràng là hình ảnh một quốc gia bị tàn phá mà không chịu khuất phục.

Tôi nghĩ có lẽ người nghệ sĩ Nhật khi trình bày cây tùng này đã kín đáo muốn truyền đạt ý ấy cho du khách phương xa đến thăm nước họ chẳng? Chẳng biết có đúng không nhưng quả thật lúc bấy giờ vẻ đẹp hùng vĩ và cổ kính của nó đã khiến tôi ngẩn ngơ, nhất là cây tùng lại được đặt trước bức tường trắng, tượng trưng cho khung cảnh bao la nó vẫn sống, để nhấn mạnh đến cái phong thái cao khiết của nó.

Bất giác tôi nhớ đến hai câu thơ của Nguyễn Công Trứ:

*Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.*

Không ngờ một cái cây tương đối nhỏ giống trong chậu lại tác động mạnh đến cảm quan của tôi như thế. Vẻ đẹp khác phàm của nó cùng cái ý tưởng nó chuyên chở làm tôi chú ý đặc biệt đến nghệ thuật giồng bonsai và từ đó khiến tôi để tâm tìm hiểu nghệ thuật này.

Có lẽ người Nhật giồng bonsai đã lâu, vì ở một bức cổ họa Nhật vào thế kỷ thứ 13, người ta đã thấy vẽ một cây nhỏ, hình dạng cổ quái giống trong chậu.

Hình dạng này thay đổi trong những thế kỷ sau nhưng ngày nay, những cây bonsai cổ quái không còn được chuộng nữa. Chiều hướng thiên về những hình dạng tự nhiên hơn. Tuy cũng cắt cành, uốn nắn nhưng mục đích là làm sao cho cây nhỏ lại, cành lá hài hoà cốt phô diễn cái vẻ đặc biệt, cái cá tính của cây, hoặc chứng chạc uy nghi, hoặc nhẹ nhàng thanh thoát, hoặc khắc khổ, hoặc tươi vui, tùy từng loại cây và tùy theo ý người giồng. Chính cái ý đó đã làm cho cây bonsai có nét đặc thù, không cây nào giống cây nào và mang quan niệm nhân sinh cũng như nghệ thuật của người tạo ra nó.

Nhìn vào tiến trình của nghệ thuật giồng bonsai, ta thấy nhiều

kinh nghiệm về cả hai mặt mỹ thuật lẫn kỹ thuật đã được thu thập và hệ thống hoá. Khi phong trào chơi bonsai tràn sang các nước Tây phương, những kinh nghiệm này càng được bồi đắp thêm và phổ biến rộng rãi.

Ngày nay ở Âu châu cũng như ở Bắc Mỹ, bất cứ thành phố lớn nào cũng có hội bonsai với những cuộc hội thảo hàng tháng để trao đổi kinh nghiệm giữa các hội viên với nhau. Còn tạp chí chuyên môn thì nhiều vô kể, nhất là ở Bắc Mỹ, chỉ dẫn cho những người mới chơi và cả cho những tay nghề nữa, những thủ thuật tinh vi cắt tỉa, uốn nắn, gìn giữ cây qua các thay đổi quá độ về thời tiết cũng như tạo cho nó các dạng đặc biệt.

Bonsai không phải là thứ cây giồng trong nhà. Phải để nó ở ngoài trời, chỗ nắng mưa, râm mát thích hợp. Phải cho nó trải qua chu kỳ một năm tròn: xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn như khi nó sống ở thiên nhiên, trong cái cảnh thổ quen thuộc của nó thì mới được. Khi muốn trưng bày, ta có thể mang vào nhà, nhưng không nên để lâu quá ba hôm. Những thay đổi đột ngột và liên tiếp về khí hậu cũng như ánh sáng sẽ khiến cây có

phản ứng hỗn loạn.

CHỌN CÂY BONSAI

Không phải cây nào cũng giống làm bonsai được! Lẽ dĩ nhiên không nên chọn cây thân thảo, vì thân thảo không sống lâu. Lại cũng có cây chỉ chịu được lạnh, có cây chỉ chịu được nóng. Có cây lạnh quá hay nóng quá cũng chết. Cho nên phải tùy theo nhiệt độ khu vực mình ở mà chọn cây thích hợp. Ở Bắc Mỹ, các nhà khí hậu học đã chia ra mười khu vực tiện cho nhà nông theo đó mà trồng tía: Từ khu 1, phía bắc Canada, nhiệt độ trung bình mùa đông dưới -45 độ bách phân đến khu 10, vùng Florida, nhiệt độ trung bình mùa đông 7 độ bách phân. Phần lớn các sách dạy trồng cây bán trên thị trường đều có kèm bản đồ khí hậu này cả.

Thêm nữa, lại cũng phải chọn giống cây có vỏ đẹp, cành rậm rạp, dễ uốn và nhất là lá phải nhỏ. Nếu muốn giống bonsai có hoa hay quả thì cũng phải chọn giống hoa, quả nhỏ vì hoa quả rất khó làm cho nhỏ lại để hoà hợp với hình thể cây. Không có gì thất vọng bằng khi, vì yêu một thứ cây đẹp, ta đem cây về chăm chút giống trong chậu. Đến khi nó ra lá, hoa hay quả thì những thứ đó lại quá to không xứng với cây, trông kỳ quái, chỉ đáng gọi là một cây lạ chứ không phải là bonsai nữa.

Căn cứ theo cảnh thổ và nhiệt độ, ta có thể phân loại các giống cây thường được giống làm bonsai ra như sau:

* Cây hàn đới:

- Sơn tùng (Mugo pine, dwarf-Pinus mugo)
- Bách bạc đầu (Colorado spruce - Picea pungens)
- Bách Alberta (Alberta spruce - Picea glauca)

Các giống này thuộc loại thường diệp thụ (evergreen, không rụng lá mùa đông), cần một thời kỳ đông miên (dormant) chừng ba, bốn tháng (-15 đến 0 độ bách phân) và tiết trời lạnh quanh năm 10 độ bách phân trở xuống.

* Cây ôn đới:

- Bạch tùng Nhật (White pine, Japanese - Pinus parviflora)
- Hắc tùng Nhật (Black pine, Japanese - Pinus thunbergiana)
- Tùng Ba-nhi-cán (Balkan pine - Pinus peuce)
- Vạn niên tùng (Yew pine - Podocarpus macrophyllus)
- Trắc Nhật lùn (Japanese garden juniper - Juniperus procumbens nana)
- Trắc Tàu (Chinese juniper - Juniperus chinensis sargentii)
- Trắc Hinoki (Hinoki false cypress - Chamaecyparis obtusa)
- Phong Nhật lá năm cánh, các loại (Japanese maple - Acer palmatum)
- Phong lá ba cánh (Trident maple - Acer buergerianum)
- Du, các loại (Elm - Ulmus)
- Mai, đào, các loại (Prunus)
- Đỗ quyên, các loại (Azalea - Rhododendron)

Các giống này, thường diệp thụ (evergreen) như tùng, trắc và lạc diệp thụ (deciduous) như phong, du, đào, mai, đỗ quyên... cần đông miên chừng ba tháng (-5 đến 5 độ bách phân) và tiết trời mát quanh năm từ 5 độ đến 20 độ bách phân.

* Cây nhiệt đới:

- Thạch lựu lùn (Pomegranate - Punica granatum nana)
- Đinh lăng (Azalia - Polyscias fruticosa)
- Si (Fig - Ficus benjamina và Ficus religiosa)
- Dành dành (Gardenia jasminoides)
- Quất (Calamondin - Citrofortunella mitis)
- Kim quất (Kumquat - Citrofortunella margarita)
- Hoa giấy (Brongainvillea)
- Ô-liu (European olive - Olea europea)
- Trà (Camellia - Camellia japonica)

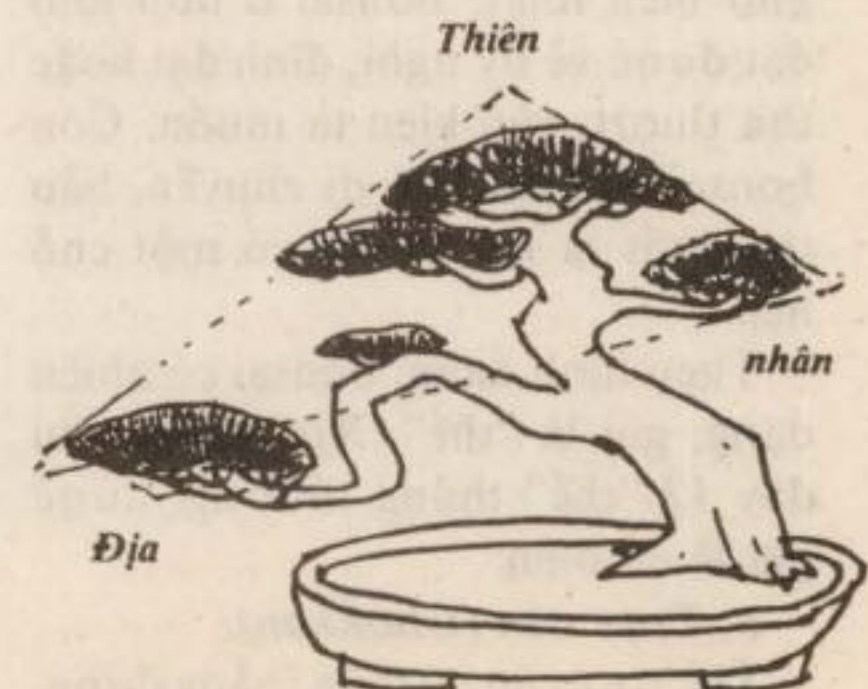
Các giống này không rụng lá theo mùa, không đông miên và cần thời tiết ấm quanh năm từ 20 độ đến 30 độ bách phân. Những cây nhiệt đới này có thể giống trong nhà được,

miễn hội đủ các điều kiện ánh sáng, độ ẩm và thoáng khí. Đặc biệt trà phải có độ ẩm cao mới tốt.

Danh mục trên đây chỉ nêu một số những giống cây thường thấy. Trong những giống này, được ưa chuộng nhất vì có thể tạo thành những bonsai có giá trị nghệ thuật cao là các giống tùng, bách, trắc, phong, du, đỗ quyên. Những giống này lớn rất chậm, nhưng khi đã có được dáng già dặn rồi thì vẻ đẹp của chúng vô song, ít giống nào bì kịp.

CÁC THỂ CÂY

Bonsai có nhiều dạng gọi là "thể". Chọn được cây vừa ý rồi, phải biết giống theo dạng nào để phô hết vẻ đẹp của nó. Nói chung, phần quan trọng nhất của cây bonsai là thân, rồi đến cành, lá, rễ. Thân phải to, gốc lớn thon nhỏ dần dần lên đến ngọn. Nếu có cành to, thấp ở gần gốc (khoảng 1/3 thân cây) thì tốt lắm. Thân và cành lá phải hoà hợp nhau tạo một hình thể ưa nhìn. Hoà hợp không có nghĩa là đối xứng, bên này bằng bên kia hoặc cành lá toả đều đặn. Sự đối xứng, đều đặn dễ làm buồn tẻ. Kinh nghiệm cho thấy hình thể bonsai ưa nhìn nhất là do tương quan giữa chiều cao và chiều rộng của cây, làm thành một hình tam giác không đều mà ba điểm góc là ngọn cây, đầu cành thấp nhất và đầu cành đối diện kế với cành ấy. Ba điểm này, theo Đông phương là những điểm Thiên, Địa, Nhân, được áp dụng làm căn bản trong sự bố cục cũng như trong cách cắt tỉa và uốn nắn bonsai.



Khi cây giống đã tốt, có cành lá sum sê mà ta không biết cắt tỉa thế nào, nên giữ cành nào và cắt cành nào, thì ta cứ chầm chước áp dụng luật này. Cây có thể không xuất sắc nhưng vẫn ưa nhìn.

Nói thế không có nghĩa là cứ phải áp dụng cứng nhắc cách xếp đặt cành lá theo luật Thiên, Địa, Nhân. Bonsai là một hình thức nghệ thuật tạo hình mà! Quyền sáng tạo là ở bạn! Nhưng khoan! Bạn có óc nghệ sĩ muốn cây của bạn có một phong thái riêng, không gò bó. Tốt lắm! Nhưng xin chớ quên bonsai là một vật sống, đừng hôm nay bẻ cành nó theo hình này, hôm sau lại uốn nó ra hình khác. Nó không chịu được đâu và sẽ bỏ con người ra thay đổi và đòi hỏi quá đáng như bạn đấy! Cho nên, trước khi cắt tỉa hay uốn cây theo “thế” nào, hãy nghiên cứu cho kỹ xem cây có thích nghi được với “thế” ấy không đã. Dĩ nhiên không cây nào hoàn toàn, tất phải có khuyết điểm, không nhiều thì ít. Hãy chầm chước những khuyết điểm ấy mà nhìn chung vào dạng cây. Giồng xong, đọi cây bẻ rễ, khoẻ mạnh đã rồi hãy sửa, cắt. Kể viết bài này, vì hấp tấp, đã làm hỏng không biết bao nhiêu là bonsai, trong đó có nhiều cây có “thế” thật đẹp. Tiếc ơ! là tiếc!

Theo kích thước, bonsai được chia làm bốn loại:

- Loại tí hon, từ 15 phân tây trở xuống.
- Loại nhỏ, 15 đến 30 phân.
- Loại trung bình, 30 đến 50 phân.
- Loại lớn, từ 50 phân trở lên.

Bonsai loại nhỏ và trung bình phổ biến nhất. Bonsai tí hon khó đạt được vẻ uy nghi, đỉnh đạt hoặc tha thướt, yêu kiều ta muốn. Còn bonsai lớn thì khó di chuyển, bảo trì, nhất là khi ta chỉ có một chỗ hẹp.

Theo hình dạng, bonsai có nhiều dạng, gọi là “thế”. Xin liệt kê sau đây 12 “thế” thông thường, được gọi là cổ điển:

1. Trục cán (Chokkan):

Thế trục cán có thân thẳng đứng,

ngọn nằm trên một đường thẳng với gốc cây; cành so le đều đặn, cành gần gốc nhất phải là cành lớn và dài nhất.



Thế này trông vững vàng, mạnh mẽ; trong vẻ gọn gàng có mang một quan niệm dứt khoát. “Thế” này đẹp nhưng phải luôn luôn giữ cho chiều rộng của gốc cây ở sát mặt đất bằng 1/6 chiều cao và tôn trọng luật Thiên, Địa, Nhân khi tỉa cành và lá.

2. Lập mộc (Tachiki):

Ở “thế” này, thân cây không thẳng mà hơi uốn mình xà, tuy vậy ngọn cây vẫn chiếu thẳng xuống gốc. Trông cây gọn, vững nhưng đã thấy giảm bớt phong thái trang nghiêm.



Các tương quan giữa gốc và chiều cao của cây cùng luật Thiên, Địa, Nhân vẫn phải giữ như ở thế Trục cán.

3. Tà cán (Shakan):

Thân vẫn thẳng nhưng giồng

ngiêng sang trái hoặc phải khoảng 30 độ. Cành nằm ngang và rễ dàn ngang bằng với mặt đất. Không có rễ nhô lên ở một bên nào khiến ta có cảm tưởng như cây sắp đổ.



Ở thế này, gốc phải sát về một phía chậu, nghịch với hướng nghiêng của ngọn cây và cành lá đừng đưa ra nhiều quá bề dài của chậu.

4. Bàn cán (Bankan):

Bàn cán là gốc vắn. Tất nhiên thân không thẳng mà uốn vồ đổ, như thấy ở những cây mọc trên ghềnh đá, bị gió bão đủ chiều đập toỉ tả ngay từ khi nhỏ, có khi tước cả vỏ.



Thế này mang một vẻ đẹp hoang dại đến đau thương, nhìn dễ xúc động nhưng không gây cảm giác thoải mái. Ở thế này, thân cây quan trọng nhất, càng to và càng vắn vẹo càng tốt. Những cành to ở gốc, nếu chết thì đừng cắt hẳn đi mà nên để lại một đoạn, gọt vỏ, tước gỗ làm như cành bị gió đánh gãy một cách tự nhiên để gây thêm sự chú ý đến đặc tính của thế cây.

5. Song cán (Sókan):

Ở thế này, thân cây chia làm hai, một lớn một nhỏ, thân lớn mọc thẳng còn thân nhỏ hơi nghiêng khoảng 30 đến 40 độ.



Cành lá giữa hai thân cây thừa thớt nhưng cành lá bên phải và bên trái bổ túc cho nhau, gây một toàn bộ hài hoà như cây chỉ có một thân vậy. Đặc điểm này cần thiết, nếu không, cây bonsai sẽ rời rạc vì bố cục lỏng lẻo.

6. Song thụ (Sôju):

Đây là thế hai gốc cây giống liền nhau, một gốc lớn một gốc nhỏ, nhưng khác với thế Song cán, hai gốc này song song, thẳng đứng.



Giữa hai gốc cây, cành lá cũng thừa và những cành bên phải bên trái cũng cần bổ túc cho nhau như ở thế song cán.

7. Huyền nhai (Kengai):

Huyền nhai là treo sườn núi. Tây phương gọi "thế" này là thế Thác đổ (Cascade).



Ở thế này, ngọn cây phải rủ xuống thấp bằng hoặc dưới chân chậu. Thân gần ngọn thưa lá nên mang một vẻ nhẹ nhàng như dòng nước đang chảy. Phía gần gốc có một cành lớn mọc nghịch với chiều rủ của ngọn cây để giữ cân xứng. Thế này đẹp thanh thoát, dễ gây cảm giác lâng lâng cho người xem.

8. Bán huyền nhai (Han-kengai):

Cũng như thế Huyền nhai nhưng ngọn cây thay vì rủ xuống sát tận chân chậu thì chỉ đến nửa thành chậu hoặc lợi chậu mà thôi.



Ở thế này, có hay không có một cành mọc gần gốc cũng được, nhưng nên không có, gốc phải to để giữ cho cây vẻ vững vàng cân xứng.

9. Văn nhân mộc (Bungingi):

Như tên gọi, "thế" này gọi cho ta vẻ thanh nhã của một văn nhân. Ở



thế Văn nhân mộc, thân cây gầy guộc, cành cũng thưa mà lá cũng ít. Phía dưới gốc không có cành và trên ngọn, cành cũng ngắn, mang một vẻ đẹp đơn giản tao nhã.

Thế này thường là một cây đơn độc, nhưng giống nhiều cây cũng được và nghiêng về một phía. Nếu giống nhiều cây, cần chú ý đến cách bố cục, thân cây phải cao thấp khác nhau và bổ túc cho nhau.

10. Căn thượng (Neagari):

Ở "thế" này, quan trọng và đẹp là bộ rễ mọc nổi trên mặt đất. Tuy thế, thân cây cũng phải lớn, xù xì nhưng không phát triển tự do hơn, mọc



thẳng, nghiêng, hoặc vắn vẹo hoặc rủ xuống, không nhất thiết gò bó theo hình thế gì. Rễ nổi toả ra xung quanh gốc, không đều như nan hoa của một bánh xe, nhưng to nhỏ khác nhau và bám chắc xuống đất. Mặt đất bằng phẳng, làm cho rễ như gỗ cao, đẹp hơn.

11. Thạch thượng thụ (Kekijôju):

Trong thế Thạch thượng thụ (cây mọc trên đá), thân cây dựa vào



hoặc rẽ đưa ra ôm lấy một hòn đá. Đá nhiều đường nứt tăng vẻ già dặn cho cây. Đá tròn, nhẵn hoặc màu sáng thì không tự nhiên và làm mất vẻ vững vàng của gốc cây.

Xin chú ý, ở chậu bonsai, cây là điểm chính, hòn đá là phụ. Đá chỉ dùng để hỗ trợ, tăng vẻ đẹp cho cây mà thôi. Nếu hòn đá quá lớn, gây chú ý cho người xem thì đó là bồn cảnh (bonkei) rồi. Bồn cảnh cũng giống như hòn non bộ hay giả sơn của ta, hòn đá là chính, còn cây là phụ, dùng tô điểm cho toàn cảnh nên bố cục khác.

12. Mật thực (Yôse-Ue):

Mật thực là giồng dày, nhiều cây mọc xít nhau như trong một khu rừng. Những cây này phần nhiều cùng một giống, thân mọc thẳng nhưng cao thấp và to nhỏ khác nhau. Cây nào to, cao ở phía trước; nhỏ và thấp giồng phía sau để gây ảo giác về chiều sâu. Thế Mật thực đòi hỏi bố cục chặt chẽ, ít nhất phải có bảy cây, thân thẳng, lá nhỏ, cành thưa dưới gốc. Tùy theo cách bố cục, trong cái sum sê của những cây giồng xít nhau này, ta có cảm tưởng lạc vào một khu rừng âm u, bí mật hoặc ở một bìa rừng trông ra bầu trời quang đãng bên ngoài.



Ở thế này, vẻ đẹp toàn thể khu rừng quan trọng hơn vẻ đẹp của từng cây một.

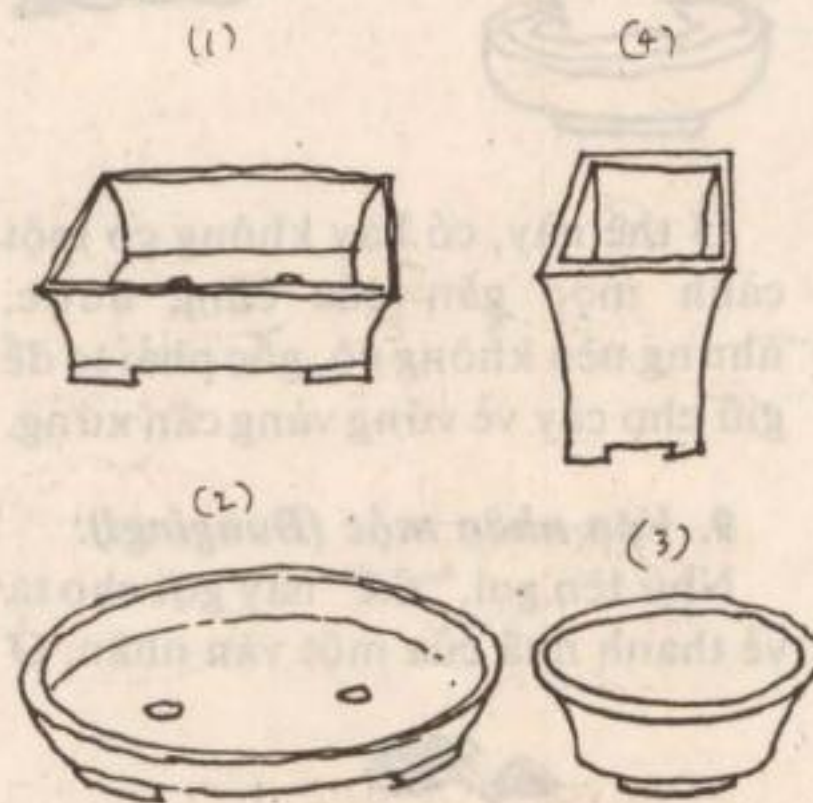
CHỌN CHẬU GIỒNG BONSAI

Chậu là một thành phần của bonsai. Nó làm tăng hoặc giảm vẻ đẹp của cây rất nhiều, cho nên nói cây bonsai đẹp hay không một phần lớn nhờ chậu cũng chẳng ngoa. Nhưng thật trớ trêu, chậu thích

hợp cho bonsai lại chính là những chậu giản dị, không làm người xem chú ý.

Ngày xưa, giồng bonsai người ta dùng những chậu sứ trắng men, vẽ rồng phượng hay mai lan cúc trúc, thành ra cái chậu được thưởng ngoạn nhiều hơn cái cây. Bây giờ, chậu trắng men chỉ dùng để trồng những cây có hoa, quả hoặc những loại cây lá đỏ về mùa thu như phong mà thôi. Mà màu men của những chậu này cũng trang nhã hơn nhiều, không quá lộ liễu, làm lạc sự chú ý của người thưởng ngoạn. Giồng những cây quanh năm lá xanh thì nên chọn chậu đất không tráng men màu xám, nâu hoặc da chu thẫm.

Hình thể và cỡ chậu rất quan trọng. Những cây giồng theo thế đứng hay nghiêng, có dáng hùng vĩ và lá xanh thẫm thì nên dùng chậu nông hình chữ nhật (1); lá xanh nhạt và dáng mềm mại hơn thì nên dùng chậu trái xoan (2). Cây có cành lá rủ xuống theo thế Huyền nhai hay Bán Huyền nhai thì dùng chậu sâu lòng tròn (3) hay vuông (4) để giữ cân xứng.

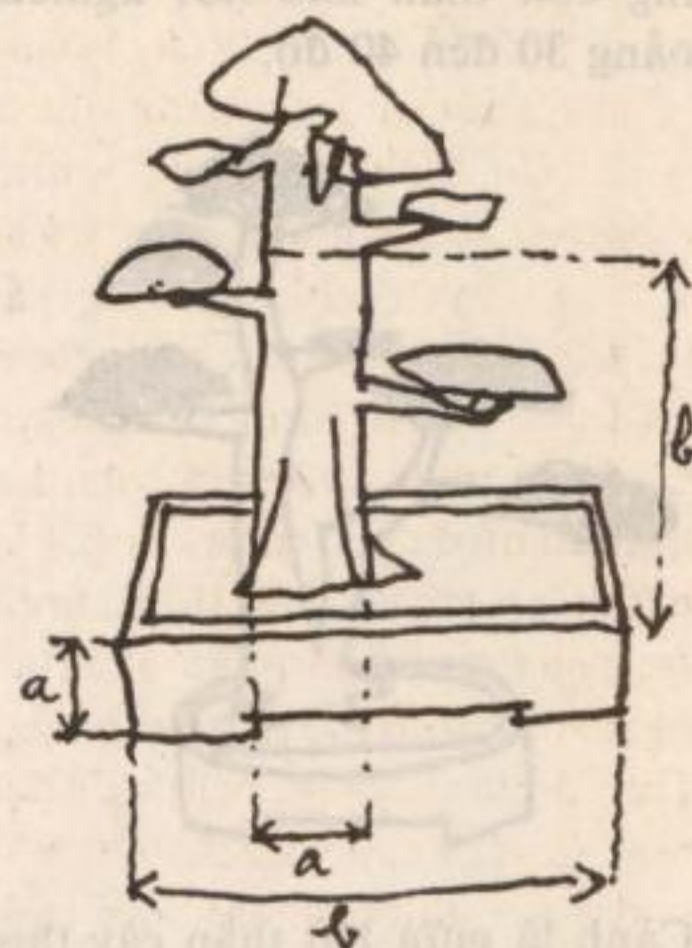


Nhiều cây giồng thành rừng (thế Mật thực) thì dùng chậu trái xoan nông, tráng men xanh màu nơn chuối đẹp hơn cả.

Thường thì bề sâu của chậu bằng bề ngang của gốc cây (a), và bề dài của chậu bằng 2/3 của thân cây, đo từ gốc lên đến ngọn (b).

Nếu giồng nhiều cây theo thế Mật thực thì bề sâu của chậu bằng

bề ngang của gốc cây lớn nhất, nhưng bề dài của chậu chỉ bằng 1/3 của thân cây cao nhất mà thôi.



Đại để là như thế, nhưng sự hoà hợp giữa cây và chậu còn tùy mỹ quan của từng người. Sự xét đoán ấy thể hiện quan niệm mỹ thuật của người giồng và khiến cây bonsai của bạn mang nét đặc thù chỉ riêng bạn mới có.

Lẽ dĩ nhiên chậu giồng bonsai phải có chân và lỗ thoát nước, nhỏ thì một lỗ; lớn phải hai, bốn hay sáu lỗ. Chậu chậu nhằm mục đích nâng đáy chậu cho cao lên, để thoát nước và thoáng khí.

TÌM BONSAI Ở ĐÂU?

Có nhiều cách tìm bonsai:

- Đào cây trong rừng hoặc ở những nơi hoang dã.
- Mua cây đã trưởng thành của những tiệm chuyên bán bonsai.
- Mua cây ở những nhà trồng tỉa.
- Ương hạt, giâm ngọn, chiết cành.

Trong những cách này, ba cách trên nhanh hơn. Những cách dưới đòi hỏi thời gian lâu hơn, một chút khéo tay cùng với kinh nghiệm và mỹ thuật.

Đào cây trong rừng và ở những nơi hoang dã:

Cây mọc ở những nơi hoang dã, nhất là trên những ghềnh đá hay bìa rừng chỗ đất cằn, có nhiều "thế" đẹp. Chúng bị gió bão đập tơi tả nhiều năm mà không chết nên có

sức sống mãnh liệt.

Đó là những cây bonsai thiên nhiên. Nếu đem đặt vào chậu, sửa sang lại đôi chút, chúng có nhiều triển vọng ăn đứt những cây bonsai đã được nuôi dưỡng, nâng niu từ tấm bé. Có điều tìm được những cây bonsai thiên nhiên hợp ý khó lắm. Nếu may mà thấy, xin hãy cẩn thận. Có thể cây đó mọc trong khu vực được bảo vệ, bứng đi là phạm pháp và bị phạt không chừng. Lại nữa, thân nó đã già, cành cứng, khó uốn lắm hay nếu có uốn thì cũng chỉ được đôi chút. Tuy nhiên nếu thấy dùng được thì chẳng nên ngần ngại.

Thời điểm thuận tiện nhất để đào bonsai là đầu mùa xuân, khi búp non sắp nở. Lúc đó, cây mới thức dậy sau giấc đông miên nên rất khỏe, năng lực dồn trong thớ gỗ sẵn sàng bung ra đón nhận một chu kỳ sinh trưởng mới. Bứng lên giống chỗ khác không làm cho cây chấn động nhiều. Một ưu điểm khác là cây bấy giờ chưa ra lá, thân cành còn thấy được rõ ràng, dễ ước lượng giá trị của nó về mặt mỹ thuật. Nhưng ưu điểm ấy lại cũng chính là khuyết điểm. Vì cây trụi, nếu không kinh nghiệm không biết là giống cây gì, đôi khi bị lầm lẫn, mang về một thứ cây khác với thứ mình mong ước.

Ngoài tháng đầu xuân ra, còn có một thời điểm khác trong năm cũng thuận tiện cho việc đào bonsai lắm. Đó là vào lúc cuối hạ sang thu, khi tiết trời trở lạnh, cây bắt đầu thu nhựa và rụng lá. Đào cây vào thời điểm này là lúc tốt giữ cho cây không mất năng lực.

Trong những tháng đông lạnh và tháng hè ẩm, chớ nên đào cây giống chỗ khác. Hệ thống rễ của cây bị bầm dập hay hư hỏng sẽ làm xáo trộn sự sinh trưởng bình thường của nó và khó làm nó thích nghi được với hoàn cảnh mới.

Đồ nghề đào bonsai thiên nhiên gồm:

- Một cái xẻng nhà binh (thứ xẻng cán ngắn, gấp được, vừa làm xẻng vừa làm cuốc) nhẹ, dễ mang và tiện.

- Một cái kéo cắt cây tốt, để cắt cành dài và rễ lớn.

- Một bình xịt nước.

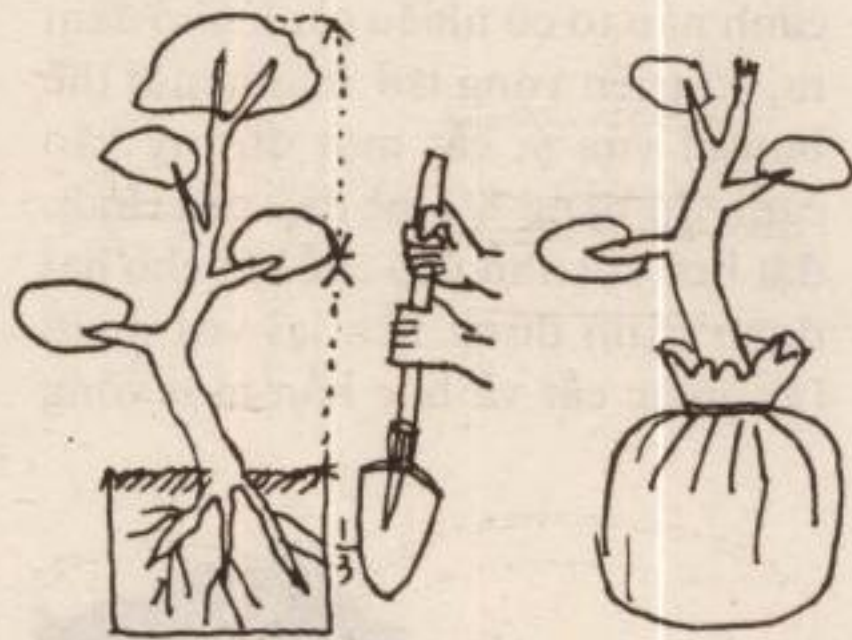
- Rêu sphagnum (một thứ rêu sợi dài, khô dùng trộn với đất cho tơi, có bán trên thị trường).

- Vài túi ni-lông và dây buộc.

Sau khi đã tìm được cây vừa ý, dùng xẻng đào một vòng tròn xung quanh cây, đường kính ít nhất bằng $1/3$ chiều cao của thân cây. Cứ đào thẳng xuống cho đến khi chiều sâu cũng bằng khoảng đường kính, nếu gặp rễ lớn chần ngang thì cắt đi rồi đào xiên vào giữa. Khi đụng rễ cái, dùng kéo cắt cho gọn, cắt càng ít càng tốt, rồi nhẹ nhàng bứng cây lên. Cẩn thận đừng để rớt đất. Đoạn bao rêu sphagnum xung quanh, phun nước cho ẩm rồi bọc tất cả vào trong túi ni-lông, buộc lại.

Khi rễ cây đã được bọc kỹ, xem cành nào dài quá hoặc không cần thiết hãy xén bớt. Trên đường đi, đặt cây vào chỗ mát, tránh ánh nắng, giữ cho cây đừng nghiêng ngã, cành lá luôn luôn ẩm. Nếu cần, thỉnh thoảng lại phun nước lên lá.

Về đến nhà, hãy giồng ngay, đừng chậm trễ.



Mua cây ở những tiệm chuyên bán bonsai:

Ở Bắc Mỹ, tại những thành phố lớn và ngoại ô thường có một hai tiệm chuyên bán bonsai, chậu và các dụng cụ linh tinh khác.

Mua cây tại những nơi này có lợi là đỡ được một khoảng thời gian từ hai đến năm năm chờ đợi. Nhưng đắt vì cây đã được uốn sơ, cắt tỉa và giồng vào chậu rồi. Giá tuy cao nhưng đôi khi cũng có những cây

dạng rất khá.

Phần đông các tiệm này đều bán bonsai mà họ gọi là đã “hoàn tất” (finished). Thực ra đó chỉ là một danh từ để quảng cáo. Cây bonsai không bao giờ hoàn tất cả. Nó là một sinh vật, tăng trưởng hàng năm và thay đổi theo mùa, đâu phải là một bức tượng hay bức tranh, mua về để đấy, lúc mua thế nào thì sau thế ấy. Vì thế có người mua một cây bonsai về chơi, lúc mới còn đẹp, ít lâu sau đã thành một bụi cây hoang, lá cành đâm tua tủa, chẳng ra thế nào! Ấy là không nói đến những cây vì chủ không biết chăm sóc, đã sớm “hai năm mươi” vào nằm trong thùng rác.

Khi mua cây ở những tiệm này, ta phải nhớ hỏi người bán đó là loại gì, cách chăm sóc tưới bón ra sao để có một khái niệm mà từ đó tra cứu thêm, tìm cách giữ gìn nó. Thường thì những tiệm bonsai không bảo đảm cây họ bán ra, nhưng cũng có tiệm thuận chẩn bệnh và chữa cây cho khách nếu ít lâu sau cây trở nên ẻo uột; hoặc giữ và chăm sóc cây miễn phí cho khách khi vì lý do nào đó, khách phải vắng mặt một thời gian ngắn.

Mua cây ở những nhà trồng tỉa và vườn ương cây:

Ngoại trừ một số rất ít, những nhà trồng tỉa và ương cây (nurseries) không bán bonsai lẫn với các loại cây khác. Nhưng đây mới là những nơi rất tốt để tìm bonsai.

Các nhà trồng tỉa thường ương cây vào những chậu plastic nhỏ, được vài năm thì đem bán. Cây khỏe, rễ thu vào một khoảng đất hẹp nên khi sang chậu, cây không bị chấn động. Hơn nữa giá cả lại phải chăng. Nếu tinh mắt và kiên nhẫn một chút, ta có thể tìm được những cây tùng, trắc hay phong có thân, cành khá lắm, nhiều triển vọng trở thành một cây bonsai đẹp. Hơn nữa, ở những nhà trồng tỉa này, có những cây lâu ngày không bán được, mưa nắng khiến lá cành xơ xác, chủ để riêng một góc sau vườn

để bán *sale*. Đừng ngại gì mà không tới “tham quan”, nhiều khi vớ được những cây đặc sắc vô cùng (và khi trả tiền không xót ruột).

Mua cây ở những nơi này phải vạch gốc xem cho kỹ. Chọn những cây gốc lớn, có cành gần gốc và thân thuần đều, không gãy ngang; hệ thống rễ khỏe, cành lá khá rậm rạp có thể chịu được sự cắt tỉa gắt gao. Và cũng như mua cây ở tiệm chuyên về bonsai, ta phải hỏi cho biết tên cây ta mua cùng sơ sơ cách chăm sóc nó.

Ương hột, giâm ngọn, chiết cành:

Những cách này giúp ta có được cây nhỏ để giồng thành bonsai.

Ương hột phải đợi lâu, nhưng cho ta cơ hội kiểm soát sự sinh trưởng của nó một cách dễ dàng, uốn nắn ngay từ khi nó còn là một cây non nên sau này không phải dùng đến những phương cách tích cực, gắt gao để sửa chữa nữa.

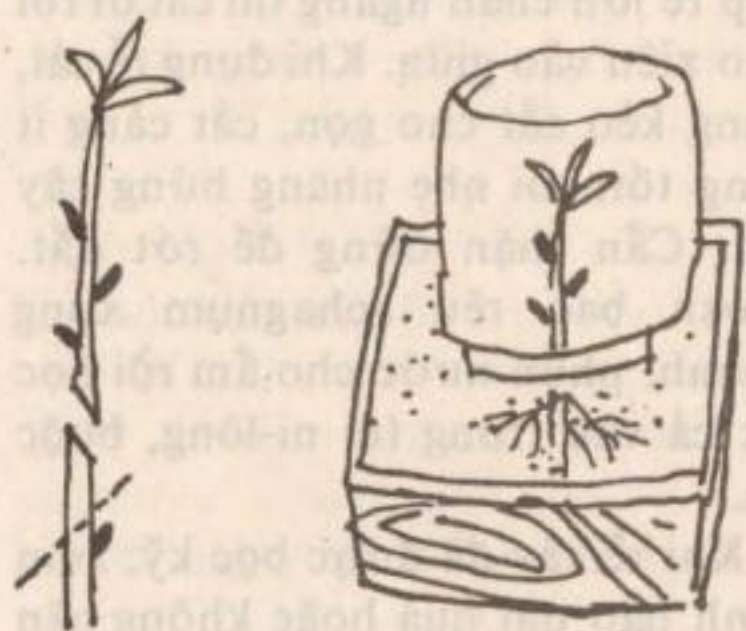
Mỗi loại cây được ương theo một cách riêng, nhưng đại để nên ương vào đầu xuân thành hàng hoặc trong những chậu nhỏ bằng giấy bồi ép có bán trên thị trường riêng dùng để ương cây. Đất thật tơi trộn thêm rêu sphagnum băm vụn cho giữ nước. Để chỗ mát, nhiệt độ khoảng từ 18 đến 23 độ bách phân, hơi tối và thoáng khí. Dùng bình xịt phun nước nhẹ nhẹ cho hạt khỏi trôi mất. Khi hột đã nảy mầm, để ra chỗ sáng và khi cây con được 4 lá, cấy sang giồng vào chậu lớn hơn.

Phải đợi ít nhất hai năm sau hãy nên bắt đầu uốn cành và tỉa lá.

Giâm ngọn cũng dễ và nhanh. Đây là cách các nhà vườn hay áp dụng nhất. Tuy nhiên, tùng, bách, trắc không giâm ngọn được.

Thời điểm tốt nhất để giâm ngọn là đầu xuân, ngay trước khi mầm non sắp hé. Cắt ngọn dài khoảng từ 5 đến 12 phân (nên cắt hai, ba ngọn, sợ có ngọn không mọc). Mỗi ngọn ít nhất có ba mầm. Tỉa lá gần chỗ cắt đi rồi dùng dao sắc cắt vát ngay dưới mầm non cuối. Chính từ chỗ này rễ sẽ mọc ra.

Nhúng chỗ cắt vào nước, đoạn chấm vào bột có kích thích tố (hormone) và thuốc khử trùng rồi giâm xuống đất đã chuẩn bị sẵn trong chậu (đất: 1/3 cát, 1/3 mùn, 1/3 rêu peatmoss) chỉ để lộ lên một mầm non thôi. Ấn nhẹ nhàng cho chặt đất. Giữ đất ẩm nhưng đừng sũng nước. Để chỗ mát. Có thể dùng hũ thủy tinh hoặc túi ni-lông trong đây lên trên để hơi ẩm khỏi thoát mất cho đến khi ngọn bén rễ.

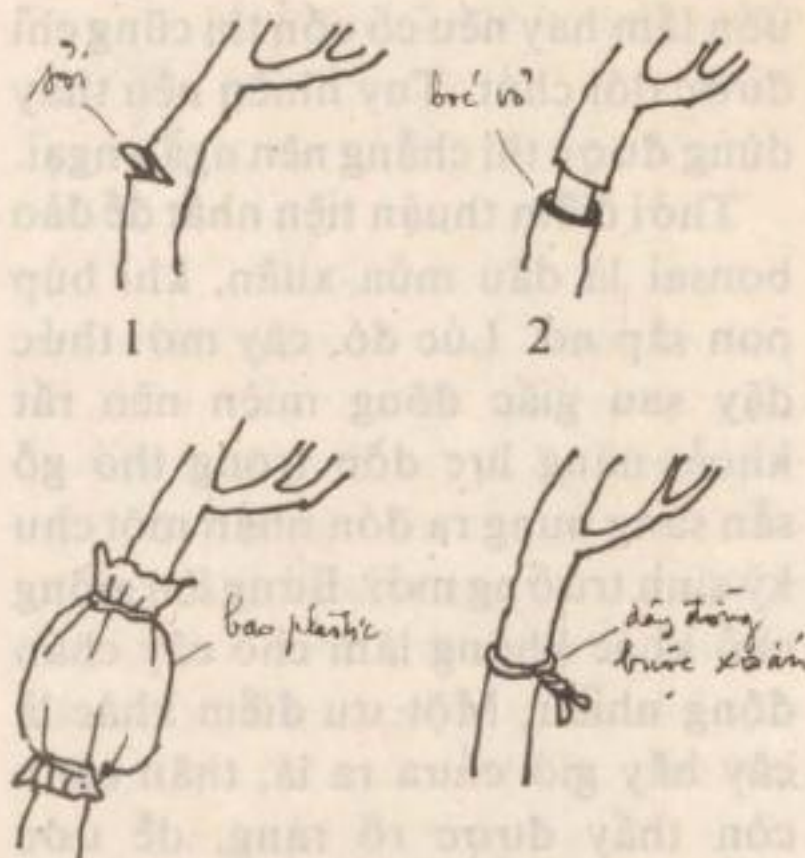


Chiết cành là làm cho cành mọc rễ rồi cắt cành ấy giồng xuống đất.

Tạo một cây bonsai bằng cách chiết cành thì nhanh và tương đối không khó. Ở những cây to, đôi khi ta thấy có những cành đẹp. Chọn cành nào to có nhiều cành nhỏ đâm ra, có triển vọng trở thành một thể bonsai vừa ý, cắt một đường vào cành đó bằng 1/3 bề dày của cành, đặt hòn sỏi nhỏ vào chỗ cắt cho hai đoạn cành dính liền lại với nhau (1); hoặc cắt và bóc hẳn một vòng

vỏ cây rộng chừng 2 phân ở chỗ cành ta muốn chiết (2).

Lấy bột có kích thích tố và chất khử trùng rắc lên, đoạn đắp chỗ cắt bằng một nắm lớn rêu sphagnum ẩm. Bọc lại bằng plastic trong (để dễ kiểm soát xem rễ đã mọc chưa) rồi buộc chặt hai đầu bao plastic. Chừng nào thấy rễ đã mọc nhiều thì cưa phía dưới, nhẹ nhàng tháo bao plastic ra và trồng xuống đất (cẩn thận không đứt rễ non).



Chiết bằng cách này nhanh nhưng kết quả không được một trăm phần trăm vì cành bị cắt vỏ có khi chết. Thay vì cắt vỏ, ta có thể lấy một đoạn dây đồng buộc xoắn vào cành, phía dưới chỗ ta muốn nó ra rễ chừng 3 phân rồi cũng lấy rêu và plastic bọc lại như hai cách trên.

Chiết bằng cách buộc dây đồng như trên đây lâu hơn nhưng bảo đảm hơn.

(còn tiếp)



Kỳ sau: Cách giồng cây vào chậu, uốn, cắt, tỉa và chăm sóc bonsai.

Phi-Công Thời Loạn

Trương-Sơn Lê Xuân Nhị

Nhiều chi-tiết trong truyện ngắn sau đây được rút ra từ những phi-vụ hiểm-nghèo của mãnh-sư Nguyễn Ngọc Phát, phi-đoàn 243. Tác-giả xin trang-trọng cảm-ơn người phi-công trăm-lặng Nguyễn Ngọc Phát, và để tặng các phi-công Việt-nam (LXN).

Vừa bước vào quán cà phê, nghe tiếng nhạc dội ra âm ĩ như muốn chọc thủng màng nhĩ và đám khách lơ nhố toàn những bộ quần áo rần rĩ, Minh đã toan bỏ đi, nhưng nghĩ sao lại lững thững bước vào, tìm một bàn vắng vẻ ngồi xuống. Bộ đồ dân sự duy nhất và mái tóc hơi dài của Minh trông có vẻ lạc lõng trong cái quán cà phê toàn là lính này. Khởi cần nói, Minh biết mình đã bước vào đây dưới những cái nhìn của hàng chục cặp mắt... rần rĩ khó chịu. Mặc kệ. Bọn này đâu biết chàng là một phi công trực thăng vừa đổi về đây từ một địa danh lầy lừng nhất của quân sự hiện tại: Bình Long anh dũng.

Như thường lệ, vừa ngồi xuống là Minh móc gói Pall Mall thấy lên bàn, bình thần chờ cô hàng đến hỏi. Hút được nửa điếu thuốc, cô hàng đâu chưa thấy đã thấy một bộ đồ rần rĩ lăm lăm tiến tới bàn mình. Minh nheo mắt, rón đơ lưng cái sự... tiến tới có vẻ hơi kỳ lạ này. Trong khoảnh khắc, chàng ước gì mình đã không bước vào quán.

Người mặc áo rần rĩ tiến tới gần hơn. Minh xoay hẳn người, ngược lên nhìn thẳng vào mặt hắn. Té ra là lính Lôi Hồ, thứ lính hung hãn nhất và cũng ba gai nhất của quân lực. Hắn muốn gì đây? Minh bình thần chờ đợi.

Người lính chỉ vào bao thuốc lá, giọng lạnh lùng:

— Ông bạn cho xin điếu thuốc. Minh thừa biết đây chỉ là cái cớ. Dãy bàn mà hắn vừa bước ra, khói thuốc lá xông lên mờ cả một góc quán, đâu cần gì phải “di hành” qua đây kiểm soát!

Minh sực nhớ ra là mình không giắt theo cây P.38 trong bụng. Chàng suy nghĩ thật mau. Cũng là một tay chơi, Minh biết câu xin thuốc lá này tuy bình thường nhưng cân não lắm. Không cho, thế nào cũng có chuyện. Mà cho thì tự chấp nhận là mình dưới “cơ” của hắn. Chàng biết cái vụ xin thuốc lá này chỉ là phần mở đầu của một chuỗi rắc rối mà chàng không muốn dính vào. Nhất là sau khi vừa bị quất một phát 30 ngày trọng cấm và chuyển từ Biên Hoà về đây với lời phê “tàn bạo” trong hồ sơ quân bạ: “Sĩ quan bê bối thiếu tác phong. Chuyển vì lý do kỷ luật”.

Thật ra lời phê của ông Không đoàn trưởng có hơi khắt khe với một phi công trực thăng từng vào sinh ra tử nhưng Minh không lấy thế làm buồn. Chàng tự an ủi rằng chẳng qua cái hạn của mình nó đến, không thể ngăn cản được. Chuyện rắc rối của chàng cũng bắt đầu trong một quán cà phê như thế này...

*
* *

Cách đây hai tháng, sau một phi

vụ bốc thương binh từ chiến trường An Lộc trở về, người phi công phụ của chàng bị bắn chết tươi trong phòng lái. Nhớ lại Minh còn thấy lạnh người.

Vòm trời An Lộc sau mấy tháng trời vây hãm đã bị phòng không Việt cộng kèm cứng ngắc. Cứng đến nỗi một con chim bay vào cũng không lọt. Chẳng phải chúng nó ghê gớm hay tài giỏi gì nhưng vì thành phố nhỏ tí tẹo, mọi *traffic* của phi cơ đều đến hoặc đi trong vòng mấy cây số vuông đầm máu này. Sau những ngày đầu tiên của chiến dịch, thấy bắn phi cơ mãi mà không trúng, bọn Việt cộng nghĩ ra được một phương pháp mới mẻ quái dị, như ôm cây B-40 hay CKC có ống nhắm leo tuốt lên ngọn cây ngồi canh. Trục thẳng dù bay cao hay thấp, bay vòng hay thẳng, đường nào rồi cuối cùng cũng phải tà tà chậm lại để đáp xuống. Từ lúc đáp cho đến lúc cất cánh, lính hay thương bệnh binh chạy mau nhất cũng nửa phút đồng hồ. Thế là các chú Vẹm với những yếu tố tác xạ và đạn đạo có sẵn, cứ bình thần nhắm từng chiếc một mà nổ. Nổ đẹp và dễ dàng như người tân binh tập bắn súng ở quân trường. Không quân Việt Nam chỉ còn biết giao đời mình cho số mạng.

Hôm ấy Minh bay một phi vụ tải thương và tiếp tế, phải cất cánh đến lần thứ năm mới đem tầu vào được vòng đai tiểu khu. Mấy lần trước, bốn lần cất cánh là bốn lần... de lui. Vừa de vừa nín thở. Bức tường lửa của hàng trăm cây phòng không vững chắc hơn cả bức tường thép, người lại bằng thịt da và có cảm giác nên Minh không thể nào đục thủng để chui qua được. Quẹo về bãi đáp, nghỉ ngơi chút xíu, hút điếu thuốc lá, uống hết bạch trà đá chanh đường, thêm xăng nạp đạn lại cho mấy ổ súng xong là phi hành đoàn lại cất cánh. Cánh quạt đang phần phật nhắc bổng con tầu lên, ai cũng nghĩ đến chữ “số mạng” để trấn áp nỗi sợ hãi trong thâm tâm. “Mình chưa tới số thì có bay giữa vùng lửa đạn cũng vẫn tỉnh bơ, còn

tới số thì nằm ngủ trong nhà cũng bị cột nhà rớt trúng đầu chết ngắc...”

May quá, lần thứ năm, lợi dụng lúc phòng không Việt cộng bận rộn bắn nhau với máy ông F-5, Minh liều lĩnh cắt ga cho tàu rớt xuống giữa hai hàng cây, chui vào được. Hai trực thăng gunship đi theo hộ tống hùng hổ vậy mà cũng phải tháo lui. Hai cây minigun làm sao bắn lại một trăm cây 12 ly 7.

Bay gần sát mặt đất mà vẫn còn phải vòng vòng lắc qua nghiêng lại để đề phòng cái vụ B-40 của chúng nó bắn từ trên ngọn cây. Đạp mấy thùng đồ tiếp tế xuống chỗ chỉ định xong, Minh quẹo gắt một đường thẳng tiến tới bãi bốc thương binh để chở về bệnh xá. Nhìn xuống bãi đáp, chàng mới thấy xót xa trong dạ. Hàng trăm người lính bộ binh chờ di tản ngồi đầy sân. Không biết họ chờ đã bao lâu nhưng Minh biết chắc phải lâu vì hơn ba ngày qua, chiếc tàu của chàng là chiếc trực thăng đầu tiên lọt qua được vòng đai phòng không của giặc.

Vừa nghe thấy tiếng trực thăng thì cảnh hỗn loạn dưới đất xảy ra liền lập tức. Lý do dễ hiểu vì ai cũng mong mình được trực thăng bốc. Những thương binh còn đi được hay nói đúng hơn, hễ ai còn cử động được liền tự động tìm cách tiến gần theo hướng tàu tà tà đang bay tới.

Là một phi công kinh nghiệm với hàng trăm phi vụ ngạt thở kiểu này, Minh biết chuyện gì phải làm. Thứ nhất, chàng không thể nào đáp xuống giữa một đám đông vô trật tự như vậy được. Mọi người sẽ bu lấy chiếc trực thăng như đàn hổ đói bám con dê non. Tiếp theo đó là cảnh xô đẩy tranh giành nhau để leo lên phi cơ. Làm sao tàu cất cánh nổi với một số người đông như vậy được! Cũng đừng hòng nói đến chuyện phải trái hay ngăn cản họ. Ở những giây phút nguy hiểm tuyệt vọng, con người thường có những hành động liều lĩnh ngu xuẩn. Một tràng M-16 ria vào phòng lái hay một trái lựu đạn tung lên là chuyện

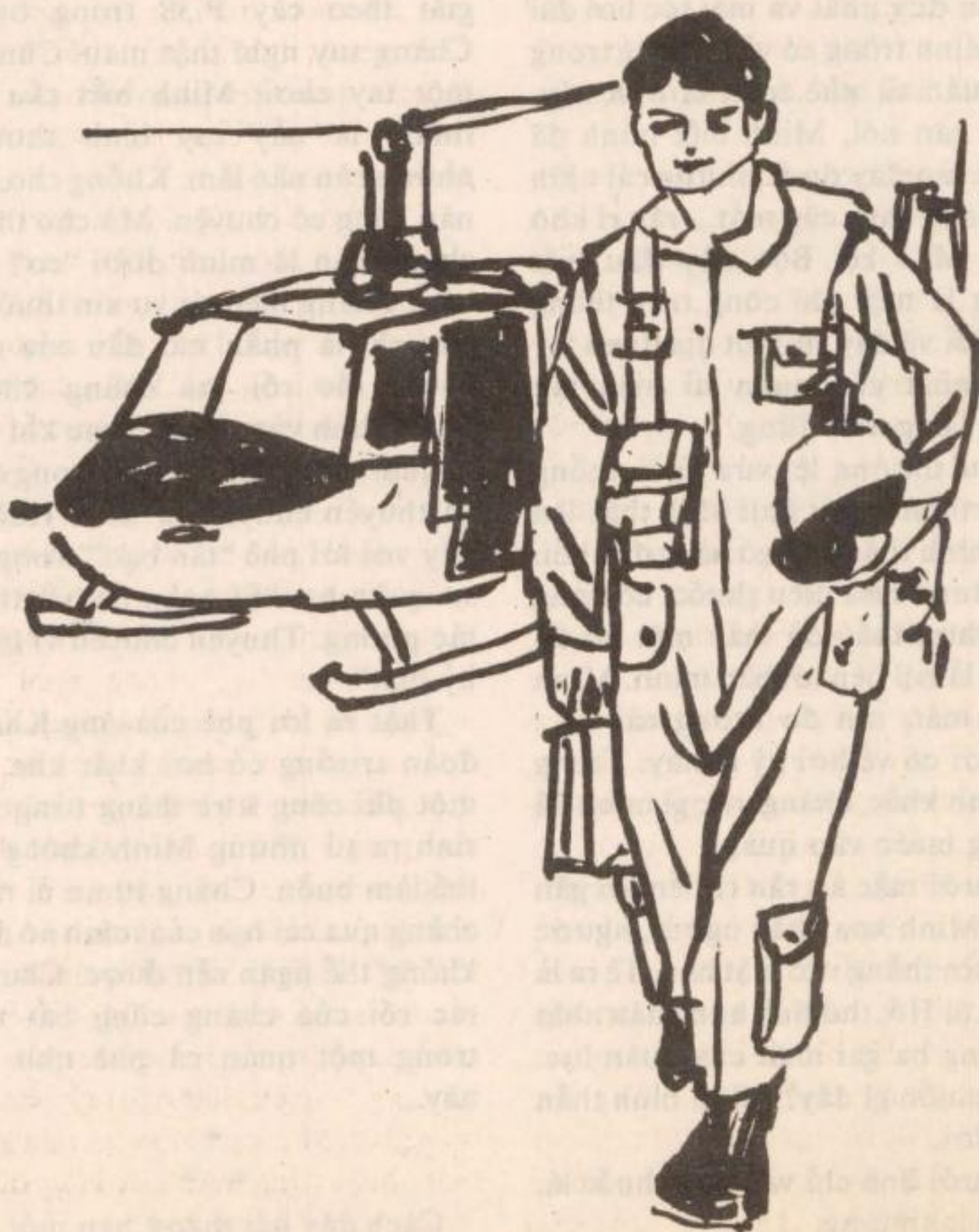
có thể xảy ra hoặc đã xảy ra. “Ông không đi được thì cũng đừng hòng có thằng nào đi...” Thứ hai, chàng chỉ muốn bốc những người bị thương nặng nhất đi trước. Khổ một nỗi là hễ bị thương nặng quá rồi thì người ta đâu có mò đi được. Chỉ còn nước nằm một đồng trên băng-ca mà nhìn thiên hạ “bon chen”.

Thật là hai vấn đề nhức đầu, nhưng trời ạ, vượt bức tường lửa bốn năm lần mới vào được tới đây, chẳng lẽ lại “xách tàu không” đi về? Minh suy nghĩ thật mau và tìm ra giải pháp liền.

Chàng cho tàu bay là là cao hơn mái nhà một chút, lượn vòng và đảo mắt tìm “khách hàng”. Đây rồi, nơi một góc sân Minh thấy hai ba cái băng-ca có mấy người thương binh nằm thêm thiếp. Bình nước

biển treo tòn ten và mấy ông y tá đứng chung quanh chứng tỏ rằng họ là những người cần được bốc trước hết. Minh hạ tàu thấp xuống chút nữa, bay gần đến đám người tuyệt vọng đó. Khi nhìn thấy mấy ông y tá hớn hở đưa tay ra vẫy vẫy, Minh giơ tay chỉ vào mấy cái băng-ca rồi chỉ xuống đất làm một dấu hiệu như muốn nói: “Mấy ông cứ yên tâm chờ đó đi, lát nữa tôi trở lại”. Mấy người dưới đất có vẻ hiểu, gật gù cái đầu mấy lần.

Xong rồi, Minh mớm thêm chút ga lượn tàu bay qua tuốt phía bên kia sân, xa thật xa, rồi đáp thật mau xuống khoảng đất trống. Những thương binh còn mạnh khỏe thấy vậy liền ào tới chiếc trực thăng vừa đáp mau như một cơn lốc. Nhưng Minh mau hơn chút xíu. Người đầu tiên vừa tới gần tàu thì chiếc



trục thẳng đã được chàng vặn hết ga, bốc vút lên cao. Đám thương binh chưng hửng nhìn lên, tròn mắt kinh ngạc không biết ông phi công này chơi trò gì. Nhưng họ hiểu ra ngay khi nhìn thấy chiếc tàu vừa bốc lên lại “rớt” xuống ở góc sân bên kia, nơi có mấy người bị thương nặng nằm trên cáng.

Tàu chưa đáp vững trên mặt đất là Minh đã thò đầu ra hét nhặng lên giữa tiếng cánh quạt chém gió phàn phật:

— Lên, lên mau, mấy chiếc cáng lên mau trước...

Hét xong Minh quay đầu, nhìn sang bên kia coi chừng đám “khách hàng” cũ đang ào ào chạy trở lại. Minh hơi ngạc nhiên khi thấy trung úy Cường, người phi công phụ của chàng này giờ ngồi im lặng không nói lời nào. Chuyện này hơi lạ nhưng chàng không có thì giờ để ý tới. Thần kinh Minh đang căng thẳng cùng cực để chuẩn bị bốc phi cơ lên đúng lúc. Bốc sớm quá thì không rước được thương binh, và trễ quá thì coi như đánh bỏ tàu luôn.

Hai chiếc cáng vừa được đặt lên là Minh vặn hết ga nhấc tàu lên khỏi mặt đất liền. Chỉ cần chậm một giây là sẽ hối hận ngàn đời. Bốc khi, chỉ có hai chiếc cáng mà sao tàu nặng thế này! Chàng phải chúm mũi, lết càng trục thẳng chạy trên mặt đất một đoạn mới nhấc nó lên được. Bụi bay mù mịt. Khốn nạn hơn, chúng nó đang nã trọng pháo vào. Hoả tập với một yếu tố, một mục tiêu đã được ôn đi ôn lại cả mấy tháng, chúng nó bắn mà trật gì nổi! Minh thấy những đám hoa khói nổ tung bùng rượt theo chiếc phi cơ mình. Có trái nổ gần đến độ đất văng lên cả kính phi cơ.

Tạ ơn trời, con tàu đã bắt đầu rời mặt đất. “Rời được là bay được, rán lên chút đi em!” Minh lẩm bẩm trong miệng, mồ hôi ướt rịn hai bên má, thấm ướt hết cả áo bay cùng áo giáp. Nhưng chiếc tàu không lên cao thêm được chút nào nữa, chỉ lơ lửng trôi đi như một trái bong bóng gần hết hơi. Và chàng tái mặt khi

thấy một hàng dây điện ngay trước mặt.

Minh có quyết định liền. Tàu không đủ sức để vượt qua, dừng lại là rớt một cái oanh liền, chỉ còn nước chui xuống dưới mà đi. Vừa chui vừa cầu nguyện. Cầu nguyện với thượng đế rằng, xin ngài cho người nào đó, khi dựng những trụ điện này, đã chôn chúng nó cách xa nhau một chút, vừa đủ chiều dài của cánh quạt trục thẳng.

Minh mím môi cho mũi tàu hơi hạ xuống, chui giữa hai hàng trụ điện. Thần kinh Minh khô cứng, trí não tê liệt nhưng hai tai thì chuẩn bị để nghe một tiếng rầm khủng khiếp của cánh quạt chém vào chướng ngại vật...

Tạ ơn trời, con tàu chui trót lọt qua giữa hai hàng trụ điện. Bình thường, khoảng cách giữa hai trụ điện không dài như vậy. Nhờ có thêm chút tốc độ, chàng từ kéo phi cơ lên. Minh lái con tàu chỉ vừa đủ cao để tránh những sợi dây điện chết người như lúc này thôi, không lên cao quá. Đạn pháo kích của giặc vẫn lăm đuổi theo chiếc trục thẳng tải thương.

Ra khỏi thị xã, Minh mới thấy nhẹ người một chút, bèn quay đầu nhìn lại. Và chàng xem kêu lên một tiếng kinh ngạc khi nhận ra có đến gần ba chục người. Trong lúc nguy hiểm, bản năng sống còn của con người quả thực lạ lùng. Chàng choáng váng mặt mày và tự nghĩ nếu mình kéo tàu lên chỉ chậm một giây đồng hồ nữa thôi, cả chiếc tàu này sẽ bị chìm giữa một biển người.

Ngay lúc ấy, chàng nghĩ đến người phi công phụ của mình. Quái lạ, ông tướng này từ lúc vào An Lộc đến giờ, không nghe hắn nói tiếng nào. Minh nhớ ra một điều, hốt hoảng quay sang và thấy Cường chỉ còn là một cái xác. Hắn đã chết không biết từ lúc nào, đầu ngoẻo sang một bên. Một lỗ hồng nhỏ xuyên qua nón bay nơi gần thái dương. Xuyên thật ngọt từ bên này sang bên như người ta lụi mía ghim vậy. Một vũng máu khô chạy dài từ phần trán xuống ngực.

Minh nấc lên một tiếng nghẹn ngào, nước mắt chảy ra, tưởng như viên đạn oan nghiệt kia vừa bắn vào đầu mình. Trung úy Nguyễn Văn Cường, mặt đẹp như con gái, ăn nói nhỏ nhẹ, nhà có hai ba cái tiệm thuốc tây, bỏ học đi lính chỉ vì mê bộ đồ phi công. Ai có ngờ! Phải, ai có ngờ phi công trục thẳng lại bị CKC để một phát vào giữa màng tang, chết gục lúc nào không ai biết.

Đáp tàu xuống bãi đậu, tắt máy xong, Minh ngồi yên thần thờ như người mất hồn. Một vài thương binh vừa thoát chết, chạy lên phòng lái tính nói mấy lời cảm ơn nhưng hoảng hốt giật lui khi thấy xác Cường trợn mắt ngồi bất động một đống. Bộ binh gan lì vậy, sống với cái chết hàng ngày mà cũng không giấu được vẻ kinh hoàng khi nhìn thấy xác Cường.

Xe hồng thập tự ào tới, lúc ấy Minh mới nhớ là mắt bạn còn mở trừng trừng uất hận. Chàng tháo đôi găng, nhào người tới đưa tay vuốt mắt cho bạn, thì thầm: “Cường ơi, mày lúc sống hiền như bụt...” Nói tới đó chàng nghẹn lời, hai tay run run.

Mấy người y tá mở cửa chiếc trục thẳng, chẳng nói chẳng rằng, lui cui tháo dây an toàn cho Cường. Minh vừa vuốt được mắt bạn thì họ cũng vừa lòi được Cường xuống khỏi tàu bay.

Tối đó, con đường từ phi trường Biên Hoà về Sài Gòn, Minh phóng xe như người mộng du. Qua trạm kiểm soát xa lộ, đang mơ mơ màng màng thì một tiếng còi tu-huýt thổi ré lên làm chàng chột bưng tỉnh. Minh thắng xe lại, vừa kịp thấy hai người quân cảnh ào tới, mặt mày hăm hăm như muốn ăn tươi nuốt sống chàng:

— Anh kia đi đâu mà ẩu tả vậy? Bộ anh không biết đây là trạm kiểm soát sao?

Minh lắc đầu. Làm sao những người lính gác đường này hiểu được tâm trạng mình. Một ngàn năm nữa, chúng cũng không thể nào hiểu nổi. Phải nhìn tận mặt thẳng Cường với một lỗ hồng đen

thùi máu khô từ màng tang bên này sang màng tang bên kia, phải nhìn thấy hàng trăm thương binh chạy như đàn kiến dưới cơn mưa pháo của giặc, phải nhìn rõ viên đạn đại pháo nổ trước mũi phi cơ văng đất lên đầy cả kính trước, phải nhìn con tàu chở quá trọng tải với hơn 30 thương binh lắc lư bay là đà dưới hai hàng dây điện, chỉ cần nghe một tiếng bùm là sẽ biến thành cây đuốc vĩ đại... hàng trăm thứ phải nữa thì may ra chúng nó mới thông cảm được mình...

Minh rút bóp móc sự vụ lệnh đưa cho một người. Người kia quan sát chàng bằng cặp mắt thiện nghệ và như đọc được những tia nhìn phần nộ của viên phi công trẻ tuổi, hấn nở một nụ cười xă giao:

— Trung úy qua khu kiểm soát mà quên ngừng lại. Trung úy thông cảm, chúng tôi chỉ thi hành bốn phận.

Hấn có lý. Ai cũng có bốn phận phải thi hành. Minh gật gù, ra dấu thông cảm.

Queo chiếc vespa vào đường Trương Minh Giảng, Minh tự nhiên thấy không muốn về nhà. Về để làm gì kia? Ăn thì không đói, ngủ thì không thể nào được. Chàng queo ngược xe trở ra nhưng chẳng biết đi đâu. Tự nhiên Minh thấy thèm rượu kinh khủng. Đúng ra phải nói là thèm say, thèm những cảm giác bồng bênh trôi nổi giữa một thành phố hoa lệ đang lên đèn. Minh thắng đại xe trước một quán cà phê. Ánh đèn xanh đỏ từ bảng hiệu hắt xuống mặt đường làm chàng nhớ đến chiếc đèn Beacon của tàu bay, của phi trường.

Dưới ánh đèn mờ mờ, trong tiếng nhạc, mọi người trong quán nhìn ông phi công mặc áo bay với khẩu súng lục trễ bên hông như nhìn một người đến từ hành tinh lạ.

Hôm nay sao gặp toàn những chuyện bực mình. Tính kiếm một chỗ vắng để uống vài chai bia giải sầu mà mới bước vào đã ngửi thấy mùi khó chịu rồi! Mặc kệ, kể từ ngày đi lính, đã lâu lắm mình chưa... đánh lộn với ai, cú ngồi đây

một chút coi thử ra sao. Chàng tới bên một bàn trống, đảo mắt nhìn một vòng chung quanh rồi rành rành ngồi xuống, quăng gói thuốc lá lên bàn theo thói quen.

Một cô hàng chạy ra, nhẹ nhàng hỏi chàng một câu gì đó. Minh không nghe được và cũng chẳng cần để ý đến nàng. Chàng ngó mông lung qua cửa sổ, xòe tay ra, cắt giọng nặng nề:

— Năm chai 33.

— Dạ, ông muốn kêu 5 chai một lần?

— Ừ, 5 chai một lần.

Cô chiêu đãi viên gật đầu quay lui.

Chai thứ nhất, uống cho mày Cường ạ. Số mạng phải không mày! Ừ, tao cũng nghĩ vậy. Mày trẻ tuổi đẹp trai con nhà giàu, mê gì mấy chiếc trực thăng đen thùi lùi mà bỏ nhà đi lính. Nhiều khi tao tự hỏi tại sao trời hay bắt những thằng hiền lành đẹp trai như mày đi trước. Phi đoàn còn thiếu gì thằng... xấu trai mất dạy, cờ gian bạc lận, quít tiền chạy nợ của thiên hạ sao trời không bắt chúng nó đi giùm...

Chai thứ hai, uống cho địa danh An Lộc đẫm máu. Tên thì nghe hay quá mà sao chiến trường lại tàn khốc vượt sức tưởng tượng của mọi người. Mới hôm qua, An Lộc hứng sáu ngàn trái vừa cối vừa đại pháo. Những người lính bộ binh tiểu khu An Lộc xứng đáng được gọi là anh hùng. Nhớ đến phi vụ hồi chiều, Minh lại thấy ớn lạnh. Nếu chàng kéo tàu lên chỉ trễ một giây đồng hồ nữa thôi thì chắc giờ này mình cũng đang được “hân hạnh” ngồi đếm pháo chung với đám thương binh. Chỉ vừa hạ càng xuống bốc lên liền mà có tới gần 30 mạng leo được lên tàu.

Chai thứ ba, nước đá tan gần hết rồi, Minh quay vào trong gọi to: “Cho tôi thêm mấy cục nước đá đi... cưng”. Tiếng “cưng” kéo dài, chất chưởng. À, thì ra mình đã hơi say rồi. Tốt, đang cần say lắm.

Khỏi cần chờ nước đá, chàng rót tiếp bia vào ly. Vừa hết chai, Minh

thoáng nghe những tiếng cười hồ hốt rất ngứa tai phát ra từ một cái bàn trong góc phòng. Chén lẫn với những tiếng cười khó nghe đó là những câu nói móc lò xa xôi ngụ ý mỉa mai những chiếc áo bay.

Chàng đặt mạnh ly bia xuống bàn, xoay đầu nhìn về hướng những câu nói ấy. Ba gã mặc đồ xi-vin trạc tuổi chàng và một gã mặc áo rằn ri ngồi nghênh ngang cười nói, ném những tia nhìn về phía

cùng nhau

*Thơ đã từng xua quân đuổi giặc
Giống sài lang mật võ, hồn kinh
Nổi sấm chớp dẹp tan kinh ngạc
Giữa điêu tàn tô nụ cười xanh*

*Người nhắc ta một thời oanh liệt
Người hỏi ta giờ sao thơ buồn
Ôi nhớ nước sao mà vui được
Giọng dỗ quỳên nào chẳng thở than!*

*Ta đã hết lòng ta ngày trước
Súng cùng thơ dốc tận cuộc chơi
Hỡi đồng ngũ vai chèn chân bước
Ta làm sao đội đá vá trời?*

*Này nước mắt nhớ người còn ở
Này nụ cười thương kẻ ra đi
Cũng héo hắt như tình cách trở
Nổi đau chung, ôi biết nói gì!*

*Những uất hận hồn oan ngục đố
Những xót xa thân khuất lưu vong
Màu tim bỏng cảm hồn sôi lửa
Mảnh thuyền đầm sóng dập mênh mông*

*Bỏ địa ngục sau lưng thẳng thối
Núi thiên đường trước mặt bấp bênh
Triệu tay súng một ngày tan tác
Sài gòn ơi, mưa máu gió tanh*

*Mơ ước cũ cùng người tiếp nối
Đá nghìn non hy vọng cao mây
Gươm chính khí mở đường khai lối
Sôi đêm đen bằng đuốc muôn tay*

*Thơ lại chép những trang hùng sử
Màu cờ xưa vẫy gió vui bay
Lòng hứa quốc rạng ngời trăng tỏ
Ta cùng nhau hát khúc xuân này.*

cao tiêu

chàng như thách thức. Gã mặc đồ rằn ri không hiểu ở đơn vị nào, chắc phải là lính đào ngũ vì quân đội đâu có ai cho phép để tóc dài như vậy.

Tự nhiên một cảm giác phần uất từ đâu ào tới phủ kín tâm hồn chàng. Dù mẹ bọn dân thành phố bạc bẽo này. Bọn tao vừa bị chúng nó bắn vỡ sọ, tao lăn lóc giữa hòn tên mũi đạn, và mỗi một giờ đồng hồ qua đi, không biết có bao nhiêu người tuổi trẻ Việt Nam khác đang kể tiếp nhau nằm xuống cho chúng mày ở hậu phương được bình an êm ấm. Ông đểch cần chúng mày trả ơn vì ông chỉ làm bốn phận, nhưng không thể khi dễ ông thế này được!

Cơn nóng giận làm viên phi công bình thường vẫn trọng pháp luật bỗng trở nên liều lĩnh lạ thường. Chàng suy nghĩ thật mau: Chúng mày có bốn thằng, ngon lắm, tao chỉ có một mình nhưng còn cây P.38 của chính phủ phát để làm gì!

Nghĩ xong là làm liền. Dù mẹ phòng không chúng nó đem tận

Nga Tàu sang cả hàng trăm khẩu ông còn đểch ngán thì sợ gì mấy thằng cao bồi vườn. Để coi thử chúng mày ngon tới đâu cho biết! Minh giúi tất điều thuốc đang hút, thò tay bật nút cài cây P.38 ra, lăm lè đứng dậy. Chàng dùng chân đẩy ghế ra sau, điều bộ y hệt một anh Djăng-gô sắp sửa giết người trong xi-nê.

Nhưng chàng vừa cất bước thì bỗng có một bàn tay nắm lấy vai chàng, nhẹ nhàng kéo lại. Minh quay nhìn lui, ngạc nhiên nhận ra cô hàng bán nãy không biết đã đứng sau lưng chàng từ lúc nào. Cô hàng xinh quá! Chàng chợt hối hận, nếu biết em xinh thế thì lúc nãy mình đã không gọi bìa một cách lạnh lùng thô lỗ như vậy.

Bàn tay nàng đã dịu dàng, giọng nói còn ngọt ngào hơn:

— Thưa, ông cần nước đá?

Minh thấy lòng mình dịu lại, bao cảm hờn biến mất hết. Chàng ừ ờ nói không nên lời.

Cô hàng buông vai Minh ra, hơi ngượng vì thấy mình tự nhiên dám

nắm tay một người chưa hề quen biết. Nàng lặp lại câu hỏi:

— Thưa, ông cần nước đá?

Không biết nói gì, Minh gật đầu và đưa tay đỡ lấy ly nước đá, vô tình... cầm phải bàn tay mềm mại của người con gái. Một cảm giác khoan khoái chạy suốt lên người chàng. Một giây, hai giây, năm giây đồng hồ trôi qua. Chợt nhớ ra, Minh kéo ly nước đá về, hốt hoảng nói:

— Xin lỗi, tôi... tôi không cố ý...

Nụ cười của cô gái đầy vẻ bí mật, nửa như thách thức, nửa như e dè. Nàng nhìn viên phi công trẻ:

— Ông có làm gì đâu!

Chàng ngạc nhiên vì cặp mắt của nàng, nó sâu thăm thẳm, như chứa đựng một cái gì.

Minh kéo ghế ngồi xuống, quyết định dẹp chuyện gây gỗ lại để lo chuyện... tán gái. Minh kiếm một câu nói nhưng lưỡi như ríu lại, đành ngồi im. Đầu óc chàng đã trở nên lú lẫn mất rồi.

— Ông có cần thêm gì nữa không?

Sau giây phút ngỡ ngàng ban đầu, bản tính lạnh lợi lại trở về, Minh cười, nụ cười đầu tiên của ngày hôm nay:

— Tôi chỉ sợ cô từ chối.

Lại nụ cười lấp lánh của nàng:

— Ông nói thử đi!

— Tôi muốn biết tên cô.

Khuôn mặt nàng rạng rỡ hơn nữa:

— Đơn giản vậy thì có gì mà phải sợ bị từ chối! Tôi tên Loan.

— Tên đẹp quá!

Loan lắc đầu:

— Ông chỉ khen bừa. Tên Loan thì có gì mà đẹp. Nếu tên Loan mà đẹp thì tên Minh còn đẹp hơn gấp mấy lần.

Minh ngạc nhiên:

— Sao cô biết tôi tên Minh?

— Tôi biết tên ông từ lúc ông mới vào.

— Minh có họ hàng xa gần không?

Loan cười khanh khách:

— Tôi làm gì có may mắn được... họ hàng với ông! Tôi biết tên ông vì



tôi đọc bằng tên ông.

Minh gật gù, cười:

— Cô Loan thông minh quá.

— Ông lại khen bừa nữa rồi. Bảng tên trên áo người lính thì ai đọc chả được, có gì là thông minh?

— Chẳng những thông minh mà cô còn khéo léo nữa.

Nàng lại cười:

— Ông khen bừa mãi... Tôi làm gì mà khéo léo?

— Vì cô vừa kèm chế được một thằng lính sắp sửa oánh lộn...

Minh liếc mắt nhìn về chiếc bàn lúc nãy. Hình như cả bốn cặp mắt cùng nhìn chàng một cách tức tối. Và Minh chợt hiểu. Ở phi đoàn, anh em thường gọi đi tán gái là đi thả dê. Hoá ra mấy con dê kia đang khó chịu vì tưởng rằng vừa đụng phải một con dê... phi công. Thật là oan cho Minh. Tối nay chàng chỉ muốn giải buồn, đâu có đem dê theo để thả. Và nếu đi thả dê, người ta phải ăn diện thật keng, ai lại mặc đồ bay đeo súng như thế này! Cái cảnh “áo dài xanh bên áo lính hoa rừng” chỉ đẹp trong bài hát và trong mấy vở tuồng cải lương.

Loan liếc về hướng đó, rồi cúi đầu cắn môi, ra dáng suy nghĩ. Minh hỏi tiếp:

— Mấy thằng đó là ai vậy?

Loan lắc đầu:

— Chả là ai hết. Ngày nào họ cũng đến quán...

Rồi nàng nói lảng đi:

— Lúc nãy thấy ông đứng đây, biết thế nào cũng có chuyện, tôi sợ quá, nín ông lại, mong ông không chấp.

Minh cười cười:

— Ai dám chấp! Đáng lẽ tôi phải cảm ơn cô. Đờn tôi mấy khi có điểm phúc được một người đẹp nín kéo như vậy? Nếu cô Loan muốn nín kéo tôi bất kỳ lúc nào, xin cứ tự nhiên, tôi không bao giờ phản đối.

Loan phì cười:

— Tôi chả dám...

Một cô hàng khác từ trong quầy bước ra nói gì đó với Loan rồi liếc nhìn Minh trước khi bỏ đi. A, cú liếc... chiến lược để thẩm định chiến trường đây. Minh đoán cô ta là chị

Loan vì nét mặt hai người hao hao giống nhau.

Loan nói:

— Nếu ông không cần gì thêm, tôi phải đi, đứng đây lâu quá không tiện.

Biết không thể giữ nàng đứng nói chuyện với mình mãi được, Minh thở dài:

— Lát nữa cô trở lại?

— Nếu ông cần gì thêm, cứ gọi, tôi sẽ trở lại.

Minh hơi buồn. Tuy không có ý tán tỉnh nhưng nãy giờ đầu hót ví vút, chàng tưởng mình ít nhất cũng được cô nàng chú ý, hoá ra mình chỉ là một khách hàng bình thường như hàng trăm khách hàng khác. Câu chuyện vừa rồi chỉ là màn “xã giao kinh tế” giữa chủ và khách thôi! Minh đốt một điếu thuốc, cặp mắt trở nên hoang vắng kỳ lạ!

Loan tinh mắt nhận ra ngay vẻ bất mãn trên khuôn mặt người lính trẻ:

— Ông Minh này!

Giọng Minh lạnh lùng, hơi buồn buồn:

— Gì cô?

Loan cười nhẹ:

— Ông cho tôi hỏi một câu nhé?

— Hỏi đi.

— Lúc nãy ông gọi ai là “cung” vậy?

Minh cười:

— Tôi gọi cô đấy.

— Nghèo mà ham! Ai cho phép ông vậy? Tôi là “cung” của ông lúc nào?

Chàng chưa kịp trả lời thì Loan đã bật cười rồi đột nhiên úp bàn tay mềm mại của nàng lên bàn tay Minh đang để trên bàn. Minh ngẩn người, có cảm giác như vừa... trúng số độc đắc. Chàng chẳng biết phản ứng ra sao nhưng nét mặt tươi lên thấy rõ.

Loan để yên như vậy một lúc rồi nhẹ nhàng cất tay đi, giọng như tiếc nuối:

— Tí nữa tôi trở lại.

Loan đi rồi, Minh biết kể từ giây phút này, sự hiện diện của mình ở nơi đây đã có một ý nghĩa khác. Chàng tránh, không muốn

nghĩ đến hai chữ “thả dê” như anh em thường nói. Không hiểu sao, chàng thấy động từ đó không hợp trong hoàn cảnh này chút nào. Nó nham nhở và lỗ lã đến kỳ cục. Minh ngo ngẩn một lúc rồi chợt nhìn xuống tay mình như tiếc nuối những giây phút êm ái. Táo bạo thật! Ai bảo con gái mới lớn không có những cú chết người như thế này! “Ai cho phép ông gọi tôi là cung...” Minh suy nghĩ tìm câu trả lời.

Chàng rót bia vào ly. Màu vàng của bia giờ thấy hấp dẫn hơn lúc nãy nhiều. Uống cạn ly, chàng lại nhớ đến Cường. Cường không hay nhậu nhẹt nên hai người không thân nhau lắm. Tuy thế, thỉnh thoảng khi đi biệt phái, bạn bè cũng có dịp ngồi uống rượu với nhau. Thường, Cường chỉ uống một chai rồi ngồi im hút thuốc lá nghe thiên hạ đầu. Tối nay, không biết trong cõi trời thên thang nào đó, Cường đang làm gì! Minh thấy mình thật tệ. Chiều nay, trên đường về, chàng đã tính ghé nhà Cường để báo tin dữ nhưng lại đổi ý. Công việc quan



trọng này nên để ông phi đoàn trưởng hay những người bạn thân của Cường. Nhìn thấy nó chết là đã quá đủ!

Uống hết chai thứ năm, Minh bắt đầu thấy mười phần “lãng lãng thoát tục”. Mỗi xong liều thuốc, tính gọi thêm bia thì bỗng thấy một bóng người đứng trước mặt mình. Chàng nhìn kỹ hơn và nhận ra một trong bốn gã tóc dài ở cái bàn đã phát ra những câu móc họng.

Thằng ngố này chắc không biết rằng trước khi đi lính, chàng đã là một tay chơi khét tiếng. Khét tiếng đến nỗi, ngày chàng nhập ngũ, cả xóm thờ phào nhẹ nhõm. Người thờ phào nhẹ nhõm nhất là bố chàng. Để coi nó muốn gì! Minh ngồi im nhìn, không tỏ một dấu hiệu nào hết. Minh để ý thấy khuôn mặt thằng này rất trắng nhưng trắng mét, không biết vì sợ hãi hay vì hút xì-ke nhiều quá. Quần áo nó mặc rất chiến, có vẻ là con nhà giàu. Chàng hơi thắc mắc là nhỏ con ốm yếu như vậy, sao nó dám lết qua đây gây chuyện! Thằng con nít này vì ngu si hay vì ỷ thế mấy thằng bạn mà nổi máu anh hùng bất tử? Cái ngố này thì Minh chỉ cần một đám là văng qua tuốt bên kia liền.

Thằng tóc dài chỉ vào gói thuốc trên bàn, giọng hơi run:

— Xin liều thuốc được không?

Lại chơi đòn chiến tranh chính trị để đo lường phản ứng đối phương đây. Dù mẹ ăn nói còn chưa vững thì nói gì đến chuyện gây gổ với ai! Minh nhẹ nhàng cầm bao thuốc lên, nhìn ngang nhìn ngửa một lúc rồi nhún vai rất... xi-nê, nói:

— Xin lỗi ông bạn, thuốc này không phải là thuốc chùa. Bạn muốn hút thuốc lá chùa, lên chùa mà xin.

Thằng tóc dài đứng yên như không biết phải làm gì một lúc rồi bước tới, giơ tay kéo ghế tính ngồi xuống. Ai cho mày ngồi chung với tao? Minh co giò tính đạp văng cái ghế ra thì bỗng khựng lại: Loan xuất hiện. Minh không nên để cho nàng có ấn tượng mình là một

người hung dữ.

Loan đánh tan bầu không khí gay cấn bằng một nụ cười:

— Ông Minh cần dùng gì nữa không ạ?

Chưa kịp để Minh trả lời, nàng hỏi luôn gã tóc dài:

— Còn anh Đạt, cần gì không anh?

Minh thấy mình lâm vào một tình thế khó xử: phải ngồi chung bàn với một thằng không ra gì. Chàng quyết định liền:

— Cô Loan làm ơn tính tiền cho tôi đi, tôi phải về.

Loan tròn mắt ngạc nhiên, giọng nàng tiếc nuối thật sự:

— Sao ông đi sớm vậy?

— Tôi có việc. Hôm nào đó tôi sẽ ghé.

Vừa nói chàng vừa liếc mắt vào Đạt. Loan hiểu ý. Nàng chớp mắt thật mau, hỏi một câu mà Minh biết anh chàng Đạt nghe đến chắc phải lộn ruột:

— Ông hứa ông sẽ ghé?

Thấy tự ái được ve vuốt, Minh cười:

— Tôi hứa.

Loan vừa quay vào trong, Minh nhìn xéo Đạt, dần giọng:

— Chú mày may mắn lắm đó, nếu cô Loan không xuất hiện bất ngờ thì chú mày làm gì ngồi đây với tao được.

Thằng khốn vẫn ngồi im, không biết nó không thèm hay không dám mở miệng. Minh hỏi:

— Muốn gây sự phải không?

Đạt nhún vai. Minh tiếp:

— Dù mẹ tao có chuyện phải đi, không phải tao sợ chú mày đâu nha. Có ngon thì ra ngoài kia ăn thua với nhau một trận. Chú mày về nói với mấy thằng bạn của chú mày như vậy...

Minh nhìn sang bàn bên kia và bỗng giật mình nhận ra chiếc bàn đó đã trống trơn. Bọn chúng biến mất hết từ lúc nào.

Thế này là có chuyện rồi! Chuyện lớn chứ không chơi. Minh đâu có lạ gì cái trò này. Chúng nó để một thằng ở lại gây chuyện, bọn còn lại ra ngoài “lập trận” chờ mình.

Nhưng ông chấp cả lò nhà chúng mày, để coi thử chúng mày giỏi được trò gì!

Không chờ Loan trở lại, Minh đứng lên tới quầy trả tiền. Loan thối tiền một cách chậm rãi, như muốn kéo dài giây phút chia tay. Nàng e ngại nhìn Minh:

— Hình như có chuyện gì phải không ông?

— Có gì đâu, tôi phải về gấp.

— Hôm nào ông trở lại?

Minh nhìn sâu vào mắt Loan, cố đo lường sự chân thật trong câu nói:

— Cô muốn tôi trở lại thật hay chỉ hỏi để mà hỏi vậy thôi?

Loan chớp mắt thật mau như cổ dẫu về bất mãn rồi cúi đầu xuống. Minh thấy lòng mình vừa tê tái vừa thích thú. Tự ái chàng một lần nữa được vuốt ve.

Bỗng Loan ngẩng đầu lên, giọng có vẻ trách móc:

— Ông cho tôi là hạng người nào?

— Tôi đâu dám “nhận định” ai. Tại thấy Loan tiếp đãi mọi người rất lịch sự nên hỏi vậy thôi.

Loan nhìn ra xa, thở dài:

— Thôi, chúc ông về may mắn. Nếu rảnh thì ghé, không cũng chẳng sao.

Rồi Loan quay đi. Minh hốt hoảng gọi giật lại:

— Cô Loan!

Loan ngừng bước, quay đầu lại. Minh thấy mắt nàng ướt và buồn kinh khủng. Chàng bùi ngùi:

— Anh ăn nói hồ đồ làm Loan buồn, anh xin lỗi.

Loan đổi giận làm vui, liếc nhìn Minh:

— Ai cho phép ông xưng anh với Loan?

Minh hốt hoảng chữa lửa:

— Ý quên, tôi xin lỗi cô Loan, tôi xin lỗi.

Chàng nhấn mạnh chữ “tôi” hai lần, rõ ràng. Loan bật cười:

— Ông bạo lắm ông biết không?

Mới vào đây chưa quen ai hết đã dám gọi người ta là cưng, rồi bây giờ xưng anh ngọt xớt. Bộ lính không quân đều như vậy hết hả ông

Minh?

— Không đâu, không quân chúng nó rất lịch sự hiền lành, chỉ có mình tôi là bừa bãi thôi. Đây là vấn đề cá nhân, không liên quan gì đến binh chủng hết, cô Loan thông cảm.

Bỗng có một giọng đàn bà chen vào:

— Con bé này, ăn hiếp người ta vừa vừa chứ!

Minh qua nhìn người vừa “cứu bồ” mình. Ra là cô hàng lúc nãy. Cô nàng tự giới thiệu:

— Tôi tên Thanh, chị của con bé khó tánh này. Tôi cứ bảo nó mãi, khó như nó thì bựt cũng chẳng chịu được...

Có đồng minh bất ngờ, Minh lên tinh thần, đầu ngay một câu:

— Tôi chỉ sợ bựt cũng bỏ chùa đi theo cô Loan đấy chứ...

Cả ba cùng cười. Thanh tiến tới bên chàng, nói nhỏ:

— Ông nên cẩn thận. Bọn thằng Đạt nổi tiếng phá làng phá xóm ở đây. Lúc nãy tôi thấy bọn nó xì xầm về ông. Nếu ông muốn, cứ ra ngõ sau đi về, mai trở lại đây lấy xe cũng được.

Minh thấy ấm lòng vì lời nói chứng tỏ “bà chị” đã có cảm tình với mình:

— Cảm ơn cô, tôi quen với những chuyện này rồi, không sao đâu...

Trước khi bỏ vào, Thanh còn nhắc đi nhắc lại với chàng mấy lần: “Minh chén kiêu không nên đụng với chén sành”, nhưng Minh thấy chẳng có gì đáng lo cả. Chàng vẫn chủ quan coi chúng nó như một bọn cao bồi vườn.

Ra khỏi quán, chẳng cần nhìn đâu xa, Minh kinh hoàng thấy ngay hậu quả của cuộc gây hấn: chiếc vespa Super Sprint 150 của chàng bị lật nằm chổng gọng trên mặt đất, dầu mỡ và xăng chảy lênh láng. Minh đã chuẩn bị tinh thần để đón nhận nhưng không bao giờ ngờ tới cái màn hèn hạ này. Chàng hốt hoảng chạy tới bên chiếc xe mà chàng cưng hơn cả chính bản thân mình. Minh muốn rơi nước mắt

khi thấy số vốn dành dụm của bao nhiêu tháng trời du học bên Mỹ trở thành một đồng sắt vụn: hai vỏ xe bị rạch nát, đèn bị đập bể, bàn đạp cong queo thảm hại.

Minh từ từ nâng chiếc xe, tìm bàn chống để dựng nó lên nhưng không thể được, bàn chống đã bị phá hoại. Chàng đảo mắt nhìn quanh, thấy bọn bốn đứa lúc nãy đang đứng nhìn chàng thách thức. Minh rán bình tĩnh suy nghĩ. Nếu không phải chúng là thủ phạm thì là ai đây? Nhưng tại sao chúng không bỏ chạy cho rồi mà còn đứng khiêu khích mình kia? Minh nhìn lại lần nữa và tái mặt khi nhận ra một thằng trong bọn thủ cây carbine. Giờ này, mặc đồ xi-vin mà thủ carbine nghênh ngang giữa phố thì chỉ có nhân dân tự vệ. Hèn gì tụi nó tự tin quá cỡ, coi cây P.38 của mình như pha!

Và Minh nổi cơn điên, điên thật sự. Chàng suy nghĩ rất mau. Chúng đông hơn lại có súng, muốn chơi phải có kế hoạch mới được. Máu du đảng ngày xưa trong người chàng bùng dậy bùng bùng.

Minh để chiếc xe nằm nhẹ nhàng xuống đất, dùng chìa khóa mở hộc bên hông, rút ra cái ống nước bằng cao su dài độ một sải tay. Đây là món vũ khí rất lợi hại ngày xưa đã làm chàng vang danh là “Minh ống nước”. Chàng thường bỏ ống cao su trong cặp khi đi học. Các thầy khám, nhìn thấy ai cũng nghĩ nó chỉ là một cái ống nước bằng cao su vô tội vạ. Nhưng đến khi đựng chuyện, chàng chỉ cần mở một đầu, nhét vào đó vài chục hòn bi sắt rồi túm lại là cái ống nước biến thành một cây sắt mềm ngay. Cái hay của cây sắt này là đánh không có máu chảy nhưng quật đến đâu là gãy xương bể đầu tới đó. Xong chuyện lại tháo nó ra, cất mấy hòn bi sắt đi, chẳng ai ngờ được. Từ ngày đi lính, Minh luôn luôn thủ một cây trong cặp xe để đề phòng những trường hợp như vậy.

Cầm đồ nghe trong tay, Minh liếc nhìn bọn cao bồi vườn. Tốt, chúng nó vẫn tụ tập đứng hút thuốc,

không biết mình tính gì trong đầu. Chàng kéo nhẹ fermature áo bay bên ống chân phải, thọc cây ống nước vào đó. Xong rồi chàng bình thản đứng dậy, móc một điếu thuốc cắm vào miệng. Minh đưa tay sờ nắn khắp các túi như để kiểm hộp quẹt. Vừa tìm kiếm, chàng vừa nói hơi lớn đủ để bọn khốn nạn kia nghe:

— Đù mẹ sao mà xui quá, xe bị phá rồi bây giờ lại mất luôn cái hộp quẹt...

Chàng nhìn một vòng chung quanh và làm như mới nhận ra đám người đang hút thuốc, Minh từ từ tiến tới, nói lớn:

— Tôi xui quá, mấy anh có lửa cho tôi xin chút...

Vừa nói chàng vừa quan sát.

thơ khoa hữu

về người cựu chiến-binh già

Tạ ơn còn sống đến nay
bước đi làm dấu mỗi ngày dài hơn
đã xanh cỏ ấy oan hồn
nồi da thời thế mục xương con người
hai hàng lệ nhỏ tanh hôi
vết thương đã suốt đất trời hôn mê
năm canh mộng lẫn ngày về
thấy ta trong cuộc phân ly lạnh lùng
kẻ còn người mất hư không
nhấn tâm đến cả tấm lòng mai sau...

ký-ức về an-lộc

về qua An Lộc một ngày
thấy ta còn dấu phồng vài vết bom
nghe rìng thay lá đồng phương
đêm châu Á bóng linh hồn cỏ cây
đời nương xanh mãi đất này
anh em cũng lạ tội đời cũng quên
mộ người mọc cảm bùa thiêng
vô danh khi sống đặt tên khi về
máu nào chín suốt chia ly
năm xương bốc cốt chân đi hận thù
người đầu kẻ cuối hư vô
hồn chung ngọn gió biên khu thổi dờn.

Thằng mặc áo rằn ri to con nhất đứng giữa, thằng cầm carbine đứng ngoài cùng. Đạt đứng gần thằng cầm súng.

Bỗng nghe Đạt nói:

— Ê chú em, không có lửa chùa, muốn lửa chùa lên chùa mà xin...

Cả bọn cùng cười ồ lên sặc sụa, sảng khoái. Tiên sư, chúng mày cười trên sự đau khổ của tao. Minh tiến thêm một bước, nhăn nhó nói:

— Mấy anh thông cảm, cho tôi xin chút lửa...

Tiếng cười của bọn khốn vẫn vang lên, rung động. Đến gần thằng cầm carbine, Minh đưa một tay ra như muốn mượn điều thuốc của hắn, tay kia nhẹ nhàng rút cái ống nước ra cầm chắc nơi tay.

Khi vừa tầm tay, Minh bất thần vung ống nước lên, vẩy hết sức quật một cái như trời giáng vào giữa đỉnh đầu thằng cầm súng. Tay kia Minh lẹ làng chụp cây carbin giật ngược lại. Chỉ nghe một tiếng

bụp, một giọt máu xịt ra từ trán thằng khốn, cây carbine lọt vào tay chàng.

Không để đưa nào kịp phản ứng, Minh xoay người, lẹ như chớp nện cú thứ hai cũng mạnh không kém vào giữa mặt thằng mặc áo rằn ri. Ủa, sao lạ vậy kia? Hôm nay đánh tới đâu là văng máu tới đó. Thằng rằn ri té ngựa, hàm răng như lún sâu vô trong, máu tuôn có vòi. Đưa thứ ba lanh hơn, vừa nhìn thấy, liền nhào tới chụp cứng lấy chàng. Nhưng trung úy Minh còn mau hơn, chàng buông ống nước, hai tay ôm súng quai ngược một vòng thật chính xác theo kiểu cận chiến. Một tiếng bốp rất dòn tai. Âm thanh của báng súng gõ đập vào ngực. Nó ngã người ra sau.

Còn một thằng nữa! Minh hăm hăm quay lại nhìn Đạt. Chàng ngạc nhiên thấy nó đứng yên một chỗ, chân run lên từng hồi. Ra là nó sợ quá, chỉ đứng yên một chỗ, không

phản ứng gì được. Minh từ từ tiến tới gần. Đột nhiên Đạt quỳ xuống, chắp hai tay vừa lạy vừa khóc:

— Em lạy anh, lạy trung úy, trung úy tha cho em.

— Thằng nào phá xe của tao?

Đạt chưa kịp trả lời, Minh đã nghe một tiếng bốp ngay trên đỉnh đầu mình. Chàng choáng váng mặt mày, muốn quỳ xuống ngay nhưng rần nhẹn đầu xoay người lại để vừa kịp thấy thằng vừa ăn báng súng đang giơ cao cái ống nước của chàng lên đánh xuống cú thứ hai. Minh nghiêng người qua một bên nhưng không còn sức nữa. Cây sắt mềm bổ tiếp xuống đầu chàng một phát như trời giáng.

Cú này nặng lắm. Minh tá hoả mặt mày, ngã quỵ, cây carbine rời khỏi tay, rớt xuống nền nhà. Chàng vừa lồm cồm bò dậy thì thấy cây súng đã nằm trong tay thằng khốn. Nó đang chìa súng vào đầu chàng. Minh hốt hoảng thò tay xuống chụp khẩu súng lục đeo ngang hông nhưng không kịp. Thằng khốn đã kê súng vào giữa mặt Minh bốp cò.

Minh nín thở chờ nghe tiếng nổ nhưng chỉ có một tiếng cắc lạnh mình. Tạ ơn trời, cây súng chưa lên đạn! Thằng khốn biết liền, thò tay kéo ngược cơ bắm ra sau bỗng nghe rầm một tiếng như trời sập. Một người áo rằn ri đứng sau lưng đã dùng hai tay bửa xuống đầu nó một phát mạnh như búa. Có hy vọng sống rồi! Minh cố hết sức đứng lên, vừa kịp nhìn thấy cú đá ngược độc đáo của người này đẩy luôn thằng nọ văng vào tường, khẩu carbine rơi xuống đất. Minh chụp cây súng và lao cả người vào nó như một con bò mộng.

Bây giờ thì Minh chẳng còn biết gì nữa. Báng súng trên tay chàng nện liên hồi cho đến khi địch thủ chỉ còn là một đồng thịt bê bết máu.

Vừa buông thằng này ra thì chàng cũng vừa thấy thằng mặc áo rằn ri đang lồm cồm bò dậy. Minh quay ngược trở lại. Một báng súng vào ngay vết thương cũ đẩy nó nằm xuống trở lại. Tới phiên thằng thứ ba cũng đang tỉnh đứng lên. Báng



súng lại giờ lên đập xuống một lúc nữa cho đến khi chàng nghe một tiếng thét bên tai:

— Đủ rồi ông bạn, ông muốn giết nó chết để ở tù mãi đời sao?

Chàng dừng tay quay lui và nhận ra đám đông đã bu quanh lúc nào không biết. Người nói câu đó là ông mặc áo rằn ri ban nãy đã cứu chàng thoát chết. Ông ta mang lon đại úy Lực lượng Đặc biệt. Nhìn những thân hình bê bết máu dưới đất, Minh bỗng chột dạ. Quả thật, nếu lỡ có thằng nào chết là mình ở tù không có ngày ra.

Minh chìa tay ra:

— Cảm ơn đại úy, không có đại úy thì tôi ngủm rồi.

— Cảm ơn làm gì, ông lo thằng Đạt đi, nó dọt rồi.

Chàng sực nhớ, quay sang tìm và thấy gã đã biến mất. Nhất định nó chạy chưa xa. Minh rẽ đám đông phóng ra bãi đậu xe gần máy. Nó kia rồi! Minh thấy Đạt đang ra sức đập máy chiếc lambretta. Có lẽ vì lính quính, gã đập xe mấy lần không nổ.

Thoáng một cái Minh đã xuất hiện trước mặt gã, tay cầm cây carbine. Đạt không còn hồn vía nào nữa, lú lẫm ríu lại:

— Trung úy tha cho em, tụi thằng Khánh làm càn, em không biết.

Ba cái xác bê bết máu đã làm Minh nguôi ngoai cơn tức nhưng nghĩ đến chiếc xe, chàng lại thấy nhói trong tim. Minh đâm mạnh nòng cây carbine vào mặt Đạt. Hắn vừa cúi người xuống tránh thì chàng giật ngược báng súng lên. Đạt lật nhào, chiếc lambretta mới tinh ngã xuống đường.

Minh lại nổi cơn điên. Chàng nhào tới giờ báng súng tính bắt đầu cuộc trừng phạt thì Đạt năn nỉ:

— Trung úy tha cho em, để em bồi thường tiền chiếc xe cho trung úy.

Nghe đến “bồi thường” Minh dừng tay lại. Dù sao thì chiếc xe vespa Sprint 150 là lý do chính của cuộc xô xát. Đạt nói luôn:

— Em xin mua đứt chiếc xe của trung úy.

— Mua, mày có tiền không?

— Trung úy đi theo em, em lấy.

— Xạo mày, mày biết vespa Sprint của tao giá bao nhiêu không?

Câu trả lời của Đạt làm Minh tin tưởng liền:

— Trăm ngàn là hết cỡ. Nói thiệt với trung úy, em bán xì-ke, trăm ngàn với em nghĩa lý gì!

Hèn gì, mình đoán không sai! Thế này là trọn vẹn đôi bề. Mình có đánh nó chết cũng chẳng ích gì. Nó đã đề nghị như vậy thì còn gì bằng. Cái ngữ như nó muốn lừa chàng cũng chẳng được. Minh hỏi:

— Vậy thì đứng dậy, đi.

Đạt lồm cồm bò dậy. Minh phụ hấn kéo chiếc lambretta lên, đập máy nổ rồi phóng lên ngồi phía sau. Đám đông bu quanh đông nghịt. Minh lên đạn khẩu carbine để thị oai, nói với Đạt:

— Đi, đi liền. Mày giờ trò là tao nổ liền.

— Em hiểu.

Đạt rồ ga, đám đông giạt qua một bên, tránh đường. Tối đó, mọi chuyện xảy ra như lời Đạt nói. Hắn thưởng chàng một trăm ngàn, đủ tiền tậu một chiếc vespa Sprint mới.

Ngày hôm sau, Minh mượn xe thằng em đi Biên Hoà sớm, làm như không có việc gì xảy ra. Cả nhà không ai hỏi và chàng cũng chẳng hé môi. Nhận phi vụ lệnh, lúc đội nón bay vào, thấy đỉnh đầu nhức buốt, Minh mới nhớ đến cuộc đấu đả tối hôm qua. Minh gật gù cười cười, thầm nghĩ may mà cây súng chưa lên đạn, nếu không thì chắc giờ này mình đang nằm trong nhà xác. Dù mẹ phòng không Việt cộng bắn không chết mà chết vì tay nhân dân tự vệ thì thật là khổ nạn!

Suốt ngày, hình ảnh của Loan và của cuộc xô xát cứ hiện ra trong trí chàng. Minh thấy ông bà mình nói đúng: Một câu nhin là chín câu lành. Nhưng kẹt một điều là nhiều khi trong cuộc đời, hoàn cảnh không cho ta một lối thoát nào cả ngoài con đường “sống mái một trận”. Nếu ai cũng nhin được thì nhân loại làm gì có chiến tranh! Minh tự nghĩ vậy để đỡ cảm thấy áy náy.

Chiều đó, vừa đáp trực thăng xuống sân thì Minh được gọi vào văn phòng phi đoàn trưởng. Minh bình thần cất nón bay và dụng cụ phi hành rồi vào trình diện. Chuyện



giữa sa mạc đời

Đứng giữa trời sa mạc
Ta đã khô mắt nhìn
Một nhánh xương rồng nhỏ
Vừa đâm chồi trong tim
Bên góc rào tị nạn
Em bé van tình người
Một hàng gai kềm chéo
Xé rách bờ môi cười.

phạm xuân thành

gì phải tới sẽ tới, có lo lắng cũng vô ích.

Vừa thấy Minh, ông trung tá phi đoàn trưởng thấy tờ báo trước mặt chàng:

— Anh đọc đi.

Minh cầm tờ báo, mắt hoa lên nhìn hàng tit nhỏ nằm một góc: “Ngay tại Gia Định, một tên cướp đoạt súng và hành hung ba nhân dân tự vệ trọng thương”. Một hàng chữ nhỏ hơn ngay phía dưới: “Hung thủ là một tên Không quân đào ngũ, hiện đang bị nhà chức trách truy lùng rất gắt.” Trí tưởng tượng của nhà báo thật là phong phú!

— Anh ngồi xuống đi.

Minh ngồi xuống. Ông phi đoàn trưởng đưa chàng một tờ giấy khác:

— Đây là giấy mời của phòng an ninh không quân.

Chưa kịp coi xong, lại có thêm một tờ giấy khác đẩy tới trước mặt chàng:

— Còn đây là giấy mời của quân cảnh điều tra tư pháp tiểu khu Gia Định.

Minh cầm một điều thuốc vào môi. Chàng ngạc nhiên thấy xếp che tay bật lửa cho chàng:

— Tôi tưởng anh hiền lắm. Chuyện gì xảy ra vậy, kể tôi nghe coi?

Minh nhún vai:

— Đâu có gì trung tá, chuyện tôi làm tôi chịu.

Ông phi đoàn trưởng chồm tới, gay gắt:

— Anh phải tin tôi. Trong cuộc đời anh, nếu có lúc nào anh cần phải tin tưởng ở một ai để sống còn thì lúc đó là lúc này và người đó là tôi. Tôi biết anh ngày hôm qua bị *shock* vì vụ thằng Cường. Anh cứ bình tĩnh kể tôi nghe, tôi sẽ tìm cách gỡ cho.

Minh thở dài không mấy tin tưởng nhưng xếp đã ân cần như vậy thì mình nên nghe lời.

Minh hút hết điều thuốc thứ năm thì cũng vừa xong câu chuyện. Chàng tưởng ông ta ngạc nhiên lắm nhưng ông ta vẫn ngồi yên. Một lúc

sau ông ôn tồn:

— Tôi đã đọc báo cáo đầy đủ của an ninh. Những gì anh nói không khác với biên bản của họ lắm, tôi chỉ muốn nghe tận miệng anh kể.

Ông rời bàn giấy, đi đi lại lại trong phòng:

— Anh biết tội của anh là tội đáng ra toà án quân sự không?

— Thưa biết, nhưng bọn chúng gây chuyện trước chứ không phải tôi. Tôi đã bỏ đi rồi mà.

Ông trung tá trở lại bàn giấy ngồi xuống.

— Cũng may cho anh là ba thằng bị đòn là ba thằng khét tiếng ở chợ Trương Minh Giảng, chuyên môn bán xì-ke ma túy. Chúng nó đều là lính đào ngũ có tiền án. Ra khỏi nhà thương là chúng nó sẽ vào tù.

— Tôi tưởng chúng nó là nhân dân tự vệ?

— Nhân dân tự vệ ban đêm, ban ngày đi bán xì-ke.

Ông phi đoàn trưởng vỗ tay lên mặt bàn:

— Đáng lẽ họ bỏ qua chuyện này nhưng kẹt là anh giữ cây carbine của bọn nó. Lát nữa đem cây súng lên nộp, tôi sẽ lo cho anh. Để mấy giấy mời lại đây.

Minh nhìn ông ta như không tin:

— Trung tá nói trung tá lo...

— Ừ, chỗ quen biết không, tôi lo được nhưng anh phải chịu hình phạt của quân đội.

— Cái đó thì dễ, thưa trung tá.

— Tốt. Tôi phạt anh 8 ngày trọng cấm đề nghị gia tăng tối đa. Lên tới bộ tư lệnh thể nào cũng thành 30 ngày. Cặp lon đại úy của anh nếu có lỡ mua rồi thì nên đem ra tiệm trả lại hay đem tặng bạn bè. Anh chắc còn lâu mới đeo lon đại úy được.

Chuyện này chả ăn nhằm gì vì Minh vẫn luôn luôn cho rằng người phi công không già đi vì tuổi tác mà vì... cặp lon đại úy trên cầu vai. Chàng cười:

— Dạ được, tôi vẫn thích lon trung úy hơn.

Ông phi đoàn trưởng không cười:

— Chưa hết đâu chú. Cái này mới khó nuốt: chú có mười lăm

ngày để chuẩn bị hành trang ra khỏi phi đoàn này.

Minh thấy xây xẩm mặt mày. Giọng chàng run run:

— Trung tá đỡ giùm vụ này được không?

— Đỡ con khỉ. Tội nặng như anh chưa ngồi tù là may, đừng đòi hỏi nhiều quá.

— Dạ tôi hiểu. Nhưng tôi đi đâu?

— Gần thôi. Lên Pleiku!

Trước ngày lên đường, Minh cùng Loan đi dạo ở Passage Eden. Hai người ngồi trong một quán kem, Minh rầu rĩ lắm nhưng Loan vẫn hồn nhiên tươi tỉnh đến độ chàng phải gắt nhẹ:

— Mai anh đi rồi mà sao Loan chẳng coi ra gì cả.

Loan bướng bỉnh:

— Anh muốn Loan làm gì? Khóc lóc tỉ tê chẳng? Anh đừng quên rằng chúng ta mới quen nhau chưa tới hai tuần.

Loan nói đúng. Chưa tới hai tuần nhưng chàng thấy thương nàng quá đỗi. Minh cứ thắc mắc là không biết Loan có thương chàng như vậy không! Cái câu “mỗi đường bay một người tình” dành cho ai không biết chứ với riêng chàng, số bay của chàng đã lên đến mấy ngàn giờ mà chỉ mới quen Loan là một.

Thấy Minh ngồi tiu nghỉu một đống, Loan cười:

— Anh lên Pleiku được coi sexy khỏi tốn tiền, sướng thấy mỡ còn than van nỗi gì?

— Sexy gì ở Pleiku?

Loan nguýt:

— Đừng có giả vờ. Loan nghe nói đàn bà thiếu số tám tuổi hay ở trường, anh không biết à? Chiều chiều nếu nhớ Sài gòn thì cứ lái tàu bay ra bờ suối, đậu ở đó chừng vài phút là hết buồn liền chớ gì!

Minh phì cười:

— Em chả biết gì cả. Đó là chuyện ngày xưa, đàn bà thiếu số bây giờ văn minh rồi, họ đâu có làm vậy nữa.

Loan liếc nhìn Minh:

— Loan cấm anh không được

bén mảng tới bờ suối đấy nhé.

— Lại lệnh lạc nữa. Nếu anh đi làm sao em biết được?

— Em nghe nói nếu nhìn đàn bà tấm, mắt sẽ bị lẹo. Hôm nào về phép mà mắt anh bị mụn lẹo là chết với Loan đấy...

Cả hai cùng bật cười. Ghen là bằng chứng của tình yêu. Chắc Loan thương mình thật! Minh thấy lòng ấm lại.

Loan hỏi, giọng buồn buồn:

— Chẳng nào anh mới về lại Sài Gòn?

— Sớm nhất là 6 tháng anh mới kiếm được vài ngày phép.

Loan sững sờ:

— Sáu tháng? Gì mà lâu vậy? Em tưởng lính tàu bay nhiều phương tiện muốn đi về lúc nào chẳng được!

Hoá ra cô nàng này giờ cười nói tỉnh bơ vì không ngờ rằng mãi sáu tháng sau mới được gặp mình. Gái thành phố có khác, đất nước chiến tranh đã mấy chục năm mà chẳng biết gì cả. Minh nhìn Loan và nhận ra cặp mắt nàng đã ướm sưng:

— Loan không hiểu, quân nhân một năm chỉ được mười ngày phép. Anh phải chờ sáu tháng mới lấy được năm ngày.

Loan cúi đầu im lặng. Minh tiếp:

— Anh hy vọng sáu tháng sau trở về, Loan vẫn còn nhìn anh.

— Anh nói gì lạ vậy?

Minh nhìn nàng, giọng trầm xuống:

— Đời đổi thay Loan ạ. Em đẹp, con nhà giàu, lại ở trong một điều kiện thường tiếp xúc với nhiều người. Anh đi rồi, sẽ có khối thằng đến “nộp đơn” xin hầu hạ em. Một ngày nào đó, em sẽ gặp được người em thích. Anh sinh ra trong một gia đình nghèo nên biết nghĩ xa và chấp nhận những gì xảy đến cho mình...

Loan im lặng. Nàng chớp mắt thật mau rồi đột nhiên nắm lấy tay Minh:

— Anh nghĩ Loan là hạng người nào?

— Loan đã hỏi anh câu này rồi, Loan nhớ không? Anh đâu dám.

— Trước khi gặp anh, đã có

nhiều người tới “nộp đơn” như anh nói, đâu cần phải chờ đến khi vắng mặt anh mới có người đến mà anh lo. Anh hiểu ý Loan không?

— Hiểu. Sao Loan lại “nộp đơn” của anh?

— Loan cũng không biết nữa. Có lẽ anh là một tổng hợp của những gì trái ngược nhau. Anh ngang tàng nhưng chân thật, nóng nảy nhưng độ lượng, dữ tợn nhưng dễ tha thứ... Mới đầu, Loan chỉ nói chuyện với anh như bao nhiêu người khác khác, rồi tự nhiên thấy thích anh...

— Đó chính là cái mà anh lo nghĩ. Nhớ mai mốt Loan cũng gặp một người nào đó, nói chuyện rồi thích người ta luôn như đã thích anh thì sao? Nói ra có vẻ nhỏ mọn nhưng Loan tha lỗi, anh chỉ là người.

Loan im lặng, trán hơi cau lại. Minh tiếp tục nhẹ nhàng:

— Anh chỉ nói vậy thôi. Anh thực tế, nên biết mình không có quyền gì để coi Loan như của riêng anh. Anh đi rồi, nếu gặp người nào em thích thì cứ việc tự nhiên. Anh không cấm em đâu Loan ạ. Mà có muốn cấm cũng chẳng được. Em trẻ đẹp, có cả một cuộc đời, một tương lai hứa hẹn trước mặt...

Giọng chàng tự nhiên trở nên chua chát làm Loan muốn rơi lệ. Nàng xiết chặt tay Minh, tha thiết:

— Loan có biết một câu như thế này: “Ai biết đời đổi thay sẽ không bao giờ thay đổi”...

— Em biết đời đổi thay không?

— Cuộc đời thay đổi không ngừng anh ạ, nhất là trong một xứ sở chiến tranh như nước mình...

— Vậy là anh có quyền tin tưởng?

Loan gật đầu cười, sửa lại lời của một bài hát:

— “Anh nhớ cho rằng Loan vẫn chờ anh, vẫn chờ anh...”

Cả hai cùng cười. Nhưng khi tiếng cười dứt, một bầu không khí im lặng bao trùm lấy hai người. Minh đốt thuốc lá, Loan cúi nhìn ly kem nhưng chẳng thiết ăn uống gì nữa...

Sáng hôm sau, Minh lên tàu bay giả từ Sài Gòn.

*

* *

Bây giờ, nhìn người lính mặc bộ đồ rằn ri trước mặt, hình ảnh của đêm gặp gỡ đầu tiên, của trận đánh lộn xém chết trở về trong đầu chàng. Như con chim đã từng bị trúng tên, Minh thấy câu “một câu nhin là chín câu lành” của ông bà rất chí lý trong hoàn cảnh này. Chàng bình thần cầm gói thuốc lá đưa cho người lính. Hắn rút một điếu rồi bỏ luôn bao thuốc lá vào túi áo rất tự nhiên. Dù đã có chủ đích, Minh cũng thấy hai thái dương mình giật giật nhưng trấn tĩnh được ngay. “Một câu nhin là chín câu lành” mà.

— Cho thuốc rồi còn lửa đâu, chú em có lửa không?

Minh móc cái hộp quẹt Zippo đưa cho hắn. Người lính châm lửa mỗi thuốc, thở khói ra rồi bật lên bật xuống cái nắp Zippo nghe lắc cắc:

— Qua mượn cái hộp quẹt này luôn nghe chú em. Chịu không?

Minh nhún vai:

— Sao cũng được.

Người lính xoay mình bỏ về chỗ cũ, thấy chiến lợi phẩm lên bàn để khoe với các bạn. Thế này thì không thể ngồi đây được, chàng quyết định bỏ về. Cái thành phố này lính đối xử với dân mặc đồ xi-vin kỳ quá. Minh quyết từ nay khi đi phố sẽ không mặc đồ dân sự nữa.

tháng tư

*không chờ đợi tháng tư cứ tới
nghe vết thương âm ỉ từng ngày
mười sáu năm nhưng sao như mới
quê hương ơi, ta vẫn còn đây*

*đời phiêu bạt từ cơn khốn khó
những tháng tư biến biệt thân thương
hoá thân được xin làm cánh gió
bay trở về sống với quê hương.*

vạn giả

Minh vừa đứng lên bỗng thấy một bộ đồ rằn ri khác từ dây bàn bên kia xuất hiện, tiến về phía chàng. Dù mẹ cây muốn lặng mà gió chẳng muốn ngừng. Sức chịu đựng con người có hạn, lần này Minh quyết ăn thua đủ. Chàng xuống tấn đứng yên, hai chân dẹt ra, nhìn quanh một vòng coi thử có gì chụp được trong tầm tay để tự vệ.

Người mặc quần áo rằn ri tiến gần hơn một chút. Minh thoáng thấy cặp lon đại úy trên cổ áo hắn. Chàng hơi yên tâm nhưng vẫn giữ nguyên vị trí, chờ đợi. Minh ngạc nhiên thấy viên đại úy cười, đưa trả lại chàng cái hộp quẹt Zippo và gói thuốc:

— Tôi thấy hộp quẹt có khắc huy

hiệu của phi đoàn 243 Mãnh Sư. Anh ở phi đoàn này phải không?

— Cảm ơn đại úy. Tôi tên Minh, phi công phi đoàn này, mới đổi về hơn tháng.

— Vậy à! 243 Mãnh Sư với Lôi Hồ là anh em một nhà. Mấy ông tuần nào chẳng thả tụi tôi đi nhảy toán. Tôi tên Sơn. Ông cho tôi xin lỗi. Thằng em lúc nãy không biết, làm càn, may mà tôi nhìn thấy dấu hiệu của phi đoàn ông, nếu không thì mai mốt gặp nhau trong phi trường biết ăn nói làm sao! Ông cho tôi xin lỗi nghe.

Minh cầm hộp quẹt, đưa tay ra bắt:

— Lỗi phải gì đại úy. Mà hình như tôi thấy đại úy hơi quen quen...

Sơn nhủ mảy suy nghĩ. Minh bỗng nhớ ra:

— Phải đại úy là người cứu tôi thoát chết ngày nào ở quán cà phê không?

— Thôi đúng rồi! Đích thị là ông rồi! Tôi uống từ chiều đến giờ nên mắt hơi mờ không nhìn ra ông. Mà ông làm gì lưu lạc lên đây?

— Tôi bị đổi về đây ngay sau vụ đó.

— Qua đây, qua đây ngồi với tôi, mình cạn vài “hồ trường”...

Minh ngồi xuống giữa đám Lôi Hồ. Khi biết chàng là phi công, mọi người đều thay đổi thái độ. Mọi người tranh nhau mời rượu chàng. Sơn giới thiệu:

— Đây là thiếu úy Chiêu. Tên này có tật là đi nhậu không bao giờ đeo lon để đánh lộn cho dễ. Mày xin lỗi trung úy Minh đi mày...

Chiêu bắt tay Minh, nói tỉnh bơ, chẳng có vẻ “hối hận” chút nào:

— Ông mặc đồ xi-vin lảng quá tôi làm sao biết được là trung úy phi công. Đừng buồn tôi nghe.

Minh cười dễ dãi:

— Có buồn cũng chẳng làm mẹ gì được.

Hai người bắt tay nhau. Bia được kêu thêm. Sơn kể chuyện đại náo của Minh ngày nào cho cả bọn. Nghe xong Chiêu hỏi:

— Ông quen với chị em cô Thanh à?

Từ lúc rời Sài Gòn, hình ảnh Loan tràn ngập tâm hồn Minh nên nghe nhắc đến, chàng hí hửng trả lời liền:

— Mới quen. Tối hôm đó là lần đầu tiên tôi tới quán. Ông biết hai chị em cô này à?

— Anh Sơn có dắt tôi tới đó vài lần.

Chiêu im lặng một lát rồi bật mí:

— Cô Thanh là vị hôn thê của đại úy Sơn đó.

Minh ngạc nhiên thích thú. Sơn tiếp lời đàn em:

— Ông muốn làm anh em cột chèo với tôi không? Hối lộ cái gì đi, tôi yểm trợ cho...

Minh cười không nói gì rồi hai người kéo ghế ngồi gần nhau ở một góc bàn, cố tình lảng tránh đám lính trẻ đang thách nhau uống bia ồn ào như một cái chợ. Sơn kể:

— Tôi biết gia đình Thanh từ lúc còn đi học. Đúng hơn, ngày xưa tôi



là người kèm toán lý hoá cho hai chị em. Gia đình rất tốt, có nề nếp.

— Chừng nào thì tôi được uống rượu mừng của anh?

— Chắc cuối năm nay. Gia đình Thanh vừa chạy cho tôi về Sài Gòn. Tôi chỉ ở đây vài tuần để chờ sự vụ lệnh. Cậu cho địa chỉ để tôi gửi thiệp cưới.

— Loan có địa chỉ tôi.

— Loan à?

— Vâng.

Sơn vỗ vai Minh cười cười:

— Cậu tốt số lắm mới vào được con bé. Đã có không biết bao nhiêu thằng dọa tự tử vì nó. Cậu sao hay vậy?

Minh cười:

— May mắn thôi anh.

— Ở xa thế này thật bất tiện, nhưng rồi cũng phải xin về Biên Hoà lại chứ, ở mãi đâu có được!

— Ở hai năm mới có quyền làm đơn.

Sơn lắc đầu:

— Hai năm thì còn gì là... Loan nữa?

Giọng Minh buồn buồn:

— Đành chịu thôi. Mình chỉ còn biết trông vào số mạng.

Sơn cúi đầu lập lại:

— Ừ, số mạng.

*
* *

Bước vào phòng thuyết trình hành quân của chiến đoàn III xung kích, Minh ngạc nhiên khi thấy người cầm thước đứng nơi tấm bản đồ là đại úy Sơn. Khuôn mặt anh hôm nay nghiêm trọng lạ thường.

Chờ cho các phi hành đoàn trực thăng vừa ngồi xuống thì đại úy Sơn chỉ tấm bản đồ treo trên tường:

— Bãi đáp là chỗ này, chỉ cách bộ tư lệnh hậu cần của sư đoàn 2 Sao Vàng chừng vài cây số, toạ độ Anh Dũng về phải 800, xuống 1000.

Vừa nghe tới đó là có tiếng loạt soạt của mấy chục tấm bản đồ do gần 20 phi công của 9 phi hành đoàn trực thăng được giở ra một lần. Mò mẫm vài giây, có người tìm thấy được, thở dài ngao ngán. Minh là người tìm ra chậm nhất vì

chàng mới đổi về, lạ đất lạ cát. Nó đây rồi. Ừ, sao nó không nằm trên lãnh thổ nước ta mà ở tuốt bên Cam-bốt? Hết chỗ nhảy rồi hay sao mà mấy ông bắt chúng tôi bay xa vậy?

Chờ cho những tiếng ngạc nhiên lắng xuống, Sơn tiếp tục:

— Các bạn có vẻ ngạc nhiên vì toạ độ bãi đáp? Tôi xin nói rõ, nó nằm ở phía tây đường mòn Hồ Chí Minh.

Cả phòng im lặng. Bí mật hành quân không bao giờ được tiết lộ nhưng Minh cũng phần nào đoán ra được mục đích của cuộc đổ quân ngay sau bộ tư lệnh hậu cần Việt cộng này. Nếu không phải để bắt cóc một vài nhân sự quan trọng của chúng nó thì để làm gì? Nhân vật này ắt phải quan trọng lắm vì Lôi Hồ phải qua tuốt bên Miên làm việc. Cấp tướng là giá chót!

— Tôi sẽ bay C & C để điều khiển cuộc thả toán này...

Sơn tiếp tục hết phần thuyết trình của mình về những thủ tục lĩnh kinh khác của cuộc đổ quân rồi nhường bục thuyết trình cho thiếu tá Nhân, phi đội trưởng của phi đoàn.

— Chúng ta sẽ bay như thế này: Cát cánh từ Pleiku đi là một hợp đoàn gồm 6 slicks, 4 guns và 1 C & C. Qua khỏi biên giới, vô tuyến giữ im lặng tối đa. Trong khi hợp đoàn chính vẫn bay thẳng để đánh lạc hướng địch, hai chiếc *gun* sẽ hộ tống chiếc *slick* chở Lôi Hồ tách ra khỏi hợp đoàn. Ông này sẽ trực chỉ bãi đáp để thả toán. Chừng năm phút sau tôi sẽ cho một *slick* khác tách ra bay theo ba ông để trực *rescue* cho mấy ông. Thả xong, mấy ông cứ việc bay thẳng về biên giới mình, khỏi cần chờ chúng tôi. Trong khi đó tôi sẽ hướng dẫn hợp đoàn tiếp tục bay thẳng thêm một lúc nữa rồi chậm lại làm như sắp sửa đáp xuống chỗ này. Quần quần chừng năm phút, *gunship* cho bắn vài tràng thị oai rồi mình dọt về...

Ngừng một chút, ông tiếp:

— Điều quan trọng của chuyến này là vô tuyến phải im lặng tối đa.

Có ai hỏi gì không?

Không ai hỏi gì cả.

— Nếu không có gì, tụi mình có thể ra tàu để chờ. Kể từ giây phút này, vì bí mật quân sự, tuyệt đối không có ai được ra khỏi khu bến đậu phi cơ. Chúng ta sẽ ăn nghỉ tại chỗ cho đến khi được lệnh cất cánh.

Các phi hành đoàn lần lượt rời phòng họp, leo lên xe ra bãi đậu. Tại đây, Minh thấy một đám Lôi Hồ mặc quần áo ka-ki Nam Định với những cây AK-47 đang ngồi chờ sẵn. Dù đã biết, nhưng vừa nhìn thấy Minh vẫn còn giật mình, tưởng như Việt cộng đã vào cướp phi trường.

Giờ cất cánh cuối cùng rồi cũng đến. Vì Minh mới về, địa thế chưa rành nên chỉ được cho lái một chiếc *slick* khiêm nhượng trong hợp đoàn. Chiếc tàu này trông trơn, chỉ bay để làm kế nghi binh lừa địch.

11 chiếc trực thăng cùng quay máy một lần rồi nối đuôi nhau bốc lên làm thành một hợp đoàn làm lủi rời phi trường Pleiku, lấy hướng tây trực chỉ dãy Trường Sơn trùng trùng điệp điệp. Qua khỏi Pleime chừng 10 dặm, nhận được chỉ thị từ vô tuyến, 6 chiếc *slick*, 4 chiếc *gunship* cùng cất ga rơi xuống một lượt bay rà rà sát ngọn cây, để lại mình chiếc C & C đơn độc trên bầu trời xanh.

Bay được chừng vài phút, Minh nhận ra mình đang bay trên khu tập trung quân của giặc. Chàng thấy rõ nhiều xe tăng cùng những bộ ka-ki Nam Định lướt qua thật mau dưới đất. Ai cho lộ trình không hành mà kỳ vậy? Sao lại bay trên khu tập trung quân của chúng nó? Chưa hết thắc mắc thì chàng đã nghe súng nổ bắt đầu bắn lên. Và chẳng lâu sau đó, đúng như chàng lo sợ, tiếng nổ của đại bác phòng không.

Minh im lặng chờ chỉ thị của C & C. Súng vẫn tiếp tục nổ. Chỉ hy vọng là mấy ông biết mình đang bay ở vùng nào. Bỗng có tiếng la hốt hoảng xé tai của C & C vang lên trong nón bay: "SA 7, SA... 7..."

SA-7 là tử thần của phi công Việt Nam. Nó là hoả tiễn tầm nhiệt nguy

hiểm mà giặc vừa đem vào chiến trường. Với tầm bắn lên tới 20 ngàn bộ và tốc độ mau hơn tốc độ âm thanh, hoả tiễn này có đủ khả năng để bắn rớt bất kỳ phi cơ nào của quân ta, kể cả phi cơ tối tân F-5. Trần An Lộc, Minh đã nhìn thấy không biết bao nhiêu chiếc khu trục hay trực thăng bị nổ tung như xác pháo bởi SA-7.

Cả hợp đoàn nhốn nháo nhưng

không ai nói với ai lời nào. Minh thấy thần kinh mình như tê dại. Chàng bay sát ngọn cây không ngán SA-7 nhưng chỉ sợ cho chiếc C & C. Cao độ đó, tốc độ đó thì đâu cần phải bắn lần thứ hai. Minh rùng mình, liếc nhìn lên bầu trời...

Chàng nấc nhẹ một tiếng khi thấy một cục lửa từ trời cao rơi xuống. Tuy bị bắn nhưng viên phi công hình như vẫn điều khiển được phi

cơ, cho nó rớt trong trạng thái *Autorotation*. Hối trời cao, lạy thượng đế, xin cứu thoát họ. Trong giây phút kinh hoàng đó, con người không làm gì được hơn là cầu nguyện. Đồng thời có tiếng nói hoảng hốt của Tỉnh, phi đội trưởng vang lên trong máy, đứt quãng, nghẹn ngào: "Nói anh em biết, C & C của mình rụng rồi... Rụng rồi..." Có tiếng nấc tiếp theo.

Minh sửng sờ, không nói được lời nào.

"Anh em chú ý, Tango đây. Phi vụ hủy bỏ. Anh em quẹo hướng 2 giờ, tới ngay chỗ chiếc tàu vừa rớt cấp cứu liền. Máy ông *gunship* dot tới trước để *cover*. Lẹ lên..."

Cả hợp đoàn trực thăng từ từ bốc lên cao, nghiêng cánh quẹo tới. Minh phản ứng như một cái máy. Khởi cần chờ *gunship*, khởi cần biết tình hình phía dưới thế nào, chàng tách khỏi hợp đoàn, nghiêng răng vận hết ga đồng thời quẹo gát một vòng. Cánh quạt trực thăng chém văng những cánh lá rừng dưới chân chàng. Minh dí mũi phi cơ ào tới như một cơn lốc.

Nó kia rồi, chiếc C & C kia rồi! Không, phải nói là một cục sắt đen thùi lù đang âm ỉ cháy. Minh tới gần hơn chút nữa, ước lượng tình hình. Khung phòng chiếc trực thăng còn y nguyên chứng tỏ tàu không rớt mạnh lắm, hy vọng có người sống sót. Điều nguy hiểm nhất là phi cơ đang âm ỉ cháy, có thể nổ tung bất cứ lúc nào. Kẹt hơn nữa là nó nằm giữa một đám rừng rậm, không thể nào đáp xuống gần được.

Minh *hoover* thật sát, ngay trên nóc chiếc trực thăng nhìn xuống. Khốn nạn, gió phần phật của cánh quạt tàu hình như làm cho lửa cháy mạnh hơn. Minh hốt hoảng tính quẹo ra thì, nhờ cánh quạt thổi khói sang một bên, chàng bỗng thấy một người đang lồm cồm bò ra khỏi trực thăng. Bộ đồ rằn ri, đúng là đại úy Sơn rồi!

Minh nói với Thảo, người xạ thủ qua vô tuyến:

— Tôi hạ tàu xuống thấp, ông

vọng về quê cũ

Lửa ngút phương nam, lửa dậy trời
Cánh chim Hồng Lạc tụ về thôi
Năm châu, bốn biển chung nguồn mẹ
Đất nước hồi sinh bật tiếng người

Mộng thấy Thăng Long rồng uốn khúc
Để hồn linh hiển đất Thần Kinh
Cửu Long dẫn nước vờn chân mạ
Xe ngựa ngao du Gia Định thành

Đất rộng thênh thang, trời vẫn đẹp
Hồ như Vĩ Dạ vẫn là thơ
Mới hay nắng ấm vàng hanh mãi
Cát bỏng ôm lòng dưa hấu xưa

Chủ nghĩa xa bay, trở lại đời
Bầy tôi đón chúa trở về ngôi
Hỡi ơi Nguyễn Huệ thay thời đại
Trị nước, yêu dân, dẹp giặc ngoài

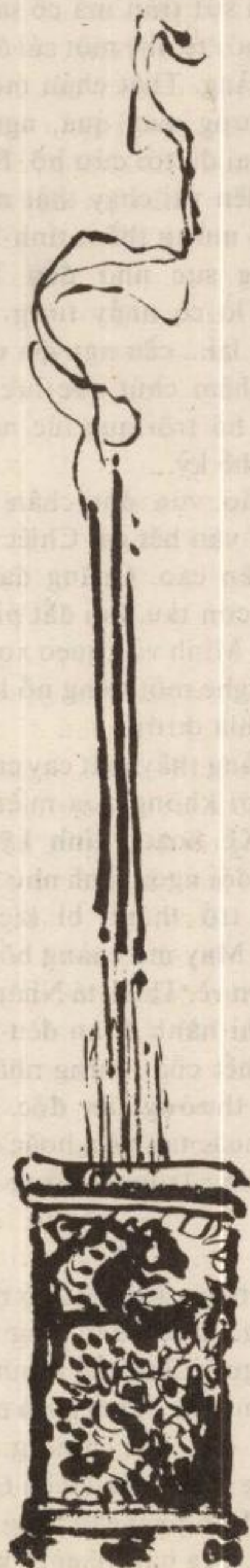
Câu hò lục tỉnh, điệu chầu văn
Da diết Nam Ai quận nhớ thăm
Sóng nước giao tình xang-xê-xự
Chết bằng cung bậc ướp thanh âm

Kỷ niệm tám quanh đường phố cũ
Mái trường e dập dánh xuân xưa
Em mang găng đẹp, đi sô-lếch
Chết cả hồn ai đứng thần thờ

Thương những con đường bóng tối tăm
Hè sang máu phượng nhỏ âm thầm
Còn vương hoa nắng chân son đẹp
Cả gốc me già cũng lặng câm

Ước vọng quê hương ngày quạt khởi
Cho từng thớ đất ấm lòng chân
Cho đời gieo lại xanh hơn mạ
Sống bỏ quê cha vẫn khóc thầm!

phạm quang ngọc



nhảy xuống được không?

— Rừng rậm quá ông ơi, làm sao xuống nổi!

— Tôi xuống thấp chút nữa, ông xuống nghe?

— Rồi, thấp xuống chút nữa đi, tôi nhảy cho coi!

Xong rồi. Minh đảo mắt tìm kiếm. Chỗ này đây, cây rừng rất rậm nhưng không to lắm. Minh khéo léo hạ tàu, nghiêng một chút, đưa cánh quạt ra chém phẳng những cây rừng gần đó để làm bãi đáp.

Cánh quạt trực thăng chém đứt những nhánh cây rừng nhỏ ngọt như mía. Trò chơi nguy hiểm vô cùng vì nếu gặp cây lớn quá thì cánh quạt sẽ gãy chứ không phải cây. Loay hoay một lúc Minh “chặt” vừa đủ chỗ để hạ chiếc tàu xuống gần mặt đất. Bụi tung lên mù mịt. Minh tính hết “xuống đi!” thì thấy Thảo đã nhảy xuống từ lúc nào, đang chạy trước mặt mình. Hắn ôm được Sơn, chạy từng bước một trở về tàu. Người *mévo* thứ hai cũng đã chạy tới chiếc C & C đang bốc cháy nhưng không thể tới gần được. Sức nóng của cục lửa đẩy hắn dội ngược. Hắn đứng yên quan sát một lúc rồi lắc đầu bỏ chạy về tàu mình.

Lửa nhờ gió của cánh quạt trực thăng tiếp sức, bốc mạnh. Minh biết trước sau gì chiếc C & C cũng phát nổ. Chiếc C & C mà nổ thì chiếc này sẽ nổ theo. Minh sốt ruột nhìn Thảo lê từng bước một. Trời ạ, sức lực đâu hãy cho hắn thêm chút xíu.

Thảo đang chạy bỗng ngã nhào, quăng Sơn xuống đất. Lửa chiếc trực thăng bốc cao hơn nữa, đang liếm xuống phía dưới, nơi có thùng xăng chính và mấy hộp đạn chứa 6000 viên đại liên. Dù mẹ nó mà nổ thì bảo đảm sẽ “tung trời”. Minh ngồi yên bất lực và suy nghĩ. Rồi bỗng một ý nghĩ hèn nhát xuất hiện trong đầu chàng: “Chiếc tàu kia sắp nổ rồi, hay là mình cắt cánh, bỏ nó lại. Trước sau gì nó cũng chết, ít ra mình cứu được mình...” Dù chỉ là tư tưởng trong đầu nhưng Minh

muốn tặng cho mình một phát súng. Quân hèn nhát khốn nạn! Không thể được. Minh ạ, nếu chết, mày sẽ chết chung với anh em.

Ừa, té xuống rồi thì đứng dậy đi chứ, tính nằm vạ đó à? Bộ thằng Thảo không biết là con tàu sắp nổ sau lưng sao? Rồi hắn cũng bò dậy được, nhưng khốn nạn, lại bước đi cà nhắc. Hắn chỉ tay về phía Sơn, mặt mày nhăn nhó. Minh lắc đầu. Tên này uống rượu say chạy xe honda ửi vào cột đèn bao nhiêu lần u đầu sút trán mà có sao đâu, bây giờ mới té nhẹ một cái đã trật chân trật cẳng. Thật chán mớ đời!

Nhưng may quá, người xạ thủ thứ hai đã tới cứu bồ. Hắn bế thốc Sơn lên vai chạy thật mau về tàu. Minh mừng thầm tính bốc tàu lên nhưng sức nhớ đến Thảo. Hắn đang lò cò nhảy từng bước một. Minh lại... cầu nguyện với trời cho hắn thêm chút sức lực. Một giây đồng hồ trôi qua lúc này dài như một thế kỷ...

Thảo vừa đặt chân lên tàu là Minh vịn hết ga. Chiếc trực thăng bốc lên cao. Chàng đạp bàn đạp queo con tàu, bụi đất phủ mờ một vùng. Minh vừa queo xong thì cũng vừa nghe một tiếng nổ long trời lở đất phía dưới.

Chàng thấy mắt cay cay. Như thế thì trời không dựa miền Nam nữa rồi! Kế hoạch tính kỹ như vậy, quân đội ngon lành như vậy, tại sao bỗng trở thành bi kịch vào giờ chót? May mà chàng bốc được đại úy Sơn về. Thiếu tá Nhân cùng toàn thể phi hành đoàn đều chết thảm. Cái chết của những nhân viên phi hành thường tàn độc. Hoặc mất biệt, hoặc tan xác, hoặc cháy thành than như trong trường hợp này...

*
* *

Trên cõi đời này, có một nơi mà không người đàn ông nào muốn dắt người tình của mình vào, đó là nhà thương. Nhất là là nhà thương quân đội với những hình ảnh khủng khiếp của chiến tranh. Sáng nay Minh phải can đảm làm nhiệm vụ đó: đưa hai chị em Thanh từ Sài

gòn vào thăm Sơn tại quân y viện Pleiku.

Chiến trường càng ngày càng trở nên gay gắt. Vùng I, sư đoàn 3 Bộ binh của tướng Giai tan hàng, Quảng Trị bị bỏ ngỏ. Vùng III, An Lộc vẫn hứng mỗi ngày 7000 trái đạn và đang chờ trận xung phong cuối cùng của Bắc quân. Vùng II, quốc lộ 14 bị cắt, Kontum bị vây. Không ai biết Việt cộng sẽ tấn công thành phố nào: Kontum hay Pleiku. Riêng tại Kontum, nơi bộ tư lệnh sư đoàn 23 Bộ binh trấn đóng, tướng Lý Tông Bá phát súng cho cả vợ con binh sĩ sư đoàn để chống giữ và ôm M 16 ra giao thông hào tử thủ cùng với lính. Và dĩ nhiên, đạn pháo kích cứ thỉnh thoảng rót vào thành phố...

muôn kiếp

*dòng nước nhiệm màu tóc đã gọi
mai về quỳ xuống giữa thiên thu
cảm tạ đất trời ơn cuộc sống
lời ước mơ đất đá hạnh, từ*

*một sát-na lâu hằng thế kỷ
con đường sinh diệt cũng trường ưu
là gân máu đỏ trên chồi lá
lửa vọng sôi sinh những oán cừu*

*con thuyền tâm nhã hoa niêm ý
chờ hết người đi mấy ngậm ngùi
buồn lú dơi không về hang động
cánh dật bên trời trắng lãng phai*

*roi nhục xác hành đầu ghê hãi
sợ lắm cô đơn buổi đợi chờ
rồi mai trên chuyến tàu thiên cổ
hệ lụy đông đầy muôn kiếp xưa*

*một ngày quên hiến tóc thơ đại
sao mây còn tủi nước non dài
cất hết vui cười môi hạnh đắng
mơ cũng từ hạnh dấu miệt mài*

*về tắm một lần sông vô nhiễm
cồn đá bụi tre lòng trong ngần
cánh chuồn và ao sương lãng lẽ
hoa thắm đưa tặng chút tình lân.*

hoàng xuân sơn

Kể từ lúc nhận được điện tín thông báo chị em Thanh sẽ lên thăm Sơn, Minh đã không đồng ý. Trong tình thế này, thiên hạ ai cũng lo đột về Sài gòn, chỉ có hai chị em nàng điếc không sợ súng lại lò mò lên đây. Nhưng khi gặp Thanh, Minh thông cảm ngay. Đôi mắt nàng sưng húp vì khóc nhiều. Minh an ủi:

— Anh Sơn chỉ bị thương nặng thôi, không sao đâu!

Trên đường đi, hai chị em Thanh đã tận mắt nhìn thấy những xót xa, đau khổ của dân chúng một thành phố địa đầu. Đi ngang một khu gia

binh, nhìn những dãy nhà tôn thấp lè tè dơ bẩn, Loan hỏi Minh:

— Làm sao người ta có thể sống trong những cái hang chuột như vậy?

Minh cười chua chát:

— Nước mình nghèo, có được một căn nhà che thân như vậy là tốt rồi. Em không biết chứ mộng ước to lớn nhất của những người lính ở đây là được về sống với vợ con trong cái “hang chuột” này một năm vài tuần lễ. Một năm chỉ muốn được làm người, sống như người vài tuần lễ mà vẫn ít khi có được. Chỗ ở thường xuyên của họ là

chiến trường tàn bạo khi còn sức lực, là nhà thương hồi hám khi ngã ngựa, và là nghĩa địa buồn khi phải giã từ vũ khí...

Loan im lặng. Nàng bắt đầu hiểu được phần nào nỗi khổ của người lính Việt Nam.

Bước vào nhà thương, chiến trận đã quen mùi như Minh mà còn thấy lạnh mình khi đi qua những phòng cấp cứu. Có nhiều phòng máu tràn ngập, lênh láng chảy ra tới hành lang. Hoà trong khung cảnh đó là những tiếng rên la khủng khiếp thỉnh thoảng dội ra. Đó là chưa nói đến hình ảnh những người lính bị thương cụt chân mất tay nằm ngổ la liệt...

Thanh lại khóc nức lên khi người y tá trực cho biết Sơn đã được phi cơ Mỹ đưa về Sài gòn sáng nay. Nàng chỉ nín khóc khi biết Sơn tuy gãy tay chân, giập xương sườn nhưng không có gì nặng lắm. Sơn được đưa về Sài gòn là nhớ một cú điện thoại mật từ Sài gòn.

Chẳng còn gì nữa, cả bọn hối hả đi mau cho kịp giờ đáp C-130 về lại Sài gòn tối nay. Ra tới phi trường, khó nhọc lắm Minh mới đưa được hai chị em Thanh vào trạm hàng không dân sự. Dân di tản tụ tập chung quanh hàng rào phi trường đông như kiến. Ai cũng muốn đi khỏi thành phố địa đầu này. Kiểm được chỗ ngồi trong trạm hàng không thì hai chị em đã tả tơi như những cánh hoa trước gió.

Ngồi im lặng bên nhau rất lâu mà chẳng ai nói với ai lời nào. Lần đầu tiên từ lúc quen nhau, Minh nhận ra vẻ nhí nhảnh thường ngày của Loan trốn đâu mất biệt. Chính chàng, chàng cũng chẳng thiết tha gì nữa. Sự có mặt của chị em Loan tại đây là một thú vị bất ngờ nhưng tình hình này bi đát quá, Minh chỉ mong sao đẩy họ lên được tàu bay là mừng. Ngày mai trời sẽ sáng hơn. Sóng gió nào rồi cũng qua đi, Minh biết vậy.

Một lúc lâu sau, cả ba mới nhận ra là từ sáng chưa ai ăn uống gì cả. Không đói nhưng mọi người đều thấy khát. Minh bỏ đi một lát rồi



trở lại với hai chai xá xị và ba cái ly.

Xá xị được chia đều. Chưa ai kịp uống thì họ bỗng nhận ra có mấy đứa bé ngồi cạnh nhìn mấy ly nước với vẻ thèm khát lạ lùng. Chỉ có đứa lớn nhất bọn, một bé gái độ 10 tuổi, tay ôm khư khư gói đồ, cặp mắt lo âu buồn thảm nhìn ra phi đạo như đang chờ đợi ai. Bốn chị em có vẻ đói khát và mệt mỏi từ lâu rồi.

Chẳng cần suy nghĩ, Minh đưa ngay ly nước ngọt đang cầm trên tay cho đứa bé trai. Nó giơ tay toan cầm lấy nhưng lại rút về, quay sang nhìn chị như xin phép. Giấy rách mà vẫn giữ được lễ! Minh bỗng có cảm tình với đứa bé, bèn làm quen:

— Ba má cháu đâu rồi?

Đứa bé gái trả lời thay:

— Ba chúng cháu là lính, mẹ cháu đi mua đồ ăn sắp trở về.

Tiếng “lính” phát ra từ đôi môi đứa bé mười tuổi nghe đơn giản nhưng hào hùng và hãnh diện làm sao. Chàng ngồi xuống bên nó, thân thiện:

— Chú biết ba cháu mà! Uống đi cháu!

Người chị nhìn đứa em gật đầu. Thằng bé chỉ đợi có thế, giật mạnh ly nước trong tay Minh. Minh mỉm cười, tưởng nó sẽ ngửa cổ uống cạn, nhưng không, nó đưa ly nước cho đứa em trai kế:

— Ông khách cho mày đó, uống đi!

Thằng em cầm ly nước, dưới ánh mắt ngạc nhiên của ba người, lại đưa ly nước cho đứa bé gái nhỏ nhất:

— Anh ba cho em đó, em uống đi.

Đứa bé hớn hờ đỡ ly nước, mắt sáng ngời tỉnh uống, nhưng nghĩ sao lại đặt xuống:

— Thôi, em không uống đâu, em để dành cho má, chờ má về.

Minh thấy ghen trong cổ. Loan liền ngồi xuống bên đứa bé gái, đưa ly nước của mình cho nó, nước mắt chảy dài:

— Vậy thì con uống ly này đi. Dì là bạn của má con. Uống đi con.

Minh thấy mắt mình ươn ướt, đứng lên bỏ ra góc vắng ngồi đốt

thuốc lá. Suốt đời chàng, Minh chưa bao giờ thấy mình hãnh diện được là người Việt Nam như ngày hôm nay, trong hoàn cảnh đau thương này của đất nước. Bốn đứa trẻ nghèo hèn ở một thành phố xó núi đã dạy chàng bài học tin yêu mà mãi mãi chàng sẽ không thể nào quên...

Rồi Minh cũng đưa được chị em Loan lên máy bay. Nhờ chiếc áo bay, Minh leo lên ngồi nấn ná cạnh Loan mong kéo dài những giây phút ly biệt.

Có tiếng quay máy của động cơ. Đã sắp đến giờ chia tay. Loan bịn rịn cầm tay Minh:

— Anh ở lại rán giữ mình.

— Em về bình yên, anh chỉ tiếc chuyến đi của hai chị em đã trở thành vô ích.

— Không vô ích đâu anh! Em đã học được nhiều bài học quý giá.

— Em học được gì?

— Nhiều lắm. Chiến tranh, gian khổ... Nhưng bài học quan trọng nhất, quý nhất là em biết rằng mọi tai ương, mọi đau khổ đang đè xuống quê hương mình rồi sẽ qua đi như một ngày xấu trời. Dân tộc mình sẽ vươn cao lên từ những đau khổ điều tàn của hôm nay.

— Làm sao em dám quả quyết như vậy?

— Vì người Việt Nam mình ai cũng có một tấm lòng. Tấm lòng như bốn chị em nhỏ nhà kia, và như anh...

Minh cười:

— Như bốn chị em kia, anh đồng ý, còn như anh, anh có tấm lòng gì?

— Người. Tấm lòng người. Ngày nào dân tộc mình còn có những người biết thương yêu, nhường nhịn, hy sinh cho người khác thì quê hương mình rồi sẽ phục hồi.

Minh không biết mình xuống khỏi tàu cách nào và lúc nào, nhưng lúc nhìn lại thì chiếc C-130 đã cất cánh và đang bốc lên cao. Chàng ngược mắt trông theo, tưởng tượng chị em Thanh đang ngồi một chỗ nào đó trong thân tàu. Minh cúi xuống ngất một cọng cỏ bên phi đạo, thần thờ bước đi...

Cuộc tổng tấn công điên cuồng của Bắc quân lần đó thất bại hoàn toàn. Đặc biệt nhờ công trạng của cuộc *rescue* nguy hiểm, Minh được phép thuyền chuyển về lại Biên Hoà. Bỏ tất sự vụ lệnh ngay ngắn vào túi áo, chàng tự nhủ với lòng: “Phen này nhất định không đắm đá bừa bãi nữa...” □



phản-động ca

câu đối treo trong bụng thể nhân.

Ồi, kinh tế! Kinh hồn mà tế, gạo thu mua phồng giá thẳng cu
Ờ, chỉ tiêu! Chỉ chỗ cho tiêu, thịt phân phối thổi quần mẹ đi

Quần chúng, chúng lột quần, chúng quần chung quần, quần chính phủ.
Dân chủ, chủ đề dân, chủ dân đảng chủ, chủ dân công.

mùa lao động

tay cày cuốc một đường bay
hai hàng địa ngục mọc đầy lúa khô.

mùa cải tạo

rầm rì học tập rì rầm
thăm thì cải tạo thì thăm, bố anh!

mùa xuân (lịch sử quang vinh)

mùa xuân leo đèo lá cò
âm ì tiếng pháo âm ờ tiếng chuông
rủ nhau ra đứng bên đường
mà nghe chát ngất nỗi buồn được vui
mà nghe dáng Việt ngậm ngùi
đã bay như thể tiếng còi xuất quân.

mùa hạ (thành công đại thành công)

mùa hè lửa bốc ngoài sông
lửa hun phố đỏ, lửa hồng chợ đen
lửa trong lòng lửa lem nhem
lửa ngoài đường lửa bốc lên sơn hà.

mùa thu (đoàn kết đại đoàn kết)

mùa thu trắng chết ngoài đồng
trắng treo đầu gió, trắng dờn trong mây
rủ nhau uống rượu cùng say
bàn chân chập choạng dẫm đầy xác trắng
dẫm lên lá cỏ vô ngần
lao xao dựng dậy mấy tầng gương trơ.

mùa đông (lao động học tập tốt)

mùa đông mưa xuống công trường
thấm lòng lao động một phường lao lung
mùa đông mưa mùa giữa rừng
mưa hân hoan xuống tập trung cùng người.

mùa đột xuất mùa

mùa này xô tới mùa kia
mùa cò giống trống, mùa bia dựng đài
mùa văn hoá tới mùa khoai
đánh âm một tiếng thõ dài ra cơm.

mùa yêu

mùa yêu ai cũng yêu người
gạo cơm chen lẫn tiếng lời yêu thương.
mùa yêu ai chẳng ra đường
vầy đoàn tụ đảng chán chương mà yêu
không yêu cũng rần yêu nhiều
phất cờ chiến dịch dập diu ái ân
mùa yêu ai cũng có phần
tay khua trống dậy mà lòng lặng thính.

mùa chập chùng

nhà xây thành phố chập chùng
phố xây thành nẻo bịt bùng bốn bên
người xây thành mây quay rền
xương xây xác đắp thành nền mộ bia.

mùa vô trung sinh hữu

vô trung sinh hữu vô minh
vô minh sinh hữu vô tình vô tâm
vô tâm sinh hữu vô tông
đại vô sản hữu đại đồng vô sinh.

mùa hữu trung sinh hữu

hữu trung sinh hữu trung thành
ân cần giác ngộ dành dành cho tôi
ân cần tôi đứng bên người
hữu trung sinh hữu sinh rồi tái sinh.

mùa đảo bĩ ngạn

vèo qua như nước theo dòng
dòng qua nước chuyển hồng trần tung lên
chưa qua thấy rộng một miền
qua rồi thấy động mối triền phước reo
âm thầm hành cước eo sèo
ngàn năm dựng đá bên đèo vô tri.

mùa mùa

mùa đi em, mùa cho nhiều
mùa chào lịch sử đã điều động xương.

mùa giải phóng

mưa đi để lại dấu mưa
trắng đi để lại tiếng khua lưng trời
người vùng lên chặt đầu người
người xông lên dẫm toại bởi sử xanh.

mùa âm u

mù mù gió thổi ù ù
hốt nhiên trái đất lù đù xoay lăn
xoay cho nước Việt điều tàn
người đi kẻ ở hai đảng thê lương.

mùa cộng đồng

chia cho người một bát cơm
chia cho tôi một cộng rơm ngoài đồng
chia cho anh một cặp còng
chia cho tổ quốc tấm lòng biết ơn.

mùa suốt mọi mùa

và khi mùa suốt mọi mùa
Việt Nam còn lại trò đùa tử thi.

mùa bộ phận

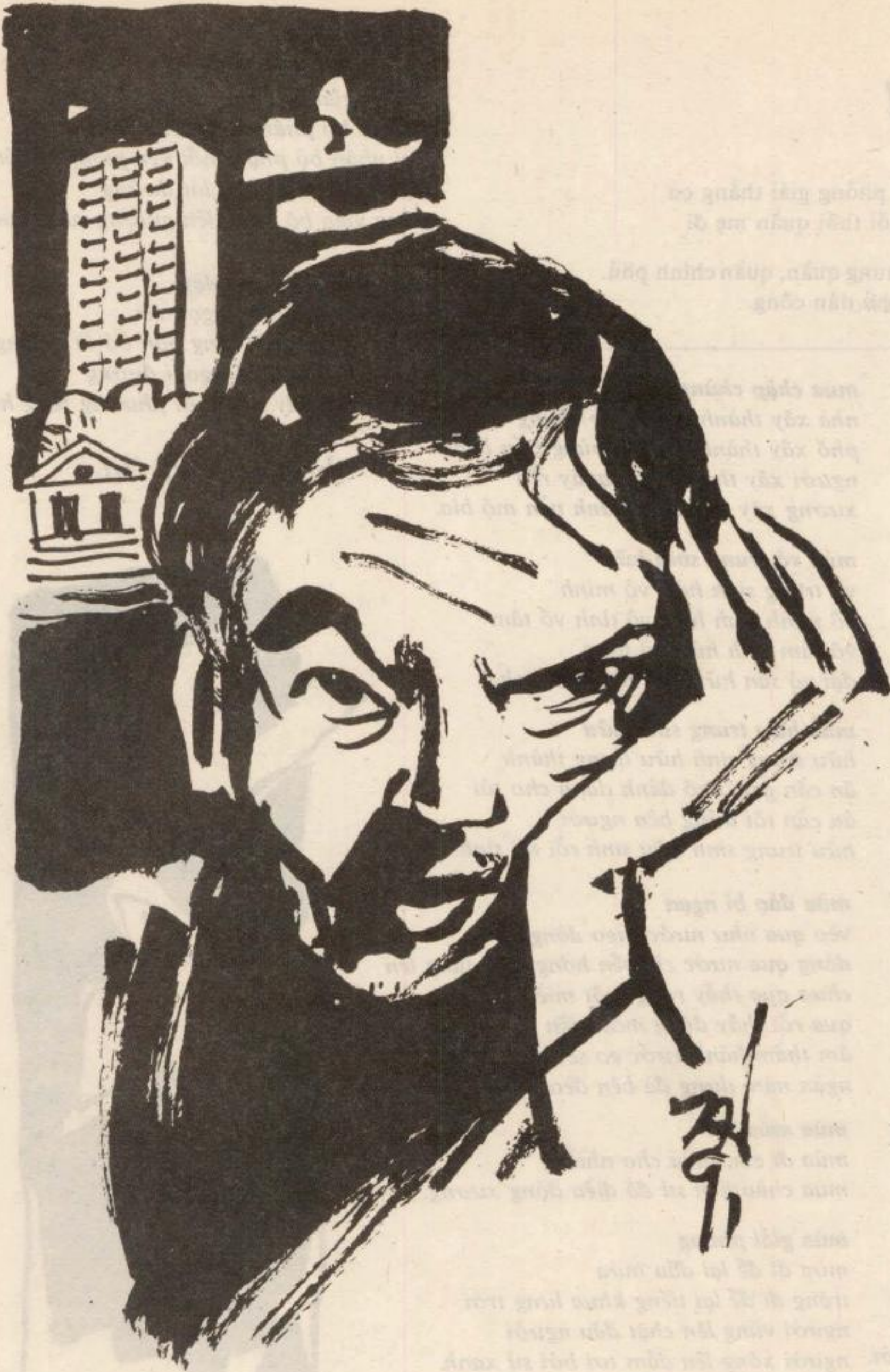
người đi trước, kẻ đi sau
người giai cấp đỏ, kẻ đầu đàn đen
tiểu di bộ phận xông lên
đại nhân bộ phận thổi kèn gióng chuông
thiếu niên bộ phận lột đường
đảng viên bộ phận lên giường rung đuôi.

mùa tiến công nổi dậy

vùng lên đoạt lấy ngọn cờ
khua ngang trời rộng bốn bờ là xương
thây phơi như cỏ ngoài đường
thành xây lũy đắp một phương tung hoành.

hoàng việt thi





Dốc Đứng

Nguyễn Ngọc Ngạn

trước mắt, thênh thang một viễn tượng màu hồng rực rỡ. Giả như cứ trơ tru tiến bước như chàng dự phóng thì chỉ vài năm nữa, Hựu có thể an nhàn hưởng thụ, về hưu ở tuổi mới ngoài bốn mươi.

Đặt chân vào ngành địa ốc đúng thời điểm thị trường bắt đầu bốc mạnh, chẳng cần bao nhiêu kinh nghiệm nghề nghiệp, Hựu cũng đã nhanh chóng thành công, gây dựng được một số vốn khá lớn. Mà không phải riêng Hựu. Những tay hiền lành và thâm lặng nhất trong cộng đồng, không có vẻ gì là thích hợp với vai trò trung gian mua bán, thế mà gặp lúc cơn sốt nhà cửa tăng vọt, họ cũng kiếm tiền dễ dàng như trở bàn tay. Cái nghề làm chơi ăn thiệt, thời khoá biểu hết sức linh động, chẳng ai gò bó. Mỗi ngày thức giấc khi trời đã sáng rõ, lang thang ra quán cà phê, có khi chỉ trong câu chuyện thường đàm vớ vẩn với một người không thân thiết lắm cũng nảy ra một thương vụ béo bở. Lâu lâu tạt vào công ty, nhìn những khuôn mặt rạng rỡ của đồng nghiệp, đùa giỡn xôn xao như trẻ thơ đón Tết, chia sẻ với nhau toàn những tin vui. Có đêm cao hứng tụ tập bằng hữu ở quán nhậu, đốt tiền không chút đắn đo, nói chi đến những màn tắm hơi, hưởng lạc... là điều dường như không thể thiếu được khi người đàn ông thấy mình

Chẳng bao giờ Hựu có thể mừng rỡ nổi cái nghèo lại ập đến với chàng một cách bất ngờ và tàn bạo như thế. Thành phố kỹ nghệ vốn có tiếng là sầm uất nhất nước, nơi chàng định cư hơn sáu năm nay, bỗng một sớm một chiều thay đổi hẳn bộ mặt. Các hãng xưởng thi nhau sa thải công nhân, sinh hoạt thương mại mọi ngành tê cứng lại, thoi thóp trong cảnh nằm chờ chết. Bao nhiêu năm qua, từ

thuở Hựu còn cắp sách đến trường, đã nghe người ta nói đến chu kỳ suy thoái hoặc khủng hoảng trong nền kinh tế tư bản như một thứ qui luật tất yếu của hệ thống cung cầu tự do. Các lý thuyết gia miệt mài tìm hiểu và cắt nghĩa hiện tượng để tìm phương thức ngăn chặn, nhưng thực tế vẫn khắc nghiệt xảy đến, không cách nào tránh khỏi.

Khoảng thời gian này hai năm về trước, cuộc sống của Hựu trải rộng

đur giả. Phú quý sinh lễ nghĩa, hội hè đình đám trong thành phố, nhóm nào ngỏ lời xin ủng hộ, Hựu cũng rộng lượng ký *cheque* ngay. Chàng tặng quà cho thí sinh dự thi hoa hậu, phát giải cho các em trong dịp Tết Trung Thu, góp phần bảo trợ đồng bào ở trại tị nạn... hầu như chỗ nào tên chàng cũng được long trọng nhắc đến như một mệnh thường quân hào phóng nhất. Chàng nghiệm ra một chân lý của cuộc đời là không có gì thoải mái bằng được sống giữa xã hội văn minh mà không phải lo đến sinh kế. Y phục xứng kỳ đức! Mới ngày nào quần jean áo bạc vật lộn với máy móc trong hãng xưởng, bây giờ Hựu nhanh chóng lột xác, lôi về bốn năm bộ vest thời trang của Harry Rosen, chú ý đến màu sắc của từng chiếc sơ-mi, cà-vạt và bi-tất, bộ nào ra bộ nấy. Chàng mượn dài hạn chiếc BMW bốn cửa, gắn điện thoại trong xe và cẩn thận hơn, mua thêm cái *beeper* gài ở cạp quần. Vẫn chưa đủ. Ít lâu sau, Hựu lại sắm thêm cái điện thoại *cellular* cầm tay như một cái *mode* cần thiết để chứng tỏ với bá tánh là lúc nào chàng cũng bận rộn. Cái *phone* ấy, lắm khi không cần thiết, chàng vẫn sử dụng ngay trên đường phố hoặc trong quán cà phê đông người để thiên hạ thấy rõ phong độ chuyên nghiệp của mình, cũng như bộ *tuxedo* đắt tiền chàng mua chơi, mặc dù chưa có cơ hội mặc thử.

Mới đó mà mọi chuyện đã trở thành dĩ vãng tưởng như xa xôi lắm. Thị trường địa ốc đang nóng bỏng, nhà cửa đang lên giá vùn vụt thì bỗng dừng dừng hẳn lại rồi tụt nhanh như chiếc xe trên triền dốc đứng. Lạ quá! Sao lại như thế được? Nhà đất đâu phải là chim cút mà hôm nay còn là tài sản kềch sù, ngày mai đã trở thành vô dụng? Từ nay đến 1997, dân Hồng Kông còn kéo sang nướm nướp thì lý do gì nhà bỗng mất giá? Hựu không tin. Đồng nghiệp của chàng cũng nhất định ngờ vực. Chắc chỉ đứng giá tạm thời trong ít lâu rồi đâu lại vào đấy. Thì cứ nhìn sang New York sẽ

thấy ngay. Một mảnh đất nhỏ nhoi chỉ bằng đủ cái lều giữa khu thị tứ cũng đáng giá cả trăm ngàn mỹ kim. So với thị trường ấy, vùng đất này đã thấm vào đâu! Toàn những luận cứ để tự an ủi và xoa dịu lẫn nhau nhưng thực tế vẫn trái ngược, cảnh “bể dâu” vẫn diễn ra, đem ê chề đến cho bao nhiêu người trong thành phố. Một tháng chính phủ tăng lãi suất ba lần, lại đúng vào lúc hiệp ước thương mại *free trade* vừa có hiệu lực khiến những nhà đầu tư lâu năm rút gần hết vốn liếng về Mỹ và chuyển hướng sang Mễ Tây Cơ, nơi có lực lượng lao động dư thừa và rẻ mạt.

Ngày ngày Hựu đến văn phòng, đâm chiêu đâm luận với các đồng nghiệp, bàn ra tán vào toàn những lời lẽ ưu tư chất chứa. Những giọng cười sảng khoái tự tin, những cử chỉ ngênh ngang ngạo nghễ biến đâu mất cả để chỉ còn lại không khí trang nghiêm của một công ty địa ốc vừa bước sang một khúc rẽ nặng nề. Làm gì còn những ngày *open house* mới sáng sớm đã hàng loạt người ủa vào xem, hăm hở ký *offer* trả giá! Làm gì còn cái thuở mà những căn nhà cổ lỗ, ọp ẹp, hàng đàn gián bình thản nối đuôi nhau dạo quanh tường mà vẫn có người sẵn sàng dọn vào! Còn đâu nữa cái thuở vàng son một căn nhà lên *list* chưa đầy ba ngày đã bán xong và thậm chí có lần chính Hựu đã bán cái *condominium* hoàn toàn trên giấy tờ, khách hàng không thèm đến coi, bởi họ chỉ cốt ý mua để sang tay kiếm lời mà thôi! Ngày trước đi làm trong nhà máy, hàng tuần háo hức chờ lãnh tấm *cheque* hơn 400, Hựu đã thấy cuộc sống tương đối ổn định rồi. Sang ngành địa ốc, mỗi lần bán căn nhà nhỏ, tiền *commission* chỉ một hai ngàn, chàng nhìn tấm *cheque* khinh bỉ vì thấy thua sút nhiều đồng nghiệp trong hãng. Lâu lâu ra phố hoặc đi dự tiệc, tình cờ gặp lại những người bạn cũ vẫn còn bám lấy công việc ở nhà máy, chàng nao nao tội nghiệp và càng hãnh diện vì mình đã sáng suốt chuyển nghề đúng thời điểm.

Nhưng sông có khúc, người có lúc. Cuộc đời chẳng biết thế nào là khôn dại. Bây giờ thì Hựu đến văn phòng thường xuyên hơn, lý do giản dị là khách mua nhà biến đâu hết cả. Mỗi ngày lật nhanh tờ báo, lớn tiếng bàn bạc về chính trị, một lãnh vực mà chàng chưa bao giờ để ý đến. Chính trị ở đây không phải là vấn đề chống Cộng cứu nước hay tình hình biến chuyển của Đông Âu mà là phê phán chính phủ Canada bất tài, giết chết nền kinh tế đang phồn thịnh, đưa cả nước vào chu kỳ suy thoái, gây bao nhiêu cảnh giở khóc giở cười cho bá tánh. Đầu thập niên 80, những thành phố lớn ở Manitoba, Alberta, Texas... cũng đã từng lâm vào cảnh này, nhưng người ta dễ dàng thông cảm bởi biết rõ nguyên nhân là dầu hỏa. Còn ngày nay thì vô lý quá. Thành phố đang như chàng trai sung sức, đột ngột lâm bệnh liệt giường liệt chiếu và Hựu thấy chỉ có thể cắt nghĩa được tình trạng này bằng nguyên do duy nhất là chính phủ ngu ngốc!

Ở văn phòng địa ốc, chẳng phải một mình Hựu đau khổ. Hầu như ai cũng ít nhiều điều đứng và nếu cứ đà này thì chỉ vài tháng nữa cả công ty sẽ sập tiệm. Công ty sập tiệm không quan trọng lắm, bởi vì thảm cảnh đích thực của Hựu không phải là chỉ mất cái *job* nhàn hạ và sung túc này, mặc dầu chàng có tiếc thật. Mối lo gan ruột làm chàng mất ăn mất ngủ hiện nay là chàng đang cõng trên lưng tới ba căn nhà, một để ở, hai để đầu tư, mà cả ba gánh nặng ấy đều chỉ trông vào nguồn lợi tức duy nhất chàng kiếm hàng tháng. Chàng cũng có cho người thuê, nhưng nhà mua vào lúc giá quá đắt mà chàng đặt cọc không có bao nhiêu, giật đầu này đắp đầu kia theo kiểu mượn đầu heo nấu cháo, cho nên tiền cho mượn thu được hàng tháng không bao giờ tự trả nổi *mortgage*. Chàng vẫn phải lấy *credit line* của mình bù đắp, hy vọng nhà lên giá thì tổng ngay đi kiếm chút cháo. Đàn anh trong nghề bảo Hựu: “Làm nghề bán nhà

muốn khá phải biết đầu tư. Chỉ ăn *commission* thì suốt đời không bao giờ giàu được". Câu chỉ dẫn đầy kinh nghiệm ấy, giờ đây đang trở thành cái án tử cho Hựu và đồng nghiệp.

Không có khách, Hựu vẫn kiên nhẫn đến văn phòng ngồi chờ hoặc lang thang ra quán cà phê tiêu nốt những đồng bạc khan hiếm cuối cùng, vẫn đăng quảng cáo dài hạn và theo dõi báo chí địa phương, đợi chờ một phép lạ khiến thị trường địa ốc sống lại. Hai căn nhà của Hựu cầm bằng "*for sale*" đã cả năm nay, chỉ có một người hỏi và không hề trả giá. Hàng loạt các căn khác thiên hạ nhờ Hựu lên *list* cũng chìm trong im lặng. Có người sốt ruột khuyên Hựu nên giao nhà của chàng cho ngân hàng, đừng nuôi thêm hy vọng hão huyền nữa. Đau lâu tổn thuốc! Giữ lại ngày nào, phí tiền ngày ấy. Nhưng Hựu không đành lòng, phần vì tiếc của, phần vì vẫn còn tin rằng thị trường sẽ phải phục sinh, không thể cứ trì trệ mãi thế này được. Vả lại, giao nhà cho ngân hàng cũng chẳng giải quyết được gì, bởi lúc mua, Hựu đặt cọc quá ít, nợ nhà băng quá nhiều. Nhà băng phát mại khi nhà xuống giá, thu không đủ phần tiền chàng nợ, có nghĩa là chàng chẳng những đã mất nhà mà vẫn còn thiếu ngân hàng thêm mấy chục ngàn nữa. Đúng là cái vũng lầy Hựu lỡ bước chân xuống, rút ra không được mà càng cựa quậy càng lún sâu thêm. Thực chất con người Hựu vốn không phải là kẻ ưa bốc đồng, vung tay quá trán. Chính Hựu cũng biết giá nhà tăng một gấp đôi, gấp ba trong hai năm 87 và 88 không phải là giá trị đích thực của căn nhà, mà do yếu tố tâm lý quần chúng tạo nên. Chẳng qua vì bị lôi cuốn theo nỗi háo hức chung ấy, cộng thêm một chút bất cẩn khi tính toán và một chút lạc quan quá trớn trong khi phân tích thị trường mà ngày nay chàng phải đối diện một bài toán hóc búa hầu như không có giải đáp.

Hơn một năm không có lợi tức,

credit line hai mươi ngàn đã gần hết, hai cái thẻ tín dụng cũng đụng tới *limit*, vài món nợ tư nhân lãi suất cắt cổ, tháng tháng chỉ trả tiền lời cũng đủ làm Hựu hụt hơi. Chàng không biết tính toán thế nào để tìm cho ra lối thoát, cả ngày cứ đắm chiêu suy nghĩ, mấy lần ngồi trên xe vượt cả đèn đỏ suýt gây tai nạn. Về nhà, chàng đứng ngồi không yên, chán ngán nhìn những hoá đơn gửi đến dồn dập. Hai đứa con xúm lại kể chuyện, Hựu hững hờ ra mặt và đôi khi bần gất vô cớ. Hựu hay đứng thẩn thờ ở cửa sổ, ngó ra khu vườn sau, nơi chàng đã chăm chút bãi cỏ xanh tươi và hàng cây ăn trái, nao nao nhớ lại hôm ăn tân gia, bạn bè kéo đến đông đảo, ai cũng trầm trồ khen ngợi. Có người bảo:

— Hai vợ chồng với hai đứa con, mua nhà lớn quá, ở sao cho hết!

Họ nói đúng. Nhà Hựu lớn thật. Nhưng mai kia sẽ vừa vì gia đình bên vợ chàng sắp qua thêm bốn người nữa. Và để chuẩn bị đón tiếp, Hựu chiều vợ, sắm sửa tất cả mọi thứ cần thiết mà vợ chàng yêu cầu.

Bây giờ thì tình hình đã biến đổi, không chắc cái ngày thân nhân bên vợ Hựu qua, họ còn có dịp chui vào căn nhà thênh thang này nữa. Bởi chính Hựu cũng không nắm vững được là chàng sẽ còn ở đây cho đến bao giờ! Mỗi khi thoir thẩn dạo quanh vườn, Hựu buốt nhói hình dung chỉ trong một tương lai rất gần, chàng sẽ đánh mất tổ ấm này, nếu không có một phép lạ. Mà phép lạ nào bây giờ, ngoại trừ trúng Loto 6/49 Hựu vẫn mua hàng tuần.

Một hôm có người điện thoại đến ngỏ ý muốn mua nhà. Buồn ngủ gặp chiều manh, chưa biết có hy vọng gì không nhưng Hựu bật dậy, ăn mặc chỉnh tề lấy lại phong độ rồi phóng xe đi ngay đến điểm hẹn. Khách là một người đàn bà trẻ, dắt theo đứa con chừng năm tuổi, đứng chờ Hựu trước cửa một cao ốc trên đường Jane. Hựu dừng xe, bước xuống niềm nở chào rồi vỗ nhẹ vào vai đứa bé, vui vẻ hỏi:

— Cháu tên gì?

Không chờ nó trả lời, Hựu mở cửa mời hai mẹ con lên xe và nhập đề:

— Tôi là Hựu, chị biết rồi. Xin lỗi, tôi chưa được biết quý danh chị?

— Dạ, tôi tên là Liễu.

Hựu chuyển mục:

— Chị mua nhà lúc này có hai cái lợi lớn. Thứ nhất là giá nhà đã xuống nhiều, và thứ hai là chị có nhiều cơ hội để chọn lựa, không như mấy tháng trước.

Liễu quay lại phía sau bảo con cài *seat belt* rồi gật đầu:

— Vâng, hồi đó tôi cũng định mua, nhưng thấy người ta chụp giựt quá thành ra tôi hoãn lại.

Hựu thăm hỏi chi tiết về sở thích của khách: nhà loại gì, nhằm mục đích thương mại hay thuần túy để ở, mấy phòng ngủ, khu vực nào, gần trường học, trạm xe bus, subway.v.v.. để rồi cuối cùng chàng đề nghị đưa mẹ con Liễu về văn phòng, dò *computer*, chọn cho nàng căn nhà thích hợp. Liễu ngần ngại từ chối:

— Thôi, khỏi mất công anh. Anh cứ cho mẹ con tôi đi coi vài căn, được thì tôi lấy.

Hựu chiều ý:

— Vâng, vậy cũng được. Nhưng bữa nay chắc không coi được nhiều, bởi chị gọi bất ngờ, tôi mới chỉ lấy hẹn được hai ba căn. Giờ này phần lớn chủ nhà đều đi làm. Nhà thì rất nhiều, nhưng phải hẹn trước lấy chìa khoá.

Liễu vui vẻ:

— Coi hai ba căn cũng đủ mệt rồi. Mai đi tiếp.

— Vâng, tối nay tôi lấy hẹn, ngày mai đưa chị đi coi cả ngày cũng được.

Rồi Hựu theo thói quen nghề nghiệp:

— Ai giới thiệu tôi cho chị?

— Tôi đọc quảng cáo trên báo.

Hựu gật đầu, à nhỏ một tiếng. Liễu tò mò hỏi lại:

— Lúc này nhà còn bán được không anh?

Hựu nhấn mạnh:

— Vẫn được chứ chị! Giảm đôi chút, chừng ba mươi phần trăm

thôi!

Nói dứt câu, Hựu nén tiếng thở dài và lảng sang đề tài khác. Chàng thấy gương vì lời phát biểu lạc quan của chàng không đúng với sự thật. Hựu càng gương hơn khi liếc mắt nhìn qua bên cạnh, thấy rõ trong ánh mắt Liễu thoáng hiện vẻ ngờ vực và chế giễu. Một người bình thường nhất cũng biết rõ rằng trong cơn suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề nhà cửa đang làm điều đứng cả thành phố, và đặc biệt, cộng đồng người Việt bị tác hại trầm trọng bởi sự đầu tư quá đà, đua nhau mua nhà theo trào lưu thôi thúc, gần như tham dự một trò chơi cờ bạc. Có người mua căn nhà quá lớn, vượt hẳn khả năng tài chánh của mình. Có người đáng lẽ chỉ nên sắm một căn thì lại lạc quan vay thêm *second mortgage* để tậu thêm hai ba căn khác. Kinh tế cứ bình thường, gồng mình trả nợ ngân hàng cũng đã đủ mệt rồi, huống chi gặp lúc suy thoái. Những sắc dân khác như Ý, Bồ Đào Nha... vẫn còn mua bán lai rai, chứ riêng cộng đồng người Việt thì mãi lực trên thị trường địa ốc lúc này kể như đã hoàn toàn câm lặng.

Im lặng một lúc, Hựu hỏi:

— Chị định mua nhà giá bao nhiêu?

Liễu không suy nghĩ:

— Chừng ba trăm ngàn trở lại.

Hựu hơi giật mình, vừa mừng vừa lo. Đang rách, bán được căn nhà cỡ này là tốt rồi. Nhưng kinh nghiệm cho thấy, đưa khách đi coi nhà mà chỉ có riêng vợ hoặc chồng thì thường chẳng bao giờ thành công, chẳng bao giờ *close* được cái *deal* dù to hay nhỏ. Biết bao nhiêu lần người vợ đã dứt khoát quyết định, rồi anh chồng chỉ chê một tiếng, chuyện lại không đi đến đâu. Và ngược lại, người chồng hăm hở đòi ký giấy *offer*, vợ nhịu mảy lắc đầu, Hựu lại ra về tay không. Bởi vậy, để tiết kiệm thì giờ, Hựu luôn luôn đòi có mặt cả hai vợ chồng khi anh đưa đi xem nhà. Ở Bắc Mỹ này, căn nhà là sự nghiệp một đời, không phải một món hàng tiêu

tâm tình cỏ dại

tặng L.H.T

Trốn chạy tình yêu với hận căm
Ta về tỉnh nhỏ sống âm thầm
Làm thân con ốc thu trong vỏ
Nghe giọt thời gian chảy chậm dần

Ta lớn lên và ta ước mơ
Bỗng dung ngày tháng thật chơ vơ
Đây hồn gai góc vô tình bám
Tai sẽ ù đi mắt sẽ mờ

Đồng rất xanh đầy nụ cỏ non
Ta là ngọn cỏ mọc bình yên
Mở lòng đón gió từ phương bắc
Và sưởi tình điên dưới nắng hiền

Ta mãi xin làm thân cỏ cây
Bên hoa ta sống kiếp lưu đầy
Một mai thân hoá thành du tử
Bên mộ ta vui giấc ngủ say.

dã thảo

dùng vớ vẩn, cho nên khách nàng nào cũng cân nhắc tỉ mỉ trước khi đặt cọc. Hựu dè dặt thăm hỏi:

— Nhà ba trăm ngàn, mua lúc này là nhà khá lớn đấy. Gia đình chị có đông người không?

Câu hỏi ấy chỉ là cách nhập đề lung khởi để Hựu khám phá cái điều chàng cần biết là Liễu có chồng hay không! Nếu có, Hựu sẽ hẹn ngày mai hoặc một ngày cuối tuần để cả hai cùng hiện diện. Liễu bình thản đáp:

— Ở không hết thì cho mượn, phụ trả tiền nhà.

Câu trả lời vẫn chưa đúng ý. Hựu lại vòng vo kể:

— Hôm trước có hai vợ chồng nhờ tôi đưa đi coi căn nhà ở đường Bloor. Cả hai vợ chồng đều thích lắm, đồng ý ký giấy *offer*. Phút chót bà mẹ vợ đòi đi coi. Bà cụ chỉ chê có cái cầu thang hơi dốc, thế là cả nhà đổi ý, không mua nữa. Thành ra, đi coi nhà nên dẫn cả nhà cùng đi. Hoặc ít ra là những người có quyền quyết định.

Liễu cười:

— Tôi toàn quyền quyết định,

anh cứ yên chí!

Xe dừng lại trên đường Dufferin trước một căn nhà gạch hẹp ngang và sâu hun hút. Đó chính là căn nhà của Hựu đang cho mượn. Hựu mở cửa xe cho mẹ con Liễu và giải thích:

— Nhà này bốn phòng, chưa kể *basement*. Cho thuê rất tiện vì có lối đi riêng bên hông.

Chàng bước lên thềm, đưa tay ấn chuông, chờ một lát rồi lấy chìa khoá riêng mở cửa mời Liễu vào. Chàng bật đèn rồi dẫn hai mẹ con đi một vòng khắp các ngõ ngách, xuống cả *basement* và chui ra cái sân nhỏ phía sau. Chàng toan đưa Liễu lên lầu nhưng biết có người trên đó nên chỉ đứng ở chân cầu thang và bảo:

— Trên đó hai phòng ngủ, rộng rãi lắm!

Nét mặt Liễu bình thản đến độ hờ hững. Có lẽ nàng chê căn nhà cũ quá! Hựu đoán thế và lên tiếng phân trần:

— Nhà trong phố thì căn nào cũng đại khái như thế này. Nhưng được cái tiện đường xe bus. Bước



ra cửa là có trạm xe ngay. Xéo bên kia là trường học.

Liều gạt đầu theo Hựu ra cửa. Đứa con nàng đứng trên thềm chỉ tay ra phía ngã tư và nói:

— Mẹ ơi, McDonald kia!

Hựu vừa khoá cửa vừa quay lại bảo:

— Cháu muốn ăn McDonald hả? Được, lên xe đi, chú đưa qua.

Liều nói băng quơ:

— Tối ngày chỉ ăn toàn đồ ăn Tây, thức ăn Việt, món nào nó cũng chê!

Rồi nàng cúi xuống bảo đứa bé:

— Con ăn gì thì cho bác biết, bác mua cho. Hamburger hay Bíc Mac?

Nghe câu nói dịu dàng và lịch sự của Liều, đến mấy phút sau, ngồi trong xe, Hựu mới nhận ra sự vô lý của nó: Dường như Liều coi việc mua McDonald cho con nàng là một bổn phận tự nhiên của Hựu. Có nghĩa là, khi một người *agent* đưa khách đi coi nhà, thì phải mời khách ăn trưa luôn, dù chưa biết người ấy sẽ có mua nhà hay không! Dĩ nhiên, cho đứa nhỏ ăn một chậu McDonald đến vỡ bụng cũng chẳng tốn bao nhiêu. Nhưng Hựu thấy buồn lòng vì Liều coi đó là trách nhiệm tự nhiên của người bán

nhà.

Và cứ thế, liên tiếp trong ba ngày. Buổi sáng, khoảng 10 giờ, Hựu đem xe lại đón. Chạy vòng vòng coi nhà, ghé tiệm phở ăn trưa, tạt vào McDonald mua hamburger cho đứa bé, rồi chiều tối lại chở mẹ con Liều về. Tính ra, từ đông sang tây, cả chục căn rồi mà Liều vẫn chưa ưng ý. Cũng không sao, lúc này Hựu rảnh rỗi lắm. Vả lại, kinh nghiệm nghề nghiệp cho thấy khách hàng nhiều người rất khó tính, bán buôn phải chiều khách là điều tự nhiên.

Sang ngày thứ tư, Hựu phone Liều để lại đón thì nàng thẳng thắn bảo Hựu:

— Thôi, anh khỏi tới nữa. Tôi đổi ý, không mua nhà nữa. Định dùng tiền để mở *business*. Anh cảm phiền vậy!

Hựu nín kéo vài câu rồi buông điện thoại. Chàng thờ thẩn lái xe đến văn phòng. Công ty địa ốc lúc này vắng ngắt, tiếng phone lâu lắm mới lại vang lên. Đồng nghiệp quá nửa đã bỏ nghề đi tìm việc khác. Và đó mới thực là một thảm cảnh. Người ta đi lên thì thênh thang, đi xuống thì quá vất vả. Đã quen nghề tự do ăn trắng mặc trơn, đã quen

tiêu pha rộng rãi, bây giờ quay về hãng xưởng giờ giấc bó buộc, đồng lương cố định, người nào cũng cảm thấy tù túng khó chịu. Mà nói thế thôi chứ lúc kinh tế suy thoái, muốn tìm một công việc bảy tám đồng trong xí nghiệp cũng hết sức lao đao, không phải dễ kiếm.

Cô thư ký của hãng địa ốc gạt đầu chào Hựu rồi trao cho chàng một xấp *message* người ta gọi tới lúc Hựu vắng mặt. Chàng đón lấy, liếc nhanh từng tờ và ngao ngán thở dài. Toàn những số điện thoại và những cái tên quen thuộc. Hai tờ báo đòi tiền quảng cáo đã nửa năm nay Hựu chưa trả. Hãng xe yêu cầu chàng gọi lại vì tháng rồi chàng ký *cheque* không tiền bảo chứng. Hựu thấy xấu hổ với chính mình bởi thực chất con người chàng vốn tự trọng, luôn luôn đề phòng những tai tiếng về tiền bạc. Không ngờ hoàn cảnh đưa đẩy chàng vấp phải cái lỗi mà chàng không bao giờ muốn phạm.

Hựu lật tiếp mấy mẫu giấy nhắn tin. Một người thuê nhà gọi chàng đến thực lộ cầu tiêu bị nghẹt. Một người khác báo tin cho Hựu biết cuối tháng này sẽ dọn ra, không mượn căn nhà của Hựu ở đường Dufferin nữa. Hựu đau nhói trong lòng tuy không ngạc nhiên lắm bởi người đó đã ngỏ ý từ tháng trước. Hựu đã bắt buộc phải giảm giá thuê nhưng người ta thất nghiệp phải dọn ra để nhập chung với gia đình người quen.

Hựu bước vào bàn của mình, mệt mỏi ngồi xuống, đưa mắt nhìn quanh. Sâu sát trong góc phòng, Hựu thấy Phiên đang khoắng cà phê. Cả công ty, có lẽ chỉ còn mình Phiên đứng vững. Ông là một tay địa ốc già dặn và cẩn trọng. Chính ông đưa Hựu vào nghề và thường ân cần giảng cho chàng những kinh nghiệm hữu hiệu của công việc bán nhà. Và cũng chính ông thường khuyên Hựu phải nắm lấy thời cơ để đầu tư bất động sản. Ông lấy tờ giấy, viết những con số và bảo Hựu:

— Nếu ông có một trăm ngàn, đem gửi ngân hàng, lãi suất khoảng

hoàng mơ

Hoàng mơ, mấy độ hoàng mơ
Em về lưa ngát chiều qua phố buồn.

Ngất ngư cơn sóng điên cuồng
Có tình ta rớt giữa lòng đại dương
Yêu em ngỡ chuyện hoang đường
Ôi tình đã cũ như đường chỉ thêu
Vàng lên nỗi nhớ rong rêu
Cánh sao mờ sớm giữa chiều buồn tênh
Nhạc lòng viễn khách bùng lên
Ấm xưa gầy vụn, đường đêm phố người
Có em về chất chiu đời
Nhớ cơn mộng đại gọi mời đêm thâu

Về đâu, viễn khách về đâu
Hoàng mơ mấy độ chìm sâu xuống đời.

việt phương



8 hay 9 %, *compound interest*, thì tám năm sau, một trăm ngàn sẽ tăng gấp đôi, nghĩa là ông có hai trăm ngàn. Nhưng cái trăm ngàn tiền lời đó sẽ phải nộp thuế, thành ra chỉ còn khoảng sáu chục ngàn thôi. Lại phải nhớ rằng, mức lạm phát chính thức mà chính phủ công bố hàng năm là từ 4.5 đến 5%. Nghĩa là cứ một đồng bạc năm nay thì chỉ trị giá 95 xu năm tới. Ông làm một con tính, ông sẽ thấy tổng số tiền lời một trăm ngàn, sau khi trừ thuế và trừ tỷ lệ lạm phát, ông chỉ còn chừng bốn chục ngàn. Chưa kể, trong tám năm đó ông vẫn phải đi mượn nhà trả tiền thuê hàng tháng. Thành ra bao nhiêu tiền lời chỉ để trả tiền mượn nhà. Cho nên thà rằng ông đem một trăm ngàn mua nhà. Nhà có lúc lên lúc xuống, nhưng chỉ là nhất thời thôi. Về đường dài, nhà không bao giờ lỗ. Lúc lên, ông phải biết lợi dụng thời cơ. Lúc xuống, phải cố gắng cầm cự để chờ thời!

Những điều Phiên nói ra không phải chỉ là lời rao hàng của một chuyên viên địa ốc nhằm dụ dỗ người ta mua nhà, mà là những dữ kiện có thật dựa trên các thống kê của nhiều giáo sư đại học chuyên về tài chánh. Trong suốt ba mươi năm qua, từ 1960 đến 1990, ngành đầu tư đã chứng tỏ rằng nhà cửa đem lại lợi nhuận cao nhất, vượt cả thị trường chứng khoán, vàng bạc và công khố phiếu. Canada Savings Bonds là phương thức đầu tư vững chắc nhất, có lúc tiền lời lên đến 19.5% như năm 82, nhưng tính đồ đồng nhiều năm thì lãi suất trung bình chỉ là 7%, trong khi nhà đất được ghi nhận tới 12%. Dĩ nhiên những thăng trầm bất khả kháng của thị trường, lúc tăng vọt như điên dại, lúc mất giá một cách thảm thương, đều chỉ là những chạng đường ngắn ngủi rồi sẽ qua đi. Về lâu về dài, địa ốc vẫn là cái nôi an toàn của mọi người, miễn đừng coi đó là một canh bạc nhất thời.

Đồng nghiệp trong công ty không ngạc nhiên thấy Phiên thành công bởi ông là người mực thước,

biết lui biết tiến. Nhờ vậy, giờ này, trong khi bao nhiêu đồng nghiệp điều đứng thì ông rất bình thản bởi ông chỉ có một căn nhà để ở, *mortgage* nhẹ nhàng, thất nghiệp cũng không sao. Lúc thị trường lên cao điểm, ông cũng đã nắm bắt thời cơ, mua đi bán lại, sang tay nhanh chóng, mỗi căn kiếm chút ít ném dần vào căn nhà căn bản của gia đình ông, chuẩn bị tinh thần sẵn cho thời kỳ tuột dốc hôm nay.

Phiên bùng tách cà phê lại bên bàn Hựu, kéo ghế ngồi và hỏi:

— Hôm qua tôi thấy ông chạy bên phố Tàu đông. Tôi bấm còi nhưng ông không để ý. Hình như ông chở mẹ con bà Liễu, phải không?

Hựu uốn người dựa vào thành ghế, chán nản đáp:

— Đưa bà ấy đi coi cả chục căn mà chả ăn thua gì!

Phiên uống hớp cà phê rồi nhìn Hựu chia sẻ:

— Ông bị tổ trác rồi!

Hựu quay người lại, trở mặt nhìn. Phiên chậm rãi tiếp:

— Con nhỏ đó chuyên môn phá người ta không à! Ông thấy mặt mũi nó hiền lành dễ thương, nói năng tử tế cứ y như là *ma soeur*, ông lầm chết. Một thời thằng cha Hoạch chết lên chết xuống, xem bỏ vợ vì nó đấy!

Hựu càng tò mò:

— Ông nói nó phá là phá làm sao?

Phiên kể:

— Con nhỏ đó làm gì có tiền mà mua nhà! Lãnh trợ cấp *single mother*, ở nhà chính phủ, tháng có mấy trăm bạc, làm sao mua nổi nhà! Hai mẹ con cứ lâu lâu lại mở báo biểu ra, lật trang quảng cáo rồi kêu đại một ông địa ốc đến, chở hai mẹ con đi chơi vòng vòng thành phố cho đỡ buồn. Thằng con đang nghĩ hè mà! Tôi bị rồi! Cả chục thằng bị rồi, chứ đâu phải riêng ông!

Hựu thấy ghen ở cổ, lặng người không nói được gì nữa. Phiên bùng tách cà phê đứng dậy và buồn rầu tiếp:

— Mất thì giờ, tốn xăng vô ích mà còn phải mua McDonald cho thằng nhỏ nữa.

Hựu ngượng ngùng cười khẩy:

— Tai nạn nghề nghiệp!

Phiên lắc đầu cảm thông, rủ Hựu đi uống cà phê nhưng chàng thoái thác. Nói đúng ra lúc này Hựu ngại đi phố, tránh tụ tập ở các nơi công cộng. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ! Hai ba chủ nợ, hễ gặp chàng là túm lấy đòi tiền. Cái điện thoại cầm tay từ mấy tháng nay không dùng tới nữa. Chiếc BMW mượn dài hạn, cố gắng cầm cự để giữ phong độ bề ngoài, chắc chắn cũng chỉ nội tháng này phải trả lại vì tài chánh kiệt quệ. Chàng ngồi đắm chiều một lúc rồi vói tay ấn nút bật cái ti-vi nhỏ đặt trên chiếc kệ đóng cao trên tường. Ông Tom Vũ mặt tròn quay, đứng trên du thuyền bên cạnh hàng chục kiều nữ mặc bikini nằm phơi mình dưới ánh nắng, giữa đại dương lồng gió. Ông phồng mang trợn mắt thuyết phục thiên hạ đầu tư vào địa ốc để làm giàu. Bởi vì theo ông, nếu muốn có ngày được rong chơi bên bầy con gái như ông thì chỉ có con đường duy nhất là tạo mãi bất động sản. Giọng Anh văn nhà quê một cách cố tình của ông được lặp đi lặp lại cả trăm lần mỗi ngày trên băng tần quảng cáo độc quyền về nhà cửa. Đem một người Mỹ có bằng cấp cao ra biểu diễn chắc chắn sẽ không ăn khách bằng đưa một người tị nạn ít học làm tấm gương về sự thành công. Cho nên mặc dù Tom Vũ có thể nói tiếng Anh khá hơn, các cố vấn của ông vẫn nhất định bắt ông phải giữ nguyên cách phát âm rất bình dân đó, để nhấn mạnh rằng: "*If I can do it, anybody can do it!*" Hựu cũng đã một thời say mê Tom Vũ, bỏ thì giờ đến dự *seminar*, mua băng mua sách về học hỏi kinh nghiệm, mơ một ngày trở thành tay tư bản. Nhưng mộng chưa thành thì đã lâm vào ngõ cụt.

Hựu thở mạnh, tắt ti-vi và hững hờ mở tờ nhật báo ra xem. Lãi suất vẫn chưa có dấu hiệu gì là sẽ hạ thấp, mà các hãng xưởng thì đua

nhau sa thải công nhân. Chàng quảng tờ báo, cầm xâu chìa khoá đứng dậy, uể oải bước ra cửa. Chàng vòng lối sau, men theo hành lang rẽ sang con đường nhỏ nơi chàng và bạn bè thường đậu xe. Bỗng thấy bên kia đường có bóng người quen, Hựu giật mình thụt lại, nấp vào gốc cây, dăm dăm ngó sang quan sát rồi nhẹ nhàng lùi dần, lùi dần cho đến khi chạm vào bức tường, quơ tay mở cửa và lao vội vào. Chàng trở lại văn phòng, kéo ghế ngồi thở. Người đứng chờ Hựu ở đường hẻm phía sau *building* mà Hựu vừa chạy trốn chính là bà chủ hội mà chàng thiếu nợ đã mấy tháng. Cơn sốt nhà cửa năm 88 như một thứ á phiện có ma lực quyến rũ đến nỗi Hựu hốt hụi non và đi vay lãi để lấy tiền đặc cọc! Bây giờ bình tâm nghĩ lại, chàng mới thấy mình quá vụng tính. Đóng hụi mà hốt non thì chẳng có thứ lãi suất nào nặng hơn! Vay lời của tư nhân cũng là một thứ dây thừng xiết cổ, thế mà chàng lại dùng cả hai phương thức ấy để *down* nhà. Thử hỏi bán một căn nhà lời bao nhiêu để bù lại khoản tiền lời chàng nộp cho chủ hụi và chủ nợ hàng tháng? Bây giờ thì tiêu tan mọi hy vọng mà mấy món nợ cứ phải gồng mình gánh trên vai. Chàng làm ăn trong cộng đồng, sống bám vào cộng đồng, nên chủ tâm giữ chữ tín đến mức tối đa, nhất là về mặt tiền bạc. Nhưng trời chẳng chiều lòng người. Đến nước này thì đành muối mặt trốn nợ. Chủ hụi điện thoại giục giã, chàng cứ khất lần mãi. Bất đắc dĩ bà phải đến tận văn phòng của Hựu và trách móc:

— Tôi biết đây là chỗ làm việc của ông, tôi không muốn nói chuyện tiền bạc, sợ mang tiếng cho ông. Nhưng ông không đóng hụi cho tôi thì tôi lấy tiền đâu để chồng cho người ta?

Hựu ú ớ phân trần vài câu rồi ký chi phiếu dù chàng biết rõ trong trương mục không đủ số tiền chàng ký. Vài hôm sau chủ hụi đến tận nhà và nói thẳng, từ nay dứt khoát không nhận *cheque* của Hựu nữa.

Cả hai cùng khổ sở. Hụi hè là một thứ tín dụng dựa trên lòng tin giữa những người quen biết nhau. Chính vì thế nó có tính cách dây chuyền, nương dựa vào nhau như những quân bài Domino, hễ một quân đổ thì những quân khác dễ dàng đổ theo. Hựu giật hụi, làm lung lay niềm tin của những tay khác khiến ai cũng nóng ruột đòi hốt hụi ngay vì sợ để lâu nguy hiểm. Bởi vậy, chủ hụi đôi khi bị giật mà vẫn phải ngậm đắng nuốt cay, không dám cho người khác biết.

Ngồi một lúc khá lâu, Hựu đứng dậy mon men tiến lại bức tường phía sau văn phòng, ngó qua cửa sổ. Chàng ngạc nhiên mừng rỡ vì

thấy người đàn bà không còn ở đó nữa. Có lẽ chàng chỉ lo hão. Người ta tình cờ đi ngang chứ không chủ tâm đứng rình chàng. Tuy vậy, Hựu vẫn không dám ra ngay. Chàng dăm dăm quan sát một lúc cho chắc ăn. Chàng thấy một viên cảnh sát tiến lại đầu xe của chàng, ghi giấy phạt vì đã đến giờ cấm đậu. Hựu thở dài lẩm bẩm thành tiếng:

— Lại mất hai chục bạc!

Cùng với tiếng than ấy, Hựu nhớ lại cái thời cực thịnh của mình hai năm về trước, chàng đậu xe bừa bãi khắp thành phố bất kể bằng cấm. Tiền Hựu kiếm dễ dàng mà *parking ticket* chỉ có mười đồng. Nhiều hôm nhận ba bốn tờ giấy vàng,



Hựu nhìn khinh bỉ vì thấy món tiền không đáng để chàng bận tâm. Bây giờ thì hai chục đồng đã là lớn bởi cả năm nay Hựu không làm gì kiếm ra hai chục!

Chờ người cảnh sát đi khỏi, Hựu đẩy cửa bước ra, vừa đi vừa lăm lét nhìn quanh chiếc BMW của mình xem bà chủ nợ có ẩn núp đâu đó để xông ra chụp lấy chàng chăng! Hựu ngó sang bên kia con đường nhỏ. Chẳng có ai. Chàng tháo tờ giấy phạt nhét vào túi quần rồi mở cửa xe chui vào.

Về tới nhà, chàng thấy hai đứa con đang đuổi nhau trên sân cỏ, tiếng cười hồn nhiên vang lên từng chập. Bỗng dưng chàng đau nhói tội nghiệp vì chỉ nay mai chúng sẽ phải xa căn nhà này, quay về một cái *apartment* nghèo nàn nào đó, thiếu một khu vườn cho chúng đùa giỡn, một mảnh sân cho chúng tung tăng mùa hè. Hựu đặt chiếc Samsonite trên thềm, trước cửa ra vào rồi tiến lại chơi với các con. Quỳnh từ trong nhà bước ra, tay cầm tờ giấy, vui vẻ bảo Hựu:

— Em vừa phone cho anh, nhưng anh đi rồi. Có thư ở bên New York. Như vậy là chắc chắn gia đình em sắp qua.

Hựu cố nở nụ cười, làm bộ hơn hớn:

— Ừ, bảo lãnh cả bảy tám năm rồi còn gì!

Quỳnh thần nhiên tiếp:

— Họ bắt phải trả tiền vé máy bay trước. Mai anh ra mua *money*

order gửi cho họ!

Hựu quay mặt chỗ khác, che giấu nét bối rối. Điều này chàng đã biết từ lâu. Những năm gần đây chính phủ Canada không ứng tiền trước cho người đi đoàn tụ nữa, bởi cho vay thì nhiều mà thu lại được rất ít. Hơn thế nữa, kinh tế Canada càng ngày càng xuống dốc, mọi thứ chi tiêu công cộng đều phải cắt giảm. Biết thế, Quỳnh nhiều lần nhắc chồng mở hẳn một trương mục tiết kiệm đặc biệt, bỏ riêng ra một ngân khoản để bất chợt khi nào bộ di trú thông báo thì có ngay. Hựu đã làm theo và hứa với vợ là không bao giờ đụng đến món tiền tám ngàn mỹ kim đó. Nhưng hứa là một chuyện. Gặp lúc túng quẫn, chẳng còn cách nào khác, chàng đành từ từ lôi ra trả *mortgage* mà Quỳnh không hề biết. Giờ này, nàng vẫn tưởng tiền vé máy bay cho gia đình nàng đã sẵn sàng và Hựu chỉ việc lấy ra. Hựu cố giữ giọng bình tĩnh:

— Bao nhiêu một người?

— 1250 mỹ kim. Em tính rồi, tổng cộng mất tất cả chừng tám ngàn tiền Canada. Mai em đi với anh ra nhà băng. Gửi tiền xong, em đánh điện tín về cho bố mẹ em mừng.

Hựu miễn cưỡng gật đầu rồi lảng nhanh sang đề tài khác:

— Hôm nay có thư từ gì không em?

Quỳnh gật đầu:

— Có. Em để trên bàn. Chắc là

toàn *bill* thôi.

Hựu uể oải đứng dậy bước vào nhà. Chàng vừa cởi áo *vest* vừa tiến lại bàn ăn nhìn mấy cái phong bì xếp thành một xấp ngay ngắn. Từ bao nhiêu năm nay, mọi thứ chi tiêu trong nhà, hay nói đúng hơn, việc quản trị tài chánh gia đình hoàn toàn do bàn tay của Hựu, vợ chàng không can dự vào. Thư từ gửi đến, nếu không phải là của gia đình nàng từ Việt Nam, nàng không mở ra coi. Quỳnh giao hết mọi quán xuyến cho chồng và nàng tin ở khả năng của Hựu. Chính vì thế, cơn gia biến hiện nay đã trầm trọng lắm mà Quỳnh vẫn chưa nắm vững. Công việc làm ăn của Hựu gặp khó khăn, giá nhà trên đà tuột dốc, những tin tức ấy thì Quỳnh có biết, nhưng biết một cách đại khái và không cảm thấy lo ngại lắm bởi Hựu vẫn hàng ngày trấn an vợ. Những vay mượn chồng chất của Hựu ở ngân hàng, ngoài phố Tàu, Quỳnh hoàn toàn không được thông báo, cho nên giữa cảnh dầu sôi lửa bỏng như hôm nay, nàng vẫn bình thản như con chim làm tổ trên nóc nhà mà không biết căn nhà đang bốc cháy.

Hựu máng áo *vest* vào thành ghế, lật nhanh từng cái phong bì rất quen mắt mà không cần bóc ra chàng cũng biết là giấy đòi nợ của Visa và Mastercard. Chàng bỗng nhủ mà chú ý đến cái thư của sở thuế. Chàng lật đặt mở ra coi và choáng váng suýt kêu lên vì con số mười một ngàn sở thuế đòi chàng phải trả do cái tội ngày trước gia nhập hệ thống AMWAY, đã ngây thơ nghe lời bạn bè, đi lượm biên nhận bảy bạ về khai *income tax* hai năm liên tiếp! Họa vô đơn chí! Chàng thở hắt ra, hai tay buông thõng, thờ người ngồi xuống ghế. Lâu lắm chàng mới uể oải đứng dậy tiến lại cửa sổ. Ngoài sân, nắng chiều còn trải dài trên thảm cỏ xanh mướt. Chàng thấy Quỳnh khom người đứng bên cạnh mấy cây hồng đang mùa nở rộ. Hai đứa con đuổi nhau trong vườn, giọng cười hồn nhiên vang lên từng chập. □

Gặp cười thể-sự vẫn xoay
Thò-lò sáu mặt còn quay nháo nhào,
Đón xem **CHÍNH-KHÁCH**, kỳ sau
Truyện dài thời-cuộc đủ màu tang thương...

ĐÓN XEM KỲ TỚI:

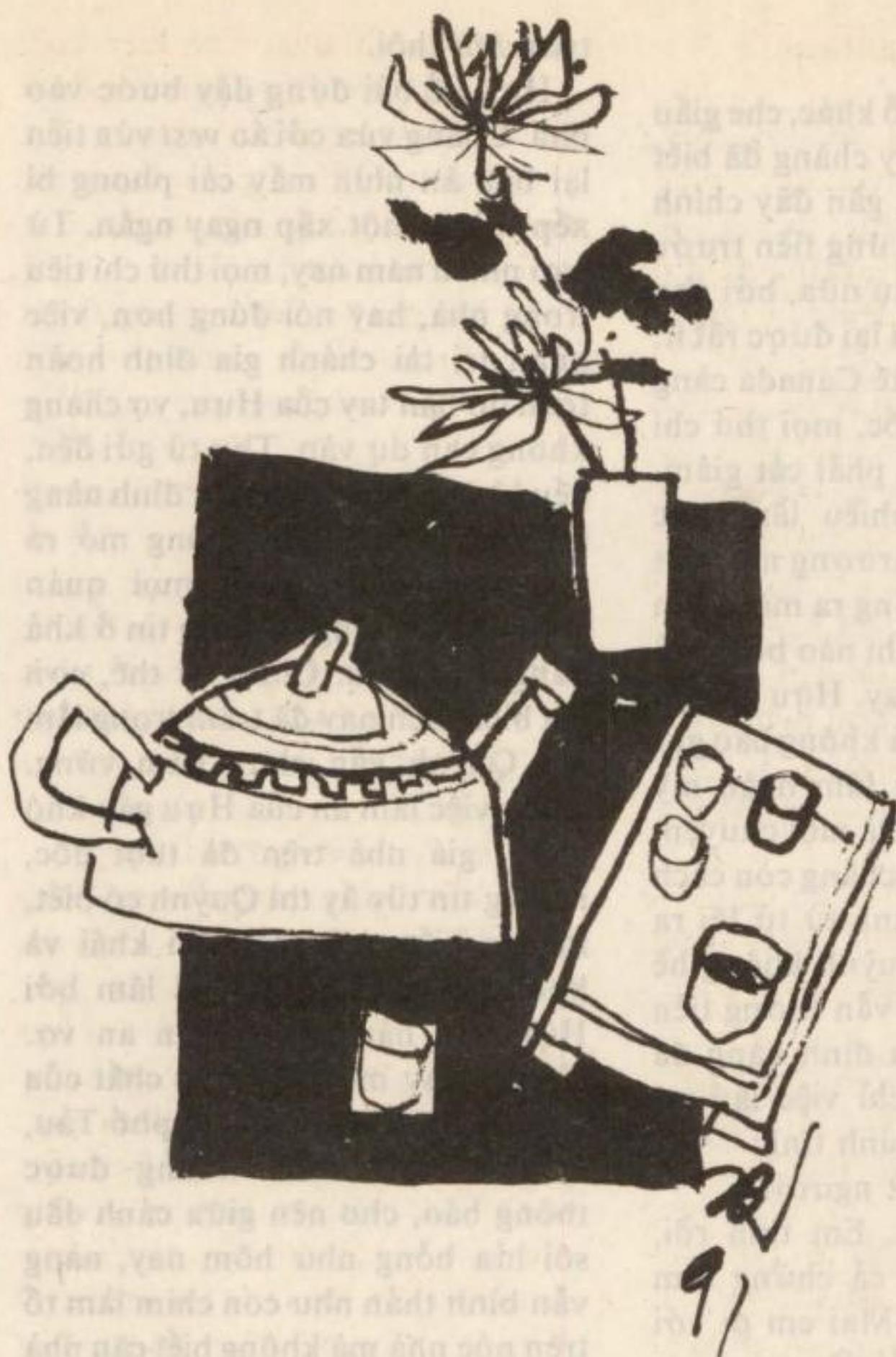
Chính-Khách

Truyện dài mới nhất của

NGUYỄN NGỌC NGẠN

Cam-đoan cười bể bụng... chính-khách!





Một căn nhà gỗ nép sau một sườn núi, nhìn xuống thung lũng sâu. Trong đó có một cư sĩ trú ngụ. Ông sống lặng lẽ, nhưng thật thanh thản an vui. Từ lâu lắm, ngoài mấy người nhà, không có ai lui tới. Và hôm nay, giữa lúc trời sắp tối của đêm trừ tịch, có hai người khách, một trung niên và một còn rất trẻ, tới thăm. Và sau đây là một phần cuộc đối thoại của họ.

Vị chủ nhân nói tiếp:

— ...có lúc tôi chỉ đọc có một cuốn sách cũ, là cuốn *Việt Nam sử lược* của Lê Thần. Đọc đi đọc lại, thấy rằng Trần tiên sinh đã cẩn thận lắm, nghiêm túc lắm. Và giữa những sự kiện trùng trùng của giòng lịch sử, tôi bỗng thấy được những sự kiện tái diễn rất lạ, có thể nói được như một định luật.

— Xin cho nghe.

— Vâng. Thôi hãy bỏ qua thời

Thượng cổ và thời Bắc thuộc. Hãy cứ lấy từ thời Tự chủ mà xét. Vâng. Tự chủ thời đại, còn được gọi là thời kỳ Thống nhất, trong đó có một số triều đại khởi nghiệp bởi yếu tố nào, thì lại thay lại suy vong vì yếu tố đó.

Vị khách vừa nâng ly trà lên, ngưng lại và nói:

— Xin cho một vài thí dụ.

Chủ nhân lặng lẽ cúi xuống, nâng ly trà hớp một ngụm nhỏ rồi tiếp:

— Tôi xin đơn cử nhà Lý. Lý Công Uẩn là một chú tiểu, con nuôi một nhà sư ở chùa Cổ Pháp, được dạy dỗ và thấm nhuần đạo lý của đấng Như Lai, rồi ra làm quan, sau được sư Vạn Hạnh và triều thần tôn lên làm vua khi Lê Long Đĩnh mất. Vâng, từ khi lên ngôi, Lý Công Uẩn làm được nhiều điều tốt đẹp, đặc biệt là đạo Phật được ngài trọng đãi lắm. Tinh thần Phật giáo

Trà Đàm

Phan Lạc Tiếp

cũng đã đem lại cho lịch sử nước nhà dưới triều Lý nhiều trang sử đẹp. Nào đẹp Chiêm đánh Tống. Nhưng cuối cùng, đến đời Lý Huệ Tông, nhà vua đã bỏ ngai vàng vào tu ở chùa Chân Giáo, truyền ngôi cho con gái là Chiêu Thánh công chúa, tức Lý Chiêu Hoàng...

Vị khách “ồ” lên một tiếng và tiếp:

— ...Từ một chú tiểu ra làm vua rồi lại từ ông vua trở về nhà chùa. Yếu tố Phật giáo.

Mọi người cười xòa. Khách trầm ngâm, tiếp lời:

— Sau đó là nhà Trần. Trần Thủ Độ, người không làm vua nhưng là kẻ khai sáng ra nhà Trần.

— Vâng. Chủ nhân tiếp — Trần Thủ Độ tìm mọi cách để soán ngôi nhà Lý. Và khi giang sơn đã ở trong tay nhà Trần, Trần Thủ Độ đã chỉ biết có nhà Trần. Ông tàn nhẫn tiêu diệt giòng họ Lý, kể cả Huệ Tông dù đã bỏ ngai vàng đi tu.

Và — khách tiếp lời — Trần Thủ Độ cũng đẹp bỏ luôn luân thường đạo lý, không ngại cả việc loạn luân...

— Đúng thế. Nhà Trần chỉ biết có nhà Trần. Và muốn giang sơn này là của nhà Trần mãi mãi. Trong triều Trần, dân tộc ta cũng đã có những trang sử oai hùng. Các chiến công hiển hách tại Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp, Vân Đồn... và danh tướng Hưng Đạo Vương đại phá giặc Nguyên còn như rừng rực oai hùng...

Khách gật gù. Chủ nhân tiếp:

— Nhưng, ở cuối thời nhà Trần

thì lại đau buồn quá lắm. Tôi còn nhớ, một đoạn mà Lê Thần tiên sinh đã nhận định đại khái như sau: “Trong nước bấy giờ dân tình đói khổ, nhà vua thì sợ giặc phải đưa của cải đi chôn, ngoài bờ cõi thì người Chiêm nay vào đánh chỗ này, mai phá chỗ khác...” Chắc quý vị đây phải biết đến Chế Bồng Nga, một vị vua Chiêm đã làm các vua nhà Trần của ta khiếp vía. Vì giòng họ nhà Trần lúc ấy đã quá to, cảnh nào chỉ biết có cảnh ấy, tranh giành nhau vì thế rất yếu hèn. Dần dần quyền hành về cả tay Hồ Quý Ly, một quyền thần của triều đình.

— Vâng. Thủ Độ chuyên quyền, lấy giang sơn từ nhà Lý, rồi giang sơn nhà Trần lại bị thoán đoạt mất về nhà Hồ. Sự bắt đầu và kết thúc sao mà giống hệt nhau.

Từ này, người khách trẻ chỉ ngồi lặng lẽ nghe, bây giờ khẽ cúi đầu, rồi ngừng lên nói:

— Dạ, chúng tôi còn trẻ, lớn lên ra nước ngoài, không có dịp đọc và biết nhiều về sử sách nước nhà. Mới đây chúng tôi có sinh hoạt với các anh em trẻ, nhân kỷ niệm hai trăm năm chiến thắng của Quang Trung. Chúng tôi thấy đó là một vị anh hùng, đã tạo nên chiến công hiển hách. Vậy Quang Trung Nguyễn Huệ có ở trong định luật như tiên sinh vừa nêu lên chăng?

Chủ nhân nâng ly trà mời khách, rồi thông thả tiếp:

— Tôi chỉ đưa ra vài trường hợp đặc biệt như vậy thôi. Đó không phải là định luật tất yếu như định luật khoa học được áp dụng cho tất cả mọi trường hợp.

Nói tới đây, chủ nhân ngừng lại một chốc, rồi tiếp:

— Nhưng trường hợp Bắc Bình Vương, tôi e rằng, nếu nhìn rộng hơn thì “định luật” trên vẫn đúng.

Mọi người nhìn nhau như thăm hỏi. Chủ nhân lại tiếp:

— Vâng. Nói rộng ra một chút, đừng nhìn riêng sự nghiệp của Bắc Bình Vương, mà nhìn cả sự nghiệp của ba anh em nhà Nguyễn Tây Sơn, thì lạ lắm, nhận định vừa rồi vẫn có chỗ dùng được.

Các vị khác đồng thanh:

— Xin cho nghe.

— Vâng. Dù ta rất quý trọng công nghiệp của Quang Trung, nhưng phải nhận rằng, thời thế đã tạo ra anh hùng. Thời thế đã đưa đẩy tạo ra sự nghiệp của Quang Trung. Vì khởi đầu, kể từ năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc, còn gọi là Biện Nhạc, vì đánh bạc thua tiêu vào quỹ nên phải trốn vào rừng. Từ đó chẳng đặng đừng mới dấy lên, và thành công được chính là nhờ ở tình anh em. Vâng. Cả Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ hết lòng phò anh là Nguyễn Nhạc. Do đó sự nghiệp đầu tiên của giòng họ Nguyễn Tây Sơn ấy là tình anh em. Xin quý vị nhớ cho như thế.

Nói đến đây, chủ nhân lại dừng một khắc, như có ý để các vị khách cùng suy nghĩ về nhận định trên, rồi tiếp:

— Vâng, chính thế. Khi cả ba anh em đã là ba ông vua. Mỗi ông có một giang sơn riêng, một triều đại riêng, nhất là khi vua Quang Trung mất đi, lúc ấy, cứ như lời chép của Lê Thần, thì thật là đau xót lắm. Tôi đọc đến những giòng này mà bản thân mãi. Đó là lúc thành Qui Nhơn của Nguyễn Nhạc bị Nguyễn Ánh vây khốn. Nguyễn Nhạc phải sai người ra Phú Xuân cầu cứu với cháu là Cảnh Thịnh, con của Quang Trung. Tướng của Phú Xuân là Phạm Công Hưng đem quân ra giải cứu được thành Qui Nhơn khỏi sự vây hãm của Nguyễn Vương. Khi kéo quân vào thành, bọn Phạm Công Hưng đã chiếm giữ lấy thành và tịch biên tất cả kho tàng. Nguyễn Nhạc thấy thế, uất quá, thổ huyết ra mà chết.

Mọi người lại “ồ” lên một tiếng. Chủ nhân tiếp:

— Như thế, như quý vị đã thấy, sự tàn lụi của triều đại Nguyễn Tây Sơn, cũng vì chỉ biết đến cái nhỏ bé của anh em mình, cụ thể là sự tàn nhẫn của vua Cảnh Thịnh.

Câu chuyện đã khá dài. Người khách trẻ có ý nóng ruột, nói:

— Thưa, chúng tôi nghe vậy thì biết vậy. Dù thế nào đó cũng là

những việc đã qua. Còn hiện tại?

Vị khách niên trưởng như hiểu ý, vội đưa tay gạt đi và nói:

— Tôi nghĩ rằng giòng lịch sử sẽ tái diễn có những điều rất lạ.

Chủ nhân tiếp lời:

— Vâng. Đất nước chúng ta lúc này, nếu nhìn suốt năm mươi năm qua, cũng có những sự tương đồng rất lạ.

Vừa nghe tới đó, người khách trẻ vội nói:

— Dạ, xin thưa ngay. Chúng tôi vừa thăm Việt Nam về, tôi không dấu điều đó. Chúng tôi chỉ thấy đâu đâu người dân cũng tả tơi đói khổ cả. Lấy sức lực ở đâu mà vùng lên được!

Chủ nhân thông thả tiếp:

— Việc hưng vong của một nhà chúng ta còn chưa dám quyết đoán, ai dám quyết đoán sự hưng vong của cả một quốc gia. Song, như ông đây, chúng ta đã trải qua năm mươi năm, chúng ta thấy hết mọi diễn tiến của đất nước. Riêng ông đây, còn trẻ, lớn lên tại hải ngoại, ông căn cứ vào các dữ kiện trước mắt mà xét đoán, đó là lẽ tất nhiên. Ở đây, tôi chỉ xin kể lại những điều mà tôi đã thấy, như những động lực gây nên sự thành công của Cộng sản Việt Nam. Vâng. Cho tôi dài giòng một chút. Đọc những giòng sử lúc Bắc Hà mất vào tay quân Pháp, ta đã uất quá. Một tên đại úy hải quân, đem theo chưa tới hai trăm tên lính, đi trên mấy chiếc tàu con, mà khi đến Hà Nội đã cùng vài tên lính xông thẳng vào thành ra bắt ông Nguyễn Tri Phương, đòi đóng quân trong thành. Quan ta nói mãi, tên này mới đóng quân ở trường thi. Từ đó, tên này hợp với gã lái buôn Đồ Phổ Nghĩa, dần dà lấy được thành Hà Nội... đem đến sự mất nước của dân ta từ năm 1884. Uất lắm chứ! Rồi sau này, khi Nhật qua Đông Dương, năm Ất Dậu 1945, ngoài Bắc có tới hai triệu người mình chết đói...

Nói tới đó, chủ nhân dừng lại, cúi đầu lặng lẽ, nước mắt như ứa ra. Ông tiếp:

— Năm đó, người chết nhiều

quá. Ở Hà Nội, mỗi sáng có xe bò chở rác đi khắp các phố để nhặt xác người. Những người chết đâu phải chỉ toàn là những người nghèo khổ. Có nhiều xác chết trong bọc còn cả đồng văn tự nhà đất. Những người này ở các vùng đất đai trù phú của Bắc Hà. Họ bị Nhật bắt nhổ lúa trồng đay. Họ lại bị Pháp bắt bán thóc lúa cho chúng để dự trữ nên dù là chủ điền, họ đã không còn lúa để ăn. Có nơi đói chết cả làng hoặc đi ăn mày đâu đó, từ đầu làng đến cuối xóm lạng thình, không một tiếng mèo kêu chó cắn, cây cối xơ xác. Và ở thành thị, vì được mua gạo theo phiếu, nên chưa đến nỗi chết đói và vì thế, người đói các nơi kéo về. Tôi đã trông thấy một người ăn mày xả vào cứt phần ăn của một con chó. Con chó cắn vào lưng người này, bung ra cả một mảng vai. Và khi ăn được miếng cơm của chó, người đó cũng lăn ra chết...

Mọi người bàng hoàng. Người khách trẻ mồ hôi trán rơm ra lấm tấm. Chủ nhân lại tiếp:

— Thật là đau khổ! Trên các xe chở xác, có cả những người chưa chết, nói vọng ra: “Tôi chưa chết!” nhưng xe xác vẫn đi, và vẫn tiếp tục nhặt thêm xác người phủ chồng lên...

Lúc ấy trời đã khuya lắm. Ngoài trời gió thổi, rít qua khe cửa.

— Cái nhục nhã, tang thương như thế, ai chẳng động lòng. Do đó khi Việt Minh đứng lên, nào ai đã hiểu Cộng sản là gì. Họ hô hào dành độc lập, tự do, no ấm cho dân tộc thì dân mình ulla theo. Cái lòng người lúc ấy phải nói là thành khẩn, tha thiết lắm. Vì đó chính là tình tự dân tộc, được un đúc và kết tinh bằng hai triệu người chết đói. Tội Cộng sản nhân đó mà thổi lên. Và cũng chính chiêu bài dân tộc ấy, chúng đã lừa cả nước, cả thế giới, đem lại sự thành công của chúng vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Như thế, từ 1945 đến 1975, chính yếu tố dân tộc đã tạo ra cái chiến thắng của Cộng sản từ phương Bắc. Nhưng khi vào đến miền Nam, lòng

hăm hở, tình tự dân tộc của người lính phương Bắc đã tiêu tan hết. Chẳng những hết sạch mà còn vỡ tung hết mọi niềm tin. Và từ đó, dưới sự cai trị dựa trên lừa bịp của Cộng sản, dân tộc ta đã mỗi lúc mỗi thêm kiệt quệ với bao nỗi oán hờn. Và hơn ai hết, như quý vị đây vừa từ Việt Nam, chắc quý vị đã thấy dân mình đói khổ ra sao.

— Vâng — người khác trẻ tiếp— Chính chúng tôi đã gặp rất nhiều người, đã thấy nhiều cảnh thật đau lòng. Tôi đã gặp rất nhiều trẻ nhỏ, mặt choắt lại không lượng được tuổi, chỉ cao bằng một đứa trẻ lên mười. Hỏi ra thì đã là một thanh niên mười tám tuổi. Mà đây không phải là trường hợp đặc biệt đâu. Đông lắm. Với cuộc sống triền miên đói khổ, thiếu dinh dưỡng từ ông bà, cha mẹ, các em này không lớn lên được, và cũng vì quá thiếu dinh dưỡng, thân thể không sao phát triển bình thường được.

— Vâng — người khác khác tiếp lời— Đa số những người trẻ, và cả những người già, đầu óc họ chỉ quanh quẩn nghĩ đến miếng ăn. Đó là hậu quả sự cai trị của Cộng sản. Họ đâu có muốn cho dân no đủ, tự do, để dễ bề sai khiến.

Chủ nhân cười:

— Đó là cái giới, cái tài của Cộng sản mà mình không theo được. Vì mình không thể tàn nhẫn như thế được nên mình đã thua. Mình đã thua từ trước 30 tháng 4 năm 1975, nhưng cũng bắt đầu từ đó, như quý vị đã thấy, kẻ thắng đang từ từ tự huỷ. Và từ nơi đau thương cùng cực của sự thảm bại, chúng ta đang có một mặt trận thật lớn lao.

Nói tới đó, chủ nhân ngừng lại. Thấy mọi người có vẻ bối ngỡ, chủ nhân giải thích:

— Vâng. Còn gì đau khổ hơn, thảm thiết hơn là hàng triệu người chạy xô ra biển. Phần chết nhiều hơn sống. Biết bao cảnh huống bi thương đã diễn ra từ mười mấy năm qua. Và giữa những nỗi bi thương đó, kẻ thua trận là chúng ta, đã có mặt khắp nơi. Nơi nào có người Việt bị nạn cư ngụ, nơi đó có

những người, dù khả năng đơn giản nhất, cũng mạnh mẽ nói lên rằng, chúng tôi không thể sống được với Cộng sản. Từ đó, khắp nơi, tình cờ chúng ta có cả một rừng người chống Cộng thật cụ thể và quyết liệt. Trước kia ta thua, vì mặt trận hải ngoại bỏ trống. Ta không thua ở đầu súng, mà ta thua tại Paris, tại New York. Bây giờ thì ngược lại, ta đang thắng lớn.

Người khách trẻ lên tiếng:

— Xin cho chúng tôi trở lại với nhận định lúc đầu mà tiên sinh đã nêu lên: triều đại nào lên được bởi yếu tố nào...

— Vâng, tôi đâu có quên. Cộng sản Việt Nam đã dựa vào yếu tố dân tộc, cụ thể là hai triệu người chết đói, mà làm nên các chiến công. Nay dân tộc ta đói, nhưng còn lê lét được. Đến một lúc nào đó, cái đói đến độ cùng, dân ta sẽ phải đứng lên như đã bùng bùng đứng lên năm 1945. Giai đoạn ấy đang diễn ra, và sẽ phải như thế. Chúng ta dù không muốn, lịch sử có lẽ sẽ tái diễn như thế.

Sau một tuần nước, người khách trẻ hỏi:

— Nhưng chúng ta tại hải ngoại phải làm gì chứ, chẳng lẽ cứ ngồi im?

— Hải ngoại lúc này, chúng ta đang say với tự do, đang say với việc làm giàu, từ đó những kẻ có lòng và những kẻ tàn nhẫn lẫn lộn. Chúng ta như một sọt trứng có cái còn tốt, có cái đã hư. Nhìn toàn thể, thật là chán nản.

— Như thế chẳng hoá ra chúng ta bất lực à?

— Đâu có. Cái thế đã dàn ra, chỉ còn đợi thời.

— Đợi đến bao giờ, và cứ đợi sông sao?

— Đâu có đợi sông! Các vị đây, tôi xin hỏi: Trước 75, có vị nào nghĩ rằng dân tộc ta sẽ có cả triệu người sống ở nước ngoài không? Và chính quý vị, quý vị lúc ấy còn nhỏ, có dám nghĩ là có lúc quý vị tốt nghiệp tại các đại học lớn của Mỹ, của Pháp và có một nếp sống cao như hiện nay không?

Các vị khách lặng lẽ nhìn nhau, gật gù đồng ý. Chủ nhân tiếp:

— Chúng ta ra đi đã khó, mà đã ra đi được. Ra đi được, chúng ta xây dựng lại được. Mỗi người, mỗi nhà, mỗi nhóm, hãy như một viên gạch tốt. Đợi đến lúc thuận tiện, ta sẽ chung lưng làm thành cái nhà.

— Dạ, tiên sinh nói như thế có phần đúng, nhưng sợ rằng có lạc quan quá chăng?

Chủ nhân cười:

— Trong mười mấy năm qua, quý vị và thân nhân quý vị, tôi nghĩ đã tích cực làm mới có ngày nay. Như thế đã chẳng quý lắm sao? Dục tốc bất đạt. Vội đâu có được. Hãy cố giữ mình còn là mình. Các kiến thức kỹ thuật thì rất quý nhưng không đủ. Ta còn phải cố giữ ta còn là người Việt nữa mới được. Mà con người Việt Nam của chúng ta, lúc này sẽ tìm thấy ở đâu...

Các vị khách lặng lẽ nhìn nhau như tự hỏi. Chủ nhân thay một tuần trà mới, chuyên khắp các chén và mời mọi người nâng ly. Sau đó, bằng một giọng thành khẩn, chủ nhân tiếp:

— Lúc này, trong cơn say vị tự do, say làm giàu, người mình nơi hải ngoại như kẻ lữ hành qua sa mạc, gặp được hồ nước trong, mấy ai còn tự chủ được. Do đó hành động nào cũng có phần quá đáng. Biết như thế ta sẽ thấy thương nhau hơn và dễ tha thứ cho nhau hơn. Nhất là qua bao nỗi tang thương, ai trong chúng ta mà chẳng nạn nhân của sự đau khổ. Vì thế, yếu tố quan trọng nhất lúc này, theo tôi, ta phải trở về với tôn giáo. Vâng, chỉ có tôn giáo mới làm ta gần gũi được với nhau.

Một người khách trẻ vội ngắt lời:

— Vì thế nên tiên sinh đã lên núi?

Chủ nhân cười:

— Ở tuổi tôi, có làm gì cũng đã đủ. Qua bao thăng trầm, bao đông tố, muốn làm gì trước hết phải biết ta là ai, lòng ta phải định đã.

— Nền tiên sinh ngồi thiền?

— Vâng. Tôi không còn mong gì. Chỉ cốt cho lòng lắng lại. Và trong thời gian ấy, tôi đã chỉ đọc và

phố người lãng quên

*Buổi sáng chờ xe trong lòng đất
Mắt buồn ai đó nhắc xuân hồng
Mới hay mình vẫn đời lang bạt
Lòng bỗng chùng như còn ẩm ướt đông*

*Mùa xuân đất khách không lên nắng
Xa lắm đường hoa xác pháo hồng
Không thoáng hương lừng lan trong gió
Ngập ngừng lời chuông ngân trong không*

*Những chuyến metro buổi sớm mai
Cắm sâu vào dãy phố u hoài
Tôi đứng lại như người không có tuổi
Chờ những xuân thắm trong mắt ai*

*Khách trú một thân phiêu bạc xứ
Chẳng có mùa xuân để đợi chờ
Lạc giữa phố người lòng dưng lạnh
Ngày mỗi mòn, quê xa lắc lơ*

*Ừ nhỉ, mùa xuân trên đất khách
Đã xa xôi quá những êm đềm
Có em còn tiếc xuân xanh ấy
Có tôi lòng gần như lãng quên.*

lê thụy vi

nghe ngấm các trang sử của Lê Thần, như đã vừa thừa chuyện cùng quý vị.

Nói tới đó, chủ nhân ngược mắt nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường đối diện. Mọi người như hiểu ý. Chủ nhân cười:

— Cũng đã sắp đến giờ trừ tịch.

— Và — một vị khách đỡ lời — cũng sắp đến thời thiền của tiên sinh.

Vẫn giữ nụ cười trên môi, chủ nhân tiếp:

— Vâng. Nhưng hôm nay thì khác. Được quý vị từ ngàn dặm, không ngại đường xa núi thẳm, đến thăm đã là vạn hạnh. Nhất là lại có dịp để giải bày đôi điều thô lậu của lòng mình, thật chẳng quý lắm sao.

— Dạ. Qua câu chuyện với tiên sinh, chúng tôi như thấy mình đang sống giữa lòng đất nước và thấy mình gần gũi với mình hơn.

— Vì thế, nếu quý vị không vội phải xuống núi đêm nay, chúng tôi muốn được mời quý vị cùng chúng tôi lễ Phật và cầu cho quốc thái dân

an.

— Được như thế thật là quý lắm.

Căn phòng được tắt bớt độ sáng. Một bàn thờ Phật đơn giản gồm một tượng Phật nhỏ đặt sát tường trên một cái kỷ cao. Một bát hương và hai cây hồng lập. Ánh nến chập chờn, đốm hương linh khiến nụ cười của Phật như ẩn như hiện. Chủ nhân cùng hai vị khách kính cẩn cúi đầu lễ Phật và cầu cho quốc thái dân an. Sau đó là một thời thiền khai nguyên cho năm mới.

Trong cái vắng lặng của núi rừng, chủ khách như chìm ngợp vào một cõi đầy thanh tịnh, yên vui. Ý niệm về luân hồi và nhân quả của đấng Như Lai như vừa bừng sáng trong lòng khách. Người khách trẻ bỗng như bừng tỉnh, nở nụ cười tươi. Hai vị khách lặng lẽ đứng lên, vái trước bàn thờ Phật rồi lặng lẽ ra về. Trong lúc ấy chủ nhân vẫn chìm lặng trong thiền định.

Bên ngoài cảnh núi rừng đã bắt đầu có tiếng chim kêu chiu chít đầu ngày. Bình minh đã rạng. □





Người Giữ Vườn Sầu Riêng

Phùng Nhân

Ông Ba Công ở đồn Tân Phong giàu nổi tiếng. Hằng năm tới mùa trái cây ông phải mướn người làm túc trực tại nhà từ sáu người trở lên để vừa hái trái cây, vừa trải nhánh chôm chôm xuống để cắt ra làm củi, hoặc chống ghe ra ngoài sông cái móc đất về đắp bờ bao.

Cồn Tân Phong trước kia là nơi hẻo lánh, nằm trên dòng Cửu Long. Hướng đông thì giáp Bến Tre và Vĩnh Long, hướng tây thì thuộc quận lỵ Cái Bè, Mỹ Tho. Thoạt đầu chỉ có người nghèo khổ đến định cư hoặc dân tứ chiếng đến ẩn mình. Việc sinh sống buổi đầu rất đơn giản. Người ta chỉ thả lục bình nuôi tôm càng và trồng ấu. Sau đó việc trồng trọt được canh tân, người ta mới nghĩ đến việc đắp bờ bao và móc đất bồi lún. Đến nay thì cồn Tân Phong là chỗ cho những người trưởng giả cư ngụ.

Bởi dòng nước lúc nào cũng ngàu đục phù sa như sữa, người ta chỉ cần mở nắp ống cống cho nước chảy vô, và khi nước ròng giựt xuống lần lần, phù sa sẽ đọng lại. Hằng năm cứ móc phù sa mà bồi lên vườn tược, vì vậy bất cứ loại cây trái nào hễ cắm xuống ở mảnh đất này thì tươi tốt không chỗ nào sánh kịp.

Năm nay, chôm chôm, long nhãn, cam, quýt được mùa còn sầu riêng thì chịu thất. Nhưng không sao, bán mắc lên một chút cũng bù vô đó vì sầu riêng cồn Tân Phong ngon không đối thủ. Đặc điểm sầu riêng miệt này là không sượng, không sơ. Bọt ngọt thao ăn cả buổi ợ lên còn mùi nồng nực.

Ông Ba Công tuy giàu nhưng tánh tình keo kiệt. Tuy có cả vườn sầu riêng nhưng ông luôn miệng nhắc nhở con cái trong nhà: sầu

riêng chỉ ăn in ít thôi, ăn lấy mùi thì được, chớ còn ăn no như ăn vú sữa hay măng cầu thì phát ách có ngày chớ đi bác sĩ không kịp. Ngặt nổi, trong các loại trái cây, chỉ có sầu riêng phải đợi chín rụng xuống ăn mới ngon, chớ còn hái giủ thì kể như hết mùi. Cái thứ giủ ép như vậy chỉ bán cho bạn hàng một mùa thôi, năm sau bạn hàng chạy mặt.

Năm nay ông Ba Công lo lắm. Mấy đứa con ông đứa nào cũng có vợ có chồng, làm sao bắt nó thức canh lượm sầu riêng cho được! Còn để sáng thì làm sao không rơi rớt. Nếu mướn người làm thức lượm, họ chỉ cần ăn mỗi đêm hai trái thôi, thì cuối mùa cũng văng đi hai gốc. Họ ăn cũng còn tạm châm chế, đằng này nếu họ tiêu lòn ra cho người ngoài đem bán rồi chia chác với nhau thì làm sao mà kiểm soát! Chỉ có cách là mướn một người ở xa lại, tứ cố vô thân và ăn sầu riêng không được càng tốt.

Trong số người làm, có thằng Minh ở quận Cai Lậy mới qua xin làm vài bữa. Tuy làm giỏi nhưng nó hay đĩa dóc và hình như trong bọn

cũng chẳng thân với ai. Ông muốn gạ hỏi coi từ hồi nào tới giờ nó có ăn sầu riêng lần nào chưa, nếu nó nói chưa thì ông bắt nó ban ngày chỉ phụ làm một buổi, chiều nghỉ, tối thức lượm sầu riêng. Ngày công cũng tính như mọi ngày. Như vậy là sướng quá rồi, đi làm mướn được như vậy thì xin lấy mà làm. Nhưng ông vẫn lo, hỏi đường đột như vậy chưa phải là đúng sách.

Ông Ba Công ngồi suy nghĩ cả buổi mới nghĩ ra được một kế. Sầu riêng tuy là loại trái cây quý nhưng có người ăn được, có người không. Có người la sao thú vị quá. Ông vái thầm trong bụng, là thằng Minh Cai Lậy suốt đời đừng bao giờ chịu được mùi sầu riêng.

Ông khoan khoái gắn điều thuốc cán lên môi rồi đi rảo khắp vườn. Lựa chừng vài trái kệt, tuy nhỏ nhưng rất ngon. Loại sầu riêng này dân chủ vườn gọi là sầu riêng diếc, chỉ để dành ăn hoặc đem biếu chỗ ớn nghĩa!

Với mấy chục năm làm vườn, ông Ba Công nhìn trái sầu riêng có thể biết giờ chín rụng. Đêm nay thứ bảy, trăng sáng vàng vạc. Khi trên màn ảnh vô tuyến truyền hình vừa chấm dứt vở tuồng *Người ven đô* thì ông thông thả ra bờ vườn lượm ba trái sầu riêng ôm vô.

Là sầu riêng đầu mùa, mùi thơm của nó như dằm trong gió chướng, như nhấn nhủ với đất trời. Khi chân của ông Ba Công vừa đặt lên cầu ao đầy cánh cồng kềm gai bước vô, mấy con chó chồm ra ngửi mùi sầu riêng như ngậy như dại. Cả đến mấy con cá tra cũng lững lờ trên mặt nước chớ không chịu quậy nước giỡn trăng. Ôi hương sầu riêng, quả thật là một mùi kích động.

Ông Ba Công bước vô nhà, nét mặt tươi vui hơn mọi ngày. Vợ ông và mấy đứa con ông càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy ông kêu rêu kể ăn người ở tề tựu ngồi vào bàn ăn cơm. Kể đó ông tự nhiên như dân chơi xứ Thượng, hồ hởi cầm con dao đưa mũi chích vào mũi sầu riêng, đoạn nạy tách ra. Bọt sầu

riêng vàng quá, óng ả như vàng ròng!

Vợ con ông càng chưng hửng, vì bà và các con ông những tưởng mấy trái sầu riêng đó nếu không đem bán thì cũng để cho bà làm xôi vò, chớ không thể xẻ ra mời người làm ăn được, vì kẻ ăn người ở đâu có quyền ăn sầu riêng! Nếu cả gan ăn thì cũng có ngày mắc cổ!

Mang tiếng ăn sầu riêng, chớ mỗi người chỉ có một mũi. Trong khi mọi người đang quây quần bên mấy trái sầu riêng, hai cánh mũi phồng lên theo nhịp thở thì thằng Minh bịt mũi chạy ra đứng ở cửa dòm vô nói:

— Thú vị quá! Thú vị quá! Từ hồi cha sanh mẹ đẻ tới giờ, tui kỳ nhưt có mùi này!

Có người nào đó vọt miệng nói băng quơ:

— Thú vị thiệt hôn đó mậy? Chớ mà bày đặt chề cứt!

Ông Ba Công nhếch mép cười hài lòng. Ông rút điều thuốc cán lên môi rồi nói thầm trong bụng, phải như vậy mới được chớ. Cái này nó la thú vị thiệt tình, nếu ai mà ép nó ăn chắc nó chết giắc. Nhưng để cho chắc, ông còn làm bộ nói:

— Coi vậy chớ nuốt vô khỏi miệng rồi ngọt lăm chầu ơ...

Thằng Minh vừa lác đầu vừa lấy tay quạt, nói:

— Thôi cho con xin đi ông Ba. Con mà nuốt vô một miếng chắc mửa tới mặt xanh quá!

Thế là ông Ba Công có được một người giữ vườn sầu riêng mà không sợ mất mát. Năm nay vườn sầu riêng của ông có thất thì cũng kể như trúng. Ông nhìn thằng Minh với cái nhìn triu mến. Riêng về phần bà vợ của ông, càng thấy mấy người ăn kẻ ở trong nhà xuýt xoa khen sầu riêng ngon chừng nào bà càng đau bụng chừng nấy. Bà te rẹt đi vô buồng giở mùng chun vô nằm, mắt ngó mông lung. Cái đèn trứng vịt để xéo ở trên đầu tủ rọi xuống làm mặt bà trông càng vàng vồ.

Khi nghe tiếng dép của ông Ba Công kéo lê trên nền gạch, lòng bà

giận sôi lên nhưng nén lại. Bà không ngờ ông chổng cựa chớn bữa nay cao hứng làm một chuyện ruồi bu. Chủ nhà với người ở phải cách xa nhau một cái biển, chớ không thể thân mật mời ăn uống kiểu đó rồi nó đâm ra lờn mặt. Đến chừng làm, nó làm biếng nói sao nghe! Không có cái gì tức cho bằng thấy người làm mà chống cuộc đứng ẹo, hay giơ cuốc lên thì như bị thiên lôi nắm, còn bỏ cuốc xuống thì như bị âm phủ ổng tri. Tại tới ngày làm gấp quá nên phải mướn chớ còn biết làm sao! Vợ chồng bà đã từng đi làm mướn cho người ta rồi kia mà! Càng nghĩ bà càng tức. Đến chừng ông Ba Công nằm xuống, đưa cẳng gác tréo ngang hông bà, bà vội đẩy ra:

— Thôi già rồi, lo ngủ đi, sáng còn phải sắp đặt mấy đứa nhỏ nó làm, chớ sung sướng gì mà ôm với gác, lại còn xẻ sầu riêng ra mời mọc hết người này tới người kia. Tui thèm ăn xôi vò sầu riêng mà tui chưa dám nấu đó, bữa nay tui nói cho ông biết.

Ông Ba Công ve vuốt:

— Đêm nay gác một cái cho khỏe, vì tui đã tìm được đứa canh sầu riêng rồi. Chớ mấy năm qua bị mất mát nhiều quá!

Vợ ông hứ, nói:

— Mới sơ sơ đã mất hết mấy trái rồi đó...

Ông Ba Công cười hi hi:

— Thì nhờ mấy trái sầu riêng đó tui sẽ giữ được cả vườn sầu riêng. Bà thấy không? Thằng Minh hồi nãy nó bịt lỗ mũi hô sầu riêng thú vị quá. Minh bắt nó giữ thì làm sao mất được. Nó là người bên Cai Lậy qua, không quen không biết với ai. Nó không thể lòn ra ngoài cho người ta bán được. Còn ăn thì thú vị quá làm sao nó dám ăn. Kể của tui lựa người đó bà ơ...

Bà vợ ông vờ lẽ vội quay ra ôm chồng hôn cái chụt nói:

— Minh cao tay ả quá. Vậy mà tui cứ tưởng bữa nay bộ điền của hay sao mà đem sầu riêng ra đãi tằm bầy!

Vài ngày sau khi vườn trái cây rộ

mùa thì dưới sông ghe tắc ráng gần
máy đuôi tôm chạy xình xịch, trên
bờ lái buồn và bạn hàng lui tới dập
diu. Những chiếc ghe và những
bước chân này sẽ làm cho cồn Tân
Phong rạo rực, làm cho đất Tân
Phong vất vả cạn nguồn để nuôi
lấy vườn cây. Đất và người cồn
Tân Phong vươn vai đón khách,
mọi cực khổ sẽ không còn. Bởi giờ
đây trái cây đầy cành nặng trĩu, huê
lợi thu về theo từng chuyến ghe
thương hồ đi khắp đó đây. Hễ
vườn nào chôm chôm thì khoác
màu đỏ ối, long nhãn thì khoe trái

đầy đà dưới nắng mai, cóc thì chín
rụng làm nhót bờ vườn, cam, quýt
mặn mà như tươm mật... Chỉ duy
có sầu riêng đong đưa trên ngọn,
gai nhọn tua ra như lông nhím. Trái
sầu riêng là biểu tượng cho những
trái đời, càng gai góc chừng nào thì
trái đời càng chín tới.

Trái cây nói chung, nhứt là sầu
riêng nó chín từng lứa. Vì vậy các
chủ vườn thường am hiểu luôn cả
thời tiết. Muốn bán cho có giá
ngoài việc cây trái phải ngon, còn
phải biết cách tồn trữ và xây bội.

đãi bạn đường xa

gởi Hoàng Xuân Sơn

Đãi bạn phen này ta xuống núi
Bỏ một ngày chạy thảng sáu rằm
Bằng hữu quanh đây ta đều quý
Huống hồ Viễn Phố bạn ghé thăm

Vài trái mận ngâm, chai rượu mạnh
Húp muống cháo gà lót bụng chơi
Đợi buổi cơm chiều trên đất khách
Tri âm hát hồng một vài bài

Cứ để các bà lo bếp núc
Mình vô đi một hộp sương sương
Rượu người cay, đắng, ngon — song vẫn
Ghiền ơi! xị “nước mắt quê hương”

Phải bạn, ta — gia đình không bận bịu
Dám say nhau một trận chưa chan
Lâu lắm ta thèm mâm bộn nhậu
Ngất ngưỡng cuồng sinh giọng hát khàn

Thôi thì đãi bạn văn thơ thần
Cùng miếng trăn vàng tấm gió quê
Lén vợ, ta nhét trong gói cuốn
Thử coi! Nhớ chấm tương Bò Đề

thương bạn hiền như cơm gạo lúc
Tắm lòng chẳng biết uốn quanh co
Cũng tiếng đời đồn ta vô ngại
Dao găm trong bụng để hiền khô

Bạn người miền Trung thương vợ Bắc
Ta ở miền nam với hiền thê
Ba miền ngồi lại đều lữ thứ
Đãi nhau thăm thiết đất trời quê...

phan ni tấn (n.d)



Thường thì ông Ba Công cang đáng
luôn việc này, nhưng mấy năm nay
vì cái lưng hay đau bất tử cho nên
ông Ba mượn người làm mà ông
không bao giờ vừa ý. Bởi vậy, gió
trái cây nào của ông đưa ra bán bạn
hàng cũng đều choá mắt.

Chiều nay sau khi cơm nước
xong, ông Ba Công nhìn trời rồi
xem ngọn gió. Ông biết sầu riêng
của ông sẽ chín trước hai đêm. Ông
kêu thằng Minh lên nhà trên để ông
sinh hoạt. Trước tiên là ông cho nó
biết qua kinh nghiệm, thường thì
sầu riêng chỉ rụng từ lúc nửa đêm
trở về sáng. Khi đang đông nó
không rụng, ngưng đông rồi thì nó
bắt đầu rơi. Ngoại trừ một vài trái
nghịch mùa thì có thể rụng bất
thường và khi ngủ phải nằm
nghiêng, tai áp xuống đất để phân
biết giữa tiếng sầu riêng rụng với
các loại trái cây khác. Tiếng sầu
riêng khi rụng thì âm vang của nó
nghe cái “thụp” khác với tiếng dừa
vì dừa diếc rơi nghe cái “cạch”. Biết
được như vậy để khỏi mất công.
Ông như thằng Minh bằng cách
miễn cho nó việc đi móc đất ngoài
sông cái hằng đêm. Không có cái
cực nào bì được cái khổ đi móc đất
về đắp bờ bao. Nửa đêm phải thức
canh nước ròng, rồi chống ghe đi ra
ngoài sông cái, cầm sào lặn xuống
xây đất móng trầu tung lên bờ trên
ghé. Lặn không quen, hai con mắt
đỏ hoe như mắt tôm luộc. Nếu ai
còn sống ở cồn Tân Phong quận
Cái Bè Mỹ Tho mới thấm thía được
câu tắc đất tắc vàng.

Vườn ông Ba Công như một
tiểu vương quốc ở cồn Tân Phong,
trong nhà lúc nào cũng có nồi thịt
heo kho tàu, còn ao cá chép, cá mè
danh lúc nào vảy cũng ánh lên vàng
rực. Cơ ngơi của ông vừa nhàn
nhã, vừa dưỡng già nhưng ông cứ
mãi lo toan, vì đời người biết bao
nhiều cho đủ!

Thằng Minh đã bao đêm rồi thức
lượm sầu riêng. Nó cảm thấy cuộc
đời đầy lửa gạt. Nó lửa gạt ông Ba
Công một cách tài tình. Chỉ cần giả
bộ ăn sầu riêng không được là nó
được ông tin tưởng, giao cho cai

quần cả một vườn sầu riêng, lại còn miễn bao nhiêu công việc. Nghĩ tới lúc trời tối đen mà phải lặn xuống đáy sông nó cũng đủ nổi da gà, có ngày bà thủy nhập vô thì hết đường chạy. Nhưng đời sống luôn luôn khuya động, cơm áo mưu sinh bắt buộc con người phải lao vào những nơi cực khổ. Trong những canh khuya, thằng Minh nằm trong chòi mà nhìn ra trời rộng, thấy các vì sao nhấp nháy trên đầu. Nó liên tưởng vu vơ, vì sao nào là sao bốn mạng của cuộc đời nó!

Đêm nào cũng vậy, buồn quá không biết làm gì, thằng Minh tách sầu riêng ra ăn. Ăn xong chỉ cần nhận vỏ xuống mương thì kể như mất dấu. Nó ăn gần như trừ cơm. Mỗi đêm nó làm cho một cặp. Nhiều lúc nó nghĩ ăn điệu này có ngày chắc nứt bụng mà chết quá. Nhưng tuyệt đối nó không tin ai, mặc dầu trong số người làm mướn đã có người gạ ý, biểu nó tiêu lòn ra vài trái ăn bậy chơi, chớ làm mấy tháng ở đây không ăn được một bụng sầu riêng nào thì khi về mang tội với đất trời! Thằng Minh chỉ cười nói nhỏ: “Không được đâu mấy cha ơi! Mấy ông muốn ăn thì chịu khó để ý coi trái nào làm dấu, rồi khuya đi thăm coi nó có rụng lượm cặp đờ, chớ tui mà lòn ra ổng bắt được ổng đền chết!”

Đâu ai biết được ý đồ của thằng Minh. Chỉ nội có cái bịt mũi la sầu riêng gì thôi quá là được ông Ba Công chủ vườn đặt trọn niềm tin, phá lệ miễn cho đi móc đất ngoài sông cái. Từ trước tới nay chưa có một người nào ở đợ cho ông Ba Công mà được hưởng khoản ân huệ này. Và cũng dám chắc không có người nào ăn sầu riêng sang như thằng Minh. Có nhiều đêm nó thèm cặp sầu riêng chứ nuốt không vô nữa. Nguyên trái sầu riêng nó chỉ gặm có nửa múi, còn lại bao nhiêu cũng đập dưới mương. Mà thật vậy, nếu không đập gày ở đáy mương thì bể chĩa. Đôi lúc nó đập trái sầu riêng như để trả thù đời. Nó nhìn những người giàu hình như giống rặt nhau, cũng ty tiện, cũng

đua đòi, cũng ưa nịnh hót, cũng thượng đội hạ đạp, cũng bắt nạt một thứ. Trong khi những người làm mướn suốt đời chỉ mong có được chén cơm. Nhiều đêm khuya thằng Minh tưởng tượng ra nồi cháo gà vừa húp vừa gặm cặp giò. Ôi, những tép gân chạy dài từ đầu gối xuống tới móng chân trắng phau ngon quá. Chấm vào đĩa muối ớt vắt chanh, ngọam cái phao câu đã ời là đã! Nếu có được ly rượu để đưa cay nữa thì sướng tuyệt trần!

Đã nhiều lần thằng Minh vô chuồng gà của ông Ba Công rồi lại đi ra. Nó cho tay vào lườn con gà này rồi tới con gà kia. Ban đêm con gà nào cũng toả ra một nhiệt độ ấm áp lạ kỳ, nhứt là mấy con gà giò. Càng rờ nó càng thèm không chịu được. Nhưng thằng Minh lại nghĩ, bắt rồi đem đi đâu? Chỗ nào đâu ăn chịu? Chẳng lẽ ăn sống! Xung quanh đây toàn là bà con hoặc cháu chắt của ông Ba Công cả.

Đêm nay thằng Minh trực nhớ lại anh Hai Trung, người cũng đâu tứ xứ, hình như ở Mỹ Tho lên làm mướn thì phải, tánh tình điềm đạm, nói năng vui vẻ. Cây nào mà có kiến vàng thì kể như Hai Trung lãnh hết. Cây nhãn hay cây chôm chôm nào mà anh leo lên thì kể như sạch sẽ, tài hái trái cây của anh dường như vô địch. Bà chủ vườn nào cho dù khó tánh tới đâu, chỉ cần mướn anh một lần thôi, sau đó ước được mướn anh làm đến suốt đời!

Thời buổi này tay làm hàm nhai còn không đủ, mà anh Hai Trung một vợ hai con. Thấy tình cảnh của anh tội nghiệp nên ông Sáu Hảo có căn nhà trống bỏ không ở ngoài đầu vòm cho anh ở tạm. Thế là hai vợ chồng anh có chỗ chun ra chun vô ở cái cồn Tân Long này. Nhiều lúc nó nghe anh Hai Trung than mà thương đứt ruột: ngày nào cặp giò có treo cây thì ngày đó có gạo nấu. Còn bữa nào cặp giò nghỉ ở dưới đất, thì kể như ăn cháo!

Thằng Minh bèn lựa hai trái sầu riêng đặc biệt bỏ vào trong cái bịch đệm rồi lần bước trong đêm. Nó đi vòng ra chuồng gà của ông Ba

Công. Để cho chắc, nó mò lại bụi hành lá, ngắt một tép rồi vò nát trong lòng bàn tay. Nó đưa lên mũi ngửi. Mùi hành nồng nặc như vậy thì gà nào dám kêu! Nghĩ thế nó mỉm cười trong bóng tối, mở cửa chuồng gà. Nó bắt hai con vừa kêu ồ, bỏ vào túi đệm, đi lần ra bên nước bước xuống xuống thông thả lội đi.

Trời khuya, con nước giựt rờng. Chiếc xuống xuôi theo nước chảy băng băng. Đến nơi, cột xuống xong nó lại đứng trước nhà kêu cửa. Kêu chưa ráo tiếng, Hai Trung đã mở cửa bước ra trên tay cầm một chong đèn dầu hôi, hôi:

— Có chuyện gì mà kiếm anh khuya vậy Minh?

Thằng Minh trả lời lấp lửng:

— Thì buồn quá muốn xuống anh chơi chút vậy mà!

Vừa nói nó vừa ngồi xuống cái ghế đầu long chun. Hai Trung nói vội:

— Cái thằng! Coi chừng té bây giờ!

Thằng Minh nhìn gương mặt không đủ máu, biết người đồng cảnh ngộ, nó bập thêm vào hơi thuốc rồi nói thẳng:

— Này anh Hai, khuya xót ruột quá! Minh nấu bậy một nồi cháo gà đi anh Hai!

Hai Trung tròn xoe đôi mắt, hỏi vặn lại:

— Giỡn mậy! Hồi chiều tao ăn đòn. Tối hoá vọng tới giờ này chưa ngủ được, tiền đâu mà cháo gà!

Thằng Minh cười rồi chêm thêm:

— Hề anh ừ một cái là em xách lại liền...

Vợ Hai Trung nằm trong buồng nghe cũng phụ hoạ nói vọng ra:

— Thiệt hôn chú Minh? Nếu thiệt thì tui dậy lo bắc nước với rọi đèn hái rau rác đặng chút nữa mình tắm liệm hén!

Thằng Minh cười ngắt, nói tỉnh queo:

— A ha, việc quỷ thần nào ai dám giỡn chơi!

Nó đi trở ra xuống, xách cái bịch đệm lên trong có hai trái sầu riêng và một cặp gà. Vợ chồng Hai Trung

đứng nhìn chết trân, không ngờ. Cặp gà mái mào đỏ hồng như má thiếu nữ và bộ lông mượt rượt như rịn mỡ.

Như sợ vợ chồng Hai Trung thắc mắc, thằng Minh đáng tiếng:

— Anh chị đừng sợ, em có cách mà ông Ba Công không biết được đâu! Ngày hôm qua soạn mấy cục củi để chất lại, gắp con trần bụi bằng bắp chuối mà bắt không được. Vậy từ rày về sau, hễ mất gà thì cứ đổ thừa trần ăn. Còn không thì cứ vài hôm là em xích chó rượt ăn trộm. Ông bà không có cách gì nghi em được. Thôi anh chị lo nấu cháo, em về đằng lợm sầu riêng. Chừng nửa tiếng đồng hồ nữa em trở lại!

Cuộc đời của thằng Minh và vợ chồng Hai Trung cứ thế phây phây. Ban ngày thì kham khổ, về khuya thì ăn cháo gà với sầu riêng. Ăn thết mà phát sợ. Nhờ ăn sầu riêng, Hai Trung dứt nọc được chừng hồi nách chó hồi lúc trước, ai bày biểu món thuốc gì cho dầu có tốn hao bao nhiêu cũng đi tìm về điều trị. Thậm chí có người bày lấy hai cái trứng gà so luộc chín, gỡ vỏ ra còn thật nóng, cặp nách mỗi bên một trứng, rán cặp vài lần là hết. Báo hại vợ anh bắt anh cặp trứng gà rụng lông nách hết trơn mà hồi nách vẫn huren hồi nách!

Riêng thằng Minh cứ vài bữa nó xích chó rượt ăn trộm. Lâu lâu nó hô hoán lên là thấy con trần từ trong chuồng gà phóng ra trườn xuống rạch. Nó phóng theo vệt mái dầm và lục bình kiếm bắt, nhưng thiệt ra đó là nó muốn tắm. Nó càng xích chó nhiều chừng nào thì chuồng gà của ông Ba Công vui lẫn chừng nấy!

Đôi lúc tỏ ra cần mẫn, nó lấy sắt bảy ly dừa ngạnh làm chìa ba. Thỉnh thoảng trước mặt vợ chồng ông Ba Công nó trở tài phóng chìa, miệng lấp đáp: thằng ăn trộm chỉ cần lãnh một ngọn chìa thôi thì cũng bà hú...

Trái dừa diếc nó cầm làm mục tiêu luyện tập mỗi chiều làm vợ chồng ông Ba Công rất hài lòng. Họ cứ xem thằng Minh là một tay vệ sĩ

bảo vệ gia đình chớ chẳng chút nghi ngờ. Ông còn treo giải thưởng đưa nào bắt được con trần ông thưởng cho 10 lít rượu và 2 gói thuốc Samit, luôn đồ tắm liệm. Còn cái mặt trần, mỡ trần thì ông mua theo đúng giá thị trường. Đứa nào đập què giò thằng ăn trộm, ông thưởng cho một bộ đồ Tây với dất đi Sở Thú Sài Gòn coi con Can-gu-ru cho biết. Cái con gì mà ngộ quá, hai chun trước cụt ngùn, đi cà thọt như hiệp sĩ say!

Thằng Minh càng hứa chắc. Nhưng rồi nó lại than:

— Con trần này khôn quá. Còn thằng ăn trộm cũng vậy. Nó đợi khi nước đầy mà, người ta đốt đuốc đi ra bến ghe sửa soạn đi chợ là nó trùng đầu theo. Vì vậy muốn bắt nó cũng không phải dễ. Nhưng không sao, ông Ba đừng lo! Con có cách. Chỉ cần gắp quả tang cho một chìa ba thì bà cũng thắc!

Ông Ba Công tin quá. Tìm một người ở đợ tâm phúc như vậy đâu phải dễ! Phần đông đây tớ đều oán hận chủ nhà. Nhưng nhìn chung cũng tại đâu có mấy người chủ biết thương đây tớ. Hai trạng thái đó xung khắc đời đời. Như nàng dâu với mẹ chồng không mấy khi hoà thuận!

Có nhiều lúc vợ chồng ông Ba Công cũng hồ nghi. Mùa sầu riêng năm nay tuy thất nhưng đâu đến nỗi. Tại sao thu hoạch lại kém như vậy? Hay là thằng Minh nó chột lên bán ra ngoài? Nhưng bán cho ai mới được chớ! Ở đây toàn là con cháu của ông không. Vả lại ông đã có đi dò hỏi khắp chỗ hết rồi. Mấy trái sầu riêng ông làm dấu thì sáng nào nó cũng lợm đem giao cho ông đầy đủ. Đôi khi nó còn nhọt mủ với ông, nói sao có dấu chân của ai hơi là lạ. Ông nghi ngờ, không lẽ mấy đứa cháu của ông lại hại ông? Thôi rồi... cũng dám lắm! Thời buổi bây giờ đảo điên còn biết tin ai! Còn bày gà nữa, nay mất mai mất. Nếu không phải người trong nhà bắt thì còn ai vô đây? Chỉ có người quen nên mấy con chó săn của ông mới không sủa, chớ còn

người lạ thì nó rượt cắn có nước tuột quần. Càng nghi ông càng cảm thấy sao ông bạc đức quá!

Riêng thằng Minh khôn chưa từng thấy. Ban ngày nó đi rảo làm bộ kéo củi, chớ thật ra là nó tìm mấy trái kẹt nằm khuất trong lá để làm dấu, chớ rụng là nó cạp liền, hoặc xách lên cho vợ chồng Hai Trung ăn vì cũng sắp hết mùa rồi, của ông nội để lại đâu mà tiếc!

Thấm thoát mùa trái cây đã qua. Sầu riêng cũng hết. Tiếng tắc rần gần máy đuôi tôm không còn phà khói dưới dòng sông, còn Tân Phong lại chìm trong nỗi hiu hắt ngậm ngùi. Thằng Minh cuốn nóp trở về nhà tối ngủ nơi chái hàng hiên. Thỉnh thoảng trong những ngày oi bức, mấy đứa con gái của ông Ba tắm, tiếng nước xối ào ào làm nó liên tưởng mộng lung.

Trong một đêm, chòm xóm phát hiện vợ chồng Hai Trung làm bãi tổ chúc vượt biển. Khi đi chắc hấp tấp nên bỏ lại nhiều dấu vết: gần cả chục đôi dép trong buồng và vỏ bánh tét ăn chưa kịp đổ.

Không biết Hai Trung đi có thoát không, nhưng từ bữa đó gà của ông Ba Công không còn mất nữa và thằng Minh cũng làm biếng không còn tập phóng chìa ba. Tối nó ngủ thẳng cẳng chớ không còn cái cảnh lâu lâu xích chó rượt trần hoặc rượt ăn trộm như dạo nào. Mũi chìa ba bắt đầu rỉ sét và trái dừa diếc bị nó cho một đá văng tuốt xuống mương!

Riêng ông Ba Công thỉnh thoảng rút đưa cho nó điều thuốc cán rồi hỏi:

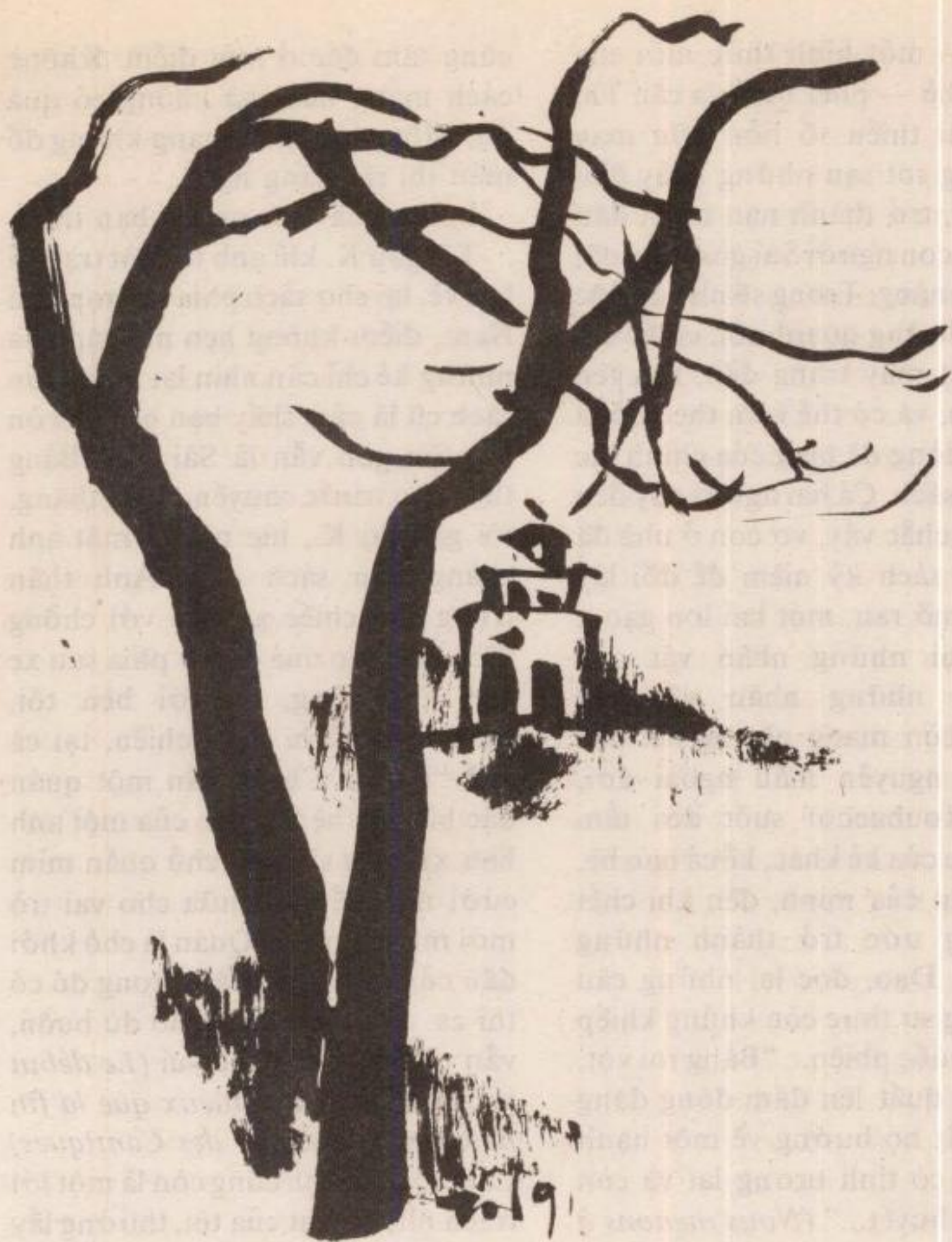
— Sao dạo này con trần ít về vậy mậy? Hay là nó đang mắc dấu ở đâu?

Thằng Minh ậm ừ đáp:

— Giống trần khôn lắm. Với lại mùa này chắc nó cũng làm biếng không chịu bò đi ăn. Phải đợi tới mùa gió chướng...

Ông Ba Công đồng tình:

— Chắc nó còn quanh quẩn đâu đây, thế nào mình cũng bắt được. Chừng đó ông cháu mình nhậu quắc cần câu một bữa hả mậy! □



Chạy Trốn Quê-Hương

Nguyễn Quốc Trụ

đáng thương — và nàng nymphette
tình quái. Đọc lại Koestler để hiểu
rằng cả một tuổi trẻ của chúng tôi,
và của bao lớp trẻ sau này, đã bị trù
yểm bởi một ngày mai có riêng một
con quỷ của chính nó: miền Bắc, Hà
Nội.

1954. Những ngày đầu kinh
ngạc, bỡ ngỡ cố làm quen Sài gòn.
Chú nhỏ mồ côi cha, một mình lủi
thủi xuống tàu, bỏ lại thành phố
vừa mới kịp yêu mến. Tiếng còi
mười giờ đuổi theo ánh nắng chạy
dài theo con phố Tràng Tiền đuổi
theo chú bé đến tận con tàu khổng
lồ... Ngơ ngác nhìn biển lạ lần đầu,
cơn say sóng vật vờ, ngay cả trong
giấc mơ, chú vẫn còn trông thấy
thấp thoáng đâu đó những trái sầu
vàng vương vãi trên con đường từ
hồ Halais tới dốc Bờ Hồ...

Vẫn đứa trẻ lớn lên nhờ Sài gòn,
nhưng lúc nào cũng ngây thơ, cứng
đầu khăng khăng mặc cả cùng quá
khứ, nổi măt măt chỉ có thể đền bù
bằng một tình yêu lớn lao đầu đời:
Anh yêu em bởi vì anh yêu Hà Nội!
Ồi, những cái “bởi vì” ngông cuồng
đáng yêu của một thời thơ ấu!

Cả đến khi mối tình tan vỡ, vẫn
xót xa gượng cười, bởi thành phố
tuổi thơ có bao giờ phản bội?

Và trộn vào giấc mơ tuổi thơ,
cơn mộng đời rực rỡ: Sẽ trở thành
nhà văn, viết một cuốn truyện dài
nói liền được hai thành phố.

Trong một bài viết ở đằng sau tác
phẩm, Naboka kể lại phút gặp gỡ
định mệnh giữa ông và cô bé kiêu
diễm, trong lúc bị những cơn đau
đầu hành hạ, và “một thoáng nàng”
(la palpitation de Lolita) đã xuất
hiện đúng khi ông đang đọc một bài
báo thuật câu chuyện một nhà bác
học, sau bao tháng trời vất vả, đã
thành công trong việc dạy vẽ cho
một chú khỉ ở vườn thú. Để chứng
tỏ mình được tự do, bằng hành
động “sáng tạo” đầu tiên, con vật
hoạ sĩ đã ghi lại hình ảnh mấy chấn
song cái chuồng giam giữ nó.

Trong chuyến đi dài chạy trốn
quê hương, trong mớ sách vở ít ỏi,
vội vã mang theo, tôi thấy có hai
cuốn, một của Nabokov, một của
Koestler.

Tôi đã đọc *Darkness at Noon*
qua bản dịch *Đêm hay ngày* do
Phòng Thông Tin Hoa kỳ xuất bản,

cùng một thời với những cuốn như
Tôi chọn tự do... Chúng vô tình
đánh dấu cuộc di cư vĩ đại với gần
triệu người, trong có một chú nhỏ
không làm sao quên nổi cái chuồng
giam giữ thời ấu thơ của mình:
miền Bắc, Hà Nội!

Lần thứ nhì bỏ chạy quê hương,
cũng nổi nhớ Sài gòn là sự thật
đáng cay mà tuổi già làm thêm cay
đắng. Một giấc mộng dù lớn lao dù
lý tưởng cỡ nào, cũng không thể
làm sống lại, chỉ một sợi nắng ấm
của Sài gòn: Trong những đêm
chập chờn mất ngủ, hồn thiêng của
thành phố thức giấc trong tôi, tôi
tưởng hồn ma của chính mình đang
lang thang trên đường phố cũ, sống
lại phần đời của mình đã chết theo
thành phố, bởi cái phần đời đó mới
đáng kể. Tôi đã đọc lại Nabokov và
lần ra sợi dây họ hàng ruột thịt giữa
tác giả, nhà văn lưu vong — con vật

Cơn mộng đời dẫn tôi tìm lại Koestler, qua bản dịch tiếng Pháp, những ngày học Chu Văn An, khi nhà trường còn nằm nhờ phía sau lưng Pétrus Ký, miếng đất sau trở thành Trung Tâm Học Liệu. Đọc và gần như thuộc nằm lòng một số câu văn, để tra dồi ngoại ngữ, thấu nhập tri thức, tập tành suy tưởng. Rồi theo đà, theo tuổi đời, tuổi học, tôi lần tới những câu của Camus, con người nổi loạn, những khẩu hiệu làm rung động loài người (bí mật của vô sản là cái chết của tư bản, thí dụ vậy!), những trang nhật ký của Roquentin...

Cùng những cuộc phiêu lưu của một số tác phẩm lớn trong tôi, Sài Gòn là một sân khấu cho tôi đóng vai những nhân vật — nhà văn. Thành phố thân yêu, một buổi sáng đẹp trời bỗng nhường chỗ cho một St. Petersbourg thời Dostoievski với những cầu thang âm u, trong một góc bàn nơi tiệm cà phê Tàu, anh chàng sinh viên Raskolnikov một mình đi lại trong giấc mơ vĩ đại tuyệt vời Napoléonisme.

...Hay một London của Dickens, một buổi chiều đầy sương mù, chú bé Oliver Twist đói lả người, như tôi, một ngày tình cờ nào đó trong chuỗi ngày còn cắp sách đến trường, tối làm bồi bàn, thời người Mỹ chưa đổ quân ào ạt vào Việt Nam. Thành phố chưa có xa lộ, chưa có cầu Sài Gòn và tiệm chả cá Thăng Long, nơi tôi tối tối bung soong mỡ sôi đổ lên đĩa chả cá, nghe tiếng mỡ kêu xèo xèo, chưa biến thành nhà hàng Kontiki ở ngay đầu đường Phạm Đăng Hưng...

Ngày mai trời sẽ mưa trên thành phố Bouville.

Demain, il pleurait sur Bouville.
(La Nausée. Sartre).

Ôi Sài Gòn! Một Sài Gòn hư tưởng giống như một Bouville, một London, của riêng tôi đó!

*

* *

Koestler, enfin, retrouvé, cuốn *Le Zéro et L'infini*, tôi lục lại cách chuyển đi không xa, trong mớ sách

ký gởi — một hình thức mới của sách vỉa hè — phía bên kia cầu Thị Nghè, cái thiếu số hỗn độn may mắn sống sót sau những ngày đầu tháng tư, trở thành nạn nhân đầu tiên thay con người Sài Gòn chịu dải dầu mưa nắng. Trong số những độc giả qua đường quanh tôi, có kẻ chỉ tò mò lật mấy trang đầu, tìm tên chủ nhân, và có thể kèm theo đó là một vài dòng đề tặng của chính tác giả cuốn sách. Cả hai người này đều đã đi xa, chắc vậy, vợ con ở nhà đã đem mớ sách kỷ niệm để đổi lấy một vài mớ rau, một hai lon gạo...

Gặp lại những nhân vật của Koestler, những nhân vật văn chương còn mang những nét đặc thù của nguyên mẫu ngoài đời, những Roubachof suốt đời tắm bằng máu của kẻ khác, kể cả bạn bè, người yêu của mình, đến khi chết lại mong ước trở thành những thánh tử Đạo, đọc lại những câu văn mang sự thực còn khủng khiếp hơn cả thuốc phiện... “Bằng roi vọt, chúng ta quất lên đám đông đang rên rỉ, bắt họ hướng về một hạnh phúc chỉ có tính tương lai và còn trong lý thuyết...” (*Nous menons à coups de fouet, les masses gémissantes vers un bonheur futur et théorique...*), tôi bỗng nhận ra một điều thật giản dị: Nếu những tác phẩm lớn đều mang trong nó bóng dáng những tác phẩm lớn khác — Một cách nào đó, Hemingway giải thích Joyce, Camus mô phỏng Kafka, rõ ràng Claude Simons, Marquez viết lại Faulkner... — cũng vậy, những bạo chúa chỉ là những bản sao của những bạo chúa khác: Staline cố bắt chước Néron, cả hai đều có tham vọng văn chương, một muốn làm thi sĩ, một muốn là ngự sử văn đàn, kẻ ban phát giải thưởng văn học. Mao lại diễn tuồng đốt sách, chôn học trò. Molotov chỉ mong được coi là một Robespierre của Cách mạng Nga! Người ra lệnh bắn vào sinh viên biểu tình là một đệ tử ruột của Chu Ân Lai, một học trò xuất sắc nhất của Cách mạng Pháp, Polpot đã từng du học Paris. Tất cả

cùng tâm đắc ở một điểm: Không cách mạng nào mà không có quá độ. Một cuộc cách mạng không đổ máu thì rất đáng ngờ...

Lolita của một người bạn thân.

Tôi gặp K. khi anh từ một trại cải tạo về, tại chợ sách phía sau rạp Đại Nam, điểm không hẹn mà gặp của những kẻ chỉ cần nhìn lại một cuốn sách cũ là cảm thấy bạn bè vẫn còn đủ, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn. Bẵng thật lâu, trước chuyến đi vài tháng, tôi gặp lại K., lúc này là một anh chàng bán sách dạo. Anh thận trọng ghé chiếc xe đạp với chồng sách bán cao quá đầu ở phía sau xe vào lề đường, và tới bên tôi, thường đôi khi buổi chiều, tại cà phê “Bà Lê Chân” vẫn một quán đặc biệt vỉa hè Sài Gòn của một anh bạn xưa thi sĩ. Anh chủ quán mỉm cười như để bào chữa cho vai trò mới mẻ của mình: Quán là chỗ khởi đầu của mọi khởi đầu, trong đó có thi ca. Mà khởi đầu, cho dù buồn, vẫn còn hơn kết cục vui (*Le début même triste, c'est mieux que la fin heureuse. Cantique des Cantiques*) Câu nói của anh cũng còn là một lời trách nhẹ cái tật của tôi, thường lấy một câu nào đó của một nhà văn nước ngoài làm cái cớ mỗi khi khởi đầu viết. Quán là nơi tụ tập của ba đứa con hoang đảng như tụi tôi, dù có đi nơi đâu, chân trời góc bể nào, cũng nhớ hoài, giống như một sự trừng phạt: Quán Mái Nhà...Xưa...Sài Gòn!

Le Domicile est suspendu au cou de l'homme.

Comme une punition. Alain.

*

* *

...“Niên học cuối cùng của LH ở bậc trung học bắt đầu bằng những buổi sáng sớm giá lạnh xô đẩy trí nhớ tôi tìm lại Hà Nội...”

1965, cùng với truyện ngắn đầu tay *Những ngày ở Sài Gòn* đăng trên tuần báo *Nghệ Thuật*, tôi đã mơ tưởng viết một cuốn tiểu thuyết nối liền hai thành phố, làm như cuốn sách nhỏ bé có thể xoa dịu nỗi nhớ không phải cái đẹp của một miền đất mà là cái xấu. Thiên nhiên

khắc nghiệt in hằn lên từng bộ mặt con người, làm cho họ chỉ nhìn thấy không phải cái tốt là mà cái xấu, làm họ thù ghét trước khi có thể thương yêu lẫn nhau. Cái đói, rét... xua đuổi mọi hy vọng, bắt buộc họ tin rằng cuộc sống phải khổ như thế đó. Những chữ mong manh yếu ớt có thể thay thế, làm sống lại người cha thân yêu đã mất tích vì tai hoạ đảng phái, ngay từ hồi đầu của mọi biến động mà cũng là ngày đầu của mọi khổ đau của bốn anh em, người chị lớn nhất khi đó mới 9 tuổi. Bỏ mất tích đúng ngày 30 Tết năm 1945, sau này mấy chị em vẫn coi bữa cúng đêm giao thừa là mâm cơm cúng người cha thân yêu...

Giờ này, tôi chỉ còn một nửa giấc mơ. Hà Nội đã chết trong tôi từ lâu, cũng như trong số những bạn bè thân quen. Thanh Tâm Tuyền chắc

cũng rõ điều này, khi viết xong *Bếp lửa*, nhưng anh cố tình chống trả sự thật tàn nhẫn, trong bài viết khi *Bếp lửa* được tái bản lần cuối cùng tại Sài Gòn, trước khi lịch sử sang trang: "...Tôi đã loay hoay, hì hục viết một *Bếp Lửa* khác" (một Hà Nội khác, theo tôi), nhưng rồi chính anh đã phải giận dữ cho một nhân vật thốt lên: "*Hà Nội là cái quái gì!*".

Hà Nội cũng đã chết với Mai Thảo, trong *Đêm già từ...* "*Tôi nhìn xuống Hà Nội: Địa ngục ở đó!*".

Hà Nội đã chết theo mỗi tình đầu; tình yêu khi đó giống như căn bệnh lúc trưởng thành, là tiếng khóc chào đời, cái xấu cần thiết cho cái tốt có dịp nảy sinh. Đó cũng là nỗi sợ hãi đời sống, nỗi cô đơn của một người trước mọi người, lòng nghi ngờ, ngần ngại của chú chim

non muốn vĩnh viễn không rời tổ ấm. Nhưng cũng có thể đó chỉ là những phản ứng của cơ thể trước sự thay đổi của thời tiết, chú nhỏ tuy đã quen dần với nắng ấm của miền Nam, nhưng vẫn chưa quên nổi những đợt gió bắc lạnh buốt... Hình như bằng cái tâm trạng xôn xao, những tình cảm mơ hồ như thế đó, khi viết cho người yêu những dòng cuối cùng: "Anh không sợ chúng ta không yêu thương nhau, nhưng chỉ sợ chúng ta yêu thương nhau nhiều quá!"

Hà Nội giá lạnh dần trong tôi như hơi ẩm từ hai bàn chân ra khỏi cơ thể đưa em trai thân yêu, chuẩn úy Nguyễn Quốc Sĩ, sĩ quan khoá 23 Thủ Đức biệt phái tiểu đoàn Địa phương quân canh gác phi trường Sóc Trăng, tử trận ngày 23.11.1967 trước biển cổ Mậu Thân một năm, sau khi ra trường mới được 7 tháng, chưa kịp lãnh lương theo đúng cấp bậc, chưa kịp ghi địa chỉ cấp báo thân nhân... Mấy sĩ quan cùng đơn vị chỉ nghe nói chuẩn úy Sĩ có một người anh làm công chức bưu điện Sài Gòn, ngoài ra còn viết văn, làm báo, và tôi đã biết tin đứa em trai hy sinh qua tờ công lệnh gởi tới đài phát thanh Sài Gòn, nơi tôi thỉnh thoảng có viết bài cộng tác, và qua hệ thống điện đàm nội bộ *orderwide* giữa hai đài vô tuyến điện Sài Gòn-Sóc Trăng, ngay căn phòng cạnh bên phòng tôi hàng ngày làm việc.

Trong những giờ phút thê lương ngồi bên xác đứa em tại nhà hội thị xã Sóc Trăng, nghe những người lính kể lại chuẩn úy Sĩ đã chết (đã anh dũng hy sinh) như thế nào, những lời nói, cử chỉ cuối cùng của chuẩn úy Sĩ... nhìn hai sĩ quan đứng nghiêm bên chiếc quan tài trong kệm ngoài bọc gỗ, nhìn hai hàng nến, lá quốc kỳ... tôi bỗng cảm thấy đứa em đã đem đi cùng với nó giùm tôi tất cả những kỷ niệm về một thành phố đã có lần cả hai anh em cùng rời bỏ: *Hà nội maudit!** □

* *Maudit*: chết tiệt, trời đánh.

cõi đày

rừng cũng xanh mà núi cũng xanh
dây leo cổ thụ uốn qua ghềnh
đã nghe heo hút càng heo hút
khi bước ta về động cổ tranh

ta đến đây như tên tử tù
tay còng khoá lỏng mộng nghìn thu
để nghe một chút gì cay đắng
khi thấy hư vô đã mịt mù

ngọn suối nào không vẫn nhớ nguồn
đạp bằng vách núi chảy về nam
rừng thiêng nào vẫn không thao thức
dù bóng âm nhai có tối tăm

nên ký ức ta khó xoá nhoà
niềm đau mất nước buốt xương da
đại bàng vỗ cánh nghìn năm trước
trận gió còn lên nát cỏ hoa

ta sẽ sống đây, chết ở đây
núi rừng ơ vuốt mắt ta đi
để không còn thấy niềm đau xót
và máu xương ta đổ chốn này.

lâm nam triều





xóm cũ

LTS. — Để gọi lại, chia sẻ và giữ gìn những kỷ niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê hương, toà soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào đón các bài viết về phong thổ, con người, phong tục, tập quán, đất nước quê hương. Hãy ghi chép lại, trước khi kỷ niệm chìm sâu.

Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời gian phủ mờ kỷ ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thắt chặt một mối tình đậm thắm. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn lọc và lần lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ.

DI-CẢO

Từ Thể-Thao Đến Kịch-Trường

Nguyễn Ang Ca

Lời giao cảm:
Hôm nay, tôi khóc bạn hiền
Ngày mai, ai sẽ khóc mình... ra đi?

Anh Nguyễn Ang Ca tức Nguyễn Kim Cang đã viết hai câu thơ trên và bài dưới đây vào năm 1988. Anh viết để tưởng nhớ các bạn đồng nghiệp của xóm Thể Thao và Kịch Trường nói chung, và để khóc riêng hai anh Thiệu Võ, Thanh Đạm.

Anh Nguyễn Ang Ca quen biết nhiều, gia nhập làng báo rất sớm, nên dự định dẫn độc giả vào thăm các xóm cũ. Anh mới nhắc đến xóm Ký Giả Thể Thao và Kịch Trường, chưa kịp dẫn đến xóm Phóng Sự Điều Tra mà anh đã là một phóng viên trẻ tuổi, xông xáo nhất ở cuối thập niên 50; đến xóm Chủ Báo mà anh là một chủ báo tiên phuông, mỗi năm ra một số xuân Dân Tộc, dù là báo nặng phần quảng cáo

nhưng bài vở vẫn dồi dào bổ ích và bán chớ không cho.

Anh chưa kịp viết về xóm Chủ Nhiệm, khi anh là chủ nhiệm tờ Tin Sớm được vang danh ở nước ngoài nhờ loạt bài ở thể vận hội Mexico 1968 do anh viết và tôi thu thập tài liệu cùng trình bày suốt tháng. Anh cũng chưa kịp kể lại những chuyện vui buồn của chúng mình, những ký giả thể thao nghèo mà ham xuất ngoại theo đoàn lực sĩ. Có những ngày ăn mì trừ cơm vì tiền túi cạn, vậy mà độc giả Tiếng Chuông vẫn có loạt bài ướm át: Tôi đã gặp "nàng" ở Cảng Thơm.v.v...

Bỏ xứ ra đi nước ngoài, xóm làng mình tan tác, vậy mà chúng ta vẫn cố nhớ lại kỷ niệm xưa để nhắc cho những bạn xa quê đừng quên "làng".

Giờ đây, anh theo chân anh Thiệu Võ, Thanh Đạm, Bình

Nguyên Lộc, Trần Cao Linh, Nguyễn Kiên Giang... bỏ làng "ra đi" mãi mãi, anh sợ không ai khóc anh?

Có chớ, có nhiều bạn bè khắp năm châu của làng Văn, xóm Ký Giả thương mến anh, và riêng xóm Tiếng Chuông tha hương còn sót lại mấy người không quên anh: Đinh Văn Khai, An Khê, Huyền Vũ... và Phạm Thăng.

Phạm Thăng

Trong số các ký giả nổi tiếng ở miền Nam, có một cây bút chuyên về thể thao. Đó là anh Thiệu Võ.

Dùng tiếng "anh" cho thân mật, thực ra phải gọi bằng ông Thiệu Võ hay cụ Thiệu Võ. (Trong làng báo, đàn em gọi người trên trước bằng anh: người anh về nghề nghiệp).

Trong thời kỳ phôi thai, ký giả thường phải viết hai ba loại mới sống nổi, nhưng anh Thiệu Võ là nhà báo duy nhất viết có mỗi một bộ môn sở trường: tường thuật các trận thể thao.

Thiệu Võ có một số độc giả riêng biệt, rất trung thành. Báo nào có tên Thiệu Võ, báo đó có một số độc giả ưa chuộng thể thao. Có nhiều người, ban sơ không ưa thể thao, nhưng đọc các bài tường thuật bóng tròn, quần vợt, đua xe đạp... của anh, phải đam mê thú bay nhảy ở cầu trường, các cuộc trình diễn thể thao ngay.

Chẳng những chinh phục được giới yêu thích thể thao, các kiện nhi lực sĩ, các cầu thủ, vận động viên, Thiệu Võ còn chinh phục được cảm tình của các nữ độc giả. Đó quả là một thành tích, không ai có thể so sánh được với anh Thiệu Võ.

Tuy khả năng ngoại ngữ không bằng Phan Như Mỹ, khẩu tài thua xa Huyền Vũ, xông xáo thất bát kém xa nhiều đàn em, nhưng anh Thiệu Võ có một lối hành văn bay bướm độc đáo, có một cái nhìn riêng biệt, tạo được sức thu hút mạnh mẽ mà không cây bút thể thao nào từ xưa đến nay so sánh được.

Trước anh Thiệu Võ có Trần Đình Khiêm, Trần Chí thành (tức Trần Tấn Quốc), và sau này có một lô ký giả thể thao khác như Việt Thanh (cựu cầu thủ quốc tế, nguyên phóng viên đài VOA đã từ trần), Thanh Đạm, Huyền Vũ, Hoa Lê, Thạch Lê, Phan Như Mỹ, Nguyễn Ang Ca, Tô Yến Châu, Vũ Công Uẩn, Lê Thiện Phong, Lê Quốc Dũng Minh, Lê Tân, Quốc Oai, Tấn Quỳnh, Tấn Linh, Hồ Việt Quốc, Hùng Mậu Hối... nhưng đại đa số nếu không là công chức cũng quân nhân, hoặc viết về thể thao như một nghề tay trái hoặc viết cho vui như Nguyễn Kiên Giang, Lê Hiền, Trường Sơn, Đạm Phong, Phạm Thăng...

Như đã nói, là một ký giả thể thao chuyên nghiệp, anh Thiệu Võ giữ vững lập trường không viết bất

cứ bộ môn nào khác. Biết rõ tài năng anh, biết trọng dụng anh, biết có mặt anh trong bộ biên tập là có ngay một số độc giả trung thành, ký giả lão thành Trần Tấn Quốc (tức Trần Chí Thành, người treo giải Thanh Tâm, huy chương vàng dành cho nghệ sĩ sân khấu) có thể xem như là tri kỷ của anh. Khi cộng tác với một ký giả lỗi lạc trong làng báo Việt Nam: ông Nam Đình Nguyễn Thế Phương, dù biết ông Nam Đình rất ghét thể thao và kịch trường, ông Trần Tấn Quốc ra điều kiện: nhất định phải có Thiệu Võ viết về thể thao. Lẽ tức nhiên ông Nam Đình phải chấp thuận. Ông Nam Đình cũng phải thuận mở trang kịch trường trên báo nữa. Đó là một biến cố rất lớn đối với một ký giả nổi tiếng bảo thủ như Nam Đình.

Nhân dịp cũng nên nhắc lại, trong làng báo có một vị chủ nhiệm người tỉnh Vĩnh Long. Ông này là Mai Lan Quế, bút hiệu Tam Mộc, anh thúc bá của cựu trung tướng Mai Hữu Xuân. Như Nam Đình, ông Tam Mộc ghét cay ghét đắng các môn thể thao và... cải lương. Ông thường viết biếm văn (biệt danh Tám Móc) chế giễu ký giả cải lương là... ký giả cà phê và ký giả bóng tròn là... ký giả "Tả bố sực phàn". Nhưng sau, có thể nói là anh Tam Mộc (cả bà vợ) đã gần như tam bộ nhứt bái để mời cho được Thiệu Võ về hợp tác khi xuất bản nhứt báo *Buổi Sáng*. Và thay vì làm mỗi tuần một trang kịch trường, *Buổi Sáng* ra hai trang kịch trường mỗi tuần (do Ngọc Kỳ Lân tức Nguyễn Ang Ca phụ trách).

Thêm một ông chủ báo thứ hai rất ghét thể thao: đó là ông Ngô Công Minh báo *Lẽ Sống* (ông đã chết trong lao tù Cộng sản). Khi chuẩn bị cho *Lẽ Sống* ra hằng ngày, ông đã giao trọn chuyện chỉ huy toà soạn cho ông Trần Tấn Quốc. Lẽ tất nhiên Trần Tấn Quốc ở đâu là Thiệu Võ ở đó.

Riêng với chúng tôi, có nhiều kỷ niệm với anh hai Thiệu Võ. Theo lời gia đình bên vợ tôi (cũng người

Vĩnh Long) thì thời gian anh Thiệu Võ về ở đất Long Hồ, anh có theo đuổi... chị vợ tôi (bà này đã chết trước anh Thiệu Võ độ vài tháng ở Việt Nam), nhưng hồi đó bà chị vợ tôi hoảng hồn rút lui khi biết anh Thiệu Võ đã có vợ ở nhà rồi.

Hồi bé, khi còn đi học, tôi đã mê... Thiệu Võ, say sưa theo dõi các danh từ "phụng hoàng Lê Thành Các", "hùm xám Vũ văn Thân", "vua nước rút Nguyễn Thành Phương", "thiết tước đại vương Lý Huệ Đường", "phi tướng quân Guichârd", "thuật sĩ túc cầu Phan văn Tốt", "tiểu Yết Kiêu Định Tường Phan văn Danh", "quái kiệt môn banh nữ Chim và Giao", "lương thủ vạn năng Lê văn Tính" với các tiếng chuyên môn: "bán đồ nhi phế", "vỡ lở cầu trường", "bách bộ xuyên sơn", "giở nón cúi đầu".v.v...

Lớn lên, khi gia nhập làng báo, việc đầu tiên của tôi là đi thăm Thiệu Võ để trao cho anh một bài tường thuật trận đấu Sài gòn — Thụy Điển. Bài viết của tôi được anh đăng trên báo với lời khích lệ nồng nàn, đã tiêm cho tôi cả một nguồn sinh lực phấn khởi. Đáp lời anh nhắn, tôi đến thăm anh tại toà soạn. Trước thái độ rụt rè của người mới vào nghề, còn khấp, bỡ



ngõ, anh Thiệu Võ đã có thái độ và lời nói khiến suốt đời tôi không làm sao quên anh được.

Mỹ cảm mà anh Thiệu Võ dành cho tôi khiến tôi can đảm về cự nự ngay với bà chị vợ tôi: "Phải chăng vì chị thích có chồng sĩ quan (chồng bà này là trung tá, bị CS nhốt đến gần 8 năm mới được trả tự do) nên từ chối tấm chân tình của một ký giả?"

Trước năm 1960, đại đa số phóng viên ký giả đều ăn mặc lôi thôi. Chỉ có anh Thiệu Võ là ký giả duy nhất ăn mặc chỉnh tề, chặc chằng hoàng. Chẳng những anh sẵn sàng từng chiếc áo, cái quần thẳng nếp, tóc tai vén khéo, răng giữ trắng, cả đôi dép anh mang cũng thuộc hạng tốt, đắt giá. Chiếc Vespa của anh luôn sạch sẽ, bóng loáng.

Vào thời kỳ mà đại đa số ký giả,

phóng viên đều đi xe đạp, ai khá nhứt tậu được chiếc mobylette "xập ký ninh" là thuộc hạng ngon lành, chiếc Vespa của Thiệu Võ đã nói lên sự sung túc của gia đình anh.

Thiệu Võ có dáng đi chậm rãi, nhỏ bước, giọng cười và cách phát ngôn thật lớn. Tại toà soạn báo *Tiếng Dội*, Thiệu Võ là người có đông khách nhứt và mỗi lần anh cười, có thể nói là chấn động cả toà soạn ở đường Gia Long lúc bấy giờ. Thường, các bài viết của phóng viên thể thao ở các toà soạn không đầy đủ tiện nghi, trái lại bản viết của anh Thiệu Võ không thua chi anh chủ bút Văn Hoan hay anh phụ tá tổng thư ký toà soạn Ngọ

Long, còn có phần vén khéo hơn nữa là khác.

Thời gian chúng tôi gần gũi anh Thiệu Võ lâu nhứt là thời kỳ tôi làm chung toà soạn báo *Tiếng Dội* và *Điều Tra Phóng Sự* với anh. Tôi phụ anh Trần Tấn Quốc chăm sóc các trang kịch trường. Không biết anh Thiệu Võ giới thiệu tôi thế nào với anh Quốc mà có lúc anh chủ nhiệm báo *Tiếng Dội* đã "lãng-xê" tôi là "chàng tuổi trẻ tài cao" khiến các bạn trong làng lấy đó mà chọc phá tôi luôn. Anh Việt Thà Lê văn Thu rất chịu cách vợ tôi, Huyền Nhi, phụ trách việc thu thập ảnh nghệ sĩ để tặng cho độc giả ái mộ sân khấu ở tuần báo *Điều Tra*

nhạc sương nước mắt

Buổi sáng nhìn sương nghe nhạc rớt
Quê người nước Mỹ, Việt Nam ơi!
Một năm tôi ở đây đời lạ
Nhạc với sương quen thể đủ rồi?

Buổi sáng nhìn sương, sương ơi sương
Mấy mươi năm thấy ở quê hương
Cũng màn sương trắng giăng đầu núi
Cũng tiếng sương rơi rớt nhạc buồn!

Buổi sáng tôi buồn nhạc chẳng vui
Những bài hát cũ nghẹn từng hơi
Thái Thanh nuốt giọng sầu ngơ ngẩn,
Tiếng đệm dương cầm vỡ nát thôi!

Buổi sáng ôi là buổi sáng thơm,
Quê người hoa cỏ có ai hôn?
Tôi thềm úp mặt trong đầu tóc
Để tưởng mình chìm giữa khói sương!

Người yêu tôi vẫn cười xinh quá!
Bức ảnh ngày xưa chẳng phải người
Tôi áp tôi ôm tôi để xuống
Nhạc. Sương. Nước mắt. Quyện nhau rơi!

trần văn lệ

thương một ánh trăng rằm

thôi em về bên đó
một năm rồi trăm năm
cũng hoài thương quá khứ
thuở ban đầu mù tăm

một năm rồi trăm năm
đời em như bóng khói
thương một ánh trăng rằm
thủy chung người không nói

đường em về bụi đỏ
phủ lấp lối anh đi
ngày qua không nguôi nhớ
em quên tuổi xuân thì

một năm rồi trăm năm
còn lại ánh trăng rằm
mù khơi theo ngày tháng
một cuộc đời lạnh căm.

huỳnh liễu ngân

gieo từng nỗi nhớ

Trời không thôi giá lạnh
Xới đất để gieo mầm
Từng luống sau vườn nhỏ
Mỗi chiều lại ra thăm

Luống này gieo cây cải
Hàng kế gieo bụi ngò
Cuối vườn bụi ớt đỏ
Bắc giàn dây khổ qua

Ta trồng bầu trồng mướp
Ta ương bí ương cà
Hoa mướp vàng: quê mẹ
Bí xanh ròn: quê cha

Giàn bầu khi tưới nước
Đâu dòng sông hiền hoà
Cây cần thêm đất bón
Hậu giang miền phù sa

Cành vườn cao trổ nhánh
Xanh lá trắng màu hoa
Chống cuống nhìn quanh quất
Ngỡ chiều quê không xa

Cây vườn ta mau lớn
Ta một ngày một xa
Nỗi nhớ quê đành gởi
Trong vườn nhỏ sau nhà.

dương thị minh tâm

Phóng Sự mà anh là chủ nhiệm. Có việc bất ngờ, là trong số những người xin ảnh do Huyền Nhi phụ trách, lại có cả cô Thu Tâm, sau này là bà Trần Tấn Quốc (đã qua đời vì bạo bệnh). Cũng nhờ làm việc chung toà soạn với anh Thiệu Võ, tôi mới hân hạnh biết chị Thiệu Võ tức nữ sĩ Tú Hoa.

Năm 1982, anh chị Thiệu Võ, Tú Hoa được con bảo lãnh qua Calgary, Canada, nơi có sáu tháng hè, thu và sáu tháng tuyết phủ trắng xóa. Anh Thiệu Võ già từ cõi đời tại đó, bỏ lại người vợ hiền sống một mình với quãng đời già.

Tôi ở tận Bỉ quốc xa xôi, thương về anh mà không làm sao đến để đốt một nén nhang, thì tháng 5.1988, được tin sét đánh: ký giả Phan Thành Vinh tự Thanh Đạm cũng quy tiên ở Mỹ, thọ 70 tuổi.

Người đưa tin chẳng lành đến cho chúng tôi là ông Đinh văn Ngọc tức bầu Ngọc, cựu chủ tịch Tổng cuộc Bóng bàn Nam Việt, cựu chủ tịch Ủy hội Thể vận Việt nam Cộng hoà, cũng nguyên chủ nhiệm nhật báo *Tin Mới* và *Bến Nghé*.

Cầm thư anh Ngọc, tôi như chết lặng! Thành Vinh, Thanh Đạm, Thiện Chí, Người Kéo Màn... đó là những bút hiệu của anh, từ thể thao đến sân khấu kịch trường, ở lãnh vực nào anh cũng gieo rắc được nhiều cảm tình nồng thắm.

Trong số các ký giả thể thao và kịch trường, Thanh Đạm Phan Thành Vinh là người nhã nhặn hiền hoà nhất. Anh rất vui tánh nhưng không thích tranh cãi ồn ào. Anh ưa pha trò, nói tếu để tạo vui nhộn mỗi lần họp bạn chớ không bao giờ

nổi nóng cự nự bạn bè.

Thanh Đạm là bạn chí thân với soạn giả Lê Hoài Nở tức Năm Nở và cũng là người chịu khó san sẻ buồn vui với cổ kịch sĩ Từ Anh vào những lúc ngàn tàn thán lụi của cuộc đời. Như chịu ảnh hưởng của lối "chọc phá bạn bè" của một trong ba soạn giả vở ca kịch bất hủ *Vó Ngựa Truy Phong* trên sân khấu đoàn Năm Châu Việt Kịch, có thời gian Thanh Đạm lăng-xê cái tin: Bà Bút Trà mê Nguyễn Ang Ca đến nỗi hai tháng một lần cho anh ấy ra ngoại quốc chơi! Cái tin "giật gân" này đã khiến cho các bạn trong làng như Thiệu Võ, Huyền Vũ, Tô Yến Châu, Nguyễn Kiên Giang, Phi Vân, Việt Quang, Trọng Thìn cười gằn trật hàm!

Chưa hết! Thanh Đạm lại... chọc quê tôi, phao tin "Nguyễn Ang Ca mê chị Chín Bia, trưởng đoàn cải lương Nam Phong". Bà Chín Bia tức Lê thị Bia, là dì ruột của Kim Cương, lúc đó là vợ của soạn giả kiêm kịch sĩ Giáo Út. Bà Chín Bia điếc rất nặng nên có lần Thanh Đạm hỏi nhỏ: "Nghe nói chị Chín tính ly dị ông Giáo Út để kết duyên chồng vợ với Ngọc Kỳ Lân hả?" (Một trong số những bút hiệu năm xưa của tôi). Bà Chín Bia nào có nghe được gì, chỉ cười. Được nước, Thanh Đạm phân bua với mấy thằng bạn thuộc loại... trời đánh không chết bao quanh: "Thằng Nguyễn Ang Ca hết đường lẻo mép chối cãi rồi nghe mậy!". Tin đồn bay đến tai nữ kịch sĩ Bảy Nam (thân mẫu của Kim Cương) khiến bà cười đến muốn lên... cơn suyễn!

Lại có lúc, Thanh Đạm truyền bảo trong giới bạn bè: "Anh hai Nguyễn Kiên Giang mê đào Ngọc Nuôi (vợ nghệ sĩ Ngọc Hùng) đến... héo tàn nhan sắc, làm việc hết nổi, bị anh cả Đinh văn Khai (chủ nhiệm báo *Tiếng Chuông*) cần nhân". Nghe tin, anh Nguyễn Kiên Giang hồn phi phách tán, năn nỉ... cứu bồ: "Trời, chị hai mày thuộc loại ghen... chần ăn trần quần, mày phá tao theo điệu Nguyễn Ang Ca, chắc tao... mềm xương. Lạy mày, chớ

chơi ác, Thanh Đạm ơi!" Để cho êm, dù xài rất kỹ, anh hai chủ tịch Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt phải "ma rốc" đãi một châu suông Thanh Thế cho ê-kíp Thanh Đạm, Tô Yến Châu, Lê Quốc, Việt Quang, Trường Sơn, Phong Đạm, Nguyễn Ang Ca...

Khi tôi vì dính líu tình cảm với một nữ nghệ sĩ sân khấu, toan bắt chước hai anh Trần Tấn Quốc, Nguyễn Huỳnh Phước bỏ nhà ra đi... ăn cơm cải lương, Thanh Đạm đã hết lời can ngăn, nói: "Mầy chớ đùa với lửa ghen... thằng ông nội!". Cũng tình cảm suốt mướt như ai mà ra mặt thầy đời, để rồi cuộc tôi không vướng vào vòng oan gia thế thiếp, trái lại chính anh Thanh Đạm lại sa vào mê hồn trận, bị "Phản Lê Huê" cho lạc lối, quên hẳn đường về! Cũng may, chị Thanh Đạm vốn khéo xử, nên rồi cuộc rồi "lá cũng rụng về cội". Chị Thanh Đạm qua Mỹ xum họp với con cháu trước, anh Thanh Đạm đợi cả năm mới lột lột qua sau.

Về cuộc đời của người ký giả có mái tóc bạc lả lùng như thời bấy giờ lớp trẻ nhuộm tóc "à la mode" này, có hai mẩu chuyện đáng nhớ. Lần đầu tiên mua được chiếc xe mobylette vàng, có được tấm thiệp mời xem vở hát khai trương của đoàn Thanh Minh Thanh Nga, anh chở vợ nhà đi xem gọi là để "đền tội" với bà xã. Chạy xe một hơi, gọi "mình ơi, mình ơi" không nghe tiếng vợ nhà ừ hử gì ráo trời, Thanh Đạm quơ tay ra sau, không có chị, anh hoảng hồn lúi xe vào lề. Té ra trên khúc đường dẫn vì ổ gà, anh để chị bị rơi té hồi nào không hay!

Trong số các ký giả thể thao nghèo nhứt có anh Thanh Đạm. Anh cũng không có số xuất ngoại nhiều như anh em khác. Có lần, do sự can thiệp của cố đại sứ Đỗ Cao Trí, chánh phủ Đại Hàn đã mời nhiều ký giả thể thao Việt Nam mở cuộc Hàn du. Trong danh sách đầu tiên có anh Thanh Đạm, nhưng giờ chót, vì ngân quỹ đài thọ có hạn, hai anh Thanh Đạm, Ngọa Long bị kẹt lại; trong khi hai anh Tô Yến Châu,



Đức Hiền đi Seoul bằng phương tiện tự túc.

Thanh Đạm không phải nhà báo chuyên nghiệp. Thật ra anh là công chức, thư ký của bộ Y tế, được biệt phái phục vụ ở bệnh viện Chợ Rẫy. Văn nghệ sĩ nào đến nằm điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy này, nói là “bạn của thầy thư ký Vinh” đều được anh chị em y tá bệnh viện đối xử rất đẹp. Cũng vì vừa làm thư ký bệnh viện vừa ham thích viết lách nên dù chị Thanh Đạm có để ý thế mấy cũng khó kiểm soát được giờ giấc của chồng. Đôi lần chị cũng hỏi: “Cái gì mà anh bị trục hoải vậy?” Thanh Đạm cười hề hề: “Lớp trực ở nhà thương, anh còn lãnh viết trang kịch trường cho các báo do thằng Nguyễn Ang Ca bao thầu, nên phải gồng mình vậy mà! Nhưng mình yên chí, anh không bao giờ bỏ nhà đi suốt đêm đâu!”

Một hôm, chị Thanh Đạm có dịp vào một ngõ hẻm kia để thăm người bạn, chị bỗng chú ý đến một bé trai kháu khỉnh cỡ sáu tuổi. “Đứa nhỏ sao trông... giống y các con của mình?” Chị Thanh Đạm ngạc nhiên tự hỏi. Rồi như do một linh cảm, chị bước đến ôm đứa bé vào lòng hun vào hai má bầu bĩnh của nó:

— Con trai dễ thương quá! Nhà con ở đâu?

Đứa bé chỉ một căn nhà nơi đầu ngõ.

— Má đâu con?

— Dạ má ở nhà.

— Còn ba con?

— Ba đi làm.

— Ba con tên gì? Làm ở đâu?

— Ba con làm báo cho bác Trần Tấn Quốc. Ba con là... Thanh Đạm!

Chị Thanh Đạm nghe nói, té xỉu liền. Thế là việc ký giả Thanh Đạm có vợ bé bảy, tám năm mà giấu nhem được vợ nhà, được loan truyền mạnh mẽ.

Nguyễn Đức Hiền, Phong Đạm, Hồng Sơn, Nguyễn Kiên Giang đều hỏi: “Ê Thanh Đạm, làm sao mà anh giấu kỹ, giấu tài và giấu kín được như vậy?” Thanh Đạm lại cười hề hề, (ai cũng nhớ giọng cười

vô tư đặc biệt của anh): “Xin đừng có hỏi! Vì đây là... đại lý độc quyền. Nghề của chàng mà ly!”

Người hay bị Thanh Đạm “nhái” phá là ký giả Huyền Vũ. Số là anh Huyền Vũ có hàm răng được giữ thật trắng, đẹp. Anh hay cười duyên với khán thính giả ái mộ, nhút là... phe nữ. Khi gặp giai nhân, giống như nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh, anh sửa lại đôi chân cho có những bước đi thẳng. Do đó khi thấy Huyền Vũ xuất hiện ở thao trường hay hội trường, Thanh Đạm đều la to: “Cẩn moi làm duyên nhe anh em! Đi tùm hai chân lại như ông đại úy nhe bà con!” Huyền Vũ rất xấu mình nhưng trước lời pha trò duyên dáng của Thanh Đạm, anh đành phải cười trừ.

*

* *

Về những bài tường thuật, ký sự hay chuyện bên lề thao trường, ký giả Thiệu Võ có lối hành văn bay bướm riêng biệt, Huyền Vũ nặng phần kỹ thuật với lối viết chêm dính chặt sát, Thanh Đạm chịu ảnh hưởng của cây bút tài hoa Trần Đình Khiêm nên có lối tường thuật lượm lặt vui nhộn. Phan Như Mỹ dung hoà được cách hành văn của hai anh Thanh Đạm, Huyền Vũ...

Và theo lời nhiều thể thao gia, trong số “võ lâm ngũ bá” của làng viết thể thao, ông bầu Vọng thích mê anh hai Thiệu Võ, bác sĩ Nguyễn Chí Nhiều thì rất chịu Huyền Vũ, Phan Như Mỹ được lòng ông bầu Ngọc, Thanh Đạm lại hợp “jeu” ông bầu Mẫn và bầu Ứng.

Làng thể thao Việt Nam lần lượt mất hết các ông bầu, các nhà mạnh thường quân của giới thể thao Bến Nghé. Nào ông bầu Vọng (tức cầu, tức ông Nguyễn Phước Vọng, nguyên tổng thư ký Vinatexaco), ông bầu Nhiều (bác sĩ Nguyễn Chí Nhiều, trưởng đoàn xe đạp Euquinol), ông bầu Ứng (tức ông sáu Võ văn Ứng, chủ hãng mực Song Long, nguyên chủ nhiệm báo *Bình Minh*), ông bầu Mẫn (xe đạp, tức Trần Minh Mẫn, giám đốc công ty bảo hiểm Quốc Tế), ông bầu Lộc

(cựu vô địch xe đạp miền Trung Nguyễn Tấn Lộc, bị giết chết với vợ ở đảo Guyane), hiện chỉ còn sót lại có mỗi ông bầu Đình văn Ngọc ở California.

Các ký giả thể thao hay xuất thân là phóng viên thể thao, cũng đã ra đi quá nhiều. Như anh Chí Thành Trần Tấn Quốc (chủ nhiệm báo *Tiếng Dội, Đuốc Nhà Nam*), Việt Thành (Phạm Hồng hay Phạm Việt Thành, cựu phóng viên đài VOA, Sài gòn), Nguyễn Huỳnh (cựu thủ môn quốc tế Nguyễn Huỳnh Phước, sau là soạn giả, chồng nữ nghệ sĩ Hoài Dung), Đạm Phong (Nguyễn Đạm Phong, bị ám sát thê thảm ở Mỹ), Thiệu Võ Trương Kiệt Khánh (chồng nữ sĩ Tú Hoa, cây viết thể thao số một của Nam Việt), Phan Như Mỹ (Phan Mỹ Nhựt, người Trà Vinh, cựu biên tập viên Việt Tấn Xã và chủ nhiệm Tin Quê Hương, Pháp)... và bây giờ đến lượt anh Thanh Đạm Phan Thành Vinh.

Trong thư viết cho tôi, người ký giả thể thao lão thành còn sót lại trong ba chàng ngự lâm pháo thủ của giới ký giả Nam phần, bạn Huyền Vũ (tức Nguyễn Ngọc Nhung, năm nay đã 74 tuổi) viết: “Năm nay Thanh Đạm cũng 70 tuổi rồi. Anh em mình lần lượt vĩnh viễn ra đi. Đó cũng là chuyện dễ hiểu. Anh em chúng mình sống quá tuổi 60 cũng đã khá rồi. Nếu có phần nản chẳng là có khi mộng trở về của chúng mình chưa kịp thành...” Và cũng như tôi, niềm an ủi lớn lao nhứt là tái ngộ được bạn hiền, anh Huyền Vũ viết: “Năm nay, chúng tôi không dự trừ đi đâu cả. Dành cho sang năm, lễ vàng (50 năm) của vợ chồng tôi, chúng tôi sẽ qua thăm chú thím”.

Lại thêm lời hẹn. Năm 1986, tôi có hẹn với hai anh Bình Nguyễn Lộc, Thanh Đạm rằng: “Sẽ đến thăm...” Nhưng bây giờ thì...

Hôm nay tôi khóc bạn hiền

Ngày mai, ai sẽ khóc mình... ra đi?

*Nguyễn Ang Ca
(13.5.1988)*

Đảo Côn-Nôn 49 Năm Về Trước

An Khê

Kính dâng hương hồn ông Nguyễn An Ninh, giáo sư Trần Thành Huân, anh Huỳnh văn Mai, Nguyễn văn Cây và các nhà cách mạng quốc gia đã bỏ mình nơi Côn đảo.



— Đẹp tuyệt! Không ngờ Côn-nôn đẹp thế kia, tụi bây ơi!

Anh thi sĩ Bùi Ái Quốc vừa lóp ngóp chen vai bò lên boong tàu, dưới làn mưa thước bằng vì vút đập vào lưng của lũ rờ-set, trong phút chốc quên thân phận, đã buột miệng thốt ra lời tán thưởng.

Đấy là vào một chiều mùa hè năm 1942!

Con tàu hàng hải Tài-pô-sek, già nua ọp ẹp như vỏ hột vẹt nát trôi giữa trùng dương, đã vượt sóng một cách hú hoạ, chở đầy các hầm thực phẩm, bò heo và ba trăm tù nhân vừa chánh trị vừa thường phạm, ra lưu đày nơi Côn đảo, gọi là Côn-nôn, nổi tiếng là lò sát sanh ghê gớm, rùng rợn nhất của thực dân Pháp. Riêng đối với số đông anh em thanh niên chúng tôi trong chuyến đi ấy, vì chưa bận bịu vợ con, vì còn nhiều tin tưởng

dẫn thân, đã xem đấy là trường học lớn mà chúng tôi có thể gặp được và học hỏi ở các bậc tiền hiền cách mạng như ông Nguyễn An Ninh cùng những vị đã dẫn thân tranh đấu cho tổ quốc trước chúng tôi. Không buột miệng tán thưởng sao được, khi mà chúng tôi vừa thoát qua một ngày đêm sống trong địa ngục kinh hoàng dưới hầm tàu nóng như hoả lò, dưới cả các khoang chở bò heo, thiếu không khí để thở đến nỗi có người chết giấc đôi ba phen, chân bị cùm, hai tay xích chung với đồng bọn hai bên, trải qua 24 tiếng đồng hồ đói khát ngất ngư, ối mưa, ỉa đái tại chỗ, kể cả có xác chết bạn tù dính bên tay mình!

Đến chiều hôm ấy, chiếc tàu tới Côn đảo, bỏ neo ở mũi Chim Ưng, cũng gọi là mũi Cá Mập, cách bờ

biển gần hai ngàn thước. Chúng tôi được tháo cùm, mở xích, lùa lên boong tàu, bán thân loã thể, phần dưới chỉ che đậy bằng cái sì-líp xanh, mặt mày mình mẩy đen như lọ ghẹ, như một bầy súc vật, và đã bỏ lại dưới hầm tàu, bên dây còng sắt, hai thầy người bất động!

Dưới ánh nắng vàng tươi chói chang từ trên ngọn núi Chúa xám xanh màu núi rừng cần cỗi, châu thành Côn-nôn nằm theo hình cánh cung ôm lấy cái vịnh nhỏ xanh biếc một màu hiền hậu, khác hẳn với màu xanh đậm dữ dội của biển thịnh nộ sủi bọt trắng ngoài khơi, có vẻ đường bệ, to lớn và trù phú hơn nhiều quận ly trong đất liền. Nơi đây có nhiều biệt thự song lập xinh đẹp cắt ven bờ biển, có con đường lát đá to rộng chạy dài, có

dây đèn đường vào giờ ấy đã thấp sáng giăng giăng, lại thêm thấp thoáng sau rừng cây xanh có đầu xe lửa kéo những toa goòng chạy qua, thả những vệt khói lam lạng lơ trôi trong bóng hoàng hôn buông xuống chầm chậm... Cảnh trí thật thơ mộng và hùng vĩ đối với những kẻ chịu tù túng, chật chội trong Khám Lớn Sài Gòn hơn một năm trời như chúng tôi. Khi ấy tôi cũng vừa treo lên đến bên, hít thở mấy hơi cho đã thèm, vừa ngơ ngàng nhìn cảnh vật, vừa cảm phạm mình, đã nghĩ ngay ra bốn câu thơ:

Đầu nặng tình gia thuộc

Thân nặng nợ lao tù

Nhìn dãy núi âm u

Mồ bao người thất cuộc!

Anh Trần Hữu Quyền, người Mỏ Cày tỉnh Bến Tre, cũng treo lên đến nơi, trầm trồ khen Côn-nôn có cái êm đẹp như thơ, cái thô bạo như địa ngục, tất cả dính liền với thiên nhiên, với cuộc đời trần trụi của nhân thế! Anh bảo nhỏ:

— Bọn mình hơn một năm bị giam nhốt ngột ngạt trong đất liền, rồi trải qua một ngày một đêm bị cùm chân, còng tay, nằm sắp dưới hầm tàu, thở mùi hôi của người trộn mùi ô uế của phân và nước tiểu, bỗng bưng một cái, trước mặt là biển cả trời xanh, trong kia là rừng núi, dinh thự... thiệt là như từ địa ngục lên thiên đường...

Liền khi ấy, có tiếng quát mắng sau lưng:

— Đ.M. Ba thằng khốn kiếp này làm gì đứng làng chàng, không leo xuống xà-lan đi?

Bốp!... Chát!... Chát!... Kèm câu chửi là cây thước bằng của một gã rờ-sét, chớ sẵn nhà tù, đập túi bụi vào chúng tôi. Chúng tôi oằn lưng, cắn răng để khỏi thốt lên tiếng kêu đau đớn, và lật đặt treo xuống thang dây máng bên hông tàu. Thang dây như một chiếc lưới rộng, trải dài từ trên boong xuống đến chiếc xà-lan từ trong đất liền đưa ra đón tù. Xà-lan lớn, có thể chở tám, chín mươi người nhưng trông xa như cái nùm cau tròn trành nơi biển sâu. Chung quanh

đập dồn những đợt sóng bạc, nhiều kỳ vây của cá mập lượn lập lờ. Nhiều tù nhân còn cách xà-lan ba hay bốn thước, vượt tay hay sẩy chân rớt xuống, nếu không nhờ bạn tù xuống trước níu đỡ cho ắt đã lộn đầu xuống biển, làm mồi cho lũ cá đói! Viên sen-đầm và mười người lính mã-tà ngồi trên be xà-lan, ghim tay súng, hăm dọa:

— Đứa nào nhảy xuống biển trốn (trốn vào bụng cá mập chẳng?) là bị bắn liền!

Xà-lan chống vào bến tàu Côn đảo, trước dinh thự đồ sộ như dinh thống đốc của viên chúa tể quần đảo Côn-nôn kiêm giám đốc khám đường ở Côn đảo. Đây là viên thiếu tá lục quân Pháp tên Teyssère, bụng phệ, mặt hầm hừ, tay cầm roi da, đi ngang các hàng tù nhân ngồi chồm hổm, đầu cúi sát đất, bên cạnh là bảy chó béc-giê hung hăng. Viên sen-đầm bàn giao sổ tù giải ra cho nhân viên khám đường là bọn lại ngục (gardien) người Pháp. Bọn này điểm tù bằng roi mây gõ đầu rồi mới trao lại cho những cai tù là các thầy, chú người Việt. Điểm tới điểm lui mãi cho tới khi xong thì trời đã tối. Cai tù luà tội nhân về Khám Hai, tức *bagne 2*, khám nhốt bệnh nhân. Đám tù vừa đi vừa chạy lúp xúp dưới làn roi vọt. Hơn một năm bị nhốt trong Khám Lớn, da chân tù bết chai, chạy trên đường lổm nhổm đá nhỏ, đau thốn cả gan ruột, nhưng chạy chậm bị đòn, ai cũng rán bấm môi chạy. Khám Hai thuộc về bốn cái khám to lớn và kiên cố nhứt Côn đảo để nhốt tù. Tường cao sừng sững như vách thành, xây bằng đá tảng đen sì mà những tù lâu năm cho biết mỗi tảng đá ở khám ấy cũng như ba khám kia, cùng với cầu tàu, với con đường Ma Thiên Lãnh, là một mạng của tù nhân khi xây cất! Những công trình kiến thiết ấy là kết quả của nhiều ngàn xương máu tù nhân!

Tù vào khám xong, lại điểm danh và nghe chửi bới thêm lần nữa. Sau đó bị lừa đến nơi ăn cơm. Một hàng dài các thùng cơm dọn bên hành

lang dưới bậc thềm các *salle* nhốt tù. Một thùng cơm là một mâm mười người. Bên thùng cơm có nửa mẻ tìn, một đựng khô mực luộc với nước sền sệt, một đựng canh đậu xanh nguyên hột nhai trong miệng nghe lụp bụp. Cơm mỗi phần hai chén sệt, nhờ khô có nước chan, có canh đậu xanh bùi bùi, đối với tù ăn đói ở Khám Lớn, quả là bữa tiệc ngon lành. Cơm và thức ăn chia trong mủng vừa, không có đĩa. Bữa cơm tù, vừa kể thời gian chia cơm và thức ăn, rồi ăn cho nhanh, chỉ được năm phút là nhiều. Ăn xong phải để mủng vừa lại, không được lấy. Mãi về sau, khi ra sở, mạnh ai nấy tìm mủng vừa và đôi đĩa. Buộc mủng vừa, đôi đĩa và cái đinh bài ghi số tù vào một sợi thừng luôn luôn đeo ngang lưng, dấu trong lúc cởi quần áo để điểm danh, để tắm hay làm công việc vệ sinh. Đối với tù ở khám đây là ba vật bất ly thân, mất một vật là khổ đời, chỉ rời ra khi chết!

Anh Lê Tấn Thông, người Bà Rịa, trước kia hay viết báo Pháp công kích thực dân, đã bị đày ra Côn đảo trước chúng tôi một năm, có thuật cho chúng tôi nghe hồi anh mới gặp ông Nguyễn An Ninh ngoài Côn đảo. Thật anh không ngờ. Ông Ninh thấp lùn, đi làm ngoài nắng đen thui, vừa về đến khám phải cởi quần áo tù ra để ăn cơm. Ông chạy lúp xúp, nơi lưng đeo sợi dây đen cẩu, tóc xoã phủ vai (vì bị tù Cộng sản cô lập, không hớt tóc cho). Trăn trụi như thế mà ông vẫn lũng lẳng bên hông cái mủng vừa, đôi đĩa và cái đinh bài trông thật kỳ cục, chướng mắt khiến anh vui bết lòng kính ngưỡng đối với ông. Mãi sau anh Thông mới biết, đây là ba vật bất ly thân của người tù ở *bagne*, ai cũng thế. Thực dân đã làm con người không còn chút nhân phẩm nào. Ông Nguyễn An Ninh lại bị bọn tù Cộng sản ghét bỏ, cô lập và không ngớt ám hại. Ông đã chết sáu tháng trước khi chúng tôi đến đảo. Hy vọng gặp được ông bất thành.

Sáng hôm sau, chúng tôi được

dọn cho ăn buổi trưa vào lúc tờ mờ sáng, để cách ly với tù nhân các *salle* khác sẽ được ra sân lúc bảy giờ. Chúng tôi để ý nhìn trông mẽ tìn, thử xem cái gì nhai nghe bùm bụp hồi hôm, và suýt ngã ngửa vì trông thấy hằng trăm xác ruồi trong đó! Kinh khủng! Mùa hè là mùa của ruồi, của dịch tả, của bệnh kiết ly. Mấy năm ấy, ruồi sao quá nhiều! Khắp các bức tường trắng, ruồi bầu đen nhិត nửa tường, xa trông tưởng tường sơn màu đen. Các công chức ngồi làm việc, có hai người tù cầm quạt cán dài mà quạt như vua chúa thời xưa. Năm trước, 1941, dịch tả đã tàn sát tù nơi Khám Bốn mới cất, tử khí bao trùm khiến khám ấy phải bỏ trống.

Ở Côn đảo, trừ những sở giết người như sở đồn củi ở Chuồng Bò, sở kéo dây bên Ông Cầu, sở Cỏ Ông mới khai phá mà nước mỗi ngày thay đổi sắc năm, bảy lần; tù nhân sợ nhất là bệnh kiết ly, bệnh phù thũng, tê bại. Năm 42-43, nơi khám nhà thương cho tù ấy, mỗi ngày ít nhất có mười xác chết nằm trong nhà xác, không kể những kẻ

chết tại sở, trong rừng núi... Nơi chôn tù tập thể là hai gò cát nơi sở ruộng. Trưa nắng, gió lộng, đi cách xa cả cây số vẫn ngửi thấy mùi hôi! Phần nhiều người chết là nạn nhân của *salle* liệt và *salle* ỉa. Chính nơi *salle* liệt, ông Trần Thành Huân, cựu giáo sư và tổng giám thị trường Taberd, một trong những vị cố vấn của đảng đoàn thanh niên chúng tôi, đã trút hơi thở cuối cùng trên tay tôi. Ông Huân là một nhà mô phạm yêu nghề. Khi xưa tôi có đến nhà ông một lần. Một gia đình rất lý tưởng. Bà vợ hiền từ, phúc hậu; các cô con gái xinh đẹp. Ông có hai người con trai lớn tên Chi và Danh, vừa đi dạy học vừa tham gia hội kín, đêm nào cũng đi hoạt động đến khuya. Ông Huân, khi ra toà, viên đại tá chánh thẩm toà án binh Pháp đã bảo ông:

— Anh là cháu của Tổng đốc Lộc, lại là người Công giáo, sao anh mưu đồ chống lại người Pháp? Anh có ăn năn hối cải thì toà sẽ ân giảm cho anh.

Ông Huân thẳng thắn trả lời:

— Trước khi là người Công giáo,

tôi là người Việt Nam. Tôi không hề tán thành việc làm của ông Tổng đốc Lộc. Người Pháp không bảo vệ nổi Đông Dương, để người Nhật vào, dân Việt một cổ đôi ba tròng, chúng tôi phải tập hợp lại đánh đuổi quân xâm lăng, giành độc lập cho xứ sở tôi, hạnh phúc cho dân tộc tôi.

Ông Huân bị kêu án năm năm cấm cố, nặng ngang với ba án tử hình toà đã xử. Tù cấm cố, trong thời buổi ấy, chẳng khác nào án tử hình giam hậu. Ít ai sống được trong khám cấm cố quá ba năm, nhất là ngoài Côn đảo. Ông Huân trong ngày đầu điểm danh ở Khám Ba, tức là *bagne* 3, tên lại ngục André, dân Algérie có Pháp tịch, đã đập giày đình trên đầu bạc phơ của ông, dí sát xuống đất, quát mắng:

— Thằng tù già chó đẻ, phải ngồi gục đầu giữa hàng, sát đất như vậy nè!

Ông Huân vùng lên, trả lời bằng tiếng Pháp:

— Tôi là giáo sư ở Sài gòn.

Tên lại ngục vô giáo dục ấy đánh



đập ông:

— Tao bắt cần giáo sư. Đây là Côn-nôn, không phải Sài-gòn. Tao đập bể óc thằng tù nào phản kháng.

Tù đi đầy Côn đảo, có hai người không chịu cúi đầu giữa háng, sát đến đất là kỹ sư Phan Khắc Sửu và giáo sư Trần Thành Huân. Ông Phan Khắc Sửu về sau, vào năm 1946, được đưa lên làm quốc trưởng. Ông Trần Thành Huân chết hận nơi Côn đảo, trong *salle* liệt, trong vòng tay thương tiếc của tôi. Sau này, được trở về đất liền, tôi tìm đến ngôi nhà của ông ở đường Dixmude (Đề Thám). Nhà đã đổi chủ. Giàn hoa thiên lý không còn. Những chậu hồng tàn tạ! Tôi hỏi đến vợ con ông, không ai biết. Một gia đình danh giá, phúc hậu và ấm cúng thế kia, đã siêu lạc, tan tác nơi đâu? Tôi thành khẩn ghi lại những lời này, kính xin chư độc giả, có ai am hiểu về gia đình ông Trần Thành Huân hoặc hậu duệ của ông, xin vui lòng chỉ giáo.

Tối hôm đầu tiên ở Khám Hai, chúng tôi được anh trợ y tên Tài, lên vào phòng chỉ dẫn cho biết những lề lối lợi hại ở Côn-nôn. Côn-nôn là một quần đảo gồm 13 đảo nhỏ nằm

ngoài khơi phía đông Vũng Tàu, diện tích khoảng 168 cây số vuông, dưới quyền cai trị của một viên chúa đảo kiêm giám đốc khám đường Côn-nôn. Khi ấy chúa đảo là viên thiếu tá lục quân Pháp tên Teyssère, có lối cai trị rất sắt máu. Y quan niệm tù nhân cần bị trừng trị hơn giáo hoá. Ở sở Chuồng Bò có cái rạp hát cũ, mái lá đã dột. Rạp hát này dành cho vợ con công chức, vào chiều chúa nhựt đến xem gánh hát Hồ Quảng do tội nhân đóng tuồng để giải trí. Trên đảo lúc bấy giờ không có trò giải trí nào khác hơn. Công chức xin lợp mái rạp hát lại, viên thiếu tá giám đốc trả lời thẳng: "Côn đảo là nơi đền tội, không phải chỗ để giải trí. Đừng để tù nhân xao lãng việc chịu trừng phạt".

Số tù nhân vì sự cai trị khắc nghiệt, đói khát và thiếu thuốc men chữa bệnh đã chết hoặc ở khám nhà thương, hoặc vào rừng thất cổ, hoặc liều mạng đốt chân tay để được cưa cụt thành tàn phế... rất nhiều. Một anh tù chánh trị đã viết một bản điều trần thống thiết bằng chữ Pháp, trèo lên cây cao, chờ chiếc ô tô mui trần của viên giám

đốc đi thị sát qua, liền buông tay nhào đầu xuống chết trước xe. Thiếu tá mập cầm tờ điều trần lên xem, rồi lạnh lùng vắt trả lại xác chết, trèo lên xe đi thị sát như thường, chế độ nhà tù không một chút thay đổi. Song trớ trêu thay, những tù nhân bị hấn ngược đãi, đến năm 1945, đã chứng kiến tận mắt cảnh quả báo nhãn tiền. Hôm đó Nhựt đảo chánh trên Côn đảo. Hai chiếc tàu chiến của Nhựt Bản đậu nơi vịnh, chia súng lên dinh, bắt Teyssère phải đầu hàng trước 9 giờ đêm ngày 8.3. Ở Côn đảo có một đại đội lính tập gồm Pháp, Algérie, Maroc... súng ống đầy đủ, đóng trong thành cao, rào rộng vững chắc. Một tên đội ba Nhựt Bản và một tên lính Nhựt cầm súng trường gắn lưới lê, đi đến thành lính để giải giới. Tên lính gác vừa hô: "*Halte! Qui est là?*" (Ngừng lại. Ai đó?) là tên đội ba Nhựt rút súng lục bắn một phát, tên lính gác ngã quay lơ. Trong thành, lính leo rào bỏ trốn cả. Mấy hôm sau, bị đói khát trong rừng, họ nhờ tù dẫn đường về thành, đầu hàng. Thiếu tá bụng phê ta sợ Nhựt quỳnh quáng. Nhựt bắt giải hấn về đất liền ngay

hồi hương quê hương

*Hà Nội. Huế. Sài gòn. Thương lắm nhé!
cũng không quên Đà Nẵng, Hải Phòng đâu
gửi cho tôi ký mắm ruốc sông Cầu
con khô sặt của Cần Thơ đi bạn.*

*Hàn Mặc Tử ôm vầng trăng Gành Ráng
chắc đang buồn tưởng tiếc thuở Qui Nhơn
chắc còn mơ Đà Lạt bến Xuân hương
nhánh liễu ngả đằm sương chiều Than Thơ*

*Quê hương đẹp nên lòng tôi cứ nhớ
quê hương buồn tôi ngỡ mới hôm qua
mà sáng nay soi mặt biết tôi già
đau đớn lắm chết nửa đời chưa đủ!*

*Miếng bánh mì tôi ăn từ chợ Cũ
tới bây giờ còn để dấu trên răng
bưởi Tân Long thơm ngát gió Tiền Giang
thèm biết mấy nước dừa bên An Khánh*

*Hồi Vĩnh Phú trại tù vẫy gió lạnh
những mùa xuân xứ Bắc có mưa phùn
mười năm trời nước mắt lấy tay đong
rồi đem đổ xuống giữa dòng Nam Hải!*

*Quê hương ơi! những rừng dương bến bãi
cát chưa nhoà những dấu vết chân di
những địa danh mơ ước thuở nao về
viết thật đẹp cảm lên bờ tổ quốc*

*Hà nội! Huế! Sài gòn! Tôi khóc
một mình tôi không đủ nước Hồng hà
nên triệu người cùng lúc lệ tuôn sa
để sông Cửu chan hoà khắp đó.*

*Buổi sáng nay tôi soi gương xấu hổ
nửa đời trai đàn chinh vịn cánh tay người
tóc bạc rồi hồi tóc của tôi ơi
không lẽ đây là những lời nói cuối?*

trần trung tá

sau đó. Hắn nắn nỉ quan Nhựt cho chở theo năm chiếc va-ly to chất toàn tiền bạc, của cải hắn vợ vét ở Côn đảo. Đến phút cuối, Nhựt chỉ cho đem theo một va-ly. Hắn lính quính đến nỗi cầm nhầm chiếc va-ly chỉ đựng muống nĩa bằng bạc!..

Có người cho rằng Côn đảo không có thú dữ, không có rắn độc là do lời khẩn vái nào đó của vua Gia Long thời tầu quốc. Chỉ có tù đi làm trong rừng, núi mới biết vì sao. Lý do: không một con thú dữ nào, một con rắn độc nào, trong mấy mươi năm từ khi thành lập khám đường Côn-nôn đến nay, thoát khỏi tay mấy ngàn tù đói ra sức lùng sục khắp nơi để kiếm thêm miếng thịt ăn. Tù nhân vớ được con rắn, mừng chi xiết kể! Chỉ một sinh vật tù không dám rờ đến là con cua xanh lè như rong đá, sống trong các vũng nước đọng nơi các hốc đá trên núi. Thịt cua ấy thật không bao lâu, ăn vào bụng thì bao tử có mủ! Đến cả con thằn lằn núi, đen thui xấu xí, ốm trơ ba sườn, chỉ có da bọc xương như khúc cây khô, tù đồn cưỡi trên núi cao, gặp ngay bị phạt đói, cũng không ngần ngại bắt nướng ăn.

Trước kia, có một viên giám đốc (dường như tên Bouvier) nảy ra một sáng kiến ngăn chặn tù trốn trên núi cao đóng bè vượt ngục bằng cách thả cạp lên rừng. Ý về Sài gòn, vận động mãi, phủ Toàn quyền ở Sài gòn thấy có lý, cho phép chở ngay ba con mãnh hổ ra Côn đảo. Ba con cạp thật dữ dằn, giương nanh múa vuốt trong chuồng sắt, gầm thét vang trời, tù nghe tiếng mà kinh tâm táng đởm. Ngày thả hổ lên rừng là một ngày hội lớn. Nhà tù gọi tù các nơi về xem mặt hung hãn của ba ông ba mươi. Toà hành chánh còn yết thị rõ ràng: tù nhân đi núi đồn cưỡi tù nay phải đi có đoàn để tránh bị cạp vồ. Nếu tên tù nào đi riêng rẻ một mình, lỡ bị mãnh hổ ăn thịt, nhà tù không chịu trách nhiệm. Tù đồn cưỡi rầu rĩ vô cùng. Đi đồn, làm thế nào đồn cho đủ số củi cần nộp? Lại nữa,

trong khi mải miết làm việc, biết đâu ông ba mươi đang rình? Không đủ củi nộp, bị phạt đói, phải đồn bọng, bị sụp hầm! Rồi đến ngày hôm sau, lại từ hầm đói mà ra, đi thất thểu vào rừng, sức đâu đồn đủ số củi nộp? Thà chết cho xong! Nhưng muốn chết cũng không dám, vì phải vào rừng sâu để treo cổ. Rừng đã có chúa sơn lâm ngự trị. Tù muốn chết toàn thân đâu phải dễ!

Một tháng qua!... Bỗng một sáng, người ta phát giác có tù đóng bè vượt ngục. Tin vô cùng sững sốt cho đám cai tù. Viên giám đốc nọ nghe báo cáo, giận dữ đập bàn la hét:

— Thế bầy mãnh hổ của ta đâu? Sao chúng hờ hững để tù vượt ngục?

Lệnh vội ban xuống cho lũ rờ-set điều tra. Và cuộc điều tra đưa đến một kết quả bất ngờ. Ba ông ba mươi kia, khi được thả về rừng, thì rừng núi Côn-nôn không có gì để ăn cả. Tù đói đã lùng sục ăn ráo cầm thú, đến cóc nhái từ lâu cũng không còn. Cạp đói, nhe nanh múa vuốt sao nổi! Trông thấy tù, cạp cúp đuôi chạy trốn như chó hèn. Tù ban đầu còn sợ, sau thấy cạp chẳng những không vồ mình, trái lại còn chạy trốn. Thế là theo luật rừng, mạnh được yếu thua, tù hô hào ví cạp đập chết để ăn thịt. Đối với tù đói, còn thịt nào bỏ gân cốt bằng thịt cạp. Tù đồn cưỡi bèn lùng sục chúa sơn lâm để thịt như đã từng thịt bao nhiêu thú vật trên núi. Hai con mãnh hổ của viên giám đốc khám đường bị tù xơi mất. Còn con thứ ba trốn quá kỹ, ban ngày không ai biết nó ở đâu, chỉ về đêm nó mới dám bò xuống suối lưng chừng núi để uống nước. Liên đấy, một bố cáo của nhà tù dán khắp cùng: cấm tù nhân không được giết cạp ăn thịt, nếu vi phạm sẽ bị đánh 30 cón, sụp hầm cả tháng, mất mạng như chơi. Và khám đường cất một anh tù khổ sai chung thân có bốn phạt vào mỗi chiều, đội một thùng cơm đến đổ bên bờ suối cho cạp ăn. Ban đầu anh tù ấy sợ lắm,

nhưng riết rồi quen, đội cơm đến nơi, anh còn réo gọi: “Ồ ông ba mươi ơi, ra mà ăn cơm đây! Đừng trốn kỹ quá vậy, cha nội!”. Ôi, dòng dõi nhà cạp, chúa sơn lâm oai mãnh, chắc chỉ có con cạp duy nhất sống sót trên Côn đảo là có phần cơm tù!

Cho đến một ngày nọ, ngày đen tối của nhà cạp, anh tù khổ sai nọ ngã bệnh. Khám đường quên cử người khác đội cơm cho cạp ăn. Con cạp chờ mãi, đói bụng quá, đánh liều mò xuống châu thành. Nó sợ, không dám vào rào nhà ai, chỉ ra bãi biển kiếm ăn. Nó đi rảo qua các gộp đá khi nước ròng sát. Nó trông thấy có con ốc tai tượng đang mở rộng hai vỏ. Ốc tai tượng là loại ốc to, vỏ ốc tây ôm là thường. Vỏ ốc thường được dùng làm bồn đựng nước thánh trong các nhà thờ Thiên Chúa giáo, gọi là *bénitier*. Dưới ánh trăng đêm ấy, thịt ốc vung chung một đồng, lấp lánh màu xanh, đỏ trông hấp dẫn vô cùng. Cạp ta liền thò chân trước vào móc thịt ốc. Ốc bị đau, khép chặt vỏ lại. Chân cạp mắc vào hai vỏ ốc, rút mãi không ra. Con ốc tai tượng thường dính liền vào gộp đá, tù nhân mỗi lần đi bắt ốc phải lấy xà beng sắt cạy gỡ khó khăn. Cạp ta bị mắc kẹt chân, gằm thét cả đêm. Các nhà công chức gần đấy nghe tiếng cạp gằm, sợ không dám ngủ. Đến gần sáng, thủy triều dâng, cạp càng vùng vẫy, vẫn không sao thoát. Nước cứ dâng lên mãi, lên mãi. Ngập chân cạp, ngập bụng, ngập vai, ngập cổ... và sau cùng ngập đến mũi, qua khỏi đầu! Thế là cạp phải chết đuối oan uổng. Thảm cho chúa sơn lâm gặp phải ngày tàn không ra gì, xưa kia từng gây đông gió nơi rừng núi, một tiếng gầm làm kinh tâm táng đởm các sinh vật khác, giờ đành chết đuối nơi bãi biển Côn-nôn.

Hiếm hoi lắm, tù Côn đảo mới bắt gặp một con rắn độc. Độc hay không độc, rắn vào ban ngày cũng không nhanh bằng tù! Gặp thức ăn, tù nhanh tay lắm. Chớp nhoáng chụp lấy đuôi, hoặc quật xuống đất,

hoặc hươi vùn vụt mấy vòng, rần bị thẳng xương ra, không cách nào thoát khỏi phải vào trong bụng tù. Chặt bỏ đầu xong, phần còn lại của rần băm nhuyễn ra, chia đều cho vài chục, có khi cả trăm tù, mỗi người một viên thịt rần to bằng đầu ngón tay cái hay mút dưa, cắt đó chờ khi được lãnh nửa bát cháo sáng nóng, bỏ vào quây đều rồi húp nhanh, cho có chút đỉnh mùi thịt. Tù Côn đảo, mỗi tuần được ăn một lần thịt vịch thay thịt bò, và một lần thịt cá mập thay thịt heo. Những thứ thịt này, khi chia đến nhà bếp các *bagne* đã nặng mùi.

Giam nhốt tù nhân, ngoài các *bagne* ra, còn có các sở. Khi ấy *bagne* 4 bỏ trống vì tử khí của bệnh dịch tả, còn lại ba *bagne*, mỗi *bagne* có thể nhốt từ sáu, bảy trăm đến một ngàn tù.

Bagne 1 dùng nhốt tù thường phạm trong các *salle* chỉ tồn, có nhà phân phối thịt thà, rau cải hằng ngày cho nhân viên các cấp điều hành bộ máy chăn tù và phòng vệ an ninh quần đảo. Có *salle* riêng cho một số tù áo trắng phụ trách các công việc bàn giấy ở các cơ sở thuộc châu thành; bồi, bếp, thợ may.v.v.. cho nhà công chức, ban ngày ra làm việc, ban đêm về đây ngủ. *Bagne* 1 còn có nơi trừng giới dành cho tù bất trị là Hầm Xay Lúa, nổi tiếng lò sát sanh. Tù bị sục hầm xay lúa, kể như tàn cuộc đời! Chỉ vài tháng sau, hoặc là bị ho lao chết, hoặc lao lực chết, hoặc thù hận đập nhau vỡ sọ chết! Làm cặp-rần ở sở nào, tù cũng ham. Song làm cặp-rần hầm xay lúa, kể như tự vận, là mặc nhiên mang án tử hình giam hậu. Sớm muộn gì, chỉ trong vài tháng, cũng bị tù dùng cối đá đập đầu. Chỉ có hai người tù làm cặp-rần hầm xay lúa kể đến năm 45 mà không bị tù đập chết, đấy là Tôn Đức Thắng và anh giáo Thảo, một nhà cách mạng của một đảng phái quốc gia, người từng tranh đấu tích cực để cải thiện đời sống tù nhân Côn đảo. Tôn Đức Thắng sau về đất liền, thay quyền chủ tịch nước Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khi Hồ

Chí Minh chết. Trái lại, anh giáo Thảo, cũng được về đất liền, vào khu Bảy kháng chiến, bị tên Trí từng ở Côn đảo trước kia, làm chánh trị bộ chủ nhiệm khu, sát hại.

Tôi có đến hầm xay lúa. Sở là ở Côn đảo, mấy tháng sau tôi làm trợ y, được dịp hi hữu trông thấy hầm xay lúa mà ngay các lại ngục ngoài sở cũng không có quyền đến. Hôm ấy tôi được lệnh gọi đến chích thuốc khoẻ cho một anh tù hấp hối. Trước đó một tiếng đồng hồ, hầm xay lúa đã tạm ngưng hoạt động, thế mà bụi trấu vẫn còn mù. Tôi không được phép bước chân vào, chỉ lúi anh tù nọ đến bên song cửa sắt mà chích thuốc. Tôi lên liếc mắt nhìn vào bên trong, thấy tù ngồi lổ nhổ, trần truồng cả. Có nhiều cối xay nhỏ, chính giữa là một cối xay khổng lồ, nhiều người tù bị xiềng bên tay đẩy cối... Sau này, mỗi khi tôi xem phim *Samson et Dalila*, đến lúc Samson bị mù và đẩy cối đá, tôi lại rung mình, mừng tượng đến cái cối xay nơi Hầm Xay Lúa của đảo Côn-nôn!

Sau cùng là *bagne* 3, thường gọi là khám ba, nơi nhốt tù chánh trị đa số từ năm năm trở lên. Nơi đây có *salle* riêng cho ê-kíp Mathior làm việc trong núi, có nhà dệt mà người ta bảo đã giam nhốt ông Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch cùng một số đệ tứ. *Bagne* 3 có cát-sô nổi tiếng gọi là chuồng cọp.

Ngoài ba *bagne* ấy ra, còn có một *bagne* nhỏ hơn gọi là *bagne des metieres* (tù gọi là bản chế) để nhốt tù có tay nghề làm việc trong các cơ xưởng sản xuất thiết lập ngay trong *bagne*. Nơi đây có mấy cụ già của Việt Nam Quốc dân đảng. Đây cũng có một giếng nước lâu năm, nước đã hiền, dùng cung cấp cho các *bagne* làm nước uống. Công chức Côn đảo cũng uống nước giếng ấy. Nước phải đun thật sôi với lá bàng chín đỏ, uống mới khỏi tháo dạ. Bị tháo dạ kéo lây sang bệnh kiết lỵ ngay. Và bệnh này đã giết hại rất nhiều tù!

Chúng tôi ở khám nhà thương nửa tháng, sau đó tùy theo án tù mà

về *bagne* hay về sở làm. Tù chánh trị chưa qua hai năm, không có quyền đi những sở nhẹ nhàng gần châu thành. Sở có sở sương, sở cực, sở chết người. Như sở kéo cây ở bên Ông Cầu, cho tù khổ sai, thường bị cây nghiền nát thầy. Như sở đốn củi ở Chuồng Bò đã làm cho biết bao tù nhân bị án tù năm năm đến mười năm, phải thắt cổ trong rừng hay cưa cụt chân tay. Hoặc sở rẫy bên Cỏ Ống, nước độc kinh khủng, thường làm tù sốt rét ngã nước, sừng lá lách vào hạng số 1, không trị nổi, phải chết! Ai bị đưa về ba sở ấy, khi nghe báo, cũng xanh mặt. Chính anh trợ y Tài, căn dặn chúng tôi trong đêm đầu ở đảo:

— Bao giờ cũng phải uống nước chín nấu với lá bàng. Uống nước bậy là nguy hiểm đến tánh mạng. Nhứt là nước bên sở Cỏ Ống, một ngày đổi sắc nước bảy lần. Anh em muốn rửa mặt, phải chờ mặt trời lên cao ba sào mới lấy nước nơi ấy rửa mặt được. Nếu có súc miệng, cũng phải chờ mặt trời lên cao như thế. Bàng rửa mặt trước khi mặt trời lên cao, mắt sẽ mờ dần đi, không trông rõ đường, gặp bạn đưa tay bên này, chìa tay bên kia. Còn súc miệng trước khi mặt trời lên cao, trong vòng nửa tháng sau, chân răng có mủ, từ từ long răng, không nhai được! Và điều cần nhớ nữa là đừng bao giờ khoát nước ở Cỏ Ống rửa vết thương. Đi làm rừng, rủi có trầy tay xước chân, chỉ nên lau khô máu rồi hoặc để vậy, hoặc xin thuốc của bạn bè mà xức, đừng lấy nước rửa. Vết trầy chảy máu, rửa nước ấy đến sáng hôm sau đã thành cái ung. Cái ung nung mủ thành ghẻ khuyết. Ghẻ khuyết rửa nước ấy, chỉ trong một đêm, từ nút ruồi thành nút áo, hôm sau thành đầu ngón tay, hôm sau nữa to bằng các bạc, hôm sau nữa bằng đồng xu... Vài hôm sau trôm trêm đồng bạc, nếu không cắt cụt cái chân, cái tay có ghẻ ấy, chắc chắn phải chết! Ghẻ ăn sâu vào thịt, chảy nước vàng đến đâu khoét sâu xuống đó, khủng khiếp!

Một số anh em chánh trị phạm,

có tôi trong ấy, chịu án tù năm năm, được đưa về *bagne* 3, làm trong ê-kíp Mathior. Ê-kíp lấy tên của tên *gardien* người Pháp, chuyên làm con đường to rộng và khó khăn nhứt Côn đảo lúc bấy giờ. Con đường làm ven sườn núi, sừng sững như bức tường thành cao, chạy từ châu thành Côn-nôn vòng dưới chân núi Chúa qua sở Cổ Ống. Con đường nổi tiếng giết hại rất nhiều tù nên tù gọi là con đường Ma Thiên Lãnh, lấy tích trong truyện Tàu đời Đường có nguyên soái Tiết Nhơn Quý cầm quân đánh Ma Thiên Lãnh hao binh tổn tướng rất nhiều. Đứng dưới chân núi nhìn lên, trông thấy hàng hàng tảng đá to khảm vào chân tường, con đường như một Vạn Lý Trường Thành cỡ nhỏ, mà người tù thường bảo mỗi tảng đá là xương máu của một tội nhân. Tên lại ngục Mathieu không ác độc nhưng bắt tù dưới quyền làm việc cực lực. Gã tuy không cao nhưng thân hình gân guốc, vạm vỡ. Vốn là dân lao động bên Pháp, gã đi lính xong, được giải ngũ, xin ra làm *gardien* ở Côn đảo vì có nhiều đặc lợi. Gã đốc thúc tù làm hết sức, hết giờ. Đôi khi cao hứng, gã cũng xách búa thầu cùng với tù phá vỡ những khối đá to. Phá sao cho khéo để thành nhiều tảng đá to tây ôm, tù phải khom lưng vác vai, còng xương sống. Bắn núi đến đâu, xây đắp con đường đến đó. Ê-kíp chia làm ba toán. Một toán xây đường và phá vỡ các khối đá to. Một toán khiêng vác ề ạch các tảng đá to tây ôm đến nơi cần dùng. Một toán trang bị những thanh sắt dài, gọi là *baramine*, trèo lên các mỏm núi vừa nổ địa lôi, xeo nạy những khối đá đã vỡ mà chưa rơi. Công việc này phải dè dặt, cẩn thận. Có người đã đứng vững chân trên khối đá cứng rồi, đến khi xeo đá phía trước, đá dưới chân nứt ra, sụp đổ, thân mình bị rơi xuống triền như cái bị rách.

Ê-kíp Mathior vì làm việc trong núi, có quyền ăn cơm trưa tại sở làm. Cơm nấu từ *bagne* 3, do người trong ê-kíp gánh ra. Ban sáng,

khoảng năm giờ, tù trong ê-kíp được ăn nửa chén cháo do phần gạo ngày trích ra. Trưa lại, mười hai giờ được nghỉ ăn cơm. Cơm dọn ra dưới sườn núi, nắng chang chang. Ăn xong, có quyền rúc vào lùm bụi nào gần đó đánh một giấc đến hai giờ, hoặc xúm lại nói chuyện gẫu chơi, hoặc đi lang thang quanh đấy. Buổi chiều làm việc từ hai giờ đến năm rưỡi. Chiều xuống nơi rừng núi rất nhanh. Bao giờ sắp hàng đi về đến *bagne* cũng tối mịt.

Làm việc ngoài trời, nắng đã khổ mà mưa còn khổ hơn. Mưa ở Côn đảo, anh em bảo giống như mưa ở Nam Vang, đến rất nhanh. Đang nắng chang chang, tù làm việc tháo mồ hôi, bỗng thấy có một đám mây đen là liền sau đó một trận mưa rơi ào ạt, dễ làm tù bị cảm. Mưa một chút lại tạnh. Xếp Mathieu ngồi đụt mưa dưới hốc đá, không ra lệnh bảo ngưng làm, tù nào dám trốn mưa? Mỗi ngày, có hôm hàng chục lần như thế. Vừa nóng mình đổ mồ hôi thì phải tắm mưa lạnh run, thân mình như cái hàn thử biểu lên độ xuống độ liên liên! Chúng tôi làm việc trên núi, rất tiết kiệm áo quần, ở trần truồng làm việc. Cái áo cụt tay làm khăn vấn đầu che nắng. Cái quần cụt ống choàng khoác nơi vai phòng gió máy... Mỗi người tù, khi ra sở, được phát có một bộ đồ cụt nhuộm chàm. Chỉ được phát một lần cho đến chết. Trừ tù áo trắng được chút ưu đãi ra, tù áo xanh là thứ tù bị bạc đãi nhứt, ai cũng có thể chửi mắng, đánh đập, lại không được quyền ra khỏi chỗ làm trừ khi ra đi nằm ngoài nghĩa địa gò cát sở ruộng! Quần áo được phát, phải giữ gìn cẩn thận như giữ kho tàng. Mất một cái áo hay quần, tức thì có chuyện ngay với cơ quan an ninh, vì vải nhuộm chàm rất dầy, có thể làm sườn ghe, làm buồm để vượt ngục.

Làm việc trên núi, có người lâu năm không trông thấy sinh hoạt của loài người văn minh, đâm ra mơ ước những chuyện kỳ cục. Họ ước mơ trông thấy một tà áo màu, một bóng dáng thướt tha, hay cùng lắm... một cái nịt vú đàn bà treo

trong rào nhà công chức, để đỡ nhớ vợ, để ôn kỷ niệm ái ân xưa!

Có lần, mấy anh em làm việc trên núi cao, bắt tay lên miệng truyền rao: “Mặc quần vô ngheo! Có đàn bà lên, ơ!” Chúng tôi vội mặc quần vào, đưa mắt đảo dác nhìn. Tù bị nhốt lâu năm, không thèm khát nhìn đàn bà sao được! Cả đến thấy người đàn ông đạp xe đạp chúng tôi cũng bỡ ngỡ nhìn, không hiểu mình trèo lên đạp xe có bị ngã như chưa từng biết? Ngó đưa bé chạy lăm lăm bên đường cũng thấy ngộ! Nay ở trên núi cao bỗng trông thấy đàn bà, không ngộ hết cỡ sao được! Kìa kìa là tà áo đỏ, ô hay lại có thêm tà áo xanh! Một lượt được thấy hai người đẹp, mà lại là người đẹp mặc áo dài nữa! Chắc con em công chức trong đất liền ra chơi. Có thể hai cô nữ sinh trung học. Tuy chưa trông thấy mặt, lòng dường như say say! Và chừng họ đến gần, ôi vô cùng thất vọng. Đây là hai bà sồn sồn, vừa trèo núi vừa hút thuốc phi phà. Họ chỉ trở vào chúng tôi, trọ trẹ bảo nhau: “Bọn tù đấy hỉ? Sao dám thả lỏng? Khiếp!”

Đi làm sở ngoài, tuy cực khổ và nguy hiểm, song được hít thở chút không khí tự do. Mỗi trưa, sau bữa cơm, chúng tôi rủ nhau đến ngồi dưới hàng năm cây bàng trên triền núi. Năm cây bàng mới mọc khá cao, tán lá mở rộng như cái tán, lá vàng đỏ rực như gấm mà chưa rụng. Chúng tôi đi lượm trái bàng khô, to bằng ngón tay cái, đập lấy nhuhn ăn nhân nhần, bùi bùi. Anh Lê Tấn Thông, người Bà Rịa, thường viết báo Pháp chỉ trích những việc làm sai luật của bọn đầu gộc ở Vũng Tàu, Bà Rịa được giới trí thức trong nước hoan nghinh. Anh rất lạc quan, bảo chúng tôi: “Thời cuộc chín mùi rồi. Nhật sẽ đảo chánh Pháp. Rồi Nhật cũng không tồn tại. Anh em ta không bỏ xác nơi Côn đảo này đâu. Sẽ được về đất liền, đem tài trí và kinh nghiệm học hỏi ở đây, phụng sự đất nước, dân tộc”. Về sau, anh Lê Tấn Thông về Bà Rịa, bị bọn Cộng sản sát hại vì anh hiểu biết quá

những việc làm của chúng trong tù.

Trong những trưa rỗi rảnh, chúng tôi gồm vài ba bạn thân, lên đi đến sở Chuồng Bò thăm anh giáo Thổ làm cặp-rắn sở củi. Anh người đạo Cao Đài, rất tốt và hay giúp đỡ tù nhân. Làm cặp-rắn sở củi cũng nguy hiểm không kém làm cặp-rắn hầm xay lúa. Anh thay mặt chủ sở quản nhiệm bốn, năm trăm tù thuộc đủ mọi thành phần xã hội. Phải coi tù mỗi sáng vào rừng đốn sao cho đủ số củi quy định. Củi cần cung cấp khắp mọi nơi, dư được thiếu không được. Làm vừa lòng chủ sở, tù oán hận, chém chết có ngày. Còn không ưng bụng chủ, bị đòn bọng, súp hầm và mất chức cặp-rắn, phải đi đốn củi như mọi người. Anh giáo Thổ nhờ có học, giỏi chánh trị, được lòng chủ sở mà tù cũng ưa mến vì anh cứu mạng được nhiều anh em, lại biết cách dàn xếp khiến chủ sở bớt hà khắc với tù... Sở củi phải đốn bốn loại củi, loại nào cũng khó khăn, nguy hiểm chết người.

Loại củi thứ nhứt là củi nhà đèn. Củi này phải là củi gốc và rễ già, gỗ cứng để đốt cháy lâu. Củi này chỉ tìm được trên núi cao, xa xôi và vất vả lắm. Tù nhân sở củi, năm giờ sáng đã thức dậy đi lãnh phần cơm, một con khô mực xanh lè và một con dao quắm. Dao vừa cán vừa lưỡi không dài quá hai gang tay, nơi đầu uốn cong vào, không có mũi nhọn. Tù không thể dùng dao ấy làm khí giới. Lưỡi dao lặt nhách, chỉ mạnh tay chặt vào cây, nhánh thôi, cửa hay cắt gì cũng không đứt. Có một dạo, hai anh tù

nợ thù hận nhau, đê nhau ra cửa cổ. Cửa mãi đến có người can ra mà nạn nhân cũng chỉ trầy trụa nơi cổ thôi! Loại củi thứ hai là củi để chum đầu xe lửa. Hàng ngày xe lửa chạy chở san hô của tù chỉ tồn mò dưới đáy biển ban đêm để nấu lò vôi, rồi thuận đường, xe ghé ngang các sở rẫy chở trái cây, rau cải về *bagne* I. Hai loại củi một và hai này chỉ tìm được trên gần chót núi Chúa, và khi đốn xong thì lòi lẩn hồi đến nơi có giảng sợi dây cáp.

Tù đốn loại củi này, mỗi ngày, nhờ anh giáo Thổ can thiệp, chỉ phải nộp có tám tấc vuông. Đem củi xuống nơi có dây cáp, nếu đốn đủ số, cỡ bốn năm giờ chiều là giới lắm. Xong chặt dây rừng cho chắc, buộc ràng chặt bó củi lại và làm một cái móc máng vào đầu dây cáp. Thế rồi, tay chân ôm bầu vào bó củi, đu mình cho bó củi chạy tuột theo chiều giảng đồ dốc của dây cáp. Dây cáp giảng từ nửa núi xuống đến sườn, dài và đồ dốc gấp mấy lần dây tử thần của biệt kích. Tù cứ đeo toòng teng theo củi mà tuột xuống, dây móc không chắc kể như tan xương. Bên dưới, đầu dây buộc vào gốc cây to. Tù liệu chừng gần đến nơi, liền buông tay mà nhảy. Nhảy không kịp, nát thân với bó củi khi củi va mạnh vào gốc cây. Nhảy sớm, còn cao và xa, dễ bị lợi giò, què tay, lổ đầu. Nhảy trễ, khi bó củi va vào gốc cây, đứt dây ràng văng tứ tung, có thể gây tai nạn. Xong rồi, tù phải vội vàng chạy gom củi của mình lại kéo có kẻ nhận vợ là củi của họ. Gom củi xong, ẹ ạch vác về đến sở là trời gần tối. Nếu cặp-rắn đo thiếu củi, tù ấy sẽ bị

phạt không được ăn cơm, tùy theo số củi thiếu bị bao nhiêu roi đòn, còn bị sứt hầm tối, trần truồng rét lạnh cả đêm. Hôm sau, tù được thả ra lúc năm giờ sáng, đi lãnh phần cơm, con khô mực và con dao quắm. Khô cá mực là khô sống, phải tự tìm củi để nướng ăn. Khô mực nướng tại sở, trên núi không được đốt lửa. Đi đốn hai loại củi này là những tù có án nặng tù hơn năm năm đến mười năm tù.

Trong chuyến tàu của chúng tôi, có rất nhiều người bị đày ra sở Chuồng Bò. Chỉ trong vòng mấy tháng, hỏi tin nhau thì đã chết gần phân nửa! Phần nhiều trốn sâu vào rừng, dùng dây mây thắt cổ tự tử, hoặc lên đốt chân tay cho thành ghè khuyết để được cưa phần thân thể ấy cho thành phế nhân, rồi được đưa ra hòn Cau là nơi giam giữ những người tù bị củi, ho lao hết thuốc chữa và những người lão nhược. Có nhiều người tù không biết cách đốt và chỗ đốt, nhè đốt vào chỗ ghệt, phải chịu chết một cách rất thương tâm! Có trường hợp năm anh em thắt cổ một lượt khiến tù thấy mà rúng động. Năm anh tù người Miên này là anh em họ hàng với nhau, làm nghề ăn cướp, nổi tiếng ở hai tỉnh Bắc-tam-băng và Xiêm-rệp. Họ to con, khỏe mạnh và giỏi võ, khắp mình xăm bùa Xiêm bùa Lào chẳng chịt. Khi còn trong Khám Lớn, nơi *salle* bốn dùng nhốt tù sắp đưa đày Côn đảo, năm anh nằm gần bên chiếu của tôi, cùng nói chuyện rất vui vẻ, cởi mở. Tôi dạy học cho năm anh, hỏi vì sao không làm ăn lương thiện, lại đi ăn cướp; các anh mới trả lời vì nghèo khổ, đốt nát phải làm quấy chứ có thích vác tai, khẩu của người ta đâu! Ăn cướp là nghề nguy hiểm, người nào cũng từng bị trúng đạn. Nơi chân họ, nơi đầu gối, tôi rõ còn thấy lợn cợn dưới làn da, những viên đạn chì. Tôi bảo các anh nhà tôi có ruộng, có trâu, nếu mấy anh muốn ăn về, tôi sẽ xin cha mẹ tôi cấp trâu cấp ruộng cho mấy anh làm ăn, sống đời lương thiện. Năm anh có vẻ bằng lòng lắm và bảo nhau như

phong trần

Chuyện người đi dài như đêm mất ngủ
Không vàng đông cũng đã vàng thu
Xin đừng hỏi phong trần thừa hay đủ
Tóc đông đưa hứng từng giọt sa mù.

vĩnh hảo



thế mau được giàu. Tôi bảo làm ruộng, trúng mùa, bán lúa là có tiền nhiều. Năm anh lác đầu cười: “Dở! Không phải vậy đâu! Ban ngày làm ruộng, ban đêm đi ăn cướp. Chờ nó bán lúa rồi, mình vô mình cướp. Vậy là giàu ẹ lắm, dở!” Tôi phải cắt nghĩa mãi là mấy anh muốn hoàn lương, phải thôi hành nghề ăn cướp. Phải kiếm chén cơm bằng công việc lương thiện và mồ hôi của mình đổ ra... Đến khi ra Côn đảo, biết các anh bị đưa đi sở củ Chuồng Bò, tôi nghĩ các anh sức vóc khoẻ mạnh như thế có thể chịu đựng được một thời gian. Nào dè năm anh đồn củ không kham, rủ nhau vào rừng sâu thẳm cổ dài một lượt. Khi tìm được, thấy xác đã chường sinh!

Loại củ thứ ba dùng để nấu nướng trong các *bagne*, phải to từ bắp chân đến đùi. Loại củ sau cùng là củ phân phối cho các nhà công chức, nhỏ hơn một tí. Hai loại củ này lên hơn nửa núi đã có quyền đồn, chặt. Mỗi tù phải đồn một thước vuông. Anh Đỗ Văn Có, người tỉnh Mỹ Tho, đã thuật cho chúng tôi nghe công việc đồn củ chụm *bagne* của anh cũng mệt nhọc, khó khăn tưởng không kham nổi. Anh cố gắng lắm, song nhiều phen bị phạt cơm tối, bị sục hầm. Một hôm, anh quyết định nếu chiều hôm đó anh đồn không đủ củ, phải bị đòn và sục hầm thì sáng hôm sau anh sẽ tìm nơi thẳm cổ chết, phải sạch nợ tù. Chiều hôm ấy, anh dù tận lực đến mấy cũng không sao đủ số củ nộp và rất tuyệt vọng. Nhưng anh về sở, nghe nói *bureau effectif* gọi anh lên. Thì ra nhờ anh nói thạo tiếng Pháp, tiếng Nhựt, biết cả Hán văn, anh được chỉ đội lính Nhựt trấn đóng ở Côn đảo gọi làm thông ngôn. Tù cảnh địa ngục, anh được hưởng chút tự do, như được lên thiên đàng.

Công chức ở Côn đảo lúc bấy giờ có khoảng 200 người, gồm các nhân viên văn phòng toà hành chánh, các công sở, lại ngục người Pháp hoặc có quốc tịch Pháp, cùng với thầy, chú là hạng cai tù thấp

hơn, người Việt. Có một trường tiểu học hai lớp dành cho trẻ nít Pháp, Việt. Cô giáo Hoa, con gái ông quản Liễn, dạy lớp trẻ Việt. Cô trẻ tuổi, xinh đẹp. Đến cuối năm 45, tình hình biến đổi, tù chánh trị trở vào đất liền, Sơn Vương, một tướng cướp già, nổi lên cướp chánh quyền. Y bắt cô giáo phải chịu làm vợ y, bằng không y xử tử cha cô. Cô giáo Hoa vì muốn cứu cha già, đành phải làm vợ tướng cướp. Đây cũng là một câu chuyện tình bi đát ở hải đảo xa xôi. Ông quản Liễn là một lại ngục hiền, không chửi bới, đánh đập tù, cả ngay khi còn oai quyền. Ông dắt tù đi làm bên ngoài, thương cho tù nghỉ ngơi.

Tù ở Côn đảo, vào những năm 42 đến 45, bị chết nhiều vì thiếu ăn, thiếu thuốc men khi đau ốm, ngã bệnh không được nghỉ và làm lụng rất cực nhọc, quá sức chịu đựng của con người. Chúng tôi có gặp một anh tù đồn củ loại bốn, tức là củ chụm cho các nhà công chức. Thật không tưởng tượng nổi! Hôm ấy đã chiều, chúng tôi sắp hàng đi về *bagne*. Khi đi ngang qua một vùng bụi rậm dưới chân núi, chúng tôi trông thấy tù bên trong, nhành lá xanh um rung rinh lay động với những tiếng gậy rặng rắc. Kế đó, một hình thù kỳ quái từ từ xuất hiện theo những tiếng thở phì phò. Trước hết là hai cái cẳng to lú ra. Dần dần hai cái cẳng lộ ra toàn vẹn. Đây là hai cái nạng hình chữ Y bằng cây rừng to bằng bắp tay, cao vừa chấm đất cho một người khiêng một thì dựng xuống đất nghỉ. Phía trên, nơi phần bụng của chữ Y chắt một thước khối củ, bề dài khoảng một thước, ngang vào hai đầu. Thì ra đây là dụng cụ của anh tù đồn củ loại nhỏ. Sau đó, sinh vật chủ của cái nạng mới xuất hiện từ phía dưới. Ôi, đây là một con người ư? Nếu không trông thấy và biết đến cái nạng củ, chúng tôi có thể lầm là thú dã nhân hay loại xà niêng nào vừa trong đá nứt ra sau những cuộc bắn núi làm đường. Đầu tóc anh ta chôm bôm,

dựng đứng như rễ cây. Thân thể lom khom, gầy rạc, chân tay khẳng khiu, lòng không như vượn, râu bạc phơ dù tuổi còn trẻ. Mặt anh ta phì nộn, sừng chần vắn của người bị bệnh phù thũng, trông dễ sợ. Mình anh ốm trơ ba sườn, đầy cáu ghét. Mặt anh là hai hố sâu với đôi tròng mắt đục ngù. Anh chỉ vận nơi thân dưới một cái khố xanh rách như tổ đĩa. Cùng với khuôn mặt sừng, hai bàn tay, cùi chỏ, đầu gối và hai chân của anh cũng sừng tum húp như muốn nứt da. Anh khiêng nạng củ ra đến bên đường, lại chống xuống đất, đứng thở dốc. Cuộc đời khổ ải của anh còn bao nhiêu hơi thở nữa?

Một người trong bọn chúng tôi nhìn ngắm anh một lát, chợt kêu lên:

— Ủa, có phải anh giáo Hồng không? Phải rồi, anh mới ra chuyển tàu trước, không đầy sáu tháng!

Quả thật đây là anh giáo Hồng, một thanh niên khoẻ mạnh, hăng say, hay giúp đỡ các bạn tù ở Khám Lớn khi xưa! Thời gian cách nhau chả bao lâu, lam sơn chướng khí của Côn-nôn đã tàn phá con người nhanh đến thế! Anh nhận ra chúng tôi, thêm thương được ở vào thân phận người tù *bagne* 3 như chúng tôi. Anh ngậm ngùi bảo:

— Chúc các anh được khoẻ mạnh đến ngày trở về đất liền. Còn tôi, xin vĩnh biệt. Sức kiệt lắm rồi, chả mấy ngày nữa!...

Sau đó, chúng tôi nghe tin anh đốt chân không nhằm chỗ mà chết!

Bệnh phù thũng giết hại rất nhiều tù nhân. Bác sĩ quân y Rosez, một người Pháp đáng kính, đã buộc khám đường phải cho tù bệnh thũng ăn bánh cám và chuối chín. Tù được ăn trái cây, đây là phá luật xưa nay.

Côn đảo có hai nhà thương, một là Khám 2, hai là nhà thương ở cách một lẽ đường dành cho công chức, gọi là ăm-bu-lăng. Ngoài ra, các sở đều có phòng y tế. Cai quản là thiếu tá quân y Rosez. Phụ tá có ông thầy thuốc Quảng và một số y tá. Trong số y tá có thầy Tư Ngọc,

thầy Sáu Gấm rất tử tế với tù nhân. Tôi làm việc ở ê-kíp Mathior được mấy tháng, hơn vì vác đá tảng trên vai quá nặng mà trượt chân, đá rơi giập ngón chân cái. Tôi nản quá, nhắn tin anh giáo Thổ chuồng bò xin với ông thầy thuốc Quảng cho đi bệnh viện. Mỗi sáng thứ tư, ông thầy thuốc Quảng đi vào Khám Ba khám bệnh cho tù. Có hai người tù cao lớn gánh rương mây đựng thuốc đi theo ông. Một trong hai người tù ấy là Lê Duẩn, về sau là tổng thư ký đảng Cộng sản Việt Nam. Ông thầy thuốc Quảng xem chỗ giập chân của tôi rồi mới dám ký giấy chuyển khám. Thế lực của tù Cộng sản khi ấy chi phối đến cả các công chức. Tôi ở chung một khám liệt với ông Trần văn Quế, người đạo Cao Đài, thường được gọi là ông đốc Quế. Có cả anh giáo Khai. Anh này là giáo viên dạy vẽ. Anh có vẽ một quyển nhật ký từ ngày xuống tàu ra Côn đảo, ở các *bagne*, các sở... cho đến ngày Nhứt đảo chánh... Nơi đây, ông đốc Quế chỉ vẽ cho tôi biết vài thứ thuốc men thông thường, để rồi một hôm, khi viên thiếu tá quân y Rosez đi khám vệ sinh qua các *salle*, tôi liền bảo với ông ta: "Tôi là con một bác sĩ. Tôi có phụ giúp cha tôi nên có biết chút đỉnh về thuốc men. Tôi làm ở sở không nổi, xin ông cho tôi làm trợ y tá".

Ngay ngày hôm sau, tôi được ra làm trợ y trong *bagne* 2. Phận sự của tôi là phụ thầy Tư Ngọc phát thuốc sốt rét, phù thũng, kiết lý cho tù nhân ở các *salle* và làm phiếu bệnh. Đến chín giờ, tôi xuống nhà xác, viết tên tuổi và số tù trên các xác chết để chờ nhân viên mai táng đến, cũng là tù, trông xác chết vào hai bao bàng, buộc ba nuốt dây nơi cổ, giữa mình và dưới chân. Tôi viết tên tuổi và số đính bài lần nữa lên bao bàng. Người tù, từ khi ở Khám Lớn đến khi vào nhà xác Khám Hai Côn đảo, mới được gọi đến tên khai sanh do cha mẹ đặt. Các bao bàng ấy, chờ đến hai giờ, có hai anh tù già chất lên cái xe cây mỗi lần chứa được một xác, ịch

kéo ra sở ruộng. Hố chôn tù sâu khoảng một thước. Chôn rồi lấp cát lại. Trưa nóng, gió lộng, nhiều xương chân tay và đầu lâu lòi ra trên cát! Nhà xác ngập đầy vôi vì để khử trùng.

Một dạo, khám ỉa chết nhiều, xếp khám không mở cửa sắt ban đêm, cứ trông thấy mặt người tù nào sắp chết thì đưa vào nhà xác ở cho tiện việc. Tôi giữ chìa khoá song cửa sắt. Mỗi sáng cửa mở ra, tôi phải chạy dang xa, khoát tay cho những xác người chưa chết ấy đi ra khỏi cửa. Họ tù trong vôi đứng lên, đi lừng khừng, vôi bay mù mịt. Trần truồng trắng vôi khắp mình, mặt phì nộn trông thật sợ, chân tay khẳng kheo chỉ da bọc xương, đầu gối, cùi chỏ, bàn chân sưng húp... họ không còn tí nào hình dáng con người!

Có một câu chuyện rất thương tâm, không bao giờ tôi quên được... Ở nhà bếp, một hôm nọ anh cặp-răn kêu mất một con gà mái. Con gà này anh nuôi từ nhỏ để dành giỗ cha. Đến gần ngày, gà lại mất! Ai vào đấy mà lấy? Tường bao quanh khám cao đến bốn người đứng chổng không với tới. Ban đêm tất cả tù đều phải vào sau song sắt khoá, thế sao con gà biến mất như có phép tàng hình? Mọi người chia nhau lùng sục. Theo dấu lông tìm đến nhà xác, mới biết có một anh tù lên ra bắt gà để ăn sống. Ăn thịt trước khi chết! Có điều làm ai cũng ngạc nhiên không hiểu anh ta làm sao đút đầu lọt qua song sắt được. Anh ta ở khám ỉa, đói quá và biết không sống qua ngày hôm sau, làm liều để hưởng chút mùi thịt, khỏi thành con ma đói! Trông gương mặt nhỏ choắt, da nhăn nhú như ông già tám mươi, miệng bạnh ra còn dính lông gà và máu gà khi chết, ai cũng cảm thương, ngay cả anh mất gà!

Đến chiều, từ hai giờ, tôi có bốn phận rửa ghẻ và băng bó cho anh em tù trong *bagne*. Công việc hơi hám này chỉ làm phía sau dãy *salle* tay mặt. Anh em ngồi sắp hàng, trông thấy tôi mừng lắm. Họ bảo

tôi biết thương anh em, nường nhẹ tay, không làm đau như anh trước khiến nhiều người phải khóc. Tôi chịu khó rửa ghẻ thật kỹ cho anh em bằng *eau dakin* hoặc bằng nước phèn xanh pha nhẹ, anh em đau thì tôi ngừng tay một tí rồi làm tiếp, xong chấm vào thật nhiều *teinture d'idiote* để sát trùng trước khi bôi thuốc dán vào. Phương tiện y tế ở Côn đảo khi ấy chỉ có thế. Và tôi cũng trị lành bệnh cho khá nhiều anh em. Chỉ có bệnh ghẻ khuyết là đáng sợ. Ghẻ mỗi ngày ăn khuyết vào thịt thêm sâu, rộng ra. Ăn to đến gần bằng đồng bạc thì bệnh nhân chết! Tôi thường ngày rửa hàng chục anh em bị ghẻ khuyết này, nhứt là từ sở Cỏ Ống và Chuồng Bò. Mấy anh rịt thuốc lá vào, quần ngoài miếng lá chuối. Giở ra, mùi hôi thối lộn mửa xông lên tận óc. Ghẻ này, nước rửa phèn xanh không làm buốt rát gì cả. Tôi rửa hết chất mủ đặc xanh rờn, dùng kéo cắt bỏ khoảng thịt chết cho máu tươi chảy ra, rửa lại bằng *eau dakin*, thấm thật nhiều *teinture d'idiote*, rồi cứ để thế, không bôi thuốc dán vào. Tôi dặn sáng hôm sau, tìm tôi để tôi xem mặt ghẻ. Nếu thấy bớt, tôi chữa tiếp. Bằng có cơ nguy hơn, tôi làm giấy cho anh đi sang bên nhà thương ăm-bu-lăng, có nơi giam tù, có phòng cura chân, tay. Nơi này, khi ấy Phạm Hùng (sau này leo lên đến ghế thủ tướng chính phủ Việt cộng) làm cặp-răn với cái án chêm hương quần nào đó trong đất liền.

Nhiều anh bị ghẻ khuyết to gần bằng đồng bạc. Tôi bảo các anh ấy sao quá đại, muốn đốt chân tay, phải hỏi cho biết chỗ nào nên đốt, chỗ nào đừng. Các anh nói các anh đâu phải ở Chuồng Bò mà ở Cỏ Ống. Đi làm rừng, rùi bị trầy tay chân chảy máu, các anh rửa bằng nước ở đấy. Hôm sau, chỗ trầy thành cái sẩy. Cái sẩy nẩy cái ung, chẳng bao lâu ung khuyết thành ghẻ... Xin được giấy về châu thành khám bệnh thì cái ghẻ đã khuyết bằng đồng bạc. Các anh hỏi tôi liệu có sống được không, cura chân rồi

có sao không? Tôi chỉ biết nói những lời khích lệ, song biết các anh khó qua nổi. Ở phòng cura chân tay có anh trợ y già chuyên gửi ghê khuyết. Ghê nào anh kê mũi vào gửi, thấy cứu được anh mới chịu cura. Còn không cứu được, hay cura mà chết, anh gửi trả lại tôi. Tôi đành chịu thêm hôi thối, tận lực cứu chữa anh em, song mười chỉ được một, hai...

Làm trợ tá ở *bagne* 2, thỉnh thoảng tôi gặp anh Trương Quang Khánh ở Ông Hội sang. Anh Khánh trẻ tuổi, đẹp trai, sống mũi thẳng của người Việt lai Triều Châu hai đời. Trước anh ở làng Cái Đước nhỏ, quận Gòong Riềng, tỉnh Rạch Giá. Được toà án binh tha

bổng, nhưng chủ quận Giồng Riềng là quận Nhiều không cho anh về quận. Anh phải đày ra Côn đảo, nơi Ông Hội là chỗ để quản thúc những người không án, chờ thái bình sẽ được đưa về xứ. Anh ở chung với ông Nguyễn Giác Ngộ, về sau là một ông tướng Hoà Hảo. Nghe anh nói, ở đó còn có các ông Phan Bá Cầm, Trịnh Khánh Vàng và nhiều nhà ái quốc khác. Phận sự hàng ngày của anh là gánh nước tưới 50 cây mít và làm những việc lật vật trong sở. Hỏi sao anh bị sốt rét mãi vì tôi vừa giới thiệu anh cho anh trợ y phòng sốt rét, đã trị hết

bệnh và được trả về sở rồi. Anh cười và bảo nhỏ: "Tại ăn mít nhiều". Anh lên bẻ trái mít chín, đào hố chôn sâu. Đến đêm, rủ các bạn thân ra bươi đất lên, xẻ mít ăn đỡ đói.

Kể Ông Hội có làng An Hải, nơi nhốt tù lưu. Tù này bị xem là hạng cặn bã nhứt Côn đảo. Đây là những người bị can nhiều bản án, thành bất trị rồi, mới bị lưu đày vĩnh viễn ngoài đảo. Họ hay đánh bạc và ăn cắp rất tài tình. Mấy hôm đầu đi làm việc trên Ma Thiên Lãnh, tôi ngồi nghỉ mệt chờ cơm, cái áo cởi ra để sau lưng, bỗng quay lại nhìn đã mất áo rồi. Sợ quá đi thôi! Mất áo chẳng những bị sục hầm mà còn bị tra khảo xem bán áo ấy cho tổ chức vượt ngục nào! May nhờ một bạn biết chuyện, vội tri hô lên: "Coi có thằng tù lưu nào đi ngang! Bớ thằng tù lưu, trả áo lại!..." Liền đó, một anh tù đang thông dong đi bên đường, vung vạt trả cái áo, thoát chạy mất.

Bọn tù lưu được phát cho bộ quần áo xanh chàm, có vẽ chữ R thật lớn ở lưng, tức là chữ đầu của *reléqué* là lưu đày. Nhưng phần đông họ bán quần bán áo đánh bạc, chỉ mang cái cà-ròn máng quai ở vai thôi.

Ở Côn-nôn có một gia đình thường dân duy nhất là gia đình bà Bún. Bà là vợ một ông hương quản xưa, đã chết tại Côn-nôn. Khi người Pháp hoán đổi đất cát trong đất liền cho dân trên đảo để lấy đảo làm nơi giam nhốt tù, bà hương quản nhất định không đi. Bà ở lại với mồ mả chồng. Phủ Toàn Quyền Đông Dương đành chịu. Bà chỉ có một người con trai. Bà bán bún nước cá cho công chức làm kế sanh nhai nên được gọi là bà Bún. Năm 1942, bà về đất liền, cưới vợ cho con trai. Cô dâu mới, hôm đầu ở quê chồng, đem con cá lóc ra sân để làm vẩy. Cô quên cái thớt, chạy vô nhà lấy ra thì con cá đã biến mất. Cô sợ quá, khóc lên: "Má ơi, con cá mới đây mà mất rồi!" Bà Bún từ trong bếp, hỏi ra: "Mày có thấy thằng tù lưu nào đi ngang không?"



Cô dâu nói: “Ừa ừa, có một anh đi đằng kia. Ảnh ở trần mà, ảnh đội cái áo xanh trên đầu che nắng... Ủa, mà cái áo ngúc ngoắc sau ót!” Và cô ta, y theo lời bà mẹ chồng dạy, chạy theo kêu: “Ớ, tù lưu, trả cá lại đây!”. Thế là anh nọ vội lột áo, giữ trả lại con cá, co giò chạy mất!

Tôi làm trợ y trong *bagne* 2 hơn tháng, bỗng nhiên có một tình cờ may mắn khiến tôi được chuyển sang *am-bu-lăng*, làm việc ở phòng băng xi-vin tức là nơi băng bó, thuốc thang cho công chức và gia đình. Trước kia, phòng ấy do anh Nguyễn Văn Lợi phụ trách. Anh Lợi, vốn là sinh viên trường Cao Đẳng Hà Nội, năm ấy ngoài bốn lăm tuổi, ốm yếu, nhỏ con và tốt bụng. Anh bàn giao công việc cho tôi và chỉ dẫn mọi việc rất chu đáo. Anh bị mất chỗ vì một hôm, trong giờ nghỉ, thiếu tá quân y Rosez đến nơi, không thấy anh có mặt. Ông liền ra lệnh hoán đổi chỗ làm, cho tôi sang thay nơi anh Lợi làm và

ngược lại. Ông không thích tôi mặc quần áo xanh, ra lệnh cho khám đường cấp cho tôi một bộ quần áo tù trắng, tức là có cái áo cụt tay trông đầu và cái quần trắng dài ống. Việc cho tôi ra làm trợ y đã không được viên xếp chánh (*gardien chef*) Hilaire tán thành, vì y hay nghe lời dèm xiểm của tù Cộng sản, nhưng làm sao y dám cãi lệnh thiếu tá giám đốc bệnh viện! Thế là bỗng nhiên tôi thành tù áo trắng, một trường hợp khá hi hữu!

Phận sự của tôi vào buổi sáng là phát thuốc theo toa bác sĩ cho công chức, băng bó, rửa ghê cho gia đình họ. Chiều lại, tôi thử phần và nước tiểu của tù bệnh. Thử phần thì nhỏ một giọt phần vào giữa hai miếng kiếng rồi đặt dưới kính hiển vi xem có mấy thứ vi trùng để ghi vào phiếu bệnh. Ngoài ra, tôi còn hấp các hộp sắt đựng ống chích và kim để đem thuốc đến nhà công chức bị bệnh mà chích cho họ. Nhưng ít có tên lại ngục nào tin cậy tù, chịu để

tù chích thuốc. Chúng phải nhờ đến cô y tá da đen người Algérie đến chích cho. Cô y tá này là vợ của gã André, cũng dân Algérie, nổi tiếng đánh tù hung dữ như điên, không thấy máu không ngừng tay. Chính hắn đã dùng giày đinh đập đầu bạc phều của giáo sư Trần Thành Huân. Có một dạo hắn bị bệnh, trưa nào tôi cũng đem thuốc và ống chích đến nhà để vợ hắn chích cho hắn. Tôi mới nghiệm ra phần đông bọn *gardien* hung ác trong khám lại là những tên sợ vợ và dễ thương trong gia đình. Vợ gã đối xử tốt với tù, nói chuyện gọi tôi bằng “vous”, và khi nào tôi đến cũng có tách cà phê sữa với chiếc bánh cam để phần. Lắm lúc tôi có ý nghĩ thương vay: tội nghiệp cho một cô gái như thế lại lấy nhầm anh chồng cục súc! Mấy năm sau 45, André giải ngũ và trở về Algérie, cô vợ ly dị và ở lại Sài Gòn làm nữ giám thị cho trường Marie Curie... Đến tối, tôi chùi rửa, chuẩn bị các dụng cụ y khoa dùng vào ngày mai cho vào lò hơi và hấp bông gòn, băng, compresse trong lò điện. Thỉnh thoảng, tôi đứng nhìn qua cửa kiếng, trông ra bãi biển vắng tanh, ngoài khơi trùng dương dậy sóng dưới trăng mờ, quê hương đất liền mù mịt nơi nao? Hoặc có khi tôi vượt qua vòng tường, đi dài trên con đường ven biển, thơ thẩn dưới dãy đèn đường sáng giăng giăng mà thấy đường đời của mình và của tất cả bạn tù nơi đây sao quá tối tăm, bi đát! Mút dãy đèn đường, nhìn ra biển, có một hồn trọc. Hồn này, trong những đêm tối trời, anh ánh một thứ ánh sáng chung quanh, nhìn kỹ mới thấy. Người ta đồn đấy có mỏ vàng, Tây và Nhật thử xong bảo vàng còn non. Nếu quả thật có mỏ vàng, trăm năm sau, nước Việt Nam ta giàu mạnh biết mấy!

Một buổi trưa nọ, tôi đi về sở Ruộng, tay ôm khu khu hòn đá to. Khi gần đến đồi cát, gặp phải một tên rờ-set. Bọn rờ-set, chó săn nhà tù, vốn là tù thường phạm lâu năm, thích lập công, được tuyển mộ vào sở truy tầm tù vượt ngục của tên lại

thơ phạm nam quân

biệt

Trời nghiêng, nắng nhạt, chiều rồi
màu quan san thắm, bóng người khuất xa
bên đời còn lại mình ta
về trong nỗi nhớ, phong ba ngập hồn.

nhớ

nào đâu môi mắt, tiếng cười
Hương, người thả gió, bên trời tóc bay
ái ân còn có lòng này
nửa đêm tỉnh giấc mới hay một mình.

hạnh ngộ

gặp nhau đôi mắt ghen ngào
xa. ừ, thấy lại má đào ngày xưa
mười năm, tưởng một giấc mơ
tới chừng hạnh ngộ, ơ hờ! xuân xanh.

nguyện

trời đời nhau tự phút này
đừng buông ra nữa, cơ hàn cũng không
nhớ khi biệt, nguyện tương phùng
em ơi kiếp tới, trùng trùng cũng theo.



ngục Toustou. Tên hung thần của tù ở Côn đảo ấy là một gã người Pháp cao lớn dềnh dàng, khoẻ mạnh và giỏi võ. Tù gọi hắn là xếp Mười Tu. Ví như đánh bài cào, gặp mười điểm là bù trất, là thua trút túi, tù mà gặp Mười Tu, kể như rồi đời! Mười Tu tổ chức ban rờ-sết ác ôn. Chúng được phát một bộ đồ xanh áo dài tay, quần dài ống, và một cái nón cối thuộc địa sơn xanh có vẽ chữ "R" bằng dầu hắc. Chúng được cầm thước bằng dài, được đi khắp nơi và có quyền đánh đập tù vô tội vạ! Hôm ấy, nếu tôi không phải là tù áo trắng là đã bị tên rờ-sết nọ đánh đập và lôi về sở Mười Tu vì tội đi ra ngoài phạm vi làm việc. Nó hỏi tôi:

— Đi đâu?

Tôi ngang nhiên đáp:

— Đi chơi!

Nó lườm tôi, hỏi lại:

— Làm ở đâu?

Tôi phải cứng, để hù lại nó:

— Hỏi chi vậy?

Nó đã hơi chùn:

— Anh đem đá đi đâu đó?

Tôi nhìn thẳng mặt nó:

— Đi đập mả ông Ninh, được không?

Nó nguýt tôi rồi bỏ đi. Nó còn nhớ mặt tôi. Mấy tháng trước, lúc còn làm ở ê-kíp Mathior, tôi bàn với mấy anh em là mả ông Nguyễn An Ninh, dù chôn bên sườn đồi, vẫn bị gió cát thổi bay tơi tả, e lòi xương. Trên mả, chỉ tấm bia gỗ ghi tên họ và số đỉnh bài là còn nguyên, với năm, bảy cục đá dẫn trên nùm chưa đủ. Trưa đến, chúng tôi mỗi anh dấu bọc trong áo một cục đá đi về sở Ruộng. Từ trong núi đến gò cát nghĩa địa cũng khá xa. Công việc tầm thường không có hại gì cả ấy rủi lọt tai một tù Cộng sản. Hắn vội đi mách tụi rờ-sết. Chúng tôi phải quăng đá, tháo chạy. Chính tên này rượt đánh chúng tôi một trận mê tơi! May hôm ấy tôi chạy thoát, bằng không, bị bắt về sở Mười Tu, nhẹ lắm cũng bị một trận mềm xương. Tên Mười Tu cũng có tật đánh tù không thấy máu, ăn cơm không ngon. Nhưng rồi trò đời

thường xảy ra việc cá ăn kiến, kiến ăn cá. Đến tháng 3.45, Nhứt Bốn tước súng bọn cai tù, tên xếp Mười Tu bị tội nhân ví đánh, kêu la như bò rống! Khi ông Ninh mất, có viên chủ sự nhà đèn, vợ là người Việt, thương mến ông, xin được chôn ông trong một hòm gỗ tốt của gia đình ông mua. Thiếu tá Teyssère không cho, bảo đừng tạo nên một tiền lệ. Hôm đi dẫn mả ông Ninh về, tôi có khấn nếu được về đất liền sẽ bốc mộ ông, đưa hài cốt về gia đình ông. Lời khấn ấy, hỡi ôi, tôi không thực hiện được!

Anh Lợi, người trợ y bị hoán đổi sở làm ấy, rất tốt. Anh thường chỉ biểu cho tôi về nghề nghiệp. Anh tâm sự với tôi: anh là sinh viên cao đẳng Hà Nội. Một hôm có giấy mời họp kín. Anh đến nơi, chưa biết ắt giáp gì cả, đã bị mật thám vây bắt. Về sở mật thám bị đánh quá, cái gì cũng nhận. Anh bị kêu án 28 năm tù. Anh ở đã hăm lăm năm rồi, nay thì bốn mươi lăm tuổi, đầu đã muối sương. Vài năm nữa anh sẽ mãn tù, liệu còn về Bắc cưới vợ được không? Anh thú nhận thuở giờ anh chưa biết dưới đũng quần người đàn bà có cái gì! Cái đó ra làm sao! Anh hỏi tôi có biết chưa. Tôi lắc đầu đành chịu. Bàn nhau hỏi lại thầy Sáu Gấm là y tá phòng băng xi-vin. Thầy Sáu Gấm cười ngặt:

— Anh hỏi như vậy cũng phải. Có người đàn ông nào, trừ các tu sĩ, lại đầu bạc như anh mà chưa biết "cái đó" ra làm sao? Được rồi, tôi giúp anh toại nguyện. Số là ba bữa nữa có vợ một công chức lâm bồn. Việc hộ sản luôn luôn ở phòng mổ. Chỉ có mặt bác sĩ Rosez, ông thầy thuốc Quảng, cô y tá da đen vợ thằng André và tôi mà thôi. Hôm đó, bác sĩ Rosez bận đi thị sát trại cùi và trại ho lao bên hòn Cau, tôi sẽ nói với ông thầy thuốc Quảng cho anh vào. Không phải vào chánh thức. Tôi giả vờ quên một dụng cụ nào đó rồi mở cửa phòng mổ gọi anh. Anh liền lấy để lên khay tráng men, bước vội vào. Phải cho nhanh kéo con vợ thằng André ngăn cản vì tù không được có mặt trong lúc hộ

sanh.

Kế hoạch của thầy Sáu Gấm sắp đặt được thi hành rất đúng. Tôi ở bên ngoài cũng nóng ruột, chờ anh Lợi ra, hỏi ngay:

— Sao? Anh trông thấy "cái đó" nó ra làm sao?

Anh Lợi lắc đầu, rầu rĩ:

— Có trông thấy gì đâu! Tôi bước chân vào phòng, xấu hổ quá nhắm híp mắt lại. Thêm nữa, nghe tiếng rên la của đàn bà mà sợ, suýt chút nữa làm rơi cái khay. Rồi thì bị mụ y tá đuổi ra ngoài!

Bác sĩ Rosez là một người Pháp hiền lương, nhơn hậu, khả kính rất hiếm hoi ở Côn đảo. Ông thường làm việc rất khuya. Vì công việc nơi phòng băng xi-vin, tôi được ở ngoài đến chín giờ tối mới vào khám ngủ. Những ngày lễ, thầy đội hăm-mốt nói rộng thêm một tiếng đồng hồ. Nhiều đêm, đến mười giờ, tôi thấy nơi phòng giám đốc bệnh viện còn sáng đèn. Bác sĩ Rosez ngồi ôm đầu bên những chồng sách khảo cứu bệnh lý của tù nhân. Bác sĩ lấy làm lạ tại sao bệnh ỉa, dù đã đổi nhiều thuốc, vẫn không thuyên giảm? Ông nào có biết nơi các phiếu bệnh, tôi đã ghi bừa ba loại vi trùng dữ mà tôi nhìn thấy qua kiếng hiển vi, để cứu giúp anh em được ở thêm ngày nơi khám bệnh, chậm trễ về sở chịu cực khổ. Chiều chiều, ngoài giờ làm việc, bác sĩ và bà vợ, cả hai còn trẻ cả, dắt tay nhau đi dài ngoài bãi biển, âu yếm trò chuyện như đôi vợ chồng mới.

Tôi có đi về hướng mũi Chim Ung, cũng gọi là mũi Cá Mập, nơi tàu đổ tù năm xưa. Nơi ấy cá mập thật nhiều. Thỉnh thoảng mấy tù nhân đi ngang, trông thấy cá mập nổi vi, hận cho những bạn tù vượt ngục bị chúng xơi mất xác hay đứt nửa thân mình. Có anh ôm một hòn đá to đến bên bờ biển, miệng hô to: "Có tù trốn! Có tù trốn!" và rồi quăng hòn đá xuống biển. Nhanh như chớp, con cá mập nhô đầu lên, há miệng lồm chồm răng, táp lấy hòn đá kêu cái cẳng. Anh tù ôm bụng cười: "Chết mẹ mấy chưa? Cho mày mẻ răng, tổn táp thịt tù!".

Gần đây, trong cảnh non nước hữu tình, có suối nước trắng đục màu sữa. Tôi nhớ đến nước đục màu trà Huế ở vùng U Minh của tỉnh nhà, bèn hứng uống thử, thấy nước mát và ngọt, nhưng không dám uống nhiều.

Nơi đây, một hôm tôi gặp anh Nguyễn văn Mạnh ở sở đi về hướng châu thành. Hai anh em gặp nhau, ôm mừng nhau còn được sống gặp mặt trong ngày hôm ấy. Mạnh và tôi cùng một đảng, cùng lứa tuổi thanh niên, thân thiết như ruột thịt. Chúng tôi ngồi bên ghềnh đá, nhìn ra trùng dương mịt mù mây nước, tưởng nhớ đến đất liền quê mẹ. Tủi hận thân cá chậu chim lồng, chưa thoả chí trai thời loạn, chúng tôi cầm tay nhủ nhau cố gắng mà sống, khắc phục gian lao, giữ thân cho đến ngày về... Mới trò chuyện được một chút, chúng tôi thoáng thấy có bóng áo vàng từ xa đi đến, vội vàng chia tay. Tôi đi theo con đường ven biển một lúc thì gã xếp Vidal, bóng áo vàng khi nãy, đạp xe đuổi theo, gọi:

— Ê, thằng tù khốn nạn, ai cho phép mày đi tới gần sở tao?

Hắn vừa quát nạt vừa giơ roi da bò như muốn đập tôi. Nhưng khi nhận ra tôi là tù áo trắng, hắn chưa vội ra tay. Tù áo trắng chỉ thuộc quyền của chủ sở trực tiếp thôi. Tôi nói với hắn:

— Không ai cho phép tôi, xếp à. Tôi đi làm bốn phạt. Tôi đưa thuốc đến nhà chú đội 18 để chích thuốc cho vợ chú.

Gã Vidal lăm băm chửi mấy tiếng trong miệng rồi bỏ đi. Gã là Pháp lai Việt, có vợ người Việt khá đẹp. Người ta đồn gã ghen lắm, nhốt vợ trong nhà, không cho đi chơi đâu cả, ghen cả với tội nhân. Gã có tiếng hung ác, đánh tù nhân thập tử nhất sinh mới ngừng tay. Sở của gã trồng đu đủ, trái to lòng thông gần sát đất, nhưng tù lên ăn, gã đánh đập tàn nhẫn. Gã nuôi rất nhiều heo, thả gã đồ đu đủ cho heo ăn chứ không cho tù ăn. Nhưng rồi ác giả ác báo. Ngày gã bị Nhựt Bốn tước súng, gặp tôi từ đằng xa là gã cũng

lẩn trốn như hôm ấy anh Mạnh và tôi lẩn trốn gã. Gã cũng bị tù nhân dân cho một trận mê tơi, nhờ vợ van lạy mãi mới được tha.

Sau này về đất liền, đến năm 1967, tôi gặp lại anh Nguyễn văn Mạnh ở Cần Thơ. Anh Mạnh khi ấy là thiếu tướng Tư lệnh Quân khu IV, còn tôi là chủ nhiệm Nhật báo *Miền Tây*, xuất bản tại Cần Thơ.

Tôi làm trợ y phòng băng xi-vin được mấy tháng thì sắp đến Tết Ất Dậu 1945. Chúng tôi, bốn, năm trợ tá, bàn nhau góp phần đổ bánh xèo vừa cúng ông bà vừa ăn Tết. Đổ bánh xèo theo kiểu tù Côn đảo bấy giờ chỉ có tí bột, tí thịt heo với mỡ và đậu xanh nguyên hột luộc như. Tôi xin được thêm ít bẹ bắp cải xanh của ông tù làm vườn trong dinh giám đốc chuyên trồng bắp cải nấu súp cho thiếu tá Teyssère. Tôi định sẽ làm một mâm bánh cúng các đồng chí đã bỏ mình trong cuộc đấu tranh như anh Bình Hàng đã đập đầu tại bót mật thám Catinat, như anh Huỳnh văn Mai đã thật cổ chết trên núi vì kéo cây không nổi, và nhứt là ba anh đã bị kết án tử hình trong Khám Lớn Sài Gòn mà có lẽ đã thụ án rồi. Ba đồng chí của chúng tôi mang án tử hình là anh Nguyễn văn Mười, thường được gọi là Mười Bạch vì anh viết văn ký bút hiệu Bạch Giang; anh Lê văn Đời thuộc về binh vận và một anh anh nữa tôi không quen, không rành về anh. Theo luật pháp thời ấy, bản án tử hình của ba anh này phải gửi sang toà phá án bên Pháp cứu xét cho có lệ rồi mới thi hành. Chiếc tàu chở hồ sơ đi bị trúng thủy lôi ngoài biển khơi, đắm mất. Tội tử hình không có bản án, lấy gì thi hành? Thế nên ba anh cứ nằm trong Khám Lớn chờ mãi cho đến ngày Nhựt bại trận, chủ quyền trả về cho dân Việt và các đảng phái quốc gia mở cửa khám thả tù chánh trị ra. Thành thử ba anh bị án tử hình mà không chết, trái lại có một số anh bị chết nơi Côn đảo như anh Huỳnh văn Mai ở sở kéo cây Ông Cầu, anh Nguyễn văn Cậy bị sốt rét cấp tính bỏ mình một tuần lễ trước khi có

tàu rước về.

Tôi dự định mọi việc đổ bánh xèo đã xong, đến sáng hăm tám Tết, bỗng nhiên bị sụp hầm! Hôm ấy, trời mờ sáng, tôi ngủ trong khám riêng ở nhà thương thì thấy đội gác khám và viên xếp *bagne* 2 đến bắt đi. Lẽ ra họ bắt luôn anh Quốc nằm cạnh tôi, nhưng thi sĩ Bùi Ái Quốc làm thơ hay mà đàn guitar rất giỏi nên khỏi bị sụp hầm. Anh Quốc từng đàn ca với cố soạn giả Thái Thụy Phong ở hãng đĩa Asia. Ngón đàn của anh rất tươi làm các công chức Việt ở Côn-nôn rất ưa thích. Khi xưa anh học đàn qua Nam ai đến sáu bậc, thân phụ anh làm đại lý cho hãng xăng Shell ở Rạch Giá đã ngăn cản không cho anh học thêm vì sợ trời già ganh ghét khách tài hoa khiến anh bị tật nguyên, đui mù chẳng hạn... Tôi bị rớt cát-sô với mười bảy người nữa, đa số là tù áo trắng như kỹ sư Phan Khắc Sửu, giáo sư Trần văn Quế, ông Võ Oanh gọi là Tú Oanh, anh giáo Thảo, anh giáo Thổ, anh giáo Khai, ông bang biện Chiêu, ông hội đồng Võ Công Tồn (sau chết ở hòn Cau), anh Trần Quốc Bửu, anh Kế, anh Nguyễn văn Mạnh, anh Nguyễn văn Tại, anh Đào Duy Phiên... Anh Phiên thuộc đảng phái quốc gia, là anh lớn của dòng họ Đào Duy, anh của học giả Đào Duy Anh, Đào Duy Kỳ đệ tam, Đào Duy Dzếnh đệ tứ và một cô em gái cũng đệ tứ.

Việc có một số đồng tù áo trắng bị sụp hầm như thế chưa từng xảy ra tại Côn đảo. Đây là kết quả hành động ám hại của phe tù Cộng sản do Nguyễn văn Trung, Trần Ngọc Danh và Đào Duy Kỳ lúc đó đang làm mưa làm gió trên đảo. Sau về đất liền, Đào Duy Kỳ nghe nói có thời làm thứ trưởng thanh niên ở Hà Nội, Trần Ngọc Danh có đạo là đại diện sứ quán Việt cộng ở Paris, từng bị sinh viên Việt Nam du học đả đảo. Bọn này đốc xúi tên *memento* Hoàng tâu hót với *gardien chef* Hillaire là nhằm mùa gió thổi về hướng đất liền, cần dẹp tan âm mưu vượt ngục bằng cách nhốt vào hầm các tù nguy hiểm.

Thực chất là tù Cộng sản muốn diệt các tù áo trắng quốc gia. *Memento* tiếng Pháp có nghĩa là sổ ghi chép, và ở Côn đảo là thư ký riêng cho tập đoàn điều hành khám đường. Trước kia, *memento* là anh Tốt, thường phạm, con của một đốc phủ sứ, bị can án ghen tương gây ra án mạng. Tốt tánh tình dễ dãi, ăn nhậu lè phè, nghe lời tù Cộng sản nhưng vẫn giúp đỡ tù quốc gia, vì thế tù Cộng sản không nắm được Tốt hoàn toàn. Bọn Cộng sản liền vận động lật đổ Tốt để đưa tên Hoàng, cũng là tù thường phạm, lên thay. *Memento* là một thứ vua con của tù, nói gì xếp chánh cũng nghe; đến cả bọn xếp Tây còn e dè, cạy cục làm thân nói chỉ đến thầy chú người Việt, muốn ở sở tốt, phải khúm núm nịnh bợ, lo lót tại nhà riêng. Tên Hoàng là công cụ của tù Cộng sản dùng để bành trướng thế lực và ám hại người quốc gia.

Chúng tôi bị giam nhốt nơi chuồng cọp, hai người một căn, trần truồng cả. Cửa sắt bít bùng, chỉ hé mở vào buổi sáng đủ thời giờ để thay bộ, và sáng chiều hai cử đưa lọt rá cơm vào. Ban đầu tôi ở chung phòng với ông kỹ sư Phan Khắc Sửu. Nhưng ban đêm quá lạnh, tôi ôm cứng ông làm ông ngủ không được, ông đổi phòng qua ở chung với anh Trần Quốc Bửu, người cùng đảng với ông. Sang ở với tôi là anh Nguyễn văn Tại, người cùng đảng tôi. Anh Tại bị hai mươi năm khổ sai, kéo cây ở bên Ông Cầu một dạo rồi khéo vận động về làm tù áo trắng bên văn phòng xếp chánh.

Nhiều bạn đồng chí của chúng tôi làm ở sở kéo củi Ông Cầu. Tù sở không bị giam nhốt tù túng như tù *bagne*. Sở kéo cây chỉ làm từ buổi sáng đến trưa, chiều được nghỉ. Được ở một chòi lá hai người, mỗi bữa đi lãnh cơm nấu sẵn ở sở về ăn, phần cơm tạm đủ, và có quyền xuống biển tìm hải sản bồi dưỡng thêm. Sáng, anh em lên kéo cây trên núi cao hạ những cây to hai, ba ôm, vạt bỏ cành lá, đóng vào hai bên thân cây những chữ U bằng sắt to và luồn vào đấy sợi thừng bằng bắp

tiền

*Ngoài hiên mưa gió toi bời
Trong ta ly phạt ly mời tiền nhau
Gặp đây chỉ mấy buổi đầu
Mà nghe chuốt những ngọt ngào trong tim
Em đi biết hướng đâu tìm
Cuối chân mây hân im lìm khói sương
Còn đâu ly rượu thân thương
Còn đâu khúc hát vắn vương ân tình
Ngày mai trong ánh bình minh
Tiền em anh gửi chút tình cố tri.*

nguyễn sĩ long



tay. Thừng dài khoảng bốn, năm mươi thước. Đầu thừng, mỗi bên độ 25, 30 người. Cặp thừng vào nách, hai tay ghi chặt, chờ lệnh là họ tận lực kéo. Khúc cây to và dài nọ tuần tuột đổ dốc. Tù chạy trước, nhanh chân phóng xuống triền, mạnh sức kéo cây đi. Chậm chân là chết, là bị cây nghiền nát thân! Cây đổ dốc, nào phải thẳng một lèo. Nó xĩa bên kia, xệt bên này tùy theo gặp lùm bụi hay các mỏm đá vướng đường. Tù chỉ có nước buông dây, chạy nhẩy cho xa kéo nó đổ về phía mình, ầm ầm như trời long núi lở. Thân cây đổ cày núi đá dài một lần mấy mươi thước hay trăm thước thì vướng vào chướng ngại vật nào đó mà ngừng. Đám tù nhân lại đến, xeo bầy đầu cây gối trên đá rồi kéo chạy tiếp... cho đến khi thân cây nằm dưới bãi biển, chờ tàu đến kéo về bản chế.

Các bạn tôi ở sở Ông Cầu có các anh Bùi Hữu Phiệt, Nguyễn Thi Cao (Bảy Cao, văn cự nự thực dân không gọi đúng chữ lót của anh mà cứ gọi là "thị" như tên đàn bà), Nguyễn Tấn Lợi, Đỗ Thượng An, Nguyễn văn Tươi, Nguyễn văn Mốc, Huỳnh văn Mai, Nguyễn văn Tại.v.v.. Anh Bùi Hữu Phiệt là cố vấn đảng đoàn chúng tôi, người miền Bắc, bị bắt ở Hà Nội. Dù sở liêm phóng điều tra, cho anh đi "máy bay", "tàu lặn", anh cũng không khai tổ chức ở Bắc. Anh có

tướng gầy gò, ốm yếu như người ghiền á phiện, thế mà về đất liền, vào thời gian đầu Nam bộ kháng chiến, Bùi Hữu Phiệt lập chi đội 8, là tay đánh du kích nổi tiếng. Đạo ấy, Trần Quốc Bửu, Trần Hữu Quyền, Nguyễn văn Tại và một số anh em quốc gia khác cũng ở chiến khu đánh nhau với Pháp, nhưng các anh này đã sớm biết dã tâm của Cộng sản không thực sự đoàn kết kháng chiến như bọn chúng hô hào, liền rời bỏ các chi đội 4 của Mười Trí, chi đội 25 của Tư Ty, chi đội 5 của Năm Đức... mà trốn về thành. Chỉ có Nguyễn văn Tươi, một tay cự phách kéo cây ở sở Ông Cầu, là chánh trị viên chi đội 25 tác chiến ở Thủ Thừa, cùng với một số anh em quốc gia khác còn tin tưởng vào thiện chí hợp tác của Việt Minh, ở lại khu để sau cùng bị giết hại cả! Anh Trần Quốc Bửu và Trần Hữu Quyền sau này thành lập Tổng liên đoàn Lao công Việt Nam mà anh Bửu làm chủ tịch, anh Quyền, một tay hùng biện, làm tổng thư ký. Nguyễn văn Tại, về sau tôi nghe báo hoạt động trong nhóm giáo sư Nguyễn văn Bông và Nguyễn Ngọc Huy. Anh Nguyễn Tấn Lợi, thường được gọi là Chín Lý vì anh nói thông thạo tiếng Quảng Đông như người Quảng chánh cống, mà Lợi gọi theo Quảng Đông là Lý. Anh thường tìm cách liên lạc với anh em, đến ê-kíp Mathior cho

chúng tôi mỗi người một chiếc bánh cam chiên bằng cơm nguội nhồi và nhun hạt mít tán để ăn bồi dưỡng. Chính anh, trong tù, đã kể cho tôi nghe chuyện anh học tiếng Quảng Đông với một hồn ma thiếu nữ người Trung Hoa mà sau này tôi viết thành tiểu thuyết *Con ma dễ yêu*. Anh cam đoan là chuyện thật mà tôi cũng tin thế. Ở trong tù, con người bị lột trần truồng, khó ai giấu ai hay dối ai một việc gì! Trong số 18 người bị sụp hầm có ông yết ma Thông là người tôi kính mến nhất. Ông là một tu sĩ Phật giáo, bị tù đày ra Côn đảo vì tội yêu nước. Làm ở một sở rất cực nhọc, song ông vẫn tu hành đúng chánh pháp và ăn chay trường. Sau này ở Sài Gòn, tôi có lên ngôi chùa ở Bà Hom thăm ông. Tuy đã 90 tuổi, xa nhau hơn 20 năm, ông vẫn tỏ mắt và nhớ dai, nhận ra tôi từ xa.

Chúng tôi đồng lòng tuyệt thực phản đối việc bị sụp hầm một cách vô cớ, đòi hỏi phải được ra làm việc ngoài chuồng cạp, hưởng chút ánh sáng và không khí. Trước sự tranh đấu quyết liệt của chúng tôi, tên xếp chánh Hilaire phải nhượng bộ. Hắn phát cho mỗi người một bộ quần áo cũ và cho ra ngồi xe sợi ngoài hiên. Một máy hai người, làm theo đúng giờ hành chánh. Nhà tù vừa có lợi, hắn lại không mang tiếng ác.

Sau đó khoảng nửa tháng, 18 người chúng tôi bỗng nhiên ai cũng bị đau bụng và đi tiêu chảy. Máy người già yếu nằm liệt chiếu. Không ai hiểu tại sao cả. Đến anh Kế, người đã ở 14 năm ngoài Côn đảo, cũng bị đau bụng dữ dội. Nhìn vào cơm toàn cát và mẻ tìn khô đầy xác ruồi, không ai dám ăn. Chừng gần tuần lễ, bọn chúng tôi tưởng nguy đến tánh mạng, chợt thấy bớt đau bụng và lần hồi bình phục. Mãi về sau chúng tôi mới biết thoát chết được là nhờ ông sãi cả người Miên, thường gọi là ông sãi Kèo Dù vì trước kia ông đi đâu cũng xách theo cây dù và đã dùng cây dù ấy đánh bọn cai trị Pháp. Ông cũng bị tù ở Côn đảo. Một đêm khuya, ông

đang tỉnh toạ, bỗng có một tên tù Miên đến lay phục trước mặt xin trình bày sự việc. Số là tên Miên ấy vẫn đem thức ăn và nước uống cho tội nhân bị giam trong chuồng cạp. Hắn để cơm, thức ăn nơi chỗ lộng gió, cát bay mù trời. Đến giờ cơm, xếp khám mở cửa sắt cho tội nhân bị cầm cổ ra bưng cơm và thức ăn vào. Tên Miên nọ không biết 18 người bị cầm cổ là ai, nhưng nó bị bọn tù Cộng sản xúi pha nước bẩn vào nước uống, bỏ cát, xác ruồi vào cơm và thức ăn. Nó làm như thế đã được bốn hôm, biết được trong số người bị đầu độc ấy đã có nhiều người nằm liệt. Lương tâm cắn rứt, nó phải đến hỏi ý ông Lục cụ xem có nên tiếp tục hay không. Lục cụ liền bảo: "Mấy người ấy bị Pháp bắt tù vì tranh đấu cho nước họ được độc lập, dân họ được tự do, như tao vậy. Mày giết họ tức là mày giết tao, mày hiểu không?" Lúc ấy ngồi kế bên Lục cụ là anh Pát Choun, một nhà ái quốc Miên. Anh cũng bảo: "Mày không được nghe lời xúi giục của bọn Cộng sản ác

độc mà hại người tốt. Bọn Cộng sản ở tù mà không biết thương tù, mượn ba-trắc và gót giày của bọn *gardien* để hành hạ người tù nào không theo chúng. Như vậy là xấu lắm. Mày không nên tiếp tay chúng". Anh Pát Choun, sau về Cao Miên là tướng của Khmer Issarak, chiếm đóng tỉnh Siem-rệp. Anh không tán thành việc thái tử Sihanouk có lập trường thân với Cộng sản Bắc Việt nên bị giết hại.

Sau khi hết đầu, chúng tôi lại ngày ngày ra xe sợi bên hiên khám giam. Hơn tháng sau, bỗng nhiên một sáng nọ xếp khám không mở cửa cho ra ngoài. Chờ đến gần 1 giờ trưa, cửa chỉ hé ra để xếp khám bỏ vôi rá cơm vào thôi. Như thế phải có một cái gì lớn lao xảy ra bên ngoài mới thay đổi được guồng máy điều hoà và trơn tru của nhà tù. Chúng tôi bàn tán với nhau cách tường, lập ra rất nhiều giả thuyết và nhen nhúm trong lòng bao nhiêu hy vọng. Luôn hai ngày bị tù cấm, đến ngày thứ ba chúng tôi lại bị dồn vào một phòng. Anh Trần Quốc Bửu



hỏi các ông Sửu, Quế: “Các ông có nhận thấy gì lạ không? Tên xếp khám mấy hôm rày không mang súng và mặt trông buồn bã thế nào ấy!” Cai tù không đời nào không mang súng bên mình. Chúng không mang tức là đã bị tước đoạt. Ai có thể tước súng chúng? Chỉ có Nhựt mà thôi. Như thế thì Nhựt đã đảo chánh rồi chẳng? Nhưng Nhựt đảo chánh sao vẫn dùng bọn xếp Tây và thầy chú cai trị như thường? Sự thay đổi chúng tôi chờ mong bấy lâu nay chẳng nghĩa lý gì ư?

Đến gần trưa hôm ấy, ngoài hiên có tiếng giày đi và tiếng nói chuyện vắng vắng. Anh giáo Thảo vội bảo nhỏ: “Các ông có nghe rõ không? Không phải tiếng ta, không phải tiếng Tây, không phải tiếng Chà! Dường như là tiếng Nhựt!” Tiếng nói nghe rất xa, nhưng nơi chuông cộp xưa nay đâu ai có quyền nói chuyện lẻo nhẹo thế! Chúng tôi đánh liều la ầm lên, đòi tự do. Mãi 15 phút sau cửa khám mới mở ra. Bên ngoài, trừ bọn xếp khám, còn lỗ nhổ năm, ba mũ lưỡi trai, mắt kiếng trắng, quần phục xanh màu cắt ngựa, gươm dài lòng thông, giày boots cao bóng loáng. Đó là những sĩ quan Nhựt, có lẽ họ đi khám xét coi trong *bagne* có chứa súng ống gì chẳng! Họ hỏi chúng tôi bằng tiếng Nhựt, không ai biết Nhựt ngữ để trả lời. Tên xếp khám, Chà đen Obénan, ra bộ bảo đấy là bọn điên nguy hiểm, cần phải nhốt. Nhưng ông Tú Oanh vội ngồi xuống nền xi-măng, dùng cục gạch viết những hàng Hán tự, ngụ ý rằng chúng tôi bị cầm cố vô cớ, xin được trả tự do, trở về sở cũ. Các sĩ quan Nhựt đọc hiểu, ra lệnh cho xếp khám phải trả chúng tôi về sở cũ. Chừng ấy chúng tôi mới biết chắc là Nhựt đã đảo chánh ở Côn-nôn.

Tôi không được trở về phòng bằng xi-vin mà phải nhập vào toán đi làm rừng. Nhưng cai tù mất súng, chỉ dẫn tù đến nơi làm việc rồi thả lỏng cho muốn làm gì thì làm. Chúng tôi càn rừng, chặt lấy củ hủ đuông đĩnh để ăn, hoặc sống hoặc nướng. Chúng tôi tranh đấu cho tù

chánh trị các đảng phái quốc gia được ra *bagne* 4 vẫn bỏ trống để ở. Tù khắp đảo chỉ làm việc tám tiếng theo luật lao động. Khẩu phần hàng ngày đủ no bụng. Bệnh hoạn được đi nhà thương ngay và phải được điều trị hẳn hoi. Các tù ở những sở nguy hiểm như sở đồn củi, sở kéo cây phải được giảm phần việc cực nhọc, hiểm nguy... Những yêu sách đòi hỏi cải tổ chế độ nhà tù ấy đều được chấp thuận, sau một cuộc tranh đấu gay go khắp đảo.

Mãi đến tháng tám năm ấy, một chiếc tàu binh Nhựt chở bác sĩ Trần Tấn Phát, đại diện chánh phủ Trần Trọng Kim ra Côn đảo, làm lễ độc lập, treo cờ quẻ Ly và đọc lệnh phóng thích 123 chính trị phạm quốc gia, trong số đó có chúng tôi. Được trả tự do nhưng chưa được về đất liền, phải chờ tàu to hơn ra rước. Chúng tôi trở thành thương dân, được lãnh gạo, rau cải, thịt cá theo tiêu chuẩn thầy chú.

Đến ngày 25.8.1945, có chiếc tàu binh Nhựt đi ngang Côn đảo, được chánh phủ Trần Trọng Kim nhờ rước 123 chính trị phạm đã được phóng thích về Sài gòn. Chúng tôi về bến tàu ngay ngày Việt Minh cướp chánh quyền. Anh em bù ngùi từ biệt nhau, ai về quê nấy để tham gia kháng chiến chống Pháp đã dự bị tái chiếm Đông Dương. Anh Đào Duy Phiên về Bắc trên chuyến tàu xuyên Việt cuối cùng. Không biết ở đất Bắc anh có bị Cộng sản ám hại như ở Côn đảo anh đã từng bị người em ruột ám hại chung với chúng tôi? Ông Võ Oanh, tú tài Hán học, dường như người Nghệ An, không trở về Bắc vì khi ông bị bắt, gia đình ông đã tan nát. Về sau ông vừa trốn lánh Tây vừa lén lút viết báo kiểm án. Có đạo quân Pháp lùng sục, nếu gặp tù Côn đảo ở đâu là bắn liền tại chỗ. Những cựu tù chánh trị quốc gia Côn đảo gặp phải cảnh khốn đốn vô cùng. Ở trong bưng thì bị Cộng sản ám hại hay bắn vết ót; trốn lánh về thành lại bị Pháp bắn, bị bao bố nhận mặt! Trông thấy con chó chạy rong ngoài đường, ước chi mình

được phân thông dong đó!

Miền Nam sau 1946 đã có nhiều chánh phủ quốc gia nối tiếp nhau thành lập. Bi thảm thay, chưa một chánh phủ nào nghĩ đến việc đùm bọc và bảo vệ cho các chiến sĩ quốc gia, nhứt là những người ở Côn đảo về, khiến một Bùi Ái Quốc bị Pháp bắn chết ở Bà Rịa, một Võ Oanh, một Trịnh Lương phải bị tù đầy lần thứ nhì nơi Côn đảo... kẻ đã bỏ xác ngoài đảo, người bị Cộng sản buộc phải nhập bè để lợi dụng... và còn biết bao nạn nhân khác!

Cuối năm 1945, tôi về tỉnh Rạch Giá, vận động một đoàn ghe chài tình nguyện ra Côn-nôn để rước các tù chính trị còn kẹt ngoài đảo. Chuẩn bị xong cả, chỉ chờ giấy phép của Ủy ban Kháng chiến. Gã chủ tịch rất hoan nghinh sáng kiến, hẹn ngày mai sẽ cấp giấy. Qua hôm sau tôi đến, gã giả vờ kinh ngạc bảo rằng đã quên báo cho tôi biết là có người của phe Cộng sản tổ chức việc ấy xong rồi, khỏi nhọc công tôi lo đến. Điều ân hận nhứt của tôi là không trở lại được Côn đảo để thực hiện lời khấn trước mộ ông Nguyễn An Ninh năm xưa!

Đối với tôi, Côn đảo có nhiều phần thiêng liêng còn ở mãi trong tâm hồn tôi. Non xanh nước biếc còn kia! Hận của bao nhiêu người thất cuộc cũng còn kia! Chúng ta đã làm gì được cho họ? Và ác độc, dã man nhứt là những tên cựu tù Cộng sản. Tại Hà Nội, lăm tên đã ở Côn đảo hay Lao Bảo, đã từng chửi chế độ lao tù độc ác của thực dân Pháp, thế nhưng khi chúng nắm chánh quyền trong tay, chúng lại thực dân hơn cả thực dân cũ, lập thêm khắp nước những nhà tù, hành hạ tù nhân tàn khốc, ác độc hơn!

Tôi xin kết thúc thiên hồi ký ngắn này bằng bốn câu thơ của nhà chí sĩ lão thành Trần văn Ân, cũng vì tranh đấu mà đã nhiều lần vào tù ra khám và đã có ở tù Côn đảo:

Già héo phơi thây trên sạp đá
Bàng tươi rũ lá trước hiên sân
Nhìn trời muốn gởi làm mây nổi
Uất khí trong lòng nặng tấm thân. □

CHÂN QUANG

Tự Tình

(phóng-tác)



(tiếp theo)

Chương II: NHẬT NGUYỆT TIẾNG MUỐI ĐÊM HÈ

Mỗi ngày theo thông lệ, điểm tâm xong, Hoà Giả Đạo Uẩn thường ra đại sảnh hỏi han mọi việc xảy ra trong lãnh địa, duyệt phê những tờ trình của thuộc cấp rồi vào thư phòng đọc sách hoặc cùng với các tham vấn luận bàn về tư tưởng của Nho gia; buổi chiều tập luyện ở thao trường; đến tối rảnh

rỗi, đàm luận võ nghệ với các thuộc cấp thân cận cùng trang lứa.

Đạo Uẩn còn trẻ, tính tình khoáng đạt, nên trong những cuộc mạn đàm như vậy, không khí bên khay trà hay chiếu rượu thường cởi mở, tự nhiên. Ông mặc áo mỏng bằng vải gai, hàn huyền cùng thuộc cấp thật thoải mái.

— Đây Hồ Kiện Bình, nghe nói người giỏi về môn trường thương, không mấy ai địch nổi, đúng chẳng?

— Bẩm, quả vậy!

Thấy lời đáp ra vẻ đắc ý, không tỏ chút khiêm nhường nào, Đạo Uẩn mỉm cười:

— Người tự tin lắm nhỉ!

— Bẩm thiếu gia, cho đến nay chưa ai qua mặt được tiểu nhân thì hà tất phải chối cãi làm gì?

Đạo Uẩn gật đầu:

— Ừ phải, để đấy. Có ngày ta sẽ thử tài người cho biết.

— Xin đa tạ. Tiểu nhân mong ngày ấy sớm đến.

— Nếu ngày ấy không đến thì may cho người lắm đấy!

Mọi người ha hả cười. Hồ Kiện Bình lại nói:

— Thiếu gia chắc đã nghe câu đồng dao trẻ con hát ngoài phố?

— Chưa, câu gì thế?

— Câu hát ngụ ý ca tụng tiểu nhân.

— Vậy hả? Đọc ta nghe thử.

— *Sử thương nhiều kẻ*

Năng luyện ắt tinh

Vạn người khôn địch

Thương Hồ Kiện Bình.

Nghe đọc vừa dứt, Đạo Uẩn đập tay vào đùi cười sảng sặc:

— Hay lắm! Khéo lắm! Nhưng ai đã sửa câu ấy thế?

— Sửa? Bẩm có ai sửa đâu? Câu ấy do người nhà tiểu nhân nghe được rồi về thuật lại đấy chứ!

Đạo Uẩn vẫn không nín được cười. Lát sau mới lập nghiêm, bảo thuộc hạ:

— Câu này trong một truyện về đời Hậu Hán, dân gian đặt ra để ca ngợi Hàn Lý Thanh, một võ tướng vô địch trường thương đương thời chứ đâu phải tên người.

— Vậy tiểu nhân không rõ, xin thiếu gia tha tội.

— Ta cũng đoán không phải chính người sửa mà là một kẻ nào đó đặt ra để phỉnh người mà thôi. Nhưng nên thận trọng, tự tin là một đức tính, nhưng tự mãn thì không.

Đoạn quay nhìn xung quanh, Đạo Uẩn hỏi:

— Trong các bằng hữu đây, có bao nhiêu người chuyên về trường thương, bao nhiêu người chuyên về kiếm thuật?

Bảy người thì năm người cúi đầu

đáp sở trường về thương pháp, chỉ có hai chuyên về kiếm thuật.

— Trường thương lợi gì mà nhiều người học thế?

— Thưa đó là võ khí có nhiều ưu điểm lúc lâm trận. Nó dài nên chiếm lợi thế hơn kiếm, miễn dùng dài quá khó sử dụng. Thương dùng đâm, chém, đỡ, gạt được cả. Khi chẳng may thất bại, có thể bỏ thương dùng kiếm, còn nếu chỉ dùng kiếm, không may kiếm gãy, sinh mạng coi như để đầu đẳng. Như vậy, kiếm bổ túc cho thương...

— Không hẳn thế! Một kiếm sĩ vội vàng lên tiếng phản đối — Sự nghiệp của chúng ta không phải chỉ giới hạn trong những trận chiến ở sa trường. Huống chi kiếm là linh hồn của kiếm sĩ. Kiếm học giúp ta giữ tâm đoan chính trong khi đi tìm tinh hoa của kỹ thuật, và đó mới là căn bản của mọi sự học tập. Nếu giữ được cái tâm cho ngay thì với võ khí gì, dù cả với hoả khí nữa, ta cũng không phạm vào những lỗi lầm ngu xuẩn và vô luân. Cho nên kiếm đạo có những áp dụng rất phổ quát...

Đạo Uẩn cắt ngang:

— Quan niệm này ta đã nghe ở đâu rồi.

— Thưa đó là quan niệm của tiểu nhân và cũng có thể tất cả những ai lưu tâm đến kiếm đạo.

— Như những ai?

— Như Cổ Huy Đạo tiên sinh và một danh kiếm đương thời tên Cát Xuyên Mộc. Cả hai đều khẳng định như vậy.

Nhắc đến tên Cát Xuyên Mộc, Đạo Uẩn mới sực nhớ ra chưa quyết định dứt khoát có nên gọi hần vào để thử tài không. Mặc dầu đã được Điền Xán Quang đề bạt qua trung gian của Cao Mục Lân, Đạo Uẩn thực ra vẫn chưa rõ sở học cùng tài năng Cát Xuyên Mộc. Với tuổi ấy, xét lương bổng chỉ cần hơn ngàn gia lúa mỗi năm cũng đủ. Nhưng vấn đề không phải ở đây. Vấn đề, như lời thân phụ Đạo Uẩn đã nói, chính là xét người kỹ trước khi dùng và khi đã dùng rồi thì đãi ngộ trọng hậu. Xét người kỹ không

những về tài năng mà còn cả về khuynh hướng đạo đức nữa. Nếu họ không hoà đồng được với chính sách chung của tộc đảng thì cũng vô ích. Ông đã nói: “Lãnh địa này ví như một toà lâu đài được xây cất bởi nhiều phiến đá. Nếu phiến đá nào không đẽo gọt được để có thể cùng ghép chung vào các phiến đá khác, tạo nên bức tường thành vững chắc chống đỡ cho lâu đài khỏi đổ, thì phiến đá ấy dù có tốt đẹp hay to lớn đến đâu cũng bằng vô dụng. Ở trên núi, ở đồng hoang, thiếu gì những phiến đá như thế bị bỏ lại”. Xét khía cạnh này, Cát Xuyên Mộc có một ưu điểm. Gã còn trẻ, có thể đẽo gọt để trở thành phiến đá tốt chống đỡ lâu đài họ Hoà Giả. Đạo Uẩn lại nghĩ đến kẻ kia, người kiếm sĩ tên Thạch Điền Đạt Lang đã không may để vượt mất. Nếu những điều Điền tham vấn nói là đúng thì kiếm sĩ ấy quả là người dùng được. Tiếc thay! Chẳng biết bây giờ hần lưu lạc phương nào? Nhưng thật khó mà đánh giá. Tài năng cả hai chỉ căn cứ vào những lời đồn đại, có gì chính xác đâu. Xét gia thế, Cát Xuyên Mộc được hai lợi điểm: hần sinh trưởng tại Suo, lại là môn đệ của Nhiễm Chúc, một danh kiếm mà tài năng ai cũng phải kính phục, tất nhiên sở học vững vàng hơn Thạch Điền Đạt Lang, xuất thân từ một gia đình kiếm sĩ tâm thương ở thôn Mimasaka cô lậu và không có căn bản vững chắc về kiếm học.

Bèn quay sang tả hữu, hỏi:

— Các người có ai biết Thạch Điền Đạt Lang không?

— Phải chăng thiếu gia muốn nói đến Thạch Điền Đạt Lang ở Miyamoto, đất Harina? Một kiếm sĩ giang hồ cách đây non bốn năm đã giao tranh với Hoa Sơn phái?

— Ta không rõ lắm nhưng đại cương hình như thế.

Mọi người nhìn nhau không hiểu rõ ý chủ soái nên ngần ngại chưa đáp.

— Có chuyện gì? Các người định giấu ta chăng?

— Xin tha lỗi. Về Thạch Điền

Đạt Lang, bọn tiểu nhân nhận được nhiều tin tức trái ngược, nhưng tựu trung chẳng ai biết diện mạo hần ra sao mà tin tức cũng không có gì làm bằng chứng nên chưa dám mạo muội.

— Thì ta cũng thế. Nghe nói hần là một kiếm sĩ dũng mãnh, lại có lòng cứu khốn phò nguy, giúp dân khai hoang nên được miễn chuộng lắm phải không?

— Chuyện đó thì bọn tiểu nhân không biết, nhưng hình như hần là người rất tàn ác. Khi còn ở Miyamoto, nơi sinh quán, hần giết người không gớm tay. Lúc giao tranh với Hoa Sơn phái, hần đã nhả tâm chặt đầu cả một đứa trẻ mới 12 tuổi.

Đạo Uẩn chau mày:

— Thật thế ư?

— Và ngay bây giờ đây, ở Tân đô này, cũng có yết thị gọi đích danh hần ra đối chất với một lão phụ cùng làng về một chuyện điểm nhục gì đó, hình như cướp đoạt vị hôn thê của con trai bà và phá hoại danh dự gia tộc bà thì phải.

— Bảng yết đã lâu chưa?

— Bảm cũng mới vài tháng.

— Thế hần có ra mặt không?

— Không! Không thấy động tĩnh gì. Có thể hần không biết và cũng có thể hần trốn luôn. Người ta nói trong những trường hợp kém thế, hần thường lui mất. Đã mấy lần xảy ra như vậy, nhất là trong lần giao tranh với Hoa Sơn, sau cùng hần cũng bỏ chạy, ẩn trốn trên núi mãi về sau mới lộ diện.

Hoà Giả Đạo Uẩn nét mặt đăm chiêu. Những tin tức ông vừa được thuộc hạ cho biết thật khác xa với những tin tức của Điền Xán Quang thuật lại về vị anh hùng khẩn hoang mà nông dân vùng Hotengahara hàng ngày thờ phụng. Hình ảnh người kiếm sĩ ông ngưỡng mộ mờ dần, thay vào đó là mối nghi hoặc mỗi lúc một lớn. Hoà Giả Đạo Uẩn cáo mệt đứng lên lui vào hậu thất. Là người không chịu chấp nhận những điều chưa rõ rệt, Đạo Uẩn tự nhủ “Con người đó có thể là một kỳ nhân. Ta sẽ tìm hiểu hần kỹ

non”.

Hôm sau, ở thư phòng ra, gặp Điền Xán Quang, Đạo Uẩn không ngần ngại kể lại những tin tức mới biết và yêu cầu ông đặc biệt lưu tâm, nếu có gặp Thạch Đạt Lang thì tìm cách dẫn hắn vào dinh ngay. “Văn sinh muốn biết mặt hắn thế nào và nói chuyện với hắn một lúc”.

Đến chiều, ở thao trường, Cao Mục Lân lại nhắc tới Cát Xuyên Mộc. Đặt mũi tên trên dây cung, Đạo Uẩn nói:

— Ờ, ta quên khuấy đi mất. Cứ dẫn hắn lại đây, lúc nào cũng được. Còn chuyện thu nạp hay không thì sau sẽ xét.

*
* *

Ngồi trong phòng riêng nhà Cao

tổng biệt hành

Đưa người, ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dừng dừng...

- Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ,
Chí lớn chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong

Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót

Ta biết người buồn sáng hôm nay
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...

Người đi? Ừ nhỉ! Người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu cay

Mây thu đầu núi, gió lên trăng
Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thắm
Ly khách ven trời nghe muốn khóc
Tiếng đời xô động, tiếng hồn câm...

thâm tâm

(1917-1950)

Mục Lân, Cát Xuyên Mộc rút “cây sào phơi” ra ngắm nghía. Suy đi tính lại, hắn đổi ý không muốn sửa thanh kiếm ấy nữa. Nó tuy dài quá thật, nhưng dùng đã quen, đối với người khác có lẽ gặp khó khăn nhưng trong tay hắn lại là một vũ khí cực kỳ lợi hại. Nên hắn đã sai người đến xưởng mài kiếm lấy về.

Dĩ nhiên kiếm vẫn còn nguyên

hình cũ, nhưng rút ra khỏi bao mới thấy khác rõ rệt. Từ màu xanh đen, lưỡi kiếm bây giờ sáng loáng, nhuễn, mịn như gương. Các đốm nhỏ rỉ sét bằng mũi kim đã biến đi hết và hình vẽ sóng gợn dọc theo chiều dài lưỡi kiếm hiện lên, rõ nét như cắt. Ánh thép bóng ngời tỏa hào quang, tưởng như mang theo trong lòng nó bao chiến công hiển

bài hát tiễn người lúc ra đi

Cổ phong, lục bát thay lời
trò chơi Võ Phiến, cuộc đời Thâm Tâm.

Đưa người không đưa sang sông
mà sao tiếng sóng trong lòng âm vang
Bóng chiều không thấm, không vàng
sao trong mắt lại đầy hoàng hôn trong
Đưa người, nào chỉ đưa không
một xa nhà, một dừng dừng, nghe đường...
Người đi... Ồi, nhỏ con đường!
về đâu chí lớn vẫn thường tay không?
Nói lời trở lại bằng không
ba năm mẹ cũng đừng mong con về
Người buồn hôm trước chiều tê
giờ sen nở nốt mùa hè hết sen
Hai chị cũng như hoa sen
khuyên em nốt lệ giòng êm sót lòng
Sáng nay người buồn, ta trông
mùa thu chưa đến, tươi hồng lắm thay
Em thơ mắt biếc thơ ngây
tròn thương gói chiếc khăn tay, tiếc đây
Người đi? Ừ nhỉ, thực! Hay:
mẹ thà như chiếc lá bay cuối trời
Chị thà như hạt bụi rơi
Em thà như rượu ngắt hơi say mù?
Gió trắng đầu núi mây thu
Chiều nao thắm đổ bóng lu, lạnh rời
Người xa muốn khóc ven trời
hồn câm... nghe động tiếng đời giạt xô.

nguyễn hữu nhật

(lỗ bịch tặng Võ Phiến)*

* ...Chỉ nhờ bạn dịch hộ ra thơ lục bát thôi... Nhưng
tôi cảm bạn biểu diễn thành một màn lỗ bịch quanh bài
thơ danh tiếng một thời.

Võ Phiến

(Làng Văn. Xuân Tân Mùi 91)

hách của hàng thế kỷ trước. Toàn bộ lưới kiếm rực rỡ tựa tia nắng mai khiến Cát Xuyên Mộc không khỏi thốt lên một tiếng “Ồ” ngạc nhiên thích thú. Càng nhìn lâu, hẳn càng đặc ý.

“Ta có cảm tưởng như mới được trông thấy nó lần đầu. Khác trước quá!” Hắn đứng lên múa thử vài chiêu. Không! Vẫn là lưới kiếm đó. Sự khác lạ có chăng chỉ ở bên ngoài, và lần này xoay trở thành kiếm trong lòng bàn tay, hẳn lại có cảm tưởng như vừa được hội ngộ với cố nhân, vừa được nắm một bàn tay quen thuộc.

Tra kiếm vào bao, nghe tiếng “cắc” khô và gọn, Cát Xuyên Mộc gật gù: “Được lắm!”, rồi vồ nhẹ vào bao kiếm, hẳn thấy dậy lên trong lòng một niềm tin tưởng vô biên vào người bạn chí thân ấy.

Mải thử kiếm, Cát Xuyên Mộc không để ý và cũng không ngờ có một bóng người đứng ở cổng từ bao giờ nhìn hẳn qua khung cửa sổ mở.

— Cát Xuyên Mộc!

— Ô, Hồ Diệu lão bá! Đến từ bao giờ, sao không lên tiếng?

Tiếng cười khe khẽ qua cái miệng móm:

— Đến từ lâu. Đại hiệp luyện võ chẳng?

— Không, vẫn bồi thử kiếm. Thanh kiếm mới đưa người ta sửa lại. Mời lão bá vào trong này.

Nhà Cao Mục Lân ở trên cao, tại một nơi được gọi là đồi Lãm Nguyệt, nhờ cảnh trí khoáng khoáng, từ lưng chừng đồi đã có thể ngắm trăng một cách dễ dàng ngay từ khi trăng mới tỏ. Phòng Cát Xuyên Mộc ở trông ra vịnh đằng xa. Những đêm trăng sáng, mây với nước cùng màu, mặt biển đắm ánh trăng lung linh mờ ảo không phân biệt được đâu là trời đâu là nước, đẹp lạ lùng. Nhưng Cát Xuyên Mộc không bao giờ để ý.

Bà Hồ Diệu rửa chân xong, bước vào nhà, ngó quanh quẩn:

— Chà! Đại hiệp có căn phòng mát mẻ quá! Không sợ đầm lười ra ư?

Cát Xuyên Mộc mỉm cười cái chính:

— Nhà này của Cao Mục Lân, vẫn bồi chỉ ở nhờ. Vả chăng vẫn bồi đâu phải là Mãn Hà Chí!

Bà Hồ Diệu không nhận ra lời nói chọc, hay có nhận ra cũng vờ như không biết. Bà cúi tìm trong thất lưng một mảnh giấy đưa cho Cát Xuyên Mộc rồi nói:

— Chả có gì làm quà, có bài kệ hiểu tử để đại hiệp đọc những lúc nhàn rỗi. Ta chép một ngàn bài cơ đấy!

— Một ngàn bài! Nhiều thế?

Cát Xuyên Mộc cầm tờ giấy liếc qua đoạn đầu:

Trên mọi nẻo đường đời

Vạn sự do nhân duyên

Nhân chính là hạt giống

Duyên xúc tác môi sinh

Nhìn vào thân chúng ta

Duyên chính là cha mẹ

Khổ nhọc thuở sinh ra

Dưỡng nuôi từ tấm bé.

....

Hắn đặt tờ giấy xuống:

— Hay lắm, cảm ơn lão bá, để rồi văn sinh sẽ xem sau.

— Quạ còn biết tha mồi mớm cho mẹ, vượn biết săn sóc cha già, con người mà không có lòng hiếu thì thua cả loài cầm thú. Ta thấy bây giờ lòng người đen bạc, tình cha con, nghĩa vợ chồng hồng cả, nên bỏ công chép bài kệ này phổ biến. Đại hiệp thấy ai muốn có kệ tụng thì cho ta biết, ta mang đến.

Cát Xuyên Mộc quay đi dấu nụ cười thầm và hỏi sang chuyện khác:

— Tấm giấy cáo thị văn sinh viết cho lão bá, lão bá đã cho người đem dán khắp nơi chưa?

— Lâu rồi, nhưng chẳng thấy kết quả gì. Nó vẫn trốn chui trốn nhủi ở đâu chứ có ra mặt đâu.

Đoạn hạ thấp giọng:

— Nay, khi đến đây, ta thấy có một người khả nghi lắm. Gã cũng mặc rách rưới kiểu kiếm sĩ lang bạt như thằng Thạch Đạt Lang, nhưng không phải nó. Thấy ta, gã nhìn một lúc rồi lủi vào bờ giậu mất.

Cát Xuyên Mộc nhú mày:

— Ai vậy kia?

— Gã này đã đứng tuổi. Đại hiệp nên cẩn thận.

Cát Xuyên Mộc gật đầu cảm ơn, gọi người nhà mang dưa ra đãi khách. Cả hai vừa ăn dưa vừa chuyện vãn. Bà Hồ Diệu than thở đã lâu lắm, có đến mấy năm nay chẳng gặp mặt con, tuổi già càng ngày càng yếu nên mọi việc đều trông cậy cả vào Cát Xuyên Mộc chứ chẳng mong gì ở thằng Mãn Hà Chí. Bà vừa nói vừa khóc.

Chán ngấy vì đã nghe chuyện gia đình bà nhiều lần, lại không hiểu kẻ nào theo dõi mình nên trong lòng bần khoản, Cát Xuyên Mộc chỉ đưa đà cho có lệ. Câu chuyện trở thành nhạt nhẽo. Ngoài kia trăng đã lên, lấp ló ngọn cây. Thấy không tiện ngồi thêm, bà Hồ Diệu đứng dậy cáo biệt.

Tiền khách ra cổng xong trở vào, Cát Xuyên Mộc khoanh tay gối đầu nằm ngửa trên chiếu, mắt xa vắng. Đèn chưa tắt, muỗi bay vo ve hẳn cũng mặc kệ. Qua khung cửa sổ mở, ánh trăng chênh chếch chiếu vào in bóng những ngọn cây rung động lên vách.

Chiều xuống đã lâu mà Cao Mục Lân chưa về. “Chắc đêm nay hẳn phải ở lại trong dinh”, Cát Xuyên Mộc nghĩ thầm rồi dần dần thiếp đi trong tiếng muỗi cùng những tiếng côn trùng ri rỉ quanh hè.

Dưới chân đồi, một bóng đen vừa nhảy qua hàng giậu. Đêm khuya, trăng lơ lửng giữa trời, vắng vặc. Lẩn trong những lùm cây thấp, bóng đen phủ phục, chờ đợi. Rồi như một con ếch, gã bò vào, nhích từng bước, từng bước, sau mỗi bước lại dừng lại nghe ngóng.

Cát Xuyên Mộc vẫn ngủ say, tiếng ngáy đều đều khiến bóng đen vững dạ. Gã đưa lưới kiếm luồn qua khe cửa, nhẹ nhàng đẩy sang bên. Khung cửa lùa mở hé, êm như ru, bóng đen bò vào, mắt hút trong căn phòng tối.

Tiếng ngáy thưa dần, có tiếng sột soạt của người vừa trở mình. Bên ngoài, ánh trăng vẫn chan hoà đổ trên những lá trà đen cứng như phủ

lên đó một lớp bạc lông.

Yên lặng kéo dài chẳng biết bao lâu, một khắc hay mười khắc? Ý niệm về thời gian mất hết. Chợt tiếng thét như xé toang màn đêm yên tĩnh và sau đó là tiếng mũi kiếm cắm phập xuống chiếu ngay chính giữa chỗ Cát Xuyên Mộc nằm. Một bóng người vọt ra ngoài cửa sổ. Tiếp liền đó, Cát Xuyên Mộc, tay trái còn giữ bao kiếm, tay phải trở mũi "cây sào phơi" vào cổ họng bóng đen đứng thờ hồn hển:

— Người là ai?

Giọng Cát Xuyên Mộc hết sức bình tĩnh. Như bức tượng đá, hần không tỏ vẻ gì ngại ngủ hoặc bị kích động sau cuộc tập kích. Bóng đen vẫn đứng yên không đáp.

— Nói ngay! Người là ai? Tên gì?

— Ta thất bại thì người giết ta đi, cần gì hỏi danh tính. Nhưng báo cho người biết phái Hồ Phong sẽ

không để người yên!

Cát Xuyên Mộc cười nhạt. Thì ra tên này thuộc phái Hồ Phong đến để trả thù cho đồng bọn bị hần giết tại bờ sông Sumida đây! Một cái xoay tay nhẹ. Lưỡi kiếm loáng lên như lún chớp dưới ánh trăng. Tiếng rú tắc nghẹn trong cổ họng và một thân người đổ xuống trước nụ cười thỏa mãn chưa tắt của Cát Xuyên Mộc.

CHIM BẰNG KHOE VUỐT

Hôm sau trên đường từ dinh Hoà Giả về tư thất, Cao Mục Lân dừng lại dưới chân đồi, giao ngựa cho vợ chồng người mã phu già trông giữ. Vợ chồng nhà này không con, ngụ tại căn lều gỗ, sinh nhai bằng nghề cho thuê chuồng ngựa và săn sóc những con ngựa được người thuê gửi ở đấy.

Vừa bước vào cổng, Cao Mục

Lân đã được lão mã phu lật đặt ra đón, ghé tai nói nhỏ:

— Tôn khách biết chuyện chưa? Tối qua lại có vụ giết người, xác còn nằm ở chân đồi đó!

— Lại trộm chứ gì! Đạo này trộm cướp ở Tân đô, chẳng ngày nào mà không có.

— Không biết có phải không, nhưng cú thế này lão cũng ngại lắm, chả biết có bảo toàn được ngựa cho quý khách không!

Cao Mục Lân trấn an:

— Không sao đâu, lão đừng lo! Nếu xảy chuyện gì, cứ chạy lên nhà ta, báo cho Cát Xuyên hiệp sĩ biết. Ông ấy ở không có đến cả năm nay rồi, chân tay ngứa ngáy cứ than thở chẳng có việc gì làm.

— Cát Xuyên hiệp sĩ phải chăng là Cát Xuyên Mộc?

— Chính thị. Sao lão biết?

— Ai chứ Cát Xuyên Mộc thì

bâng khuâng ngày mới

Tôi đến đây, trời sắp vào xuân
Những lá vàng thưa đã rụng dần
Để thấy trên cành trơ, nụ chớm
Nhú mầm nẩy lộc búp non xanh

Bầy sẻ quen người ríu rít ca
Con chim sáo sậu cũng ôn hoà
Vào trong hiên cửa nhìn âu yếm
Một khách đường xa chưa nhận ra.

Tôi đến đây khác hẳn phương trời
Mới vừa tay vẫy, khuất mây trôi
Một phương quê cũ buồn vui lẫn
Nước mắt vòng quanh tiếng nói cười.

Tôi đến đây xa nẻo thâm tình
Xa niềm thống khổ nỗi điều linh
Xa em xa chị niềm xa xứ
Xa một trời thương nỗi chiến chinh

Xa được ngày đêm những xốn xang
Xa rồi ngàn tính vạn lo toan
Bao nhiêu khắc khoải âm thầm đến
Lặng lẽ đi trong cuộc héo mòn.

Tôi đến đây, lạ cảnh lạ người
Xóm giềng bốn phía lạ tâm hơi
Vắng vắng gieo vên tìm chưa thấy
Chỉ thấy dòng xe đuôi nổi đuôi

Chẳng rõ nơi đây có hẹp hòi
Như lời thiên hạ tiếng đầy vơi
Chỉ nghe ngày tháng xuân vừa mở
Trên khắp cành đang nhú lộc đời

Chắc hẳn vừa qua những đoạn trường
Những niềm u uẩn tự quê hương
Nên trong phơi phơi khung trời lạ
Chợt thấy hồn dâng những dị thường

Phổi hít từng hơi thở tự do
Máu trong tim đổi tự bao giờ
Mà nghe huyết quản nồng hương phấn
Vừa kịp mùa xuân nhập hội thơ

Tôi đến đây vừa tiết tháng ba
Bên đồi xanh cỏ ửng trăm hoa
Như con chim nhỏ ra lồng hẹp
Cuộc sống trào dâng tiếng hát ca.

Ôi cuộc mười lăm năm biến dâu
Đã tan xiêm áo nát công hầu
Thì thôi xin mãi niềm thanh thoát
Thơ với em và ta có nhau.

duy năng



giới giang hồ lạ gì. Người ta bảo ông ra chiêu xuất quỷ nhập thần. Nhưng chẳng biết có chịu giúp cho những kẻ như nô tài này không?

Lời ca tụng của người mã phu già khiến Cao Mục Lân rất vừa ý. Ai cũng biết một trong những bốn phận của thuộc hạ ở dinh Hoà Giả là phải tìm kiếm và đề bạt những kẻ có tài, nhất là về võ học. Cát Xuyên Mộc, người được Cao Mục Lân bảo trợ, không những còn trẻ, lại quả có tài. Nếu hắn được kết nạp, chức vụ hiện nay của Cao Mục Lân không những coi như vững chắc mà còn hy vọng thăng tiến nữa. Tuy thế, không bao giờ Cao Mục Lân tỏ ra vì lợi riêng mà vận động cho Cát Xuyên Mộc. Lúc nào hắn cũng nói chỉ vì mong muốn lãnh địa Hoà Giả được hưng thịnh và trường tồn mà tha thiết lo tròn bốn phận ấy. Cho nên, nếu Cát Xuyên Mộc được mọi người biết đến thì chính là một điều tốt, góp phần vào việc nâng cao giá trị của hắn.

Cao Mục Lân bước vào nhà. Thấy Cát Xuyên Mộc đang ngồi uống trà, hắn cười hớn hở, chào hỏi xong báo có tin vui, nhưng lại vội vào phòng tắm rửa mặt thay áo đã rồi mới trở ra.

Gọi gia nhân, không ai đáp. Hỏi thì Cát Xuyên Mộc nói:

— Hôm qua, vì không có việc gì, thằng bộc xin về thăm mẹ, tại hạ đã cho nó nghỉ. Quái lạ, sao bây giờ vẫn chưa trở lại.

Vì có họ xa với vợ Cao Mục Lân nên Cát Xuyên Mộc vẫn giữ lễ trong cách xưng hô, tuy nhiên đôi khi hắn cũng tỏ ra lạm quyền như trong vụ cho tên bộc về nghỉ. Cao Mục Lân không nói gì. Chắc trong lúc vui, hắn không để ý. Chỉ thấy rót rượu ra hăm, mang lại trước mặt Cát Xuyên Mộc rồi cả hai ngồi đối ẩm.

— Hôm nay tại hạ có tin mừng.

— Tin gì? Cát Xuyên Mộc hỏi.

— Như đại hiệp biết, tại hạ nhiều lần đã nêu danh tính đại hiệp ra trước mặt thiếu gia nhưng mãi đến hôm qua mới được ngài lưu ý. Ngài nói mời đại hiệp đến gặp ngài. Thật

là một vinh hạnh.

Tưởng như thế cũng đủ để Cát Xuyên Mộc vui mừng. Không ngờ hắn chẳng nói gì. Cao Mục Lân bồi thêm:

— Thuộc hạ trong dinh chẳng thiếu. Ai cũng sẵn sàng giới thiệu người của mình, nhưng dường như thiếu gia đã có chủ ý, muốn hội kiến với đại hiệp trước.

Cát Xuyên Mộc rót rượu ra chén, đưa cho Cao Mục Lân:

— Xin phép tôn huynh, mừng tôn huynh một chung rượu.

— Hà hà! Mừng đại hiệp mới phải chứ!

Đoạn giờ cao chén rượu lên “khà” một cái cạn chung.

Thấy Cát Xuyên Mộc vẫn ngồi im, không đổi sắc mặt, Cao Mục Lân thầm khen con người khí phách, biết tiết chế cảm xúc.

Cát Xuyên Mộc lại tự rót rượu ra chén, bung uống. Lát sau mới nói:

— Đa tạ tôn huynh.

— Có gì đâu! Xin đừng khách sáo. Đối với một kiếm sĩ tài ba, tương lai rạng rỡ như đại hiệp lẽ dĩ nhiên tại hạ phải lo tiến cử lên chủ soái. Đó chỉ là bốn phận, còn riêng đối với đại hiệp, đó là nghĩa tương tri. Có gì mà phải bận tâm.

— Tôn huynh quá khen. Xin biết cho, tại hạ chẳng phải vì lương bổng mà muốn phụng thị họ Hoà Giả nhưng chính vì lòng ngưỡng mộ ba người trong họ ấy, là đương kim lãnh chúa Hoà Giả Đạo Uẩn, thân phụ ngài là Hoà Giả Nghị và tổ phụ ngài là Hoà Giả Khang...

— Vậy bao giờ đại hiệp có thể vào yết kiến thiếu gia?

— Lúc nào cũng được.

— Ngay ngày mai được không?

— Được.

Khi nói chuyện, nét mặt Cát Xuyên Mộc bình thản, không lộ vẻ háo hức hay băn khoăn mà chỉ tỏ niềm tự tin vững mạnh lạ lùng.

Cao Mục Lân lại tiếp bằng một giọng cố làm ra thản nhiên:

— À, chắc đại hiệp cũng rõ thiếu gia chỉ quyết định thu nạp hay không sau buổi hội kiến và sau khi đã lượng định khả năng. Thủ tục ấy

mà, tại hạ tin sẽ không có gì trở ngại.

Đặt chén rượu xuống, Cát Xuyên Mộc nhìn trân trân vào mặt Cao Mục Lân. Rồi với một vẻ lạnh lùng gần như thách thức, hắn gằn giọng:

— Nếu vậy tại hạ không vào. Rất tiếc đã làm phiền tôn huynh.

Mặt Cao Mục Lân đã đỏ vì rượu lại càng đỏ thêm. Những tia máu xung quanh vành tai hắn như sắp nổ tung. Hắn lắp bắp:

— Sa... sao? Đại hiệp nói không muốn vào gặp thiếu gia nữa ư?

— Phải. Tại hạ không thích nữa.

Cát Xuyên Mộc chỉ vờn vờn nói có thể, không giải thích thêm. Sự bất ngờ và thất vọng làm Cao Mục Lân ngồi trơ như phỗng. Hắn nhìn kẻ bảo trợ mà lòng muốn điên lên được, nhưng cố nén tức giận.

Cả hai không nói thêm lời nào. Uống hết chung rượu dở, Cao Mục Lân đứng dậy về phòng riêng, quên cả cáo biệt.

Một mình trên chiếu, Cát Xuyên Mộc cũng đã say, dựa đầu lên kỷ lạng lẽ cười thầm. Hắn biết Cao Mục Lân giận lắm vì đã bị đặt vào một tình thế khó xử. Biết nói năng ra sao với vị chủ soái đây? Nhưng hắn bất cần. Tuy bảo không quan tâm gì đến lương bổng nhưng thực ra không phải thế. Là một người rất nhiều tham vọng, Cát Xuyên Mộc muốn có địa vị và tiền tài càng nhanh càng tốt. Mà ngày nay cách nhanh nhất là bằng lưỡi kiếm. Hắn biết khả năng của mình nên không để gì để cho sự khiêm nhượng thao túng. Hắn chỉ làm cao một chút thôi, nhằm mặc cả thêm chút danh vọng, và vì đã dự trù hướng đi của mình từ lâu một cách thông minh và khôn khéo, hắn lùi một bước để tiến hai bước. Cao Mục Lân tuy lớn tuổi hơn hắn nhưng còn ngây thơ và dễ xúc động lắm.

Trong cơn say, Cát Xuyên Mộc mơ thấy mình đang ngụp lặn trong cảnh vinh quang và tiền bạc như nước.

(còn tiếp)

huyền-thuật và các đạo-sĩ tây-tạng



Mystiques et magiciens du Thibet

Alexandra David Neel

Nguyễn Phong phóng-tác

(tiếp theo)

Nếu việc tự trói mình vào cây cối trong rừng hoang để trải nghiệm các phương pháp định tâm hay lòng không sợ hãi đã lạ lùng, thì một phương pháp tu luyện khác gọi

là "Chod" hay "dứt bỏ" còn lạ lùng hơn nữa. Thay vì tìm vào rừng hoang núi thẳm, người tập luyện phương pháp này lại tìm đến nghĩa địa, nhà xác, nơi hoả thiêu người chết hay những chỗ nổi tiếng có

nhiều ma quỷ để tập luyện.

Chod không phải một phương pháp mà ai cũng có thể luyện tập. Những kẻ non tay có thể chết vì sợ hãi, trở nên điên cuồng hay khủng hoảng thần kinh vĩnh viễn. Có lẽ vì thế, phương pháp này thường được giữ gìn hết sức bí mật và chỉ truyền dạy cho những đệ tử đã được huấn luyện cẩn thận mà thôi. Không như phương pháp trước mà người tập cố gắng định tâm bằng cách niệm chú, giữ tâm an tĩnh bất chấp ngoại cảnh, phương pháp này đòi hỏi người tập phải trực tiếp đối đầu với những quấy phá bên ngoài để chuyển hoá chúng. Chi tiết của phương pháp này rất khó giải thích. Người ta có thể định nghĩa nó như một phương pháp quán tưởng hoặc phóng chiếu các hình ảnh, nhưng các hình ảnh này có thật hay không vẫn là đề tài bàn cãi của nhiều người. Nói một cách giản dị hơn, người ta có thể tạm thời ví Chod như một vở kịch mà người thực hành là diễn viên độc nhất. Họ phải thuộc kỹ các câu độc thoại, cách đi đứng, nhảy múa, ca hát, tuân theo các nghi quỹ nhất định và sử dụng các loại nhạc khí như chuông, trống, và một loại tù và làm bằng xương ống quyển của người chết gọi là "Kangling".

Đây là một "vở kịch" mà diễn viên phải diễn xuất hết sức nghiêm chỉnh, liên tục, không ngưng nghỉ từ đầu đến cuối. Điều bất ngờ và đặc biệt là trong lúc diễn xuất luôn luôn có những "diễn viên phụ" từ cõi nào đó xuất hiện trong vở kịch để thử thách. Có thể đó là các thiên nữ Daikini, quỷ khoáng dã, thần linh hay các loài ma đói khát đầu trâu mặt ngựa cực kỳ hung dữ. Diễn viên hay người thực hành phải biết cách kiểm soát, quán tưởng để chuyển hoá những cảm xúc phát xuất từ bản ngã của họ và cuối cùng phải diệt trừ bản ngã của họ qua việc hiến mình (self-sacrifice) như sau:

Người luyện sử dụng các nhạc khí, bước theo những nghi quỹ đã được ấn định trước rồi ca hát, đọc

chú kêu gọi các sinh vật vô hình khắp nơi kéo về. Vì địa điểm được chọn lựa thường là nghĩa địa, dằn hoả thiêu, các nơi hoang vắng nổi tiếng có nhiều ma quỷ nên chỉ một lúc sau quanh đó đã đầy những sinh vật vô hình nhe nanh múa vuốt châu chực, sẵn sàng ăn tươi nuốt sống kẻ kêu gọi chúng đến. Qua những bài thần chú, người luyện bắt đầu kêu gọi tên một vị nữ thần tượng trưng cho ý chí của họ. Vị này đáp ứng, xuất hiện từ đỉnh đầu của người đó với thanh gươm sắc trên tay. Người luyện bèn quỳ xuống đất tình nguyện vượn cổ chịu chém. Vị nữ thần vung gươm chém đứt chủ cấp họ, máu phun thành vòi chảy xối xả. Các loài ma quỷ đói khát châu chực chung quanh vội xông ngay đến tranh giành để uống máu. Vị nữ thần tiếp tục vung gươm chặt nát thể xác đó ra làm nhiều mảnh cho các loài ma quỷ đói khát. Giữa những tiếng kêu gào man dại của loài ma quái trong bữa tiệc thịt người này, người luyện thu hết định lực phát nguyện: “Từ vô thủy ta đã lặn ngụp trong luân hồi sinh tử, gây bao tội lỗi chỉ vì cái ngã này dưới hình thức các xác thân này nọ, hình hài này cũng như hình hài khác. Tất cả chỉ vì ngu muội, vì miếng cơm, manh áo, vì tham sân si mà ta đã sẵn sàng nói, chăm lo cho nó, cố gắng giữ gìn nó và đã gây ra biết bao nhiêu tội ác chỉ vì nó. Hôm nay ta nguyện chấm dứt nó bằng cách dâng hiến nó cho tất cả các loài ma quỷ đói khát, không nơi nương tựa. Xin các loài quỷ đói ăn thân xác ta, các loài ma khát uống máu huyết ta, các loài sinh vật lạnh lẽo được mặc bộ da của ta, các loài sinh vật không nơi nương tựa được nương nhờ bộ xương của ta, ta xin dâng hiến tất cả cho muôn loài chúng sinh...”

Nghi thức hành lễ này tiếp tục cho đến khi cái thể xác đó không còn gì nữa. Khi “tiệc” đã tan, các loài ma quỷ đã biến mất chỉ còn đồng xương khô rữa nát trên mặt đất như một đồng bùn, khi cái hình ảnh tượng trưng cho bản ngã đã

tiêu dung đi hết thì người thực hành phải tập trung tư tưởng để phủ nhận sự kiện vừa xảy ra. Họ phải từ chối cái hành động “bồ thí”, từ bỏ bản ngã một cách tuyệt đối kể trên vì tất cả đều chỉ là ảo tưởng, một hình ảnh của tâm thức biến hiện. Người thực hành phải quán tưởng rằng sự từ bỏ bản ngã, hiến mình vừa qua chỉ là một ảo vọng vì tất cả vốn là “không” mà đã làm không thì làm gì có bản ngã, làm gì có sự hy sinh, làm gì có sự hiến mình. Tất cả những cái vừa xảy ra đều không thật. Khi đã nhận thức được tất cả đều là “không” thì mọi hình tướng đều chỉ là huyền, thân xác là huyền, ma quỷ là huyền và hành động hy sinh vừa qua cũng là huyền. Trong sự rỗng lặng hư vô đó, người luyện tập trung tư tưởng để quán tưởng về lý vô thường, vô ngã. Nghi thức sẽ chấm dứt bằng bài chú Bát Nhã mà người luyện sẽ tụng liên tiếp trong nhiều lần.

Những người luyện tập Chod thường bỏ ra nhiều năm lang thang khắp các nghĩa địa tại Tây Tạng để thực hành, một số còn qua cả Ấn Độ hay Trung Hoa. Dĩ nhiên người đọc có thể tin hay không tin những sự kiện huyền hoặc kỳ lạ này, nhưng người ta không thể đọc qua vài chương sách mà có thể hiểu được những ẩn nghĩa đằng sau phương pháp trên. Chỉ khi nào thực hành và kinh nghiệm được những điều đó thì người ta mới thấy những sức mạnh huyền bí của nó. Chính tôi đã bỏ ra một thời gian thực hành phương pháp trên và tôi phải nói rằng nó quả là một phương pháp hết sức đặc biệt. Dĩ nhiên muốn tập phương pháp này phải có một vị thầy, một người đã thành công trong việc dẹp bỏ bản ngã, quán triệt được tánh Không và ý thức rõ rệt về các biến chuyển của tâm thức để hướng dẫn vì nếu không, người luyện sẽ gặp các hậu quả hết sức tai hại. Tôi đã chứng kiến nhiều tu sĩ trở nên điên loạn khi luyện tập phương pháp này.

Năm đó tôi dừng chân tại một bình nguyên miền bắc Tây Tạng,

gần nơi một bộ lạc người Mông Cổ đang tạm trú. Mặc dù người Mông Cổ sống du mục, rày đây mai đó nhưng trong mùa hè, họ thường ngả trại tại các bình nguyên, chia gia súc làm nhiều nhóm nhỏ để chăm nuôi. Tôi được biết có một vị lạt ma người Mông Cổ tên là Rabjoms Gyatso cũng đang tinh tu gần đó với hai đệ tử. Vì chuyến hành trình dài từ Kum Bum lên đây nên tôi có ý định cho người ngựa nghỉ ngơi ít lâu trước khi tiếp tục, đây cũng là dịp để tôi tiếp xúc và học hỏi với các vị lạt ma Mông Cổ. Theo phong tục xứ này, tôi phải cho người đến ngõ ý trước xem ông ta có chịu tiếp hay không rồi mới đến, nhưng vì biết các tu sĩ tinh tu không mấy khi tiếp khách lạ nên tôi cứ tự tiện tìm đến làm như mình không biết gì về tập quán nơi đây.

Đó là một cái hang nhỏ nằm khuất dưới một gò đất cao, cửa hang có một bức tường được xếp bằng đá để ngăn cho gió thổi lọt vào. Tôi vừa đến trước cửa hang thì một thanh niên đầu tóc bù xù, quần áo rách rưới, mặt mày lem luốc bẩn thỉu ở đâu xông ra chặn đường. Gã này cương quyết từ chối không cho tôi được phép gặp vị lạt ma Mông Cổ, viện lẽ ông này đang tinh tu, không tiếp khách lạ. Mặc dù cố gắng thuyết phục, từ việc nói ngọt ngào đến cả việc đe dọa nhưng gã này vẫn khẳng khái từ chối, rốt cuộc tôi đành trở về lều chờ một cơ hội khác thuận tiện hơn.

Hàng ngày, gã đệ tử này thường ghé qua lều của những người Mông Cổ chăn dê mua sữa và vật thực. Nhìn thân hình gầy ốm, xanh xao và cặp mắt lạc thần của hắn, tôi đoán có lẽ hắn đã mắc bệnh chi đó nên ngõ ý muốn khám bệnh để cho thuốc nhưng hắn nhất định phủ nhận tình trạng sức khoẻ yếu kém của mình. Cho rằng hắn muốn giấu giếm một người ngoại quốc, tôi dặn nhân viên tùy tùng của tôi dò hỏi cho ra lẽ nhưng đám người này lại chất vấn hẩn kỹ quá khiến hẩn đâm ra khó chịu và từ đó thường tìm cách tránh xa chúng tôi. Tại sao

mỗi ngày thần sắc gã này lại sa sút thảm hại như vậy? Hàng ngày tôi nhìn cử chỉ hoảng hốt, cặp mắt lơ đãng thần và thân hình gầy ốm xác xơ của gã này và cảm thấy có điều gì không ổn nhưng chưa biết phải làm gì.

Tôi sống với bộ lạc Mông Cổ được ít hôm thì có một người chăn dê già bị ngã ngựa chết. Gia đình người này cử hành đám tang rất trọng thể, bạn bè khắp nơi kéo đến chia buồn. Họ cho mời vị pháp sư của bộ lạc sống cách đó khoảng hai ngày đường đến làm các nghi thức cúng tế. Trong khi chờ đợi, hai gã đệ tử của vị Lạt Ma kia cũng thường đến đọc kinh cầu siêu nhưng họ cố ý tránh xa không tiếp xúc gì với chúng tôi. Sau các nghi thức, xác chết được đưa đến một gò đất gần đó để cất làm nhiều mảnh cho kên kên ăn. Tôi đã chứng kiến phương pháp điều táng này nhiều lần nên không lấy làm lạ.

Đêm hôm đó, đang tham thiền tôi bỗng nghe những tiếng động từ xa vọng lại, hình như có cả tiếng trống Damaru, tù và Kangling xen lẫn những lời đọc chú rì rầm. Tôi nhận ngay ra những bài chú của phương pháp Chod. Nhưng ai đã thực hành phương pháp này giữa đêm khuya? Tôi rón rén nường theo âm thanh đó tiến về hướng nghĩa địa. Dưới ánh trăng mờ ảo, tôi thấy một bóng đen quần áo rách rưới đang thì thầm đọc chú. Thì ra gã đệ tử ốm yếu của vị Lạt Ma Mông Cổ là người thực hành phương pháp này. Sau khi đã hoàn tất các nghi thức cần thiết, hắn cúi đầu trước đám xương thịt lầy nhầy của người chết rải rác trên mặt đất, quát lớn:

— Ta, kẻ không sợ hãi này thách thức các loài ma quỷ đói khát hãy đến đây...

Hắn vừa nhảy múa vừa lên tiếng thách thức. Thình thoảng hắn ngưng lại đập trống hay rúc một hồi tù và dài.

— Ta cương quyết từ bỏ bản ngã, dẫm nát sự sợ hãi, các loài ma quái vô minh hãy đến đây...

Vàng trắng lơ mờ soi rõ những tấm vải có kẻ những câu thần chú, những hòn đá lớn được sắp xếp cẩn thận quanh đó thành một cái đàn tràng. Gã đệ tử rách rưới đứng lại tập trung tư tưởng quan sát những mảnh xương thịt vương vãi trên mặt đất như đang quán tưởng điều gì. Tôi định bỏ đi nhưng chợt nghe hắn run giọng:

— Ta đã làm nhiều lầm lỗi trong quá khứ vì cái xác thân này, và nay ta sẵn sàng trả nợ... Các loài ma quái hãy ăn thân xác này đi.

Sau đó gã kêu rú lên một cách đau đớn như bị một vật gì cản trướng. Hắn cố gắng tiếp tục:

— Hãy ăn thịt ta đi đồ ma quái, ta tình nguyện dâng hiến thân thể này cho các người...

Gã vừa gõ chuông trống vừa lải nhải những câu nói nhưng nhịp điệu đã có phần rối loạn, không được đều đặn như trước. Điều này chứng tỏ tâm hồn hắn không được bình tĩnh. Phải chăng hắn đang gặp một điều gì ghê gớm khác thường. Đến lúc đó tôi mới ý thức tại sao Chod là một phương pháp nguy hiểm. Khi không bình tĩnh, không còn làm chủ được mình nữa, người ta có thể bị lôi cuốn luôn vào chính cái nghi thức quán tưởng kỳ quái này và càng thực hành thì lại càng bị chìm sâu vào cái thế giới huyền hoặc mộng lung của thực và ảo, của các phóng ảnh của tâm thức. Phải chăng lúc này gã đang kinh nghiệm việc xác thân của gã bị các loài ma quỷ xâu xé, vì một vọng niệm nào đó mà bản ngã của hắn vào phút chót đã vùng lên, chống lại sự xâu xé đó chăng? Tiếng đọc chú của hắn dần dần đứt quãng, kèm theo là những tiếng rên rỉ hỗn hển của một người hoảng hốt cực độ. Thấy vậy tôi bèn tiến lại phía hắn nhưng hắn không nhận ra tôi mà quát lớn:

— Này con quỷ đói kia, cứ việc uống máu ta đi. Ta không sợ người đâu! Hãy ăn thân xác đây những ham muốn này đi...

— Tĩnh lại đi anh bạn, ta đây chứ không phải ma quái gì đâu! Ta là vị Gomchenma người ngoại quốc mà

anh vẫn gặp đây.

Nhưng gã vẫn không nghe thấy gì, cặp mắt gã trợn ngược lên nhìn tôi. Hơi thở của hắn trở nên dồn dập, cuống quýt:

— Hãy xé xác này ra và ăn nó đi...

— Này anh bạn, hãy tỉnh lại đi!

Nhưng gã vẫn kêu gào và lải nhải những câu nói vô nghĩa như đang ở trong một trạng thái mê cuồng nào đó. Tuy không muốn can thiệp vào việc riêng của gã nhưng tôi không nỡ bỏ đi. Tôi biết hắn bắt đầu điên loạn rồi và nếu không giúp hắn tỉnh lại, hắn có thể bị loạn thần kinh vĩnh viễn. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao gã này thường hoảng hốt, cử chỉ cuống quýt và cặp mắt lạc thần. Thì ra hắn đã thực hành Chod nhưng chưa đạt đến trạng thái ung dung tự tại, ý thức các sự kiện xảy ra chung quanh như nó là. Vì thế hắn cứ như người nửa mê nửa tỉnh, khập khùng và có những thái độ kỳ lạ. Nhưng làm sao giúp cho hắn tỉnh lại đây? Tôi quyết định đến gặp ngay Lạt Ma Rabjoms Gyatso để báo động cho ông này biết về tình trạng gã đệ tử của ông. Nghĩ vậy tôi vội vã cầm đầu chạy về phía hang động của ông này.

Lúc đó trời đã khuya rồi, không có ai canh gác trước cửa hang nữa nên tôi có thể bước vào động đá một cách dễ dàng. Dưới ánh nến leo lét, tôi thấy vị Lạt Ma đang ngồi xếp bằng dưới đất trước một cuốn sách lớn. Thấy động, ông ngược mắt nhìn tôi như dò hỏi. Tôi vội vã tự giới thiệu và vấn tắt về tình trạng của gã đệ tử rách rưới kia. Lạt Ma Rabjoms không tỏ vẻ gì hoảng hốt cả, chỉ nhếch môi cười nhạt:

— Vậy sao? Nghe như bà nói thì hình như bà cũng biết về phương pháp Chod thì phải?

— Thưa vâng, tôi đã từng thực hành môn này.

Vị Lạt Ma im lặng không nói gì. Tôi sốt ruột:

— Thưa ngài, nếu ngài không can thiệp ngay thì đồ đệ của ngài có thể bị nguy hiểm đến tính mạng, không chừng hắn sẽ trở nên điên

loạn. Hiện nay hần tin rằng hần đang bị ăn tươi nuốt sống bởi các động lực vô hình.

— Dĩ nhiên rồi, nhưng một ngày nào đó hần sẽ ý thức rằng chính hần là người đang ăn thịt hần, các loài ma quái đói khát đó đều chỉ là những trạng thái phát xuất từ tâm thức hần...

— Nhưng... nhưng hiện nay thì hần đâu biết như vậy!

Vị Lạt ma thần nhiên:

— Vậy thì đã sao? Bà nói rằng bà đã được dạy bảo về phương pháp Chod, như vậy vị thầy của bà có nói rõ về sự nguy hiểm và các hậu quả xảy ra khi thực hành những điều này không? Ông ta có giải thích rằng khi thực hành mà thiếu trí tuệ có thể bị suy nhược sức khỏe, điên loạn hoặc chết không? Hiển nhiên đây đâu phải một phương pháp mà ai cũng có thể làm! Xé bỏ bức màn vô minh đang che phủ trước mặt đâu phải dễ, diệt bỏ bản ngã đâu phải giản dị như người ta nói trong sách vở. Người ta phải biết đâu là ảo vọng và đâu là sự thật. Diệt trừ các vọng tưởng, các phóng chiếu của tâm thức để giác ngộ là một điều hết sức quý báu nhưng đâu dễ dàng gì! Người ta thường phải trả một giá hết sức đắt, có khi bằng chính tính mạng của mình nữa. Nếu có một phương pháp dễ dàng nào đó thì có lẽ nó không phải là một phương pháp đứng đắn hay có giá trị rồi. Mật Tông có nhiều con đường và phương pháp khác nhau nhưng không phương pháp nào dễ dàng cả. Đệ tử của tôi đang học những bài học mà hần cần phải học. Có thể hần thành công, có thể hần thất bại, nhưng đó là việc của hần. Tôi nghĩ bà nên trở về đi, đừng can thiệp gì vào việc của chúng tôi nữa.

Biết có nói cũng không ích gì, tôi đành lủi thủi trở về lều. Vài hôm sau gã đệ tử rách rưới đó tìm đến gặp tôi, cho biết thầy hần bằng lòng tiếp tôi. Hần vẫn giữ thái độ lạnh lùng, cặp mắt vẫn lơ đãng như người mất hồn và chỉ nói một cách hết sức vắn tắt. Có lẽ hần không ý thức gì

cho hồng suối thơ

*Sáng nay hoa tuyết rơi nhiều quá
Trắng một phương mây trắng một trời
Già buốt len vào hồn tịch mịch
Cánh bướm không sóng cũng chơi vơi*

*Có ai ngược nẻo thời gian cũ
Gom lại giùm tôi chút nắng trời
Gom lại màu hoa cành phượng vĩ
Cho hồng kỷ niệm suối thơ tôi*

*Sáng nay hoa tuyết rơi nhiều quá
Những cánh băng khuâng trắng ý đời
Thoảng gió trầm hương bay lãng đãng
Trong vườn tâm tưởng đoá hồng tươi.*

tuệ nga



về việc tôi đã can thiệp vào việc riêng của hần. Lạt ma Rabjoms không phải là một học giả như các Lạt ma mà tôi tiếp xúc trước đó, nhưng ông có rất nhiều kiến thức về huyền thuật và tôi đã học hỏi nhiều điều với vị này.

Tôi còn nghe rất nhiều giai thoại về Chod nhưng thấy không cần phải viết hết ra đây. Vì là một phương pháp tu hết sức bí mật nên các tu sĩ Tây Tạng thường phủ nhận sự hiện hữu của nó. Nếu bị chất vấn, họ chỉ nói một cách mơ hồ và yêu cầu người hỏi không nên tò mò hay can thiệp vào việc riêng của họ.

Theo sự nghiên cứu và tìm hiểu của tôi thì phương pháp Chod phát xuất từ phái Dzogschen. Trong các môn phái Mật Tông, phái này được coi như có nhiều phương pháp kỳ lạ và bí mật nhất. Năm 1922, tôi có dịp ghé thăm tu viện chính của môn phái Dzogschen. Đó là một tu viện đục sâu trong lòng núi, tọa lạc tại một vùng hết sức hẻo lánh phía cực bắc xứ Tây Tạng. Phong cảnh chung quanh hết sức hiu quạnh, toàn sỏi đá trơ trụi, không cây cỏ gì mọc được. Vị trưởng môn, Lạt ma Padma Rigdzin là một người có đầu óc cởi mở, vui vẻ và ăn nói hết

sức thoải mái. Thoạt trông không ai có thể ngờ ông là người đứng đầu một môn phái nổi tiếng nhất về huyền thuật của Tây Tạng. Ông hỏi tôi rất kỹ về những thành phố mà tôi đã đi qua. Ông tỏ ra thích thú khi nghe nói về những loài chim chóc miền nhiệt đới và cứ hỏi đi hỏi lại về màu sắc của các giống chim quý như công, trĩ mà ông chưa từng nghe nói đến. Trong thời gian viếng thăm tu viện này, tôi được biết có hơn hai trăm tu sĩ đang nhập thất sau khi đã thực hành thành công phương pháp Chod. Lạt ma Rigdzin cho biết Chod gồm hai giai đoạn, giai đoạn đầu phải thực hành các nghi thức như tôi đã diễn tả, giai đoạn sau của phương pháp này không cần đến các hình thức hay điều kiện ngoài như thăm viếng các nghĩa địa nữa. Khi đã đạt đến mức này, người ta có thể thực hành hoàn toàn bằng tâm trong những căn phòng yên tĩnh, vắng lặng.

Để giúp tôi có một khái niệm về các phương pháp tu của Mật Tông, Lạt ma Rigdzin cho biết con đường tu thường chia làm ba ngã chính: Luật Tông, Thiền Tông và Mật Tông. Theo con đường Luật Tông, người tu phải học giới, trì giới, tụng kinh, niệm Phật để tiêu trừ vọng

tướng, phá bỏ màn vô minh để nhìn thấy thực tướng. Thiền Tông chủ trương mạnh bạo hơn, phóng khoáng hơn, vượt ra khỏi các ước lệ thông thường, đi thẳng vào thực tánh để đạt đến giác ngộ. Mật Tông lại còn mạnh bạo và phũ phàng hơn nữa vì đề cao việc khai mở trí tuệ, sử dụng tất cả các năng lực nội tại để chuyển hoá tâm và thân. Cả ba con đường đều có chung một mục đích hay cứu cánh nhưng phương tiện thì khác nhau. Lạt ma Rigdzin giải thích:

— Điều này có thể giải thích bằng Nghiệp. Khi con người mới sinh ra họ đã sở hữu những năng lực mạnh mẽ tiềm ẩn gọi là Nghiệp hay năng lực câu sinh vô minh. Nghiệp là thói quen có từ quá khứ, huân tập trong nhiều đời, nhiều kiếp. Các thói quen này có thể giúp ích hay gây trở ngại cho việc tiến tu, do đó điều quan trọng là người tu phải biết cách kiểm soát và chuyển hoá chúng. Vì các thói quen này có thể tốt đẹp như lòng thương yêu, vị tha hoặc xấu xa như tính tham lam, ích kỷ nên các phương pháp tu đều đề cao việc phát triển các đức hạnh tốt và bài trừ các bản năng thấp hèn hay lòng khao khát dục lạc. Tuy nhiên các môn phái Mật Tông lại chủ trương sử dụng luôn tất cả các năng lực xấu cũng như tốt để giúp người ta đạt kết quả tối đa, do đó việc tu luyện này thường hết sức nguy hiểm và đòi hỏi các vị thầy hướng dẫn, kiểm soát chặt chẽ. Thí dụ như trong các phương pháp tu tập thiền định, phương pháp tu sở tức thường chú tâm vào việc quán xét hơi thở, đến khi nào tâm trí tập trung vào hơi thở, không còn tán loạn nữa thì coi như đã thành công được bước đầu. Phương pháp tu quán tưởng thường hình dung hay tập trung tâm trí vào hình ảnh các vị Phật hay Bồ Tát, từ gương mặt các ngài xuống đến bàn chân cho đến khi nào nhắm mắt lại mà hình ảnh đó vẫn hiện ra rõ rệt trước mắt thì coi như đã thành công phần đầu. Một người bình thường thực hành sở tức hay quán tưởng, tập trung

tinh thần vào hơi thở hay một hình ảnh thường phải mất một thời gian rất lâu mới thuần thục. Đa số đếm được hơi thở ra thì quên hơi thở vào, quán được phần trên thì quên phần dưới vì tâm trí con người thường khó tập trung, dễ hao tán, náo động bởi các vọng niệm và chịu sự chi phối bởi các thói quen từ quá khứ. Thay vì bài trừ nó, các tông phái Mật Tông chủ trương sử dụng ngay những năng lực sẵn có này để đạt đến kết quả một cách nhanh hơn nên Mật Tông còn được gọi là “con đường tắt” (short parth). Thay vì quán tưởng đến một vị Phật, Bồ Tát hay đếm số hơi thở, người ta sử dụng ngay các đối tượng của lòng tham dục làm đề mục để quán tưởng. Tại sao như vậy? Vì đó là điều người ta vẫn ưa thích, dễ bị lôi cuốn vào. Dĩ nhiên đối tượng có khác nhưng sự tập trung tư tưởng thì vẫn giống như nhau. Các môn đồ Mật Tông thường sử dụng các âm thanh, màu sắc, hình ảnh nam nữ giao hợp làm đề mục để quán tưởng. Nhiều tu viện Tây Tạng có vẽ các hình ảnh nam nữ giao hợp trên các bức vách để môn đồ lấy đó làm đối tượng tập trung tư tưởng. Dĩ nhiên điều này đã gây khó khăn cho các học giả người Âu và tạo rất nhiều ngộ nhận cho những người nghiên cứu về Mật Tông. Một số lớn đã giải thích điều này qua quan niệm cá nhân hay phong tục tập quán của xã hội Âu Mỹ nên nó thường sai lạc méo mó đi rất nhiều.

Lạt ma Rigdzin nhấn mạnh rằng phương pháp tu quán tưởng về lòng tham dục này đòi hỏi người luyện phải sống ở một nơi hoang vu vắng lặng, phải nhập thất không được tiếp xúc với ai chứ không thể sống tại các nơi thị thành, có nhiều cám dỗ. Khi thực hành, trong lúc tâm trí tán loạn như ngựa không cương thì việc tập trung vào một đối tượng, dù đó là lòng tham dục, để cột chặt tư tưởng vào một chỗ, từ đa niệm đến nhất niệm là một phương pháp hết sức độc đáo và đặc biệt. Tuy nhiên khi thành công,

khi đã có thể kiểm soát được tư tưởng và tập trung ý chí thì vị thầy hướng dẫn còn phải biết cách sử dụng một thủ thuật đặc biệt khác để chuyển hoá tâm học trò từ nhất niệm đến chỗ vô niệm thì mới gọi là thành công. Khi đã nhìn thấy cái hình ảnh mà mình ưa thích, khi tâm đã tập trung được vào đó thì còn phải biết buông luôn cái hình ảnh đó đi để đạt đến chỗ vô cầu, vô niệm thì mới thực sự đến được mục tiêu. Một phương pháp thực hành thường được sử dụng sau khi học trò đã biết cách tập trung tư tưởng là cách quán thân bất tịnh. Vị thầy Tây Tạng thường đưa học trò đến các nghĩa địa, bắt học trò quán sát việc mổ xẻ xác chết, bắt họ ngồi đó quán sát các xác chết tiêu tan mục rã, thối tha, chường sinh lên như thế nào thì học trò sẽ dứt bỏ liền tâm trạng tham mê dục lạc lúc ban đầu. Một khi thấy rõ sự ô uế, bất tịnh của các xác thân mà họ ưa thích, ý thức rõ rệt rằng các thân thể đều bất tịnh, đều vô thường, tất cả các hiện tượng đều chỉ là huyễn, là không có thật thì họ mới đạt đến mục tiêu. Khi kinh nghiệm rõ rệt các điều trên, họ được thầy cho về nhập thất tĩnh tu và học hỏi các kiến thức khác thêm một thời gian nữa rồi mới được phép xuống núi hành đạo.

Vì việc sử dụng các năng lực dục tính tiềm ẩn trong con người hết sức nguy hiểm nên nó đòi hỏi phải có một vị thầy cao tay ẩn kiểm soát, hướng dẫn. Nghiệp lực là một sức mạnh hết sức lớn lao đã huân tập từ đời này qua đời khác, không thể coi thường. Cái sức mạnh tiềm ẩn này hết sức mãnh mẽ và tế vi, chỉ những vị thầy đã đắc đạo mới hiểu rõ được và hướng dẫn học trò đi đúng đường. Dĩ nhiên nếu không được hướng dẫn đứng đắn, học trò có thể trở nên điên loạn, thay vì giải thoát họ lại bị chìm đắm trong luân hồi sinh tử nhiều hơn nữa bởi việc phát triển các khả năng dục tính một cách sai lạc này.

(còn tiếp)

xếp al capone III



Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Dừng xe trước một hiệu ăn, Ness hỏi Tom:

— Ông ăn uống gì chưa?

— Chưa.

— Tốt, vậy thì chúng mình vào đây kiếm gì ăn.

Ness vừa dứt câu là Malone và Lite ào xuống đường liền cùng một lúc, shotgun cầm tay, ngó ngang

ngó dọc khắp nơi. Không có gì lạ, Malone nhìn Lite gật đầu một cái. Thầy đội trẻ tuổi đông tuốt vào quán kiểm soát một lúc rồi trở ra nhìn Ness gật đầu.

— Mình vào ăn được rồi.

Ness vừa nói vừa mở cửa tính bước xuống nhưng khựng lại khi nhìn thấy Tom ngồi ngệt mặt trên

xe một đồng. Ness còn đang ngạc nhiên thì hần hỏi luôn:

— Mấy ông chơi trò gì vậy?

— Có trò gì đâu?

— Tôi thấy hai ông ôm súng nhảy xuống có vẻ ghê quá, tôi tưởng là hai ông đi bắt cướp. Tại sao cảnh sát đi ăn mà lại có vẻ hùng hổ vậy?

— Chuyện dài lắm, tội mình vô kiểm gì ăn đi rồi tôi kể cho ông nghe.

Ness bước xuống xe rồi đóng cửa lại, một tay thọc sâu trong túi áo vét nắm chặt cán cây Colt.45, mắt nhìn khắp nơi để chờ Tom. Nhưng quái lạ, cha nội này sửa soạn gì lâu quá, chậm hơn cả đàn bà. Hai phút rồi mà vẫn không thấy hần. Chờ thêm hai phút nữa, Ness sốt ruột đi vòng qua bên kia, tới bên Tom nhìn vào xe coi thử hần đang làm gì. Chàng suýt kêu lên một tiếng: ra là cậu đang ngồi ngã người trên mặt ghế, chăm chú thưởng thức cuốn sách làm như không biết có người đang chờ mình ở ngoài.

Thế này thì ai mà chịu cho nổi! Ness lắc đầu, gõ gõ vào kiềng xe:

— Tom, không xuống đi ăn cho rồi, còn ngồi đó đọc sách tới chừng nào?

Tom bỏ cuốn sách ngược mặt lên, nhận ra bộ mặt hầm hầm của Ness, liền thò đầu ra ngoài phân bua:

— Ô, tôi xin lỗi. Mấy ông cứ vào ăn đi, tôi không đói.

— Tại sao lúc nãy tôi hỏi ông ăn gì chưa, ông lại nói là chưa?

Tom cười:

— Đúng! Tôi nói là chưa ăn chứ có nói là muốn ăn đâu? Chưa ăn và muốn ăn là hai chữ khác nhau... Nhưng mấy ông muốn xuống ăn cũng chẳng sao, cứ việc tự nhiên, tôi ngồi chờ ở ngoài này được.

Ness lại thở dài, ngược mặt nhìn trời. Nếu hần là một người thân thì chắc đã nhận được một cái tát tai. Nhưng nghĩ kỹ thì hần có lý. Hần chỉ nói là chưa ăn chứ có bảo là muốn ăn uống gì đâu!

— Ông không ăn cũng không sao, nhưng không thể ngồi ngoài xe như thế nào được.

— Tại sao vậy?
Ness thò tay mở cửa, nói như ra lệnh:

— Tôi đã bảo là chuyện dài lắm, tôi chưa kể cho ông nghe được.

Tom vẫn bướng bỉnh:

— Nhưng tôi không thích vào. Máy ông cứ việc tự nhiên, tôi chỉ cần cuốn sách của tôi là đủ.

Làm cảnh sát trên mười năm, chưa có ai dám cứng đầu với Ness như thế này! Chàng quá nạt lớn:

— Ông phải xuống, tôi không thể để ông ngồi đây được.

Tom lại ngược nhìn Ness bằng một cặp mắt rất vô tư hiền lành làm chàng cũng ngượng cho sự lớn tiếng của mình. Hắn ôn tồn, lễ phép hỏi:

— Thưa ông Ness, tôi sẵn sàng làm những gì ông muốn, nhưng tại sao ông không cho phép tôi ngồi ngoài này, tôi nghĩ chuyện đó đâu có gì quan trọng!

Ness hít một hơi dài, vận hết sức lực dần cơn nóng để nói với hắn bằng một giọng nhẹ nhàng, chậm rãi:

— Chúng nó sẽ tưới đạn vào chiếc xe này như người ta tưới nước để giết ông.

Đã nhìn thấy cảnh Malone và Lite nhảy xuống đường với súng trong tay, giờ nghe Ness nói vậy thì Tom chẳng còn hồn vía nào nữa, hỏi liền:

— Thật à, tại sao vậy?

— Tại vì chúng ta là những thằng cớm đi bắt cướp. Chúng ta đang có chiến tranh với chúng nó.

Tom lắc đầu, phân bua:

— Chicago thật có nhiều chuyện lạ! Mà mấy ông là cớm chó tôi có phải là cớm đâu! Tôi chỉ là một nhân viên của sở thuế, chỉ biết cầm bút, tại sao chúng nó muốn giết tôi? Tôi đã nói với ông sự có mặt của tôi là một lỗi lầm của chính phủ mà!

— Biết rồi, nhưng khổ một cái là tụi ăn cướp không biết phân biệt. Hơn nữa, nếu chúng có biết thì mấy viên đạn cũng không có thì giờ để suy nghĩ... Bây giờ ông có chịu xuống không?

Tom lắc đầu, suy nghĩ một chút rồi mới nhún vai, bước xuống đường:

— Bọn cướp dưới này thật là... mất dạy. Tôi tưởng mình là nhân viên công lực thì nó phải nể mình chứ, ai lại như vậy!

Ness đóng cửa xe đánh rầm một tiếng. Trời ạ, chỉ có ăn trưa mà đã mất gần hết nửa tiếng đồng hồ để năn nỉ hắn, nói gì đến chuyện thi hành những công tác khác. Nhất định phải gọi điện thoại về Hoa Thịnh Đốn để xin người khác, mình không thể làm việc với một anh chàng vừa khó tánh vừa gây thơ thế này được! Quá, không biết trút tức giận vào đâu, Ness co chân đá luôn một hòn sỏi bay tuốt qua bên kia đường.

Tom tinh ý nhận ra ngay, hắn nói:

— Ông Ness, nếu tôi có làm gì cho ông phiền, tôi xin lỗi, tôi thành thật xin lỗi.

Ness quay sang nhìn hắn và mọi bức tức như đều biến mất hết. Thằng này có cặp mắt thật là hiền, thật là chân thành, đúng như những gì chàng đã nhận xét hắn lúc mới gặp lúc sáng nay.

Tới phiên mình gọi thức ăn, Tom nói nhỏ với cô hầu bàn:

— Xin cô cho tôi một ly nước lạnh. Nhiều đó đủ rồi.

Cô hầu tính quay đi thì Malone níu tay nàng lại:

— Khoan đã cung, để coi ông Tom này muốn ăn gì không đã.

Câu trả lời của Tom làm cả bọn suýt té ngựa:

— Tôi còn dư khúc bánh sừng-uych trên tàu hỏa lúc nãy chưa ăn, tí nữa tôi sẽ lấy ra ăn tiếp.

Rồi hắn bình thản móc túi áo vét ra một gói giấy nhỏ đã nhàu nát, trình trọng để lên bàn dưới cặp mắt chưng hửng của mọi người.

Malone cười. Ness lại lắc đầu. Lite thì nhìn Tom như nhìn một quái vật. Cô hầu quay lui, Tom nói luôn:

— Mấy ông cứ việc ăn uống tự nhiên, đừng để ý đến tôi.

Rồi hắn lại móc trong túi ra một

cuốn sách, sửa gọng kiếng cho ngay ngắn, bình thản cúi xuống đọc làm như không có ai ở chung quanh. Ba người nhìn nhau, bao nhiêu chuyện muốn nói, bao nhiêu vấn đề muốn bàn thảo từ lúc vào đây đến giờ bỗng như mọc cách bay mất khỏi trí óc mọi người. Ngoại trừ Malone vẫn giữ được thái độ bình thản sau cái ống vớ, Ness và Lite, ai cũng thấy chán nản.

Thức ăn được mang ra, mọi người vừa trải khăn lên đùi, cầm nĩa sắp sửa bắt đầu ăn thì bỗng Tom gấp sách lại, nói to lên như sợ ai tranh mất:

— Tốp, tốp, mấy ông không ai được ăn hết.

Lại chuyện gì nữa đây? Mọi người ngạc nhiên bỏ nĩa xuống nhìn hắn chờ đợi. Tom vừa giở bao giấy đựng bánh mì của mình ra vừa nghiêm trang nói:

— Suốt đời tôi, tôi chưa bao giờ để cho ai dùng bữa mà không chịu đọc kinh trước. Mấy ông nên biết, những thứ mà chúng ta đang thưởng thức là của Thiên Chúa ban cho, chúng ta phải cảm ơn người trước khi ăn. Nào, chúng ta hãy cùng nhau đọc kinh trước khi dùng bữa.

Ness lại lắc đầu. Malone lại cười. Đang chưng hửng thì Tom tiếp luôn:

— Ủa, ai đọc kinh đi chứ? Chúng ta còn bao nhiêu chuyện phải làm, không thể ngồi đây nhìn nhau mãi được.

Cả bọn im lặng, Tom lại tiếp:

— Ông Ness, ông là người lớn nhất ở đây, xin ông bắt kinh giùm.

Hắn đã nói vậy thì mình phải đọc kinh thôi. Xét ra đòi hỏi này cũng không có gì quá đáng. Ness sửa lại thế ngồi, chấp hai tay vào nhau, nhìn mọi người:

— Nào, chúng ta bắt đầu đọc kinh.

Lite thấy xếp mình làm vậy thì cũng chấp tay lại. Chỉ có Malone ngồi im chưa kịp có phản ứng thì đã thấy Tom quắc mắt lên, nói như ra lệnh:

— Ông Malone, xin ông chuẩn bị

để đọc kinh luôn. Chúng ta phải biết cảm ơn Thiên Chúa những gì ngài đã ban cho chúng ta.

Đã mấy chục năm nay thầy đội Malone chưa hề bước vào nhà thờ và cũng chưa bao giờ vòng tay cầu nguyện mà hôm nay chỉ nghe anh chàng Tom truyền lệnh sơ sơ như vậy, thầy đội lưng danh nhất Chicago đã ngoan ngoãn chấp đôi bàn tay sắt lại, mắt lim dim rất kính cẩn làm cả Ness lẫn Lite đều ngạc nhiên. Ness bắt đầu đọc kinh:

— Lạy Thiên Chúa, chúng con xin cảm ơn người về những vật thực chúng con được hưởng hôm nay. Nguyện xin Thiên Chúa cho chúng con được khoẻ mạnh và bình an mãi mãi...

Cả ba cái miệng cùng hô "Amen" một lần bằng một giọng hết sức kính cẩn. Nếu có ai bước vào tiệm ăn lúc ấy, nhất định họ phải tưởng là mình đi lạc vào một tu viện.

Ness hỏi Tom:

— Đọc kinh xong rồi, còn gì nữa không, ăn được chưa?

Tom cười, nụ cười rất hiền hoà, dễ dãi:

— Đã có phép lành của Thiên Chúa, chúng ta cứ việc ăn đi thôi.

Vừa ăn Ness vừa suy nghĩ về anh chàng Tom gần bướng này. Gợi người như vậy thì chẳng tha đừng gợi. Trong thâm tâm, chàng chỉ muốn tổng hần lên chuyển xe lửa tốc hành sớm nhất trở lại Hoa Thịnh Đốn cho đỡ trách nhiệm. Như hần nói, phải mất cả tháng mới điều chỉnh xong giấy tờ. Nghĩ đến đó là mồ hôi Ness toát ra. Đi bắt cướp vào sinh ra tử hàng trăm lần, chưa bao giờ Ness nhỏ một giọt mồ hôi mà cứ nghĩ đến chuyện phải lo bảo vệ an ninh cho anh chàng vừa ngổ vừa gàn này là chàng thấy lạnh mình. Mới có một buổi sáng mà đã bao nhiêu chuyện, mình làm sao chịu nổi vài tháng? Con người này quả thật kỳ lạ, đành vậy thôi chứ biết sao đây.

Muốn bảo vệ hần, trước hết phải cắt nghĩa sơ sơ để hần hiểu tình hình Chicago này. Ngay thơ như hần thì dù có được mười người như

Ness bảo vệ, mạng sống cũng khó mà giữ lâu được. Cặp mắt tinh đời của Ness trông xa hơn một chút và càng nghĩ càng thấy... chết người! Cái kẹt nhất trong việc bảo vệ anh chàng này là tụi Capone giờ này đã biết và tưởng Ness vừa được tăng viện một nhân viên liên bang rất lỗi lạc của sở Fired Arm and Tobacco. Chúng nó đâu biết con người thực của Tom Calvern. Ness thấy miếng bí-tết đang nhai dở trở nên khó nuốt. Lỗi lạc cái kiểu ở dơ, áo quần như ba bốn tháng chưa thay, để dành bánh mì trên xe lửa đem vào nhà hàng ăn, rồi bắt người ta đọc kinh trước khi ăn thì quả tình không ai muốn chút nào hết!

Nhưng bốn phận là bốn phận, dù có muốn hay không cũng phải làm. Chàng vận sức... mỉm cười rất thân thiện rồi bắt đầu việc giải thích. Tom vừa ăn bánh uống nước lã vừa chăm chú nghe Ness trình bày, kể từ lúc chàng xuống Chicago cho đến lúc gặp Malone, những lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc.v.v...

Ness vừa kể chuyện vừa để ý quan sát nét mặt Tom. Theo dự đoán của chàng, tốp người như anh chàng này thì nghe xong câu chuyện ắt phải rùng mình rợn gáy mà đón chuyển xe lửa sớm nhất trở về lại Hoa Thịnh Đốn. Nhưng quái lạ, dù chưa bao giờ cầm súng bắn ai, nghe kể những chuyện rùng rợn mà sao hần vẫn tỉnh bơ, mặt không đổi sắc mới là lạ lùng. Ness càng kể càng thấy... cụt hứng. Kể vừa xong, Tom hỏi:

— Hết chưa?

— Hết rồi.

— Bọn ăn cướp dưới này quá quái lắm, chúng nó làm thế thì còn coi ai ra gì nữa!

Ness chớp ngay lấy cơ hội:

— Vì vậy tôi mới khuyên ông nên thận trọng. Phải rất cẩn thận mới được. Như lúc nãy ông thấy không, chỉ có vào đây ăn trưa thôi mà Malone và Lite đã phải chuẩn bị kỹ như vậy. Ngay cả tôi nữa, không phòng bị không được.

Tom gật gù. Ness mừng thầm. Ít

nhất cha nội này cũng còn biết lo thân mình. Vậy thì cũng đỡ, công việc từ nay sẽ bớt phần nặng nhọc. Tom uống cạn ly nước, lấy khăn chùi miệng:

— Mấy ông quả thật có nhiều tài. Tôi phục quý vị vô cùng.

Ness chưa kịp mừng lâu thì hần tiếp luôn:

— Nhưng gặp phải tay tôi thì thằng Capone có muốn gởi bao nhiêu người đến giết tôi cũng cóc ngán...

Malone đang mời ống tẩu nghe tới đó bỗng giật nảy mình, bỏ que diêm xuống. Ness cũng đặt ly cà phê đang uống xuống bàn nhìn hần chờ đợi.

— Tôi chấp cả lò nhà thằng Capone cũng không đụng được đến người tôi.

Ness cười xã giao:

— Bạn Tom có kế hoạch gì thần sầu vậy?

Nghe Ness hỏi hần mỉm cười khoái chí, nhìn tất cả bằng vẻ mặt rất tự phụ:

— Tôi có cái này bảo vệ nên chẳng bao giờ chúng nó đụng được tới tôi.

— Cái gì?

Mọi người nhìn hần chờ đợi. Tom bèn rềnh rang móc bóp, lấy ra một tấm hình đưa cho Ness xem:

— Có bà này trong bóp thì tôi cóc sợ thằng nào cả. Tôi chấp cả lò nhà chúng nó...

Ness nhắm mắt lại, dấu tiếng thở dài. Malone và Lite chú người tới xem. Thì ra một bức hình chụp tượng Đức Mẹ Maria. Tom tiếp luôn:

— Ngay từ lúc nhỏ tôi đã băng rừng lội suối, có khi còn bỏ ra cả tháng để leo những ngọn núi cao mấy chục ngàn bộ mà chưa bao giờ bị té hay bị một tai nạn nào cả. Bà này rất linh thiêng, tôi rất tin tưởng...

Ness kín đáo đưa mắt nhìn Malone và Lite. Thầy đội trẻ liếc mắt nhìn lên trời như để trả lời cho Ness còn Malone thì nở một nụ cười bí mật.

Tom cất hình vào bóp, giọng rất

chân thành:

— Mấy ông cũng vậy, tôi khuyên mấy ông nên tìm mua một tượng Đức Mẹ để được người phù trì bao bọc. Cái nghề nguy hiểm như nghề quý ông đây rất cần được che chở.

Ness dụi mắt thuốc lá:

— Tôi đồng ý với ông hoàn toàn, tôi sẽ rán kiếm một bức hình như vậy. Nhưng chúng ta không thể nào phó thác mọi chuyện cho Đức Mẹ rồi cứ ỷ y được, ông đồng ý không?

— Đồng ý.

— Tốt, vậy tôi đề nghị với ông như thế này: Trước hết, ông phải lo lấy thân mình. Ông cần phải thủ một khẩu súng trong người.

— Để làm gì?

Ness chán nản lắc đầu. Malone trả lời thay:

— Để phòng thân chớ để làm gì nữa!

Tom nghiêm sắc mặt nói liền:

— Trong Thánh kinh có nói rằng ai dùng gươm sẽ chết vì gươm. Tôi không bao giờ chịu mang súng.

Ness lại lắc đầu. Từ sáng đến giờ, chàng không nhớ là mình đã lắc đầu đến lần thứ mấy mươi. Cứ nói chuyện với thằng cha gàn bướng này mãi thì đến gãy cổ mất thôi!

Thầy đội Malone nhìn Tom, nhủ mắt suy nghĩ tìm một kế. Sự suy nghĩ của Malone không qua khỏi cặp mắt tinh tế của Ness. Ừ, hay là cứ để thầy đội tìm kế trị hấn coi sao. Ness tiếp tục:

— Ông không mang súng cũng được nhưng tôi đề nghị ông giữ một cây trong phòng ông.

Tom vẫn tỉnh bơ lắc đầu:

— Không bao giờ! Nhưng mấy ông đừng lo cho tôi nhiều quá. Dù sao thì tôi cũng biết công tác này rất nguy hiểm, tôi sẽ có sáng kiến riêng để phòng thân mà không cần phải dùng đến súng.

— Sáng kiến riêng để phòng thân? Ông có thể cho tôi biết được không?

— Đâu có được ông Ness. Đã nói là sáng kiến riêng mà còn nói cho ông biết thì còn gì là riêng nữa! Ông thông cảm...

Trong lúc Malone bật lên cười hô hố thì Ness lại lắc đầu. Chàng gọi bồi táp tiền rồi nói:

— Hôm nay ông đi đường xa chắc mệt mỏi rồi, để tôi đưa ông về phòng trọ nghỉ ngơi, sáng mai chúng ta sẽ họp nhau bàn công việc cho những ngày sắp tới.

Ness chở Tom Calvern về một khu khách sạn đã được Malone cẩn thận chọn lựa từ trước. Thầy đội Malone mà đã chọn thì nhất định phải an toàn, không có màn bị phục kích bất ngờ hay nửa đêm khách sạn bị cháy bất tử. Dù vậy, khi xách hộ cái va-li cho Tom lên lầu, Ness vẫn ân cần dặn dò thêm:

— Nhớ đấy ông Tom. Đất Chicago này không phải như Hoa Thịnh Đốn, tôi khuyên ông nên cẩn thận. Ông nên nhớ áp dụng sáng kiến cá nhân của ông như đã nói lúc này.

Tom gật gù:

— Tôi sẽ cẩn thận và có sáng kiến.

— Khi nào có người gõ cửa, ông không được mở ra liền, phải chắc chắn rằng người gõ cửa là một người ông biết, nếu không thì đừng mở hoặc tìm cách ẩn mình đi.

— Vâng, tôi nghe.

— Nếu ông đi đâu, nên dòm trước ngó sau. Luôn luôn đề cao cảnh giác, hễ thấy có gì khả nghi thì nên... bỏ chạy lấy thân liền.

— Tôi hiểu.

Trước khi đóng cửa, Ness nói thêm:

— Khách sạn này có một người đàn bà chuyên lo việc giặt ủi trong

thơ viết trong công viên

Giờ này trên đường Lê Thánh Tôn
những đứa em tôi đang ngồi ôm bụng đói
những đứa em tôi, đứa nào thành chó sói
gặm gù chờ miếng cơm thừa
trong nhà hàng quốc doanh?

Giờ này bên lề đường Hồng Thập Tự
những đứa em tôi đang lượm giấy vụn thì đưa
rán để dành một miếng nhỏ cho cha
làm giấy viết thư cho đứa con
lang thang quê người, đất khách.

Giờ này ở cổng phi trường Tân Sơn Nhất
các em tôi xem thiên hạ lãnh đồ
chìa vai nhỏ, đỡ giùm ra xe xích lô
kiếm vài xu đem về cho mẹ.

Giờ này ở bến xe lục tỉnh
những đứa em tôi nhin đói xếp hàng
(xếp hàng mướn cũng là nghề trong sạch
bởi không còn chỗ nào cho thơ ấu Việt Nam).

Giờ này ở bên kia đại dương
những đứa em tôi ăn uống thất thường
thân xác tong teo như những con khỉ nhỏ
vẫn thật thà và còn nói tiếng Việt Nam.

Chỉ có tôi đang chết giữa xa hoa,
chỉ có tôi dần quên nước, quên nhà.

hoàng chính



khách sạn. Ông có quần áo gì muốn giặt, cứ gọi bà ta.

— Cảm ơn ông. Ngày mai mấy giờ ông đến đón tôi đi làm?

— Khoảng 7 giờ.

Ness ra xe rồ máy. Chàng đưa tay nhìn đồng hồ, nhận ra là đã quá trưa:

— Mình về lại ty, tôi muốn gọi một cú lên Hoa Thịnh Đốn.

Trở về ty cảnh sát, Ness thấy một mẫu nhắn tin nơi phòng trực: “Thượng nghị sĩ Phil gọi điện thoại muốn gặp”. Malone nhìn tờ giấy, mỉm cười:

— Như vậy là thằng Capone đã có quyết định. Kể từ giờ phút này, chúng ta có thể ăn no ngủ kỹ rồi.

Ness cười:

— Tưởng nó mượn ai, lại dùng ông thượng nghị sĩ Phil.

— Nó tính cao lắm, cao hơn mình nghĩ một nước. Một lời nói của ông nghị ở toà án có giá trị hơn mấy trăm lần những người thường.

— Nhưng mình nắm được ông nghị này mà?

Malone nhú mày, gõ cái ống tẩu nhẹ nhàng vào lòng bàn tay:

— Đúng như chỉ đúng một phần. Cả thằng Capone cũng nắm được ông nghị nữa. Mình không nên quên một điều là đối với những kẻ như thượng nghị sĩ Phil, vấn đề bạn bè hay trung thành là tuyệt đối không có. Chỉ có quyền lợi của lão mà thôi. Nếu mình mạnh, chả sẽ ngã theo phe mình để quất thẳng Capone. Nếu mình yếu, chả sẽ theo tụi Capone để ra toà làm chứng chống mình.

Ness suy tư:

— Nhưng mình đâu còn lùi được nữa?

— Không.

— Vậy để tôi lo xong cái vụ thằng Tom này rồi mình sẽ lên gặp chả.

Ness nhắc điện thoại lên, xin số của Hoa Thịnh Đốn. Vừa nghe Ness chờ ở đầu dây, ông trưởng phòng chặn đầu liền:

— Ness đó hả, chú mày gọi về đây để than phiền phải không?

— Thưa ông đúng. Hoa Thịnh Đốn giết tôi rồi.

Có tiếng cười trong máy:

— Đừng có nói thế. Capone không giết chú mày nổi thì Hoa Thịnh Đốn giết thế nào được! Nhưng qua thông cảm, để từ từ rồi qua lo cho.

— Từ từ là bao nhiêu lâu thưa ông?

— Chú mày phải hiểu lãnh thổ Hoa kỳ rộng mấy chục triệu dặm vuông với dân số gần 200 triệu. Cai quản và điều hành một số dân đông như vậy không phải là chuyện dễ. Chú mày phải hiểu là Hoa Thịnh Đốn này...

Ness lắc đầu. Tính gọi về để than phiền, không ngờ lại được nghe một bài mo-ran về nước Mỹ. Ness liều mạng ngắt lời xếp:

— Tôi chỉ xin ông trưởng phòng một con số đơn giản thôi. Xin ông cho biết là chừng nào tôi có thể gửi cha nội Tom Calvern này về lại Hoa Thịnh Đốn được? Một tuần, một tháng hay bao lâu?

— Nói thật với chú mày, qua không có câu trả lời dứt khoát.

— Vậy thì ông có thể gửi ông Kelvin Tom... thật xuống đây được không? Chúng tôi không thể xài của giả.

— Chà, cái này cũng hơi khó.

— Khó, tôi hiểu, nhưng có được không, thưa ông trưởng phòng?

— Chú mày có vẻ hơi khó tính đấy nhè Eliot Ness! Khí hậu Chicago mùa này hơi nóng phải không? Thôi thì thế này: Qua hứa qua sẽ cố gắng hết sức, còn được hay không thì tùy... thượng đế. Qua nói vậy nghe được không?

Ness không biết cái lắc đầu này là lần thứ mấy trăm của ngày hôm nay. Chàng không bao giờ nghi ngờ sự cố gắng của xếp nhưng kết quả thì sau mười năm ăn lương chính phủ, chàng đã đoán được phần nào. Ness cố gắng gỡ gạc cú chót:

— Tôi hiểu. Tạm thời, tôi có một đề nghị như thế này: Trong khi chờ đợi điều chỉnh giấy tờ, tôi cứ gửi hán về lại Hoa Thịnh Đốn ngày mai. Chuyện này chỉ có ông, tôi và hán biết. Cứ để hán ở trên đó đi chơi, khỏi phải vô sở hay làm gì cả.

Lương lậu của hán tôi sẽ gửi về cho hán đầy đủ.

— Sao chú mày cứ một hai đòi gửi hán về làm chi vậy? Có tư thù cá nhân gì không? Đùa thôi, dù hán là người của sở thuế, nếu chịu khó huấn luyện thì hán cũng trở nên một cộng sự viên đắc lực được.

— Khổ lắm thưa ông trưởng phòng. Với bao nhiêu công việc phải làm, chúng tôi lại phải gánh thêm một công tác mới: bảo vệ yếu nhân Tom Calvern của sở thuế.

Có tiếng cười trong máy:

— Ha, Tom Calvern, cái tên nghe kỳ cục thật, thảo nào Hoa Thịnh Đốn chả làm!

Một thoáng im lặng, rồi tiếng ông trưởng phòng:

— Chú mày phải hỏi ý kiến hán. Nếu hán đồng ý, qua cũng không có ý kiến, coi như không biết.

— Xin cảm ơn ông trưởng phòng, tôi sẽ thuyết phục hán.

— Nên nhớ là phải có sự đồng ý của hán, còn không thì ráng mà bảo vệ yếu nhân đó cho kỹ càng.

— Vâng.

Gác điện thoại lên giá, Ness hỏi Malone:

— Tôi mới bàn với ông trưởng phòng, ngày mai tôi sẽ thuyết phục để Tom lấy chuyến tàu sớm nhất về lại Hoa Thịnh Đốn. Hán đi, mình đỡ mất công lo bảo vệ. Ông nghĩ sao?

— Tôi nghĩ hơi khác ông.

— Ra sao?

Malone cầm mẫu giấy nhắn tin, vầy vầy:

— Trước hết, cái bản án tử hình của bọn mình đã được tạm cất, cho nên việc bảo vệ Tom chưa chắc đã cần thiết. Thứ hai, biết đâu chừng mình sẽ dùng hán vào một việc gì đó. Quan trọng hơn hết, tôi đánh hơi thấy có một cái gì là lạ trong con người này. Một cái gì đó rất lạ, khó nói lắm.

Ness đi đi lại lại trong phòng:

— Tôi cần một tay súng hay ít nhất, một nhân viên cảnh sát, không phải một chuyên viên cạo giấy gàn bướng, bảo thủ, độc đoán và... ở dơ của sở thuế như hán.

Đang bàn luận thì chuông điện thoại reo vang. Giọng oanh vàng của cô thư ký văn phòng Thượng nghị sĩ Phil ở đầu dây:

— Dạ thưa đây là văn phòng Thượng nghị sĩ Phil, chúng tôi muốn gặp thanh tra Ness.

Chàng nháy mắt ra dấu cho Malone áp ống nghe phụ vào tai:

— Eliot Ness, cảnh sát đặc vụ tổng nha ngân khố tôi nghe.

Một thoáng yên lặng rồi giọng nói trầm đục của ông nghị:

— Ness đó hả, ông ghé qua văn phòng tôi một chút được không? Có người bạn muốn gửi cho ông một món quà đặc biệt.

Ness nhìn Malone hỏi ý. Thầy đội gậy lia lia:

— Còn gì hân hạnh bằng. Ông muốn mấy giờ?

— 5 giờ đi.

— Tốt! Tôi sẽ gặp ông lúc 5 giờ chiều nay.

Gác điện thoại lên là Ness ngoắc tay rủ Malone ra ngoài hành lang. Hai người ra khỏi phòng nói chuyện để tránh mấy cái micro nghe lén có thể có trong văn phòng. Ness nói nhỏ:

— Có thể nào ông thượng nghị sĩ cùng thằng Capone giương bẫy chờ mình không?

Malone cười:

— Có cái bẫy nào bẫy nổi con cọp Ness!

Ness vẫn lo lắng:

— Ai biết được thằng Capone! Như thường lệ thì tôi chấp cả chục thằng như nó, nhưng ông nên nhớ rằng mình sắp chơi luật rừng. Nói đúng hơn, mình sắp sửa phá luật, sắp sửa ngửa tay nhận tiền hối lộ của chúng nó. Hảo ý của mình chưa ai nhìn thấy, mình chưa có thì giờ để chứng minh... Nói đại, chúng nó chỉ cần gài một anh cảnh sát hạng bét ngồi trong đó thì tối nay tôi và ông sẽ vô khám mà ngủ. Đây là một mũi tên có thể bắn rớt một lần hai ba con chim. Riêng tôi, tôi vẫn thấy lo lo thế nào ấy!

Malone lắc đầu quả quyết:

— Yên trí đi xếp. Ông chưa bao giờ phá luật nên rết đấy! Cũng như

con gái chưa bao giờ ngủ với đàn ông ấy mà. Chưa thử lần nào thì cái gì cũng thấy tội lỗi hết, từ cái vuốt ve cho đến cái hôn... nhưng thử vài lần rồi thì người ta sẽ thấy khoái...

Ness nhún mắt. Mình đang lo sốt vó mà thầy đội cứ nói chuyện trai gái, chuyện phòng the. Ness liền ngắt lời Malone:

— Có thể ông đúng, nhưng tôi chưa bao giờ tiến mà không chuẩn bị trước một lối thoát.

— Ông kỹ quá, chẳng trách gì đi bắt cướp cả chục năm nay mà vẫn sống phây phây. Nếu chúng nó muốn bẫy ông, cứ coi như là chuyện có thể đi, nhưng tôi biết chúng nó không làm lúc này, nhất là khi cái

gai O'Bannon chưa được búng đi.

Ness dừng lại nơi hành lang, nhìn sâu vào mắt Malone, giọng quyết liệt:

— Tôi cũng mong vậy nhưng bây giờ tôi có quyết định như thế này: Tối văn phòng ông Phil, mình tôi vào thôi. Ông sẽ chờ ngoài phòng khách, cho thằng Lite chờ ngoài xe. Nếu có chuyện gì, tôi ra dấu, ông và nó sẽ xông vào... quạt chết hết.

“Quạt chết hết”, Malone không tin được hai lỗ tai mình! Cứng như thầy đội Malone, đã từng bẻ cổ không biết bao nhiêu thằng gang-tơ mà nghe xong câu đó còn phải tái mặt. Cái ống tẩu đang ngậm trong miệng xem tí nữa thì rớt xuống đất.



— Cái gì?

— Tôi nói ông nghe rồi, hỏi lại làm gì!

Nhìn mặt Ness, Malone biết xếp mình không đùa. Ai có ngờ! Phải, ai có ngờ một người mới cách đây mấy ngày còn thượng tôn pháp luật đến nỗi một tấm bảng stop nằm giữa đường mà đang lái xe giữa đêm xếp cũng phải thắng gấp, chờ đúng 3 giây đồng hồ rồi mới chạy tiếp mà bây giờ đã buông một câu nói không thua thằng Capone. Malone hỏi thêm một lần nữa cho chắc ăn:

— Ông Ness, ông bảo chúng tôi là nếu bị chúng nó gài bẫy thì xông vào bắn chết hết, kể cả ngài thượng nghị sĩ... Ông... ông không nói đùa đấy chứ?

Ness gật đầu, giọng lạnh lùng:

— Tôi nói thật, không đùa. Nếu tôi bị chúng nó gài, ông và thằng Lite xông vào bắn chết hết chúng nó cho tôi. Gary Malone, ông hiểu mà, tôi đâu có muốn vậy. Thực ra không ai muốn như vậy cả nhưng tình thế bắt buộc mình phải phản ứng như vậy. Ông nên nhớ là quyết định này không phải tôi mới có hôm nay. Tôi đã có chủ đích như vậy kể từ lúc chấp nhận chơi luật Malone với ông. Mình đã không chơi thì thôi, còn nếu chơi thì phải chơi tới cùng. Tôi đã hứa là sẽ búng thắng Capone thì tôi sẽ búng dù tôi có phải bước qua xác ai, kể cả xác của những người tăm tiếng nhất Chicago này.

Ness mồm một điều thuốc. Malone hỏi:

— Nếu đó không phải là một cái bẫy thì mình tính sao?

— Tôi đã nghĩ rồi. Như thế này: số tiền mà thằng Capone giao cho mình, tôi sẽ trích ra một phần ba tặng lại thượng nghị sĩ Phil. Làm vậy nếu có chuyện gì, chính hắn cũng không tránh khỏi liên lụy.

Đúng 5 giờ kém 15 phút, Malone thắng chiếc xe Ford trước cửa văn phòng thượng nghị sĩ Phil rồi cả hai cùng nhảy xuống. Ness nhìn vào tấm kiếng chiếu hậu, ngược mặt lên sửa lại cái nút cổ áo và cà-vạt, nói

với Lite:

— Như tôi đã nói lúc nãy, ông chờ ngoài này, nếu thấy cửa sổ trong văn phòng bị ném vỡ tung thì ông cứ việc ôm cây Tommy gun nhào lên. Tôi và Malone sẽ “làm việc” từ trong ra. Chúng mình sẽ gặp nhau ở hành lang.

Lite mím môi, nhìn khẩu Thompson trong tay mình:

— *Yes sir, Mr. Ness!*

Malone cùng Ness bước qua đường, mở cửa văn phòng thượng nghị sĩ Phil. Con nhỏ thư ký tên Mary đang ngồi mơ màng, bỗng cánh cửa bật mở và khi nhìn thấy thầy đội Malone lộ đầu vô với cây shotgun đen thùi lùi trong tay, em sợ quá suýt rú lên một tiếng. Như mọi công dân Chicago, em chẳng lạ gì cái tên Malone nhưng đây là lần đầu tiên em được thấy mặt thầy đội. Xưa nay có ai đi thăm ngài thượng nghị sĩ khả kính mà lại thủ súng ống trong tay như đi bắt cướp thế này! Mà mặt mày thầy đội sao có vẻ hung dữ quá chừng, có phải thầy đến đây để bắt hay... giết ngài thượng nghị sĩ? Ôi, nghĩ đến mà phát khiếp! Mary biết ngài thượng nghị sĩ của mình chả tốt lành gì, có thể bị bắt giữ bất cứ lúc nào, nhưng chỉ mong rằng nếu Malone có bắt ngài thì bắt, xin đừng bắn chết ngài ở đây! Ghê quá, không thể được!

Malone đẩy mạnh cửa cho Ness vào trước rồi bước theo sau. Khuôn mặt hai thầy trò đều đẹp trai nhưng sao thấy lạnh lùng và ghê gớm quá! Cô thư ký nhìn hai người, không nói được một tiếng.

Ness bình thần giở mũ cầm tay:

— Thưa cô, tôi là Eliot Ness.

Em thư ký gật lấy gật để, biểu diễn một nụ cười méo mó vì quá sợ hãi:

— Hai ông muốn gặp ngài thượng nghị sĩ?

— Thưa cô chỉ có mình tôi muốn gặp. Cảm phiền cô vào trình với ngài thượng nghị sĩ như thế.

Em thư ký bỏ vào phòng trong một lúc rồi trở ra:

— Thượng nghị sĩ sẵn sàng tiếp ông, thưa ông Ness.

Lúc Ness bước vào văn phòng rồi, cô thư ký mới để ý là thầy đội Malone đã lặn đâu mất tiêu. Hắn không bước vào văn phòng và cũng không có mặt ở phòng khách. Mary biết hắn đang ở đâu đó trong căn nhà này nên không dám... thở mạnh. Sinh ra và lớn lên ở Chicago, em đã được đọc và nghe nhiều chuyện về thầy đội lừng danh này. Chuyện thật cũng có, chuyện do báo chí hay tiếng đồn thêu dệt cũng có... Nào là Malone xuất quỷ nhập thần, nào là có bàn tay cứng như sắt... Chuyện nào cũng mô tả Malone như một thứ anh hùng nên ai ai nghe nói đến đều có cảm tình. Mary cũng vậy nên không thắc mắc, cứ ngồi làm việc như thường lệ.

Chỉ mười lăm phút sau, cánh cửa phòng bật mở, Mary lại suýt kêu lên kinh ngạc khi thấy người đầu tiên bước ra khỏi văn phòng thượng nghị sĩ là... Malone! Văn phòng ngài thượng nghị sĩ chỉ có một cửa chính, nằm trước mặt bàn giấy em thư ký. Mary không hiểu hắn vào văn phòng bằng ngõ nào và cách nào nhưng cũng chẳng muốn thắc mắc thêm làm gì nữa. Ai mất công đi thắc mắc những chuyện Malone làm! Ness theo sau, tay xách một cặp-táp. Mary không hiểu họ bàn bạc gì với nhau nhưng nàng để ý thấy khuôn mặt hai thầy trò lần này có vẻ hớn hờ và... đẹp trai hơn lúc nãy rất nhiều.

*

* *

Sáng hôm sau, vì chiếc xe bị hư bất ngờ, Ness đến đón Tom trễ hơn giờ hẹn khoảng nửa tiếng đồng hồ. Trên đường đi, Malone ngồi bên cạnh huýt gió ra vẻ rất yêu đời. Yêu là phải vì trên băng sau, trong cái cặp da Lite đang giữ là hơn 100 ngàn đô-la tiền mặt. Malone thỉnh thoảng rút trong túi ra một tờ giấy, đọc tới đọc lui những điều ghi chép trong đó. Đó là một cái *shopping list* của toán cảnh sát đặc vụ ngày hôm nay do chính tay Ness viết: Mục thứ nhất: ba chiếc xe hơi mới; mục thứ hai: súng lớn súng nhỏ đủ

cỡ... Cuối trang giấy có hàng chữ “mười lăm nghìn” được đóng khung cẩn thận. Malone nhìn kỹ và để ý thấy con số 1 bị gạch đi và sửa bằng số 2.

Thắng xe trước khách sạn của Tom, Ness bước xuống:

— Tôi trở lại liền.

Malone bỗng kêu Ness lại:

— Ông Ness này!

— Gì?

— Ông nên... mềm mỏng và kiên nhẫn với hắn một chút. Dù gì thì hắn cũng không phải là cảnh sát nên tính tình hơi khác bọn mình.

Ness thọc hai tay vào túi quần, nhún vai, cười:

— Tôi hy vọng là hắn không bắt mình đi xem lễ chung với hắn sáng hôm nay.

Nghe tới đó, thầy đội Malone giật nảy mình, sửa lại thế ngồi trong xe liền:

— Ủ, hắn mà bắt mình đi xem lễ rồi mới chịu làm việc chung thì bỏ mẹ hết cả đám! Malone này 40 năm chưa bước vào nhà thờ.

Ness lầm lũi bước lên lầu, vừa đi vừa nghĩ đến anh chàng Tom khó chịu này. Chàng hơi ngạc nhiên khi không thấy hắn trong hành lang. Cửa phòng hắn khép kín. Sáng bảnh mắt ra rồi mà chưa dậy sao cha nội? Hơn nữa, hẹn với người ta 7 giờ, bây giờ là 7 giờ 30 rồi, ngủ gì nữa vậy? Đứng trước cửa phòng, Ness đưa tay gõ nhẹ.

— Tom.

Không có tiếng trả lời.

— Tom, Tom.

Vẫn không có tiếng trả lời. Chợt nghĩ ra một điều, Ness tái mặt, hốt hoảng rút phăng khẩu Colt.45 cầm tay và nhảy lùi ra sau. Cánh cửa không đóng mà chỉ khép hờ gợi lại cho chàng một hình ảnh khủng khiếp. Đó là hình ảnh cánh cửa nhà mật báo viên Stash Moses bị giết một cách thảm thiết sáng nào. Ness thấy cổ họng mình khô cứng. Chàng ngó dáo dác chung quanh, sẵn sàng nổ.

Hắn đi đâu mất biệt hay đã bị giết chết như thằng Moses? Không, không thể được! Chuyện gì xảy ra

đây hở trời? Malone đã bảo khách sạn này an toàn trăm phần trăm, sao lại có chuyện lạ lùng thế này? Ness biết Malone không phải là hạng người ẩu tả. Hơn nữa, hiệp ước ngưng bắn vừa được ký kết tối hôm qua, thằng Capone đâu dám phá thoả ước sớm vậy! Nhưng ai biết được! Đất Chicago này là đất của những chuyện bất ngờ. Biết đâu lệnh Capone đưa xuống chưa kịp tới bọn đàn em, hay có đưa xuống nhưng một vài thằng khủng nhất định làm cú chót để dẫn mặt hay để trả một mối thù nào đó với cảnh sát! Dù gì đi nữa chàng vẫn muốn nhìn thấy khuôn mặt ngổ ngổ của Tom lúc này. Không, phải nói là cái khuôn mặt xấu trai và bộ quần áo dơ dáy của hắn.

Ness tính xông thẳng vào nhưng chàng đổi ý, quyết định xuống nhà kêu thêm tiếp viện.

Malone đang ngồi phì phà ống vố ngoài xe, chợt thấy Ness xuất hiện nơi cửa phòng ngủ với cây Colt.45 trên tay và khuôn mặt nghiêm trọng thì biết ngay là có chuyện. Thầy đội vừa nói với Lite xong câu “Có chuyện rồi! Ông ở ngoài này coi chừng, tôi dọt vào trong” là đã xuống tới mặt đường, cây shotgun nằm ngon lành trên tay.

Thầy đội chạy như bay vào. Thoáng một cái, hai người đã đứng ngay trước cửa phòng Tom, súng cầm tay, không ai nói với ai lời nào.

Mồ hôi nhỏ giọt trên trán Ness, chàng thử một lần chót:

— Tom, Tom, ông có trong đó không?

Không có tiếng trả lời. Ness quay sang Malone, ra dấu chuẩn bị. Thầy đội gật đầu, mặt mày cũng đầy vẻ nghiêm trọng.

Ness nín thở, hai tay nắm chặt cây Colt.45 xông thẳng vào cánh cửa trước mặt như một cơn lốc. Cửa không khoá, bị Ness hất tung ra.

Bỗng nghe một tiếng “phình” thật mạnh như ai làm rớt một vật gì nặng lắm. Malone hạ nòng súng chuẩn bị tiếp trợ cho Ness và nhận ngay ra một chậu nước thật lớn ai

gác trên nóc cánh cửa, mất điểm tựa đổ nhào. Cả thùng nước đổ xuống người thanh tra Eliot Ness làm chàng ướt như chuột lút. Tiếp theo đó, dưới sự ngạc nhiên của Malone, Tom từ trong góc phòng nhảy ra, nghiêng rỗng trợn mắt cầm cây chổi vừa quật xuống đầu Ness vừa la to:

— I got you!

Nhưng khi nhận ra người đó là Ness, Tom dừng chổi lại kịp. Cây Colt.45 trong tay Ness đang chia về phía Tom cũng được hạ xuống liền.

Cho đến giây phút đó, Ness mới hiểu được mọi sự. Lúc xông vào, chàng đã chuẩn bị nhiều bất ngờ nhưng không thể ngờ được có một thùng nước gài lơ lửng trên cửa ụp xuống đầu mình. Đây là cách phòng cướp cổ xưa nhất thế giới của mấy bà già nhà quê. Bị thùng nước xối ướt mềm từ đầu đến chân, phản ứng tự nhiên của Ness là chia cây Colt.45 ra phía trước chuẩn bị. Khi nhìn thấy Tom xông ra với cây chổi trong tay, Ness hiểu ngay mọi sự. Chàng hạ cây súng xuống và... lắc đầu, cái lắc đầu đầu tiên trong ngày.

Thầy đội Malone bước vào, thấy Ness ướt từ trên xuống dưới và Tom thì tay cầm chổi, đang đứng nhăn nhó khổ sở kể lễ, thầy đội bỗng bật lên cười sảng sặc.

Nhưng Ness không cười, chàng mò mẫm giữa hai lớp áo ướt và bành tồ ướt sũng, dứt cây súng vào bao da. Bao da bị ướt, nổ lớn ra, phải nhét mồi cây Colt mới chịu nằm vào vị trí cũ. Nhận tấm khăn nơi tay Tom, Ness hỏi:

— Ông làm cái trò khỉ gì vậy?

Tom phân bua:

— Tôi xin lỗi ông Ness. Tối hôm qua, tôi suy nghĩ về những gì mấy ông nói nên tôi hối hận vô cùng. Tôi biết mấy ông lo cho tôi trong khi tôi thấy mình vô tư quá nên tôi nhớ đến lời ông dặn...

Ness quát mắt:

— Tôi dặn cái gì?

— Thì ông dặn là tôi phải đề phòng, phải đề cao cảnh giác, phải có sáng kiến riêng để phòng thân...

— Sáng kiến của ông đây hả?

— Tôi xin lỗi! Ông bảo là ông đến đón tôi lúc 7 giờ. Chờ đến 7 giờ 10 phút, không thấy mấy ông tới, tôi nhớ đến lời ông dặn và tưởng là có chuyện nên mới nẩy ra sáng kiến này để bắt cướp. Đoán rằng bọn cướp sẽ vào bằng... cửa chính, tôi treo ngay một xô nước ngay giữa cửa ra vào, và thủ sẵn một... cây chổi lớn nhất để chờ chúng. Tôi tính rằng hễ khi chúng nó bị xô nước úp lên đầu, tôi sẽ nhào tới dùng chổi mà quật cho chúng nó một trận. Nhưng tôi xui quá, chẳng ngờ không gặp cướp mà lại gặp ông, mong ông tha lỗi cho tôi, ông Ness. Tôi hối hận vô cùng...

Không biết hấn xui hay mình xui! Trong hoàn cảnh này là mình xui chứ không phải thằng ngố này. Quần áo ướt sũng, Ness nhăn mặt nhận ra hình như thau nước có mùi là lạ, không được dễ thở cho lắm. Chàng hỏi:

— Ông lấy nước ở đâu vậy?

Ness lắc đầu lần thứ hai khi nghe Tom hớn hờ trả lời:

— Thì nước giặt đồ chứ nước ở đâu! Tôi đâu làm sao kiếm ra một thùng nước lớn như vậy trong vòng 10 phút. Ông đã bảo phải có sáng kiến mà...

Ness lại lắc đầu, nhăn mặt. Malone moi trong va-li của Tom được một cái áo và một cái quần, thấy cho Ness:

— Ông vào nhà tắm thay đồ bộ đồ này vào rồi mình ra tiệm, tôi đóng cho mỗi người mười bộ đồ mới tinh.

Ness bước đi vài bước, bỗng dừng lại hỏi Tom:

— Tôi đã gọi ông nhiều lần trước khi xông vào, tại sao ông không lên tiếng, ông có điếc không?

— Thưa ông Ness, tôi nghe có người gọi tên tôi bốn năm lần nhưng đâu biết người đó là ai! Thì ông đã bảo tôi luôn luôn phải đề cao cảnh giác mà! Ăn cướp chúng nó cũng có thể biết tên tôi để gọi được vậy!

Ness lại... lắc đầu. "Thì ông đã bảo..." Ra là chuyện sáng sớm

gởi người ở lại

*Em ở đó, bốn mùa trăng, khép cửa,
Nhốt cô đơn vào những cánh song buồn,
Những thu phai, rụng vàng bao lá úa,
Những đông tàn héo rủ một tình thương.*

*Những hè vắng, rung rung màu phượng đỏ
Những xuân xa, khắc khoải cánh mai vàng
Ôi tất cả chỉ còn trong trí nhớ
Đã tan tành theo gót lữ sài lang!*

*Ta ở đây, ngút màu xanh sóng biển,
Vẫn trơ vơ nằm gối đảo lưu đày
Một bước phiêu lưu đời chưa định bến,
Ngẩng lên trời, xa tắp bóng mây bay...*

*Ta lạc bước tận đỉnh trời ao ước,
Thấy chơi vơi ngàn cánh võ thiên đường,
Quá khứ - tương lai - ngoảnh nhìn sau trước,
Bỗng nghe lòng xa mất một tình thương.*

*Em cho ta một lời yêu gửi lại,
Bởi tờ thư không nói được nên lời,
Bởi bi uất đã biến thành băng giá,
Mười lăm năm rồi, đau xót quá em ơi!*

*Hãy cho ta một linh hồn tượng đá
Để muôn đời trơ mãi với tang thương
Hồn lạc quốc giữa xứ người tơi tả,
Vẫn mơ ngày mở mắt thấy quê hương!*

nguyễn huy phước



mình được ăn nguyên một xô nước giặt đồ dơ bẩn từ trên đầu trở xuống cũng là tại mình đã bảo! Trời ạ, nếu con có thể bóp cổ cho hấn chết thì con đã bóp ngay lúc này rồi! Chàng không hiểu mình và hấn có duyên nợ gì với nhau mà từ khi gặp hấn, chàng chỉ toàn gặp những chuyện bực mình. Đối đầu với bọn Capone là tội cướp hung dữ nhất thế giới trong mấy tháng qua, chưa đứa nào động đến được một sợi lông của chàng, nhưng gặp thằng ngố này chưa tới một ngày, "đời" chàng đã có không biết bao nhiêu là biến chuyển.

Ness lại nhớ đến Hoa Thịnh Đốn, nói một câu trước khi bước vào phòng tắm:

— Hoa Thịnh Đốn giết tôi rồi!

Malone và Tom nhìn nhau, nhún vai không hiểu câu nói ấy có ý nghĩa gì.

Cánh cửa phòng tắm vừa khép, bỗng lại bật tung, Ness thò đầu ra, giọng hăm hăm chắc nịch:

— Ông Tom Calvern! Tôi muốn ông chuẩn bị hành lý ngay lập tức, lát nữa tôi đưa ông trở ra ga Chicago. Ông sẽ đón chuyến tàu hoả sớm nhất về lại Hoa Thịnh Đốn. Ông nghe rõ những gì tôi nói không?

— Dạ thưa rõ.

— Tốt, vậy làm đi!

Dứt câu là Ness đóng cửa phòng tắm nghe đánh rầm một tiếng. Hình như cơn giận bấy giờ mới bốc lên trong đầu chàng.

Một lúc sau Ness trở ra. Chàng

to lớn trong khi Tom nhỏ con nên bộ đồ của hắn trên người chàng coi không được chút nào hết. Hai ống quần ngắn khỏi mất cá chân, áo rộng phồng phình nhưng cánh tay lại ngắn và cổ áo không gài được.

Malone nhìn thấy toan bật cười nhưng tụt lại khi thấy ánh mắt toé lửa của xếp. Ness vừa nhận ra là này giờ Tom không chịu soạn quần áo gì hết như lời chàng bảo. Ness hỏi Tom:

— Tôi đã bảo ông chuẩn bị hành lý mà?

Tom phân bua:

— Thưa tôi đang soạn nhưng có một cái kệt.

Ness quát mắt:

— Kệt cái gì?

— Kệt là ông còn mặc bộ đồ của tôi. Va-li của tôi xếp có thứ tự đằng hoàng. Cái bộ đồ mà ông mặc đó nó phải nằm dưới cùng nên tôi không thể nào soạn được. Tôi thành thật xin lỗi, mong ông thông cảm.

Thế này thì hết nói rồi. Ness thấy mình muốn té ngửa ra ngay giữa nhà. Tại sao trưởng cảnh sát không dạy mình phải đối phó với những trường hợp như thế này.

Chàng nhìn Malone ra lệnh:

— Ông Malone, lệnh của tôi cho ông đây, rần nghe cho kỹ. Tôi sẽ đi xuống dưới nhà gọi điện thoại về Hoa Thịnh Đốn. Lúc tôi trở lên, tôi muốn thấy ông giúp ông Tom này dọn xong hết đồ đạc của ông ta vào va-li. Tôi lên là chúng mình đi liền. Ông làm được không?

Malone sốt sắng:

— Yes sir, Mr. Ness!

Ness hăm hăm đeo bao súng vào nách rồi bỏ xuống dưới nhà. Tầng dưới có một cái điện thoại công cộng nhưng lại có người đang sử dụng. Ness hỏi bà thư ký:

— Ở đây còn cái điện thoại nào khác nữa không?

Bà thư ký già nhìn người đàn ông ăn mặc kỳ lạ, lại đeo súng dưới nách, không hiểu đây là hạng người nào, chưa kịp trả lời thì Ness đã quát lên:

— Tôi hỏi bà còn có điện thoại nào khác ở đây không?

— Thưa ông không.

Tốt. Ness tiến tới bên phòng điện thoại, một tay mở cửa, tay kia đưa cái thẻ hành sự của tổng nha ngân khố liên bang Hoa kỳ, nói cộc lốc:

— *Federal agent! Get out!*

Người đang dùng điện thoại quay lui. Khi nhìn thấy nét mặt hung hãn của Ness và thẻ hành sự trên tay, hắn hốt hoảng bỏ điện thoại xuống, đưa hai tay lên trời:

— Dạ, biểu ra thì tôi ra, xin đừng đánh tôi.

Ness hất đầu cho hắn bước ra ngoài rồi chụp điện thoại nhắc số kêu tổng đài. Cô tổng đài viên vừa cất giọng, chưa nói xong câu "*Good morning*" thì đã nghe giọng hăm hăm của Ness:

— Hoa Thịnh Đốn. Tổng nha ngân khố. Gấp!

Người kể tiếp nhận ra sự tức giận của chàng là bà thư ký của ông giám đốc phòng đặc vụ, người mà Ness xưa nay rất kính nể:

— Tôi là Ness đây, bà làm ơn cho tôi gặp ông trưởng phòng gấp.

Bà thư ký hơi ngạc nhiên. Suốt mười năm qua, đi công tác ở xa, thỉnh thoảng Ness có điện thoại về. Lần nào chàng cũng lễ độ lịch sự, hỏi thăm trước khi xin gặp ông xếp. Lần này Ness hung hãn như vậy bà thư ký đoán là chắc có chuyện lớn. Nhất định phải lớn vì bà biết tính Ness, rất ôn tồn từ tốn. Hiểu vậy nên dù biết rằng ông trưởng phòng đang họp, bà cũng đánh bạo đến gõ cửa phòng.

Ông trưởng phòng thò đầu ra, bà thư ký nói mau:

— Ness gọi về, hình như có chuyện gì khẩn cấp lắm.

Ông trưởng phòng cũng biết bà thư ký là người làm việc rất cẩn trọng, nếu không có chuyện quan trọng thì chẳng bao giờ bà lại cắt ngang buổi họp của ông thế này. Ông ta bèn xin lỗi và hốt hải chạy qua văn phòng mình. Vừa đi vừa suy nghĩ xem có chuyện gì quan trọng đến nỗi Ness phải gọi về khẩn cấp như vậy. Ông hỏi bà thư ký:

— Chính Ness gọi về hay nhân viên của nó?

— Thưa ông, chính ông Ness gọi về.

Tốt, ông không biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng ít nhất nếu người gọi về là Ness thì hắn... còn sống. Ness còn sống là chuyện quan trọng nhất, mọi chuyện khác đều có thể từ từ giải quyết.

Ông trưởng phòng nhắc máy lên:

— Hello, trưởng phòng đặc vụ tôi nghe...

— Tôi đây ông trưởng phòng.

— Gì đó chú mày, có chuyện lớn rồi phải không? Nhưng chuyện gì thì chuyện, cứ từ từ bình tĩnh mà nói, qua sẽ tìm cách giải quyết cho...

Và ông trưởng phòng không tin được lỗ tai mình khi nghe chuyện "khẩn cấp" khiến ông phải bỏ giờ buổi họp chỉ là chuyện Ness đòi gọi thẳng Tom Calvern về liền. Hơn mười năm làm việc với Ness, có nhiều biến cố dữ dội, nhiều chuyện kinh hoàng đã xảy ra nhưng Ness luôn luôn giữ được bình tĩnh, chưa bao giờ gọi về bất tử như cái kiểu này. Hay thằng Tom đã làm một việc gì kinh khủng lắm? Ông thắc mắc:

— Thằng quỷ đó làm gì? Nó là điệp viên của Capone chẳng?

— Không.

— Nó phạm tội gì? Nó giết người chẳng? Chuyện gì mà gấp quá vậy?

Ness tính trả lời "nó ụp một xô nước giặt đồ lên đầu tôi" nhưng ngưng lại kịp thời. Chàng không muốn nghe tiếng cười hô hố của ông xếp mình trong điện thoại.

— Tôi không thể nào chịu nổi nó nữa, tôi phải gọi nó về gấp dù nó có đồng ý hay không.

Ông trưởng phòng nhíu mày suy nghĩ. Tom nhất định phải làm một chuyện gì ghê gớm lắm mới chọc giận được anh chàng đệ nhất cớm của mình. Nếu vậy thì tại sao Ness không cho mình biết? Hay có chuyện gì bí ẩn sau vụ này?

— Ness, chú mày bình tĩnh lại, nói cho qua nghe coi thằng Tom đã làm gì?

— Ông trưởng phòng, nó không làm gì cả nhưng tôi không thể làm việc chung với thằng này thêm một

giây phút nào.

— Nó không nghe lời chú em phải không?

— Không! Nó rất nghe lời tôi, còn quá nghe lời nữa là đằng khác...

Nói đến câu “quá nghe lời”, Ness lại nhớ đến những gì Tom đã nói với chàng: “Thì ông đã bảo tôi mà...”

— Vậy tại sao chú mày lại cứ một hai đòi gửi nó về cho được? Ngày hôm qua, qua đã bảo chú mày là phải mất một thời gian giấy tờ mới điều chỉnh kịp. Sáng nay chưa gì đã gọi về la lối om sòm làm qua phải bỏ cả buổi họp với ông bộ trưởng.

Giọng Ness chắc nịch:

— Hôm qua ông bảo tôi phải hỏi ý kiến nó, nếu nó đồng ý mới gửi về được. Nhưng bây giờ thì tôi xin phép ông cho tôi gửi nó về liền, không cần biết là nó đồng ý hay không.

Ông trưởng phòng đang suy nghĩ thì Ness tiếp luôn:

— Một là tôi gửi nó về, còn hai là tôi sẽ về. Ông nên kiểm người xuống Chicago này thế tôi. Ông không cho tôi về thì tôi sẽ gửi trả cái thẻ hành sự về rồi tôi sẽ đi kiếm nghề khác sinh sống. Tôi không thể làm việc trong một tình trạng như thế này!

Ông trưởng phòng giật mình. Ông biết Ness không nói đùa. Mười năm qua, sở đặc vụ cùng Eliot Ness đã trải qua bao nhiêu biến cố, Ness chưa bao giờ mở miệng hăm dọa từ chức cho đến sáng hôm nay. Mà đòi từ chức chỉ vì một nhân viên hạng bét của sở thuế vụ thì quả thật là khó mà hiểu nổi. Nhưng biết Ness rõ ràng như biết bàn tay mình, ông bèn xuống giọng:

— Ừ chú mày muốn tống cổ nó về đây thì cứ việc. Tao cho phép đó, nhưng làm gì mà phải làm áp lực với tao như vậy?

Ness như người giận một phần nào:

— Cám ơn ông trưởng phòng. Ông có chỉ thị gì cho tôi không?

Tới phiên ông trưởng phòng nổi giận:

— Chỉ thị cái con khỉ! Chỉ có mỗi một chuyện con con là chuyện thằng Tom mà chú mày “hành hạ” tao như thế à? Từ nay về sau, như tao đã nói với chú mày, những chuyện con con thì liệu mà giải quyết lấy, đừng có sáng sớm gọi về đây rồi la hét, đòi từ chức um sùm. Chú mày có bẻ cổ nó rồi quăng xuống sông tao cũng đểch cần biết tới, đừng có gọi về đây làm phiền nữa, nhớ chưa?

Ness gác điện thoại, đứng yên trong phòng một lúc như để cho lòng mình lắng xuống rồi mở cửa bước ra. Khi lên lầu, chàng đã thấy Tom và Malone đứng chờ sẵn ở hành lang với đầy đủ hành lý. Thấy đội Malone xem ra có vẻ làm việc hợp với anh chàng này hơn mình. Ness cố tránh không nhìn mặt hắn, nói:

— Đi, mình đi.

Xuống tới xe, Lite trở mặt nhìn bộ đồ kỳ dị ông xếp Ness đang mặc. Thật chẳng còn ra cái thể thống... thanh tra liên bang gì cả! Malone biết Ness đang cáu, đưa mắt ra hiệu cho Lite ngầm bảo: “Ông ấy cáu, chớ có mở miệng”.

Ness rờ máy xe nói trống không:

— Mình về nhà để tôi thay đồ đã rồi ra ga.

Vừa tới nhà, nhìn cánh cửa hàng rào Ness biết là Catherine đang có mặt ở nhà. Chàng thật chẳng muốn cắt nghĩa cái tình cảnh... đáng thương của mình sáng nay cho vợ nghe nhưng không thể đi đâu với bộ đồ mượn của anh chàng Tom này được, đành tắt máy rồi mở cửa bước xuống:

— Ai muốn vào nhà chơi một chút thì cứ việc.

Chàng nói trống không như vậy vì không muốn mời anh chàng Tom vào nhà mình chút nào hết. Ness không phải là hạng người nhỏ mọn, nhưng chàng chỉ muốn vào nhà thay đồ xong là đi liền, tránh cái màn giới thiệu lồi thối.

Nhưng không ngờ vừa nói xong đã nghe Tom hờ hởi lên tiếng liền:

— Tôi. Tôi muốn vào nhà thăm chị chút xíu. Xuống Chicago mà

không được thăm ai cả thì lát nữa đi về Hoa Thịnh Đốn sẽ phải hối hận.

Con người gì đâu mà thật là ngây thơ vô ý vô tứ. Giọng của hắn thật chân tình nhưng nghe sao mà dễ ghét! Ness nhún vai không nói gì.

Mở cửa ra, vừa thấy chồng, Catherine đã bùm miệng kêu lên:

— *Oh my god!* Anh Eliot, chuyện gì vậy?

Ness nhăn nhó khổ sở:

— Anh bị một tai nạn.

— Nếu không phải là vợ anh, em cứ tưởng anh là một chú da đỏ đi lạc xuống phố. Tai nạn gì mà... rùng rợn vậy?

Ness chưa kịp trả lời thì Tom đã đi tới sau lưng. Lại giọng nói chân thành và lễ phép của hắn:

— Kính chào bà. Bà đây chắc là bà Ness? Thưa bà, bà cho phép tôi tự giới thiệu, tên tôi là Tom, Tom Calvern, hân hạnh được biết bà. Và tôi cũng xin nói thêm một điều, dù mới gặp bà mà đã nói ra thì thật là bất tiện nhưng thưa bà, không biết ông nhà đã nói với bà chưa, là bà đẹp lắm. Rất đẹp.

Catherine tự nhiên thấy có cảm tình với anh chàng nhỏ con này, đưa tay bắt tay hắn:

— Chào ông Calvern, hân hạnh được biết ông.

Quay sang Ness, nàng nói:

— Anh Eliot, sao anh không giới thiệu cho em biết ông Tom Calvern? Em đâu biết anh có những cộng sự viên thành thật, lịch sự và dễ mến như thế này.

Ness ngược mặt lên trời khế lắc đầu:

— Ông Tom Calvern mới về hôm qua và phải đi liền nên anh chưa có dịp giới thiệu với em.

— Kính mời các ông ngồi chơi, để tôi pha cà phê các ông uống.

Ness tính nói với Catherine là chàng chỉ về thay đồ rồi đi liền, không có thì giờ uống cà phê nhưng Tom đã mau miệng:

— Thế thì còn gì bằng! Từ sáng đến giờ tôi chưa ăn uống gì cả.

Catherine quay nhìn Ness trách nhẹ:

— Anh mê công việc quá, để cho anh em nhịn ăn nhịn uống như thế thật không phải. Mời các ông vào đây, tôi sẽ làm trứng đãi các ông một bữa.

Ăn uống đối với Malone và Lite thì lúc nào cũng được hết, họ chỉ sợ Ness muốn đi gấp thôi. Malone đang nhìn Ness hỏi ý kiến thì Tom đã hớn hờ ngồi ngay vào bàn:

— Cám ơn bà rất nhiều. Bà cho ly cà phê của tôi hai muỗng sữa, một muỗng đường. Về thức ăn, bà có gì nào?

Trong lúc hai người đối đáp, Ness nhìn Malone và Lite, lắc đầu như than thở rồi lại gật đầu, ra dấu cho họ cứ việc tự nhiên. Chàng vừa tính bỏ vào nhà trong thì nghe tiếng Tom nói với Catherine:

— Thưa bà, bà quên chưa hỏi ông Ness kể cho bà nghe cái tai nạn sáng hôm nay. Thực ra, tôi là người có trách nhiệm nặng nề...

Catherine liền gọi giật Ness:

— Anh Eliot, ông Calvern nói đúng. Anh chưa kể cho em nghe về cái tai nạn khủng khiếp của anh.

Ness đã tưởng khỏi phải kể chuyện “tai nạn” của mình cho vợ, vừa bước được vài bước bỗng dừng chân vì anh chàng phá đám. Trời ạ, nếu chàng có thể bóp cổ được hân thì chàng đã bóp đến lần thứ mấy mươi rồi! Chàng quay lui biểu diễn một nụ cười gượng gạo:

— Để anh vào thay đồ đã, anh ra ngay...

Tom lên tiếng:

— Thưa bà, bà cứ để cho ông Ness tự nhiên đi, tôi biết ông nhà bận lắm, để tôi kể cho bà nghe cũng được...

Rồi chẳng cần đợi mời, hân thao thao bất tuyệt:

— Chuyện như thế này thưa bà. Bà biết ông nhà là một cảnh sát viên rất tài giỏi và cẩn thận...

Ness bước vào nhà trong, tai chàng còn văng vẳng giọng kể chuyện lúc trầm lúc bổng của Tom. Giọng hân thật sung sướng, vô tư và chân thật như cô giáo kể chuyện cổ tích cho lũ học trò nghe.

Ness vừa thay quần áo vừa hồi

hận vì đã trở về nhà. Giá như mình cứ chạy thẳng tuốt ra nhà ga, thả hân xuống rồi quay trở về thay đồ cũng còn kịp. Câu chuyện càng kéo dài, càng “chế tạo” nên nhiều tiếng cười nghe rất lộn gan. Ness để ý thấy mọi người đều cười: từ Malone cho đến Lite, rồi đến Tom và ngay cả vợ mình. Tiếng cười của Catherine là nổi bật nhất, vì nàng là đàn bà. Không, đúng hơn vì nàng là vợ chàng.

Thay đồ xong mà Ness vẫn không dám bước ra. Chàng phải chờ cho tiếng cười bớt đi mới từ từ xuất hiện. Catherine nhìn thấy chàng, lại bùm miệng cười lên một thôi nửa. Tiếng cười này kéo theo nhiều tiếng cười khác.

Ness đã đứng ở giữa phòng mà tiếng cười vẫn chưa chịu ngưng. Chàng phát cáu và suy nghĩ không hiểu tại sao có một chuyện đơn giản như vậy mà ai cũng cười được. Chàng tưởng tượng ra hình ảnh một anh chàng vang danh là đệ nhất cớm mình mấy uớt mèm với cây Colt.45 trên tay và cái xô nước trên đầu. Rồi bỗng ngay cả Ness cũng không nhịn được, bật cười theo...

Catherine dọn trứng lên bàn xong, ngồi xuống bên cạnh chồng. Nàng vừa trải khăn lên đùi bỗng ngạc nhiên thích thú khi nghe Tom nói:

— Xin mời bà bắt kinh.

Catherine liếc nhìn Ness như có ý khen người khách rồi tính bắt đầu thì Tom nói luôn:

— Xin bà nhớ cầu xin cho chuyến tàu của tôi về Hoa Thịnh Đốn được bình yên.

Catherine làm dấu. Từ bàn tay sát Malone cho đến Ness, ai nấy cúi đầu thành khẩn làm nàng rất thích chí. Chồng mình có những cộng sự viên đạo đức như vậy thì thật là may mắn.

Ăn sáng xong, Catherine nhớ đến lời đề nghị của Tom lúc nãy, bèn hỏi hân:

— Chồng tôi nói ông mới xuống Chicago, sao hôm nay đã vội trở về rồi?

Tom im lặng không nói gì.

Catherine thấy có vẻ gì hơi là lạ. Nàng không có thói quen xen vào những công việc của chồng nhưng vấn đề này làm nàng thắc mắc. Catherine nhìn Ness như dò hỏi. Ness lấy khăn chùi miệng, nhún vai:

— Chuyện hơi dài. Nhưng tóm tắt là sở gởi làm người lên đây, anh phải trả về.

— Làm người? Hoa Thịnh Đốn làm việc kỳ cục thật!

Ngay lúc đó Tom xen vào:

— Thưa bà, đúng ra thì tôi có thể ở lại được nhưng tôi nghĩ chuyện tôi đi về là tốt hơn cả.

Catherine ngạc nhiên:

— Sao vậy ông Calvern?

— Thưa bà, vì tôi là một thằng phá đám. Từ lúc tôi xuống đây đến giờ, tôi chưa làm được gì cho ông nhà và anh em cả, mà chỉ toàn gây nên những chuyện rắc rối. Tôi đã làm ông nhà phải cáu giận vì tôi nhiều lần. Lần cuối cùng thì không thể tha thứ được. Tôi rất lấy làm buồn và hối hận nhưng tôi không biết làm cách nào để chuộc lại lỗi của mình. Tôi rất thích Chicago, rất thích làm việc với ông nhà nhưng phải ra đi. Tôi ra đi cũng chẳng luyến tiếc gì, chỉ tiếc một điều là chưa làm được gì để chuộc lại lỗi lầm của mình mà thôi. Lương tâm tôi thật là cắn rứt...

Catherine nhìn Ness:

— Anh, có phải như vậy không anh?

Ness bối rối gật đầu. Cặp mắt Catherine bỗng trở nên ướt. Nàng nói với Ness:

— Chuyện của anh làm em không dám có ý kiến, nhưng anh có nhớ mỗi ngày chúng ta đọc kinh Lạy Cha, trong đó có một câu em thích nhất, câu đó như thế này: “Xin Cha tha tội cho chúng con cũng như chúng con tha tội cho những kẻ có tội với chúng con...”

Ness cúi đầu im lặng một lúc rồi ngẩng lên, nhìn Tom cười thân thiện:

— Tom, tôi muốn ông ở lại đây làm việc với tôi, ý ông thế nào?

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị.v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

Bút Chì phụ trách.

ĐÒI TIỀN NHÀ BĂNG

Hỏi: Trước đây tôi có gửi tiền tại The Chase Mahattan Bank National Association, số 27 Bến Bạch-đăng, quận 1, Sài-gòn (trước 1975). Khi CS cưỡng-chiếm Sài-gòn, trong trương-mục tôi còn 500.000\$ VNCH, hiện tôi còn giữ sổ trương-mục ấy.

Xin cho biết tôi có thể lấy lại số tiền đó không? Lấy ở đâu và cách nào?

Nguyễn Hồng Nhung
Guelph

Đáp: Bà gọi số: 1-212-555-1212, xin số điện-thoại của Manhattan National Bank, customer relation department để hỏi chi-tiết.

ĐÀI BBC

Hỏi: 1.—Xin cho biết giờ giấc, làn sóng đài BBC.

2.—Hiện nay ở hải-ngoại, tổ-chức phục-quốc nào mạnh nhất, có uy-tín nhất, qui-tụ được nhiều thành-viên nhất, tổ-chức ấy tên gì, do ai lãnh-đạo, cơ-sở chính đặt tại nước nào?

Trước đây báo-chí hải-ngoại tố-cáo tổ-chức (...) lừa gạt hàng triệu

đô-la của đồng-bào, việc ấy trắng đen ngã ngũ chưa?

3.—Ai cũng bỏ lòng trắng, lấy lòng đỏ trứng gà quậy với sữa hoặc soda để uống, vậy lòng trắng không bỏ? tương-đương với nước lã? uống lòng trắng có hề chi không?

Trứng vịt có uống sống và bỏ như trứng gà? tại sao chẳng ai uống trứng vịt sống?

Lê Dã Sư

Phần lan

Đáp: 1.—Về tần-số và giờ phát-thanh đài BBC, xin xem lại *Làng Văn* 78, mục này.

2.—Vấn-đề này rất tế-nhị. Đoàn-thể đấu-tranh ở hải-ngoại rất nhiều, BC không được may-mắn tiếp cận với tất cả mọi nơi để hiểu rõ nội-tình từng tổ-chức, rất khó so-sánh.

Nhìn bằng con mắt bình-thường của một người dân tầm-thường, một cách chung chung, BC chú ý tới Ủy Ban Quốc-Tế Trần Văn Bá (Trần Văn Tông) tại Pháp, Liên-Minh Việt-Nam Tự-Do (Nguyễn Vô Kỹ) tại Pháp, Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do (Hà Thúc Ký, Nguyễn Văn Kim tại Hoa-kỳ), Ủy Ban Quốc-Tế Yểm-Trợ Việt-Nam Tự-Do và Liên-Minh Dân-Chủ Việt-Nam (Lê Tấn Trạng) Hoa-kỳ, Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-Nam (Nguyễn Kim), Hoa-kỳ.

Về tổ-chức ông đề-cập, BC không tán-đồng một số kỹ-thuật hành-động trong thời gian trước, nhưng cảm nhận sự hy-sinh của họ tại biên-thùy Đông-dương, và nhìn thấy những nỗ-lực vận-dụng chính-trị trong cộng-đồng tị-nạn hải-ngoại. Trong giai-đoạn hiện-tại (chính-khách quốc-gia chạy loạn-xạ như sao đổi ngôi), bỏ qua những khuyết-điểm trong quá-khứ, chúng ta cần một tổ-chức mạnh và kiên-định lập-trường để đối-chọi với CS, trên bàn hội-nghị, trong cuộc bầu-cử tự-do (nếu có) hay ngoài chiến-trường.

3.—Tròng trắng trứng hoàn-toàn không bổ-dưỡng. Trứng vịt

tanh, tính hàn và khó tiêu hơn trứng gà, nên người ta không ăn sống.

BUU ĐIỆN

Hỏi: 1.—Hoạt-động của nhà buu-điện như thế nào. Một lá thư từ Orlando, chuyển sang Toronto ra sao? báo *Làng Văn* gửi bằng máy bay sang Amsterdam, sẽ đi như thế nào? Báo gửi đường biển sang Tokyo đi ra sao?

2.—Người ta kiểm-đuyệt thư-từ bằng cách nào? Bóc ra, rọi đèn hay hơ lửa?

3.—Người Việt hiện giờ đã lên tới gần 2 triệu ở nước ngoài, vậy mà trong nước vẫn có những gia-đình không có lấy một người thân ở ngoại-quốc là nghĩa làm sao? Rồi những tên Việt-kiều "áo gấm" hợm-hĩnh "về làng" khoe-khoang khoác-lác sẽ phải bị đối xử ra sao?

Trần Nhân

Orlando

Đáp: 1.—Hàng ngày, các xe vận-tải hạng nhẹ gom thư từ các thùng về buu-trạm. Số thư này và số thư, gói do khách hàng mang tới buu-trạm sẽ được xe vận-tải hạng trung và hạng nặng tập-trung về trung-tâm phân-loại.

Tại trung-tâm phân-loại, thư và gói được lựa ra, phân-phối theo vùng, để chuyển tới buu-trạm trong vùng có địa-chỉ người nhận. Thư này lại được chuyển tới các thùng phân-phối trong khu-vực. Nhân-viên phát thư đi tới vùng nào, mở thùng lấy thư đi phát tới đó. Các gói lớn (bưu-kiện), được xe vận-tải nhỏ chuyển thẳng từ buu trạm tới người nhận.

Thư máy bay từ Toronto đi Amsterdam (Hòa-lan), sẽ được trung-tâm phân-loại chuyển tới phi-trường Toronto bằng xe tải. Thư đi máy bay sang phi-trường Amsterdam, và được chuyển về trung-tâm phân-loại gần nhất cũng bằng xe tải, và từ đó sẽ được chuyển về buu-trạm và thùng phân-phối.

Một lá thư đi từ Toronto sang

Amsterdam mất từ 7 tới 10 ngày; từ Toronto sang Đông-kinh (Nhật-bản) mất từ 8 tới 12 ngày.

Bưu-phẩm, bưu-kiện gửi bằng đường thủy sang Âu-châu mất từ 5 tới 6 tuần; sang Nhật-bản mất từ 6 tới 8 tuần.

2.—Tại các nước tự-do thư-tù không bị kiểm-đuyệt. Riêng các gói có thể được sở quan-thuế mở ra, hoặc cho đi ngang qua máy chiếu quang-tuyến X để kiểm-soát.

3.—Nhiều gia-đình nghèo, kém may-mắn, hoặc ở các tỉnh xa, không có cơ-hội và phương-tiện vượt biên, đó là chuyện thường tình. Gia-đình, dòng họ không có ai đi thoát, thì họ không có thân-nhân ở hải-ngoại, gián-dị vậy thôi.

Về “các tên Việt-kiều khoác-lác, hợm-hĩnh”, nếu mọi người đã nhìn ra chân-tướng của họ là “khoác-lác, hợm-hĩnh”, tất-nhiên đã có một cảm nghĩ, một thái-độ đối xử với họ rồi. Trong xã-hội không hiếm loại người này. Mỗi hành-động, mỗi thái-độ đều có một cái giá của nó.

CÔ VỌNG NGÔN CHÍ...

Hỏi: Đọc một tờ báo văn-học (lại văn-học!) xuất-bản tại Hoa-kỳ, thấy nhắc tới câu *Cô vọng ngôn chí cô thính chi* (Vương Sĩ Trinh, đề từ *Liêu trai chí dị*). Tôi nhớ câu này đúng ra là *Cô vọng ngôn chí vọng thính chi* mới đúng, bác BC nghĩ sao?

Xuân Hà
Sài-gòn nhỏ

Đáp: Bà nhớ đúng. Trọn bài thơ lạc khoản bức tranh vẽ Bồ Tùng Linh ngồi viết truyện *Liêu-trai*, của Vương Ngự Dương như sau:

Cô vọng ngôn chí vọng thính chi
Đậu bằng qua giá vũ như ty
Liêu ưng yếm tác nhân gian ngữ
Ái thính thu phần quỷ xướng thi
Đào Trinh Nhất dịch (1950) là:
Cứ nói trần, cứ nghe trần
Đêm mưa thánh thót trên giàn đậu, dưa
Chuyện người đã ngán xưa giờ
Thích nghe ma quỷ dưới mồ ngâm thơ

Vũ Hoàng Chương dịch:

Nói bừa bừa đây, nghe bừa bừa
Dây dưa giàn đậu phối tơ mưa
Chuyện đời chán ngấy người lên được
Nghe quỷ mở thu hát thấy ưa.

Tản Đà dịch:

Nói láo mà chơi nghe láo chơi,
Giàn dưa giàn đậu giọt mưa rơi
Chuyện đời đã chán không buồn nhắc
Thơ thần nghe ma hát mấy lời.

SẮM DÂN GIAN

Hỏi: 1.—Nhân dịp mua sách, xin bác vui lòng cho biết sách nào đọc có ích và nên đọc nhất?

2.—Có phải bác là ông Vấn Kế hồi còn ở Việt-nam. Hồi đó tôi hay đọc mục Vấn Kế vẽ ông cụ cấp cây dù trả lời thắc-mắc của độc-giả.

3.—Câu sấm:

Bao giờ thạch nổi mao chìm,
Hồ khô đồng cạn búa liềm ra tro
có phải nghĩa là:

- *thạch nổi*: Thạch là Tưởng Giới Thạch, tuy chết đi nhưng Đài-loan vẫn tồn-tại như một nước độc-lập.

- *mao chìm*: Mao là Mao Trạch-đông, sau khi chết, tên tuổi bị hạ-bệ, tiếng tăm bị vùi dập.

- *hồ khô*: Hồ tức Hồ Chí Minh chết phơi thây, thi-thể khô tóp lại.

- *đồng cạn*: Đồng là Phạm Văn Đồng, lúc Phạm Văn Đồng chết cũng là lúc chế-độ cộng-sản tại Việt-nam cáo chung.

Bác xem lời giải-thích này có hợp-lý không? Bác có biết ai là tác-giả câu sấm này không. Tôi đã được các nhà nho kể lại từ năm 1954, lúc đó còn trẻ nên không chú ý lắm, nhưng bây giờ ngẫm nghĩ lại thấy hay.

Nguyễn Chu
Dollard des Ormeaux

Đáp: 1.— Năm 1954 cụ “còn trẻ”, ất năm nay vào khoảng lục tuần. BC không hiểu rõ sở thích của cụ nên không dám mạnh miệng giới-thiệu sách. Xin xem thử vài cuốn, chọn trong Thư Mục Làng Văn (tòa-soạn đã chọn sơ một lần, loại bỏ các cuốn sách vô bổ).

2.—BC không phải là ông Vấn Kế đâu. Vào thời có ông Vấn Kế, BC cũng “còn trẻ” lắm.

3.— Cụ giải thích hợp lý, hợp lòng dân lắm. Phạm Văn Đồng năm nay 85 tuổi rồi, lại lòa nữa, nhân dân Việt-nam sắp qua khỏi đại nạn rồi chẳng!

HỎI, NGÃ VÀ TỬ SÁCH VIỆT

Hỏi: 1.— Xin chú Bút Chì làm ơn cho cháu biết phân-biệt được khi nào dùng dấu hỏi hoặc ngã trong Việt văn.

2.—Một nhóm bạn tại cháu muốn làm thành một tử sách Việt-nam, nhưng không biết loại sách nào nên có. Xin chú giúp ý-kiến.

Một nhóm yêu đất nước
Utah

Đáp: 1.—Để phân-biệt hỏi ngã, có thể theo một vài nguyên-tắc chung, như sau:

Nguyên-tắc 1: “*Huyền ngã nặng, hỏi sắc không*”:

Trong một từ kép, nếu chữ đi trước mang dấu huyền, ngã hoặc nặng, chữ đi sau thường có dấu ngã; nếu chữ đi trước mang dấu hỏi, sắc hay không dấu, chữ theo sau thường có dấu hỏi.

~ ~ ~ ~ ~
? - không dấu → ?

Thí-dụ:

- buồn bã (*huyền* → *ngã*); lỗ-lã, (*ngã* → *ngã*); lạnh lẽo (*nặng* → *ngã*).

- lẫn-thẫn (*hỏi* → *hỏi*); sớm-sủa (*sắc* → *hỏi*); đon-đả (*không dấu* → *hỏi*).

Tuy-nhiên, cũng có một số ít từ kép không nằm trong nguyên-tắc này, như: ủ-rũ, khe-khẽ, lam-lũ, lỗ dở, v.v.

Nguyên-tắc 2: “*Làng Văn Dư Nước Mắt*”:

Những chữ Hán-Việt bắt đầu bằng các phụ-âm *l, v, d, n* (kể cả *nh, ng, ngh*) và *m*: thường có dấu ngã.

Thí-dụ:

- *L*: lãnh-đạo, lữ-khách, kết-liệu, thưởng-lâm, lãng-mạn, lẫn (lười biếng), lão, lảm-liệt, nghi-lễ, nguyệt-liễm, lỗi-lạc, tích-luỹ, thung-lũng, lưỡng-nghi, lữ-đoàn.

- V: văn-hồi, vi-nhân, văn-thạch, viễn-thị, vinh-biệt, võ-biên, vũ-công, võng-mô,...

- D: Dã-sử, dẫn-chứng, dĩ-nhiên, diễm, diễn, dinh-ngộ (thông-minh, ngoan-ngoãn), phủ-doãn (chức quan đứng đầu một địa-phương), đồng (dũng), duẩn (măng tre, tre non), dữ đoạt (thưởng phạt), dưỡng,...

- N: truy-nã, nã, noãn (trứng), nỗ-lực, nỗ khí (chết đói), nữ, nữ-kết (thắt nút).

Nh: nhã, nhân, nhảm (cái nệm), nhần, nhĩ (tai), nhiễm trùng, nhũ-danh (tên do bà vú đặt cho), tham-những, nhiều-nhượng (nhiều nhưng, quấy-rối).

Ng: ngã (tôi, ta), phối-ngẫu, ngỗ (ngói), ngỗ-nghịch, ngũ (năm), Nguyễn (họ), ngôn ngữ, ngưỡng-vọng.

Ngh: nghi (đắc-đo, sẽ làm, so-sánh, bất-chước), nghĩa (việc phải, hào-hiệp), nghiêm-nhiên, nghiền (cái nghiền mực).

- M: mã (ngựa), thương-mãi, mẫn, mẫn, minh-mẫn, mẫu, mỹ, mẽ-cốc, miễn cưỡng, mỗi (từng cái).

Trường-hợp trừ, những chữ không theo nguyên-tắc này:

- dả: vay mượn (dả công tế tự: mượn của công làm việc tự).

- dả: không thực (dả danh: tên giả; dả diện: mặt nạ; dả-định; dả-thiết; dả kê (tóc giả); dả-mạo; dả nhân dả nghĩa; dả như; dả sơn (núi non bộ); dả-trang.

- niếu (gió nhẹ, mềm mại).

- ngải (cây ngải).

2.—Tùy theo túi tiền, trình-độ và nhu-cầu của các cháu. Trong thời-gian đầu, nên có một cuốn tự-điển Việt-nam (có thể dùng bộ *Việt-nam tự-điển* của Lê Văn Đức), tự-điển Hán Việt (có thể dùng cuốn *Hán Việt tự-điển* của Nguyễn Văn Khôn), tự-điển Anh Việt và tự-điển Việt Anh (nên dùng bộ tự-điển Nguyễn Văn Tạo). Sau đó là một số tác-phẩm trong sáng, dễ đọc của Tô Hoài, Thạch Lam, sách của Tự-lực văn-đoàn cùng một ít sách mới xuất-bản hoặc tái-bản tại hải-ngoại

(Võ Phiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Mai Kim Ngọc, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Trường An, Phạm Thăng, v.v.)

QUA, HÒA HAY HÓA

Về tiếng “qua” có nghĩa là *tôi, tao*, cụ Đình Huỳnh (Cali) giúp thêm một nghi-vấn:

Trong một bài thơ của Học Lạc (thời Bùi Hữu Nghĩa, Thủ-khoa Huân) làm lúc bị Pháp bắt giam chung với một người Trung-hoa cờ bạc bằng bông-vụ có chữ “hóa”, nghĩa là *tôi*:

“Hoá” An Nam, lữ khách trú

“Hoá” thì hốt thuốc, lữ bông vụ.

Đại danh-từ “hóa” ở ngôi thứ nhất số ít, có liên-quan gì tới “qua” chăng?

Trong tiếng Nhật, *watakusi* (có âm /wa/ đi đầu) có nghĩa là *tôi*. /*Qua*-ta-ku-xi/ có liên-quan gì tới *qua* của Việt-nam chăng, vì có một thời-gian Nhật cai-trị nước ta.

Ngoài ý-kiến của ông Đình Huỳnh, BC nhớ thêm, trong tiếng Trung-hoa đời Đường (rất giống âm Hán Việt của ta bây giờ), và ngay cả tiếng quan-thoại (*mandarin*) hiện-đại, chữ *ngã* 我 (nghĩa là *tôi, ta*) đọc là /wǒ/ theo phiên-âm quốc-tế, hoặc /gua/ theo phiên-âm Việt-nam.

Tiếng /Wǒ/ du nhập thẳng vào miền Nam nước ta do làn sóng “thuyền nhân” Minh hương, rồi biến thành *hoá*, hay *qua* chăng?

TƯỚNG LÊ NGUYỄN KHANG

Hỏi: Chồng cháu trước là Thủy quân lục chiến. Ảnh rất ngưỡng-mộ tướng Lê Nguyên Khang, là người liêm chính, lễ-độ hòa-nhã với mọi người và nghiêm-khắc với bản thân. Theo lời ảnh, nhờ 13 năm làm việc và học hỏi ở ông tướng này mà ảnh nên người.

Điều cháu thắc-mắc là cháu theo dõi báo-chí, sách vở rất nhiều, tại sao không nghe ai nói tới danh hiệu ông tướng này bao giờ. Cháu tin là chồng cháu không nói dối; nhưng nếu Việt Nam có ông tướng tài giỏi,

liêm-chính như vậy mà không ai nhắc tới, thật là bất công.

Chồng cháu còn ước-ao bắt được liên-lạc với “ông thầy” ấy, bác BC có cách nào giúp tụi cháu được không?

Bà Bùi Văn Xuân
Lachenaie

Đáp: Lê Nguyên Khang là người thật, bằng xương bằng thịt, từng bắt tay Bút Chì hơn hai mươi năm trước tại căn-cứ Sóng Thần.

Bảo rằng “không ai nhắc tới” ông tướng được tiếng giỏi và sạch này là sai. Có điều từ sau 1975, tướng Khang rất ít khi xuất-hiện trước công-chúng, trừ một vài dịp hội-hè lễ-lạc đặc-biệt.

BC không có cách nào giúp vợ chồng cháu. Hi-vọng ông tướng đọc báo, cảm-động trước chân-tình của “học-trò” cũ, sẽ ới lên một tiếng chăng?

THUẾ

Hỏi: 1.—Ở Hoa-kỳ hình như có một tiểu-bang không thu thuế lợi-tức (*income-tax*) và không cả thuế thương-mại (*sales-tax*)?

2.—Các tiểu-bang nào không thu thuế lợi-tức công-ty và không thu cả lợi-tức cá-nhân?

Ngô Thị Yên
Toronto

Đáp: 1.—Đúng. Đó là tiểu-bang Alaska. Ở đó người dân không phải đóng thuế lợi-tức và thuế thương-mại.

2.—Các tiểu-bang không thu thuế lợi-tức công-ty và không thu cả thuế lợi-tức cá-nhân là Nevada, South Dakota, Texas, Washington và Wyoming.

Tiểu-bang Florida chỉ thu thuế lợi-tức công-ty, nhưng không thu thuế lợi-tức cá-nhân.

Ngoài Alaska, các tiểu-bang không thu thuế thương-mại là Delaware, Montana, New Hampshire và Oregon.



Đầu Làng Cuối Xóm

Mỗ Làng Văn

NHÂN ĐIỆN... ĐIỆN NHÂN

Lúc còn sống ở quê nhà, Mỗ làng văn thỉnh-thoảng đọc tin xe cán chó, thấy nhắc tới các ông đạo sờ, đạo nắn, ông thầy nước lạnh, thầy liếm, v.v. và v.v., thầy nào thầy nấy đếm tiền mỗi tay, mà các nữ thân chủ thì ôi thôi, gạt ra không hết.

Đi tị-nạn cách nước xa quê cả nửa quả địa-cầu, tưởng không bao giờ còn nghe nói tới các “thầy” nữa, nay đột nhiên lại nhận được một bản tin “nhân điện”, đọc xong giật nảy người như bị... điện giật.

Ông “thầy” nhân điện này không sờ, không liếm mà chỉ nhấn huyết. “Thầy” dạy rằng trên cơ-thể con người có 7 “luân xa”, tức là trọng huyết, có thể cảm ứng với trời đất. Ai có bệnh, nhất là quý bà quý cô, cứ việc thoát y để “thầy” nhấn vào “luân xa”, dùng điện trên trời chuyển thành điện người, chữa được cả bệnh AIDS và bá chứng nan y.

Trong 7 huyết “luân xa”, “thầy” thích nhất là “luân xa” số 1, nằm giữa hậu-môn và phần cơ-thể

thiên-liêng nhất của con người, “thầy” bảo đó là chỗ tập-trung tiềm-lực của vũ-trụ. “Luân xa” số 4 nằm ngay bên ngoài, chỗ có trái tim. Đó là những “luân xa” đặc-biệt để trị bệnh phụ-nữ. Đối với nam bệnh-nhân, thầy chỉ cần tập-trung nhân-điện vào các “luân xa” khác ở xương sống, thắt lưng, sau cổ trước trán và trên đầu là đủ.

Theo bản tin, ông “thầy” nhân điện này là LMĐ, đang đăng bằng tuyển chọn một phụ-nữ nhan-sắc vẹn toàn để lập làm thủ-tướng VN năm 1995, dọn đường cho chính “thầy” về nước làm... vào năm 2001.

Về tương-lai chính-trị VN, “thầy” vốn không ưa dân Bắc và dân Trung, nên khẳng-định rằng hai miền Bắc và Trung sẽ bị xóa tên trên bản đồ thế-giới. Nước VN tương-lai của “thầy” sẽ có hình tròn như quả cam, vì Miên, Lào, Thái tự nguyện sát-nhập vào miền Nam VN.

Bản tin nhân-điện còn dài, nhưng Mỗ làng văn đầu óc u-mê,

cứ lẫn-quẩn với mấy cái “luân-xa” nên chẳng lãnh-hội được gì nhiều. Tiếc là “thầy” lập-nghiệp tuốt bên St. Louis, tiểu-bang Montana xa tít mù tấp, không thì Mỗ làng văn góp vốn lập xưởng chế-tạo khóa-trình bán cho mấy bà già trầu có con gái lớn trong nhà, bảo đảm trong vòng vài ngày sau, giữa thành-phố sẽ xuất-hiện thêm một thằng... ngọng!

NỀN ĐIỆN ẢNH LÁ ĐA

Hưởng-ứng phong-trào “cởi mở” do đồng-chí Mười Cúc phát-động, các cơ-quan sản-xuất phim và mấy ông bà đạo-diễn xứ X.H.C.N. Việt-nam đã hồ hởi phát-huy sáng-kiến, tiến nhanh tiến mạnh sang xu hướng cởi nốt những mảnh vải cuối cùng trên cơ-thể các diễn viên nữ.

Các khối óc bệnh hoạn của đỉnh cao trí tuệ nhà nước ta cứ tưởng nhầm rằng hễ có tự-do là có tắm hơi, có dân-chủ là có cởi truồng, nên vừa trình-diễn “đổi-lập”, “phản-kháng”, nhà nước ta đã tô màu “dân-chủ” lên phim ảnh bằng cách ra lệnh cởi nốt những mảnh vải cuối cùng trên thân thể các diễn viên gái.

Trong phim *Đêm giông*, nhà nước bắt chước thi-sĩ Bùi Giáng, chơi trò gái lộ qua khe, cho các chị mặc quần áo mỏng dính lộ suối cho mát... mát.

Phim *Hoang tưởng*, nhà nước cho các diễn-viên gái cởi truồng ra tắm suối (Mỗ làng văn rõ quỳnh, chả lẽ đi tắm lại ...mặc quần!). Nhân-vật chính trong phim là một cậu họa-sĩ thích vẽ trộm các cô đang tắm. Thôi thì gần trọn cuốn phim người tắm cứ tắm, người vẽ cứ vẽ, và khán-giả gồm ông già bà cả lẫn con nít nhỏ cứ ngẩn cổ ra mà xem nhà nước biểu-diễn “tự-do”.

Phim *Đàng sau cổng trời* cũng diễn lại cảnh tắm.

Các chị chẳng cần phải *thang lan rủ bức trướng hồng* gì ráo, cứ phơi tênh hênh ra mà tắm tấp trước ống kính. Khi ông chúa Mèo bàn tính kế-hoạch với đám lâu la, có hai xác

chết phụ-nữ (dĩ-nhiên là trần truồng) làm hậu cảnh. Chưa hết, nhà đạo-diễn còn chêm vào cảnh một bà mẹ nổi giận xé quần áo cô con gái của mình. Dù trong cơn giận dữ, bà vẫn xé từ từ từng miếng, xé rất nghệ-thuật và xé sạch sành sanh cho tới khi không còn mảnh nào để xé nữa mới chịu thôi.

Phim *Giống tổ*, nhà nước cho anh Long thoát y cô gái trong phòng riêng ông nghị Hách; rồi lại “bắt” bà nghị Hách *phe la mua* gần phần tư cuốn phim.

Phim *Nơi đó tình yêu đã chết*, các màn cụp-lạc này diễn đi diễn lại, làm như trên trái đất này, trên bác dưới... cái đó, không còn cái giống gì khác.

Phim *Đêm hội Long-trì*, nhà nước cho Đặng Lâm và bọn gia-nô xuống xóm ăn chơi trác-táng cho đồng-bào cả nước thưởng-thức.

Thú thực, Mỏ làng văn thuộc giống đực, cũng có đầy đủ bộ và cái thiên tính khoái...truyền giống như mọi con đực khác. Mỏ yêu chuộng và kính-trọng mọi tác-phẩm thiên-nhiên trong trời đất, nhất là cơ-thể của các bà các cô. Vậy mà, than ôi, điểm qua nền điện-ảnh lá đa của bác Mười Cúc, Mỏ chẳng những không thưởng-thức được gì mà ngược lại lờm-lợm buồn nôn suốt buổi. Càng nghĩ càng thương đồng-bào cả nước, lận-đận mãi trong nền kinh-tế khoai mì và thứ tự-do dân-chủ cặn-bã...

LẠI CHUYỆN BÁC HỒ

Xin nói rõ, bác Hồ đây là bác Hồ Chí Minh, chứ không phải là “cụ Hồ”, trong câu thơ dân gian *Một năm hai thước vải thừa, làm sao che nổi cụ Hồ hỡi em*.

Báo *Nhân-dân* ngày 4.3, nhân chuẩn-bị kỷ-niệm 40 năm xuất-bản, khoe rằng hồi còn sinh tiền, bác Hồ đã viết cho báo này 1.205 bài, ký 25 bút danh khác nhau. Tờ báo tiết-lộ ngoài “Hồ Chí Minh”, trong số 24 bút danh kia, có khi bác Hồ xưng là... luật-sư: “Luật-sư Th. Lam”, dù bác chưa học xong Trung-học!

Ngoài ra, còn rất nhiều bút-danh ký tắt: CB, CS, KC, LT, Ph.K.A., T., T.L., VK,... Tuy tờ báo không diễn-giải những chữ viết tắt bí-hiểm này là gì, nhưng cả nước ai cũng biết, bác dùng để ký tắt này dưới những bài tâng-bốc bác (cũng giống như các ông nhà báo bên này viết...thư độc-giả tự khen mình vậy mà).

Báo *Nhân Dân* ngày 4.3.91 (trang 1) ghi rằng, bác Hồ ký 25 bút danh khác nhau trên báo *Nhân Dân*. Đúng một tuần sau, sang ngày 11.3 (trang 2), khi kể rõ các bút danh của bác, báo này dấu đi hai tên, chỉ kể 23 bút danh thôi. Khổ nỗi, hai bút danh bị ém nhem đi lại là hai bút danh nổi tiếng nhất của bác Hồ mà Hà-nội đã chính-thức công-bố trước đó, là Trần Dân Tiên và Th. Lan.

Loạt bài ký tên Trần Dân Tiên đã được đúc-kết, in thành sách, nhan *Những mẩu chuyện về đời hoạt-động của Hồ Chủ-Tịch*, do nhà xuất-bản Sự Thật in đi in lại nhiều lần (lần mới nhất năm 1976, in 200.100 bản). Loạt bài ký tên Th. Lan cũng in sách, nhan *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, ấn-hành 12 lần, tổng cộng 2,2 triệu bản in. Điểm chung của Trần Dân Tiên và Th. Lan là “bốc” bác lên tới mây xanh, đã nâng bác lên ngang hàng thần thánh.

Báo *Nhân dân* còn viết rằng “*Từ khi báo Nhân Dân ra đời, ngày nào cũng vậy, có báo Nhân Dân, công việc đầu tiên của Người là đọc báo Nhân Dân.*” Quả thực vậy. Mỗi sáng vừa bước xuống long-sàng, bác chả đánh răng súc miệng đi cầu gì cả, cứ để răng ke miệng thối như vậy, giở ngay báo *Nhân-dân* ra, và chỉ đọc bài của... bác mà thôi!

NGUYỄN KHẮC VIỆN, HOÀNG MINH CHÍNH ... CHÂM LỬA

Sau khi cho trình làng Bùi Tín, Hà-nội tiếp-tục lãng-xê thêm hai cái bình cũ rượu cũ (chẳng có gì mới): Nguyễn Khắc Viện và Hoàng Minh Chính.

Như thường-lệ, báo-chí phe ta

vồ ngay lấy quả bóng và tung chúng lên...cao hơn, theo đúng tinh-thần việc nhà thì nhác, việc của Bác thì siêng-năng.

Tờ *Thế-kỷ 19* ở hột Cam liền rao liền một câu... treo bản hòng, nguyên-văn như sau:

**“NGUYỄN KHẮC VIỆN,
HOÀNG MINH CHÍNH CHÂM
THÊM LỬA**

Từ những Dương Thu Hương, Hà Sĩ-Phu, Lữ Phương, Phan Đình Diệu cho đến Bùi Tín, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính... dù họ có ý-thức hay không, dù họ có lúng-túng cựa-quậy để tự cứu hay cứu văn quyền-lực và danh-dự đảng của họ—đều cho ta thấy hình-ảnh của một dân-tộc đang sôi-nổi đứng dậy: dẹp bỏ chủ-nghĩa cộng-sản và dẹp bỏ quyền-lực thao-túng của đảng đó.”

Đoạn văn rất sống động với hai hình-ảnh nổi bật: hình-ảnh thứ nhất là các ông Nguyễn Khắc Viện và Hoàng Minh Chính châm thêm lửa; hình-ảnh thứ hai là nhân dân ta đang sôi-nổi đứng dậy.

Nhân-dân đứng dậy dĩ-nhiên không ngoài mục-đích dẹp Đảng. Còn các ông Chính và Viện châm thêm lửa thì có nhiều cách giải-thích.

Hoặc hai ông Chính, Viện châm thêm lửa để **tự cứu**, vì dân-chúng đang đốt cộng, anh nào muốn chứng-tỏ mình không phải là cộng-sản ắt phải nhào vô đốt phụ, nhân-dân chẳng những tha tội mà có khi còn công-kênh tôn lên làm anh-hùng.

Hoặc giả hai ông Chính, Viện châm thêm lửa để **cứu văn quyền-lực và danh-dự đảng của họ**. Trường-hợp này hơi ngược đời và khó giải-thích. Dân-chúng đang nổi lửa, các ông Chính, Viện muốn cứu đảng thì phải đóng vai đội lính nón đồng, xông vô dập tắt để chữa cháy mới phải, lẽ nào lại **châm thêm lửa?**

Lối diễn-tả này thật khúc-mắc. Chả hiểu cái ông tác-giả đoạn văn bí-hiểm này thuộc phe nào: phe nổi lửa đốt đảng hay phe châm thêm lửa... cứu đảng! □

Thư Đi Tin Lại

Nguyễn Hương phụ-trách

Canada 10



Anh chị NGUYỄN QUYẾT THẮNG, Hòa lan.—Đã nhận được 1750 gulden. Sẽ làm toán, gửi bản chiết tính và sách cho anh theo yêu cầu. Thân.

Ông NGUYỄN VĂN TẠ, Phanat Nikhom.—Đã nhận được các bài thơ mới. Sẽ gửi báo có bản điều lệ Giải VHNT Làng Văn 1991. Kính.

Ông NGUYỄN MINH TÂM, Pháp.—Chỉ có độc giả sống trong nội địa Gia-nã-đại mới chịu thuế dịch-vật (*thuế dịch vụ và vật phẩm, Godd & Service Tax*), độc giả ở các nước khác khi mua sách báo do Làng Văn phát hành được miễn thuế này. Kính.

Anh NGUYỄN MẠNH AN DÂN, Bidong.—Bài xóm cũ về hát bội Bình-định rất cảm động, sẽ đăng. Mừng anh đã chuyển sang Sungai Besi. NH có cảm tưởng là ở Kuala Lumpur “gần mặt trời” sẽ sáng sủa hơn (hay nóng hơn!) Chúc anh vững, khỏe và tiếp tục viết đều. Kính.

Bà VÂN NUONG, Sarlat.—Đã nhận được *Nếp xưa tản tảo*, đa tạ đại tỷ. Kính.

Anh LÂM NAM TRIỀU, Villawood.—Sẽ gửi báo về địa chỉ mới của anh. Về Villawood là về ngoại vi của làng rồi. Thân.

Ông TRƯƠNG XUÂN SAO, Đức.—Đã gửi bù trước khi nhận được thư thứ hai của ông. Xin ông tùy nghi tìm bạn giới thiệu hộ, biết đâu có thêm độc giả mới. Kính.

Họa-sĩ VÕ ĐÌNH, MD.—Đã nhận được bài mới, cảm ơn ông, sẽ đăng vào số tới. Trước nay, Bếp cũng đã có ý xin ông một bài đúng

vào đề tài đó, không phải cho báo mà là cho một cuốn sách sau này; tuy nhiên có đăng báo trước cũng không sao, khi nào in sách sẽ nhờ tác giả cập nhật hóa, nếu thấy cần. Kính.

THU KHÔNG, CA.—Bếp vẫn biết là Thu Không không có ý chòng, nhưng tính Bếp vốn nghịch phá, xúi giục NH vận vẹo cho vui. Bây giờ nghe TK hứa khao bánh khọt, Bếp mê neho: bánh khọt... nhỏ xíu hề, khao bánh xèo đi! (TK lộn ruột lên chưa?) Thân.

Thi-sĩ TRẦN VĂN LỆ, CA.—Đã nhận được thư và thơ. Làng phá lệ, gửi xuống ông một bầy... cò. NH xin nhắc ông: bài nào định về làng, đừng gửi trùng cho báo khác. Thơ của ông đồ đọc báo nào cũng thấy, sợ quá!

Hồi xưa hồi xưa lúc còn ôm cặp đi học, NH có biết một ông nọ thuộc phái thơ *tái bút*, mỗi lần “thư nhẹ quá mà” xong lại sao ra trăm bản gửi trăm bà. Nghe đồn truyền-nhân phái này lại xuất hiện ở gần “hột” Cam, thi-sĩ có hay chăng? Kính.

Bà NGUYỄN OANH, Edmon-ton.—Hồ sơ gửi báo cho bà trong máy điện toán không có gì trục trặc, tên đúng, địa chỉ đúng, số khu bưu chính đúng, đã gia hạn. Cái máy còn mách thêm rằng, báo của bà bị trả về tòa soạn hai lần, với lời ghi chú của bưu điện Edmonton: “*moved*”. Đã nhấn trên số 74. NH thử thêm một lần nữa xem sao. Kính.

Ông LÊ THÀNH QUANG, Philadelphia.—Đã nhận được báo, thư và tin thành công. Xin tiếp tục. Kính.

Anh HUỖNH THANH DŨNG, Vic.—Sẽ gửi nhạc và tài liệu cho anh, chúc giữ vững.

Anh NGUYỄN LÊ TRƯỜNG CHINH, Phi luật tân.—Đã gửi thư mục mới nhất cho anh, mong anh tìm được những cuốn sách cần tìm.

Nhà văn DIỆU TẦN, Monterey. Cảm ơn ông về gói quà văn-nghệ cho Giải VHNT làng Văn 1991. Đã gửi thư, sách và ngân phiếu. Xin chúc mừng nhà giáo được thăng trật. Báo gửi cho tất cả độc giả và thân hữu đều chuyển thẳng tới bưu điện trung ương trong cùng một ngày, không hiểu thành phố nhà giàu Monterey làm việc ra sao mà chậm thế! Sẽ gửi địa chỉ Cao sư cô trong gói báo kỳ này. Kính chúc ông bình an.

Anh NGUYỄN TƯ, Sydney.—Bếp đã gửi thư riêng. Nào có “trục trục tình cảm” gì đâu, chỉ vì quá bận, không liên lạc đều, để anh thắc mắc, thực áy náy. Kính.

Nhà văn AN KHÊ, Pháp.—Bài viết về Côn-nôn thật cảm động. Chưa nhận được bài về khám lớn Chí hòa (NH có căn nhà chỉ cách đó vài phút đi bộ, ra mình đã là ...láng diềng!) Kính.

Anh H.C.—Anh uống xong 2000 ly cà phê thì làm xong được một tập thơ; bây giờ cứ nhịn bù lại 2000 ly thì đủ tiền in thơ. Về đĩa chữ Việt, NH đã gửi, anh nghiên cứu xong, nhớ báo cho NH biết... cách dùng. Thân.

Ông TRẦN HUY MINH, Vancouver.—Không có gì tuyệt đối trong việc thẩm định giá trị văn chương cả. Cảm ơn ông về sự đồng ý. NH cũng lạc quan về thành tích của các bạn văn mới. *Tre già măng* (non và ...sồn sồn) *mọc* là hỉ sự. Tre chưa già, măng đã mọc càng là đại hỉ sự. Cái quý là liệu họ có sức đi cho hết đoạn đường dài hay không. Nhiều người đi bước đầu rất vững, “bị” văn-giới vồ-vập, khen lấy khen để, khiến họ ôm lấy mớ hào-quang ấy mà chết đứng. Thật đáng tiếc!

Chính vì vậy, làng có một cái lệ: cấm vái nhau; khi cần khích lệ thì khen ít hơn cái mức mình muốn khen một tí, cấm dựng lên ngũ hành sơn để giam hãm nhân tài. Kính.

Nhà văn ANH VÂN, thung-lũng Moreno.—Đã nhận được gói quà văn-ngệ cho Giải VHNT 1991. Ông coi tướng, bảo Bép “về già chỉ ngồi đếm bạc”, khiến chàng buồn quá, suốt ngày ra vào ôm cuốn lịch than thở, trách móc người xưa chế tạo làm chỉ những tập lịch cứ dày cộp ra như vậy, càng trông càng nảo người. Kính.

Anh VÕ THANH LONG, Hương-cảng.—NH gửi sang anh một ít sách để đọc cho đỡ nhớ ...làng. Rất cảm kích đức hi sinh của anh. Kính.

NGỌC DUY, Durham.—Đã nhận được truyện mới. Cứ tiếp tục viết đều, khi nào tới truyện thứ một trăm thì nghỉ xả hơi rồi ...viết tiếp. Cung “nàng văn” giùm NH một chút, coi chừng nàng bẻ bút hay ra lệnh ôm máy điện-toán ra xa-lông mà ngủ thì buồn chết. Sẽ gửi bù số 80 cho em.

Cụ Bút Chì là cụ Bút Chì. Cụ thuộc giống đực (*le crayon*); còn NH là *la nguyên hương*, làm sao hai người là một được? Thân.

Anh ĐÔNG NGHI, Montréal.—Phá chấp vẫn là chấp: chấp phá chấp; phá phá chấp cũng vẫn là chấp: chấp phá phá chấp, thiên vị không có mùi.

Sẽ gửi báo sang “nước” Québec cho anh. Cái truyện thứ tư của anh sẽ đăng. Thân.

Anh NGUYỄN TẤN HUNG, NC.—Đã nhận được bản nhạc. Đã đọc thấy bài “*Nói chuyện với đàn em*”, và bút ký kể lại vụ suýt ném mùi bọ chét chó của ông trùm. Ông trùm cứ làm cho người làng ngạc nhiên hoài! *Một chuyến ra khơi* vẫn chậm chậm “ra khơi”. Thân.

Bà UÔNG THỊ HỒNG NHUNG, Houston.—Sẽ chuyển báo về địa-chỉ mới, đồng thời gửi

thêm các số 79, 80 và 81. NH phải yêu cầu bà “nộp phạt” vì đã không báo địa-chỉ mới. Đền bằng cách nào cũng được, miễn cho công bằng là được. Kính.

Ông TKH, OH.— *Làng Văn* nhận in thuê và phát hành hộ cho các tác giả mới, tuy nhiên vẫn phải đọc bản thảo trước khi trả lời. Đã gửi tới ông bản chiết tính chi tiết, định mức hỏa hồng, thời gian trả tiền, v.v.

Về thơ, lúc này rất khó bán, các nhà tổng phát-hành và đại-lý không nhận bán, các thư-viện công-cộng cũng không mua, *Làng Văn* chỉ nhận in thuê và phát hành lẻ 100 cuốn thôi, còn lại bao nhiêu gửi hết về cho tác-giả. Kính.

Ông ĐẶNG ĐỨC THIỆP, Arizona.—Truyện ngắn muốn gửi đăng cứ gửi về tòa-soạn như thư thường. Bài đánh máy càng tốt. Nếu viết tay, xin viết thật rõ. Kính.

Ông SONG THAO, Montréal.—Đã nhận được bài mới, cảm ơn ông. Viết lại được là vui rồi, được đọc-giả đón nhận càng vui hơn. Có dịp, sẽ cảm ơn người bạn đã dúi bút vào tay, “bắt” viết lại. Kính.

BÀ GIÀ TRẦU, Troyes.—Đoàn Tam là ai hả? Đoán thử coi! NH đã phăng ra được tới hai đời lý lịch, ngay khi đọc bài đầu tiên của nhà ẩn cư này, phục chưa?

Nghe thái thái khoe tóc trắng như bông lau, NH ngạc nhiên quá. Mới hôm nào gặp nhau tóc hầy còn xanh, má hồng môi trầu cần chỉ, người đẹp thành Troyes biến thành Ngũ Tử Tư hồi nào mà lẹ vậy?

Có còn mấy cuốn sách HTA do Nam Á in, gửi cho NH mỗi tựa một cuốn để... làm thuốc. Mong lắm.

Anh CAO XUÂN LÝ, Úc.—Xin anh gửi sang 100 cuốn *Tan rã*, gửi bưu điện. Kính.

CAO NGUYỄN, Toronto.—Mừng thi sĩ đã ra trường. Đã gửi thư riêng về cuốn sách. Kính.

Ông NGUYỄN VĂN TẤN,

Toronto.—Theo lệ mới, đối với những thư không tem hoặc dán thiếu tem, bưu điện sẽ phát hoàn về người gửi, thay vì phạt người nhận thư. Kính.

Ông KHỔNG VINH THÀNH, NY.—Xin liên lạc tòa soạn, có bạn tri âm cần liên lạc.

Ông NGUYỄN VĂN THÔNG, MA.—Việc gửi bài dự thi, theo NH, là cách “đo lường” phản ứng của người khác đối với tác phẩm của mình, chứ không cốt viết sao cho hợp ý quý vị giám khảo để đoạt giải. Vả chăng, khi mời giám khảo, tòa soạn mời những người thuộc nhiều lớp tuổi, khuynh hướng sáng tác, xu hướng chính trị và quan điểm văn chương khác nhau và một người chuyên tuyển đọc và sửa chữa bản thảo. Xem lại phiếu điểm kỳ 1990 vừa rồi, bài đoạt giải nhất không nhất thiết phải là bài được cả năm vị giám khảo cùng cho điểm cao nhất.

Các bài trúng giải, ngoài tiền thưởng và tặng-phẩm, tòa-soạn còn trả nhuận bút cho các tác giả để in thành tuyển tập, nên phải giữ bản quyền trong ba năm để còn bán sách. Nếu ông xem việc in sách ấy là thời-gian “ở đợ”, và *Làng Văn* không đủ sức xây dựng cho “đứa con tinh thần” ấy, để nó “còi cọc, bệnh hoạn” thì tốt hơn hết, ông thả giữ nó lại nhà, đừng gửi đi.

Về bài đăng báo, những sáng tác có tên trong cột “bài sẽ đăng”, sẽ đăng dần trong dăm ba kỳ. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, vì bài nhiều, số trang có giới hạn, đôi khi kẹt lâu hơn. Nếu tác-giả muốn lấy lại gửi cho báo khác, chỉ cần viết cho tòa soạn vài dòng báo tin để khỏi đăng trùng với báo khác. Kính.

Thi-sĩ CAO TIÊU, Cam thành.—Sẽ gửi ông bài thơ Quang Dũng. Bản in do Hội Nhà Văn CSVN xuất-bản (1986), đã bị ban tuyên giáo sửa lại rất nhiều. Những chữ viết tay bên cạnh, do NH chép lại theo trí nhớ. Kính.

Ông MINH ĐẠO, Vitry sur Seine.—Chờ đọc bài về Vũ Hoàng Chương và về ca-dao tục ngữ của ông. Kính.

Anh TVN, Sherbrooke.—Đã đọc xong thư anh và LM Nguyễn Văn Phan. Tòa soạn không đủ nhân sự để lập hẳn một bộ phận chuyên trách các vấn đề xã hội giúp người tị nạn, ngoại trừ việc gửi sách báo. Anh cố gắng qui tụ anh em trên đó để bắt tay vào việc, tòa soạn sẽ giúp về mặt quảng bá tại hải ngoại, và liên lạc với các nước mà nhóm anh không có đầu cầu. Kính.

CÔNG-TỬ "PETER PAN", Dortmund.—Kỳ này NH đổi tên cho anh mà khỏi cụng xôi gà, thích chưa? Cảm ơn anh còn nhớ cái món cà bung của NH (nhưng cấm gọi NH là Nguyên... Cà Bung, rầy rà to!) Cô CP mua được phần tiên chưa? Réo người đẹp, bảo nhanh tay lên, hè sắp hết rồi (nhà in sẽ đông miên), sách của Ngô công-tử không khéo sẽ lọt vào sổ 1992 thì méo mặt.

Kế tiếp, NH xí phần in bộ truyện *Cún*, ai muốn tranh giành thì phải bước qua xác chết của... Bếp Mập (lạng quạng té gãy cẳng). Viết lẹ lên, Cún... lớn! Sẽ nhờ ông Vi Vi minh họa, bảo đảm hợp ý ông Peter Pan. Thân.

Ông HOÀI THƯƠNG, TX.—Xin ông theo dõi cột bài nhận được. Mong tiếp tục viết. Kính.

Thi-sĩ ĐẮC TRUNG, PA.—Đầu thu có hội hè, mong anh sang đọc thơ, ca hát chơi. Lần này "cắm" xiêu trên sân khấu. Thân.

VĨNH HẢO, VA.—*Vết lẩn* sẽ đăng kỳ tới. Khuyết điểm của tiểu thuyết luận đề là "hư cấu" quá độ, gán cho nhân vật những hành động thái quá, phi lý (hoặc quá xấu hoặc quá tốt) để chứng minh cho tiên kiến của tác giả, câu chuyện do đó thành ra không thật, trần trụi và cứng nhắc.

Em thử chuyển từ luận đề sang

hiện thực xem. Lối này sắp xếp sự kiện thành một chuỗi liên tục, hợp lý, có tính hỗ tương để cuối cùng dẫn người đọc tới cái nhìn và mỗi cảm xúc của chính tác giả. Tiểu thuyết hiện thực chỉ trình bày, tuyệt không dẫn giải và phê bình. Ở lối này, việc lựa chọn tình tiết rất quan trọng. Tránh rườm rà vô ích. Xoáy mạnh vào điểm chính, sắp xếp cho cân theo một tỉ lệ hợp lý giữa các biến cố chính, phụ. Không nên dồn dập quá nhiều sự kiện một cách tham lam, khiến độc giả bị lẫn lộn, rối trí.

Em và HVT có may mắn trải qua nhiều cảnh đời, tiếp xúc nhiều nhân vật, kho "tư liệu" phong phú, "công lực" thâm hậu, vấn đề là làm sao khai triển và sử dụng cho đúng cách, hết mức. Chúc em thành công hơn nữa. Cho NH gửi lời hỏi thăm "người ta." Hỏi nhỏ: chú tiểu VH vì "người ta" mà để tóc, hay để tóc rồi mới gặp "người ta" vậy? Thân.

QUÁCH ANH TÂM, Arizona. Đã chuyển địa chỉ về Sacramento. Em ở Arizona, nhận báo sớm hơn cả New York, là tiểu bang láng giềng của Ontario, quả là chuyện lạ. Nên thưởng cho ông bưu điện Arizona một cái mẽ-day, và tháng nào nhận báo trễ thì ...đòi lại.

Trong thư, em nói em ra trường, về Cali làm việc, mà làm ông gì vậy? Thân.

PHAN VIỆT, OK.—Trong làng cũng có nhiều người ban ngày nghiền ngẫm *Đường mây qua xứ tuyết*, đêm trùm chăn tụng *Xếp Al Capone*, không riêng gì Phan đàn-việt đâu. Mong có dịp ghé ngang tiểu bang OK xem nó có ô-kê không. Thân.

Ông TRẦN TÍCH, San Jose.—Cuốn băng ông nói trong thư, đúng là *Đòn ca Huế*. Sẽ gửi thư mục Làng Văn tới ông, trong đó có danh sách băng nhạc. Kính.

Ông LÊ NGỌC MINH, Côte d'Ivoire.—Đã gửi bù hai số 75, 76 bằng đường thủy. Nguyên nhân thất lạc là vì ông bưu điện tỉnh

Ontario (nói tiếng Anh) không biết Côte d'Ivoire là cái nước nào (vậy mà cũng tự hào là quốc gia song ngữ *bilingual*!) Lần này, NH đã sửa lại trong hồ sơ điện toán là "Ivory Coast", hi vọng quý ngài sẽ không chuyển lầm tới hăng xà bông Ivory. Cầu trời!

BS LÊ HUỆ HIẾU, MO.—Đã gửi bù số 79. Báo vẫn gửi đều, lâu lâu lạc mất một số là do bưu điện. Tuy nhiên, không phạt "can phạm" bưu điện thì thôi, ai lại bắt đền độc giả nạn nhân bao giờ! Kính.

Anh BÁ DĨNH, Montreal.—Mỗi lần nhận thư anh, đọc lướt qua hàng chữ "BA-DINH ASSURANCES INC." ngoài phong bì và trên tiêu chỉ, NH hơi giật mình, tưởng đâu hãng bảo hiểm...Ba-Đình của "nhà nước ta" gửi nhầm địa chỉ. Đã nhận được các bài thơ, cảm ơn anh. Thân.

HOÀNG DU THỤY, AB.—Đã được đọc bài bạt văn chương của ông Trùm, khen HDT nhan sắc mặn mòi. Bao giờ sách in xong? Đã gửi *Tạp chủng*.

Anh NGUYỄN NGỌC SƠN.—Để giảm bớt công việc, tòa-soạn không giữ, cũng không gửi lại những bản-thảo không đăng, mong anh hiểu cho.

Em PHÙ SA, Bidong.—Thơ đã được, nhưng để vào *làng* thì chưa. Tiếp-tục nhé Mong.

Anh chị NGUYỄN HỮU NHẬT, Na-uy.—Cảm ơn anh về bài và di ảnh Vũ Hoàng Chương, Bùi Giáng. Bây giờ "bà em dâu" nhờ ông anh hỏi lại "bà chị dâu": thơ chàng ra mắt đã xong, truyện nàng sao vẫn long đong chưa về? Xin anh ảnh chụp tranh mới. Thân.

Họa-sĩ HỒ ĐẮC VŨ, Montréal. Đã ghi danh vào bản "phong thần." Xin anh một bộ các bản chụp các tranh sơn dầu và phần tiên hôm triển lãm. Kính.

Ông NGUYỄN HUY PHƯỚC, Mã-lai.—Thư cho ông DT, đã

chuyển. Theo bước cuồng du đã
đăng. Báo vẫn gửi đều, nếu không
nhận được xin ông rêu lười liềm đồ
Mã-lai. Chúc ông và cả đảo sớm về
đất liền (để nhận thư nhanh hơn).
Kính.

Chị TTLH, WA.—Gia-nã-đại
giá lạnh “Đông-miên” đã đành,
Nam Cali cũng thấy “Đông-miên”,
để độc-giả lại cầu-nhàu NH, khổ
quá!

TINA & THÁI DƯƠNG,
Oshawa.—Đường mây qua xứ
tuyết có sức khua động tri thức tâm
linh rất mạnh. Hiện nay nhiều chùa
và các tổ chức thuộc các tôn giáo
khác dùng làm tài liệu tham chiếu.

ĐMQXT do một lạt ma Bolivia
viết, trong khi *Huyền thuật và đạo
sĩ xứ Tây tạng* do một tác giả Tây
phương viết. Hai cái nhìn, hai sự
nhận định chủ quan khác nhau,
mong sẽ giúp Tina và Thái Dương
bổ túc kiến thức về Phật học của
mình. Thân.

BÁO BỊ TRẢ VỀ:

Trần Hữu Phước (Montréal);
Hoàng T.N. Khanh (Los Angeles).

BÀI NHẬN ĐƯỢC

VĂN: Vinh Hảo, Thái văn Kiềm,
Nguyễn Quốc Ngân, Song Thao,
Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn
văn Ba, Ngọc Duy, DT Vành
Khuyên, Lê Phương Đông,
Nguyễn Hữu Nhật, Minh Đạo,
Nguyễn văn Thông, Phùng Nhân,
Võ Đình, Ngô Nguyên Dũng (2),
Hồ Trường An, Lương Bảo
Huyền, Nguyễn Quốc Trụ, Lê
Xuân Nhị, Phạm Thăng, Việt
Phương, Phạm thị Nhung.

THƠ: Việt Phương, Hồ Trường
An, Đắc Trung, Phan Ngọc Châu,
Phạm văn Cương, Lâm Nam Triều,
Phạm thị Nhung, Dã Thảo, Bảo
Trần, Hoàng Chính, Phạm Bích
Hợp, Kinh Tân, Trần Văn Lệ,
Minh Châu, Cao văn Mỹ, Doãn
Thanh Hùng, Nguyễn Hùng
Quang, Diệu Huỳnh, Nguyễn Bá
Dĩnh, Đức Trung, Lê Thụy Vi, Vạn
Giả, Châu T.Quỳnh, Hồ Công Tâm.

NHẠC: Nguyễn Thái Dũng,
Nguyễn Tấn Hưng.

TRANH: Babui, Hồ Đắc Vũ.

BÀI SẼ ĐĂNG

VĂN: Quê chồng chợ tỉnh
(HTA), Vũ Hoàng Chương, ờ, thế
à? (NHN), Tuổi thơ, làng
quê...(NMAD), Cánh cổng trường
đã khép (ND), Nước loạn canh tàn
(TVK), Ngày mẹ bệnh (NND), Cái
chết của bầy ve... (NND), Áo vải
bút lông (VĐ), Bền thêm đời sống
(VP), Muối Bạc Liêu... (NVB),
Nụ giọt rượu nồng (ST), Vòng tay
làng cũ (NVT).

THƠ: Nhập thế (VG), Mẹ Hậu
giang, Nhịp chày đôi, Từ xa chàng
tới (HTA), Về trên bến Văn Lâu
(VP), Khúc thánh tư (PBH), Đăng
U châu đài ca, Tư cổ lý, Sơn phòng
xuân sự (KT), Tại trời mưa, Sầu
viễn xứ (BT), Kinh chiều, Cửa
em..., Nửa đêm nghe mẹ... (HC),
Mẹ (LNT), Nhớ tuổi, Bỏ cuộc
(ĐT), Cô gái chở đờ (BD), Tình
yêu và nỗi chết (HCT),

TRANH: Ba Bui, Hồ Đắc Vũ.
NHẠC: Nguyễn Thái Dũng.

MUA BÁO DÀI HẠN nhanh. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi
mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money
order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (inter-
national money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-
phương, xin để tên người đại-diện *Làng Văn* tại địa-phương và gửi về địa-chỉ
liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN (một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST
Hoa-kỳ:.....đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 50 mỹ-kim
Các nước khác:.....đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)
máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng *Làng Văn* tại địa-
phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo
máy bay): Đức 80/130 đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12
000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:.....

Địa-chỉ:.....

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: “Làng Văn”, địa-chỉ ở trang 1
(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin ghi: “Do.....tặng”

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: “Làng Văn”

GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1991

Nhằm mục-đích đẩy mạnh phong-trào sáng-tác bằng Việt-văn, tạo cơ-hội cho những cây bút mới có dịp đóng-góp cho nền văn-học Việt-nam hiện-đại, hàng năm, tạp-chí *Làng Văn* tổ-chức giải Văn-Học Nghệ-Thuật. Giải này mở rộng cho các cây bút sáng-tác bằng Việt-văn, không phân-biệt quốc-tịch, tuổi-tác, đã viết từ lâu hay mới bắt đầu viết, có hay chưa có tác-phẩm xuất-bản.

Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991 gồm hai bộ môn: truyện ngắn và thơ. Mỗi môn đều có các giải nhất, nhì, ba và nhiều giải khuyến-khích.

Thành-phần ban giám-khảo gồm:

* Văn:

- Võ Phiến
- Nguyễn Ngọc Ngạn
- Hồ Trường An
- Mai Kim Ngọc
- Tòa-soạn *Làng Văn*

* Thơ:

- Cao Tiêu
- Đỗ Quý Toàn
- Vi Khuê
- Nguyễn Hưng Quốc
- Tòa-soạn *Làng Văn*.

THỂ-LỆ DỰ THI:

- Bài đánh máy trên một mặt giấy, *photocopy* ra 5 bản. Trong trường-hợp bất-khả-kháng, có thể viết tay thật rõ ràng trên hai mặt giấy, không cần *photocopy*.

- Bài dự thi không đề tên tác-giả. Tên, bút hiệu (nếu có), địa-chỉ cùng danh-sách các bài dự thi xin ghi trong một phong-bì dán kín gửi kèm theo bài.

- Một người có thể dự thi cả hai môn.

- Mỗi tác-giả được quyền gửi tối-đa 3 truyện ngắn, 3 bài thơ.

- Truyện ngắn không nên quá 40 trang đánh máy (80 trang viết tay). Thơ: không hạn-định số câu.

- Tất cả mọi người đều có quyền dự thi, trừ quý vị giám-khảo và nhân-viên tòa-soạn *Làng Văn*.

- Đề-tài nội-dung: tự-do chọn-lựa (nhưng không lợi-dụng cuộc thi để tuyên-truyền cho chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản).

- Bài dự thi chưa từng đăng báo hoặc in sách.

- Tòa-soạn *Làng Văn* có toàn quyền sử-dụng các bài dự thi trong vòng ba năm, kể từ ngày 30.4.1991 này.

Các bài qua vòng loại sẽ được lần-lượt đăng báo. Các bài trúng giải, hoặc được tuyển-chọn đặc-biệt, có thể sẽ in thành sách. *Làng Văn* trả nhuận-bút và tặng sách cho tác-giả có bài in sách theo lệ làng.

- Bắt đầu nhận bài: 30.3.1991

- Ngày hết hạn nhận bài:
30.10.1991

- Ngày công-bố giải thưởng:
Tết Nguyên-đán Nhâm-thân
1992

- Địa-chỉ gửi bài dự thi:
Làng Văn (Giải VHNT 1991)
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9
Canada

Về các giải thưởng, giá-trị vật-chất căn-bản do tạp-chí *Làng Văn* ứng tặng như sau:

* Truyện ngắn:

- Giải nhất: 300 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Giải nhì: 200 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Giải ba: 100 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Các giải khuyến-khích: tặng-phẩm

* Thơ:

- Giải nhất: 150 gia-kim và tặng-phẩm

- Giải nhì: 100 gia-kim và tặng-phẩm

- Giải ba: 50 gia-kim và tặng-phẩm

- Các giải khuyến-khích: tặng-phẩm.

Tặng-phẩm gồm một năm báo dài hạn của *Làng Văn*, một số sách-vở do *Làng Văn*, thân-hữu và các nhà xuất-bản bạn ấn-hành cùng các loại quà tặng khác của các cơ-sở thương-mãi Việt-nam (nếu có).

Ban tổ-chức đang vận-động các cơ-sở truyền-thông, xuất-bản, thương-mại Việt-nam góp thêm hiện kim và quà tặng cho các giải. Danh-sách các nhà mạnh thường quân yêu sinh-hoạt văn-học nghệ-thuật sẽ được công-bố đều-đặn trên *Làng Văn* cho tới ngày trao giải, và in vào tập truyện của Giải VHNT Làng Văn 1991. Giá-trị thực-sự của các giải sẽ cao hơn các con số ghi trên, và sẽ được cập nhật cho tới ngày chót.



nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho
đồng-bào tại các trại)

Cô **HOA**, từ Montréal dọn về
Toronto mùa hè năm 1988, nay ở
đâu, xin vui lòng liên lạc: **KAREL**,
điện thoại: (416) 532-5580, có việc
rất quan trọng.

TRẦN THỊ NỮ, PST: 1069
House 2E40, Section "O", P.O. Box
18 Phanat Nikhom, Chonburi
20140, Thailand, Chủ tịch Hội
Kháng chiến Tiền phương tại Đông
dương, nhắn bác Nguyễn Văn
Chức (Hoa kỳ), hai anh Hoàng
Đức (Gia nã đại), Hà Liêm (Hoa
kỳ), xin liên lạc gấp, có chuyện rất
cần.

Tìm bạn thân, anh **NGUYỄN
VĂN ĐỆ**, đi từ Galang, Indonesia,
qua số 5 #10715 - 102 St.,
Edmonton, Alberta, T5H 2T8,
Canada, sang Canada từ năm 1985,
mất liên-lạc mấy năm nay, nay ở
đâu xin liên-lạc: **NGUYỄN THỊ
NGỌC LIÊN**, 202-12th Ave. S.,
Seattle, Wa. 98144, USA — ĐT
(collect-call): 206-325-2313. Quý vị
nào biết xin nhắn giúp, đa tạ.

HUỲNH THỊ KIM CÚC, trước
1975 dạy tại Trung-học Tổng-hợp
Phan Thanh Giản, Cần-thơ, muốn
liên-lạc với các bạn đồng-nghiep
**NGÔ THỊ CẨM THẠCH, ĐẶNG
XIẾU, NGUYỄN THỊ HƯƠNG,
NGUYỄN THỊ KIM CÚC, PHẠM
THÚC PHƯỢNG** (dạy Đồng Tiến,
Sài gòn) và **TRƯƠNG THỊ NHƯ
HUYỀN** (học Luật) Sài-gòn. Xin
thư về: P.O. Box 61903, San Jose,
CA 95161, USA, ĐT: (408) 238-
9706.

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Ông NGUYỄN KIM CANG
tức ký-giả NGUYỄN ANG CA

Nguyên Chủ-nhiệm nhật-báo *Tin Sớm* (Sài-gòn)
Nguyên Phó Chủ-tịch Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

đã tạ-thế ngày 26.3.1991 tại Bruxelles, Bỉ, hưởng thọ 65 tuổi,

xin thành kính phân-ưu cùng quý tang-quyển, và cầu chúc hương hồn
người quá cố sớm tiêu-diêu miền cực-lạc.

- . *Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại*
- . *Vi Khuê & Chữ Bá Anh*
- . *Yên Tử Trần Đại Sỹ*
- . *Phong-Trào Hưng Ca Việt-Nam*
- . *(và các đơn-vị Bắc Cali, Nam Cali, Texas, Trung Mỹ, Hòa-lan, Đức, Hương-cảng, Mã-lai và Sydney)*
- . *Tạp-chí Làng Văn*
- . *Tuần báo Phố Nhỏ (Hoa-kỳ)*
- . *Ký-giả Văn-lang Trần Văn Ấn (Rennes)*
- . *An Khê Nguyễn Bính Thịnh (Marignane) và các con*
- . *Phạm Thắng và gia-đình (Gia-nã-đại)*
- . *Nguyễn Thị Vinh và Nguyễn Hữu Nhật (Na-uy)*
- . *Ngô Nguyên Dũng (Đức)*
- . *Hồ Trường An (Pháp)*

GÓP VUI

Nhận được tin vui,

Bạn Hưng Ca NGÔ THỊ LỆ NGÀ
(HOÀNG NGÀ)

thành-hôn cùng

Bạn TỔNG PHƯỚC THANH

ngày 20.4.1991 tại San Jose, California,

xin chúc cô dâu chú rể hạnh-phúc trọn đời.

Đại gia-đình Hưng Ca Việt-Nam

CHÚC MỪNG

Nhận được hỉ-tin, anh chị **NGUYỄN XUÂN HOÀNG**
(New Jersey) sẽ làm lễ vu-qui cho trưởng nữ

NGUYỄN HOÀNG THANH TRANG

đẹp duyên cùng cậu

TĂNG QUỐC QUYỀN

hôn-lễ cử-hành tại New Jersey ngày 8.6.1991,

xin chúc mừng hai họ Tăng-Nguyễn, thân chúc các cháu
hạnh-phúc trăm năm.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

**TRUNG TÂM TRỊ BỆNH THEO Y HỌC
ĐÔNG PHƯƠNG - THIÊN VĂN - ĐỊA LÝ -
TỬ VI - TƯỚNG HỌC HUYỀN BÍ**

Y SĨ NGÔ THIÊN HỮU & CƯ SĨ THIÊN LƯƠNG
(Doctor of Chinese Medicine Acupuncture)
Hội viên: C.M.A.A.C. of Canada

TRUNG QUỐC Y DƯỢC & CHÂM CỬU

- Nhức Mỏi Phong Thấp - Mất Ngủ Hồi hộp
- Kinh Niên Đầu Thống - Điều Kinh Chỉ Thống
- Phong Ngứa, Mụn trên Mặt, Da Khô, Rụng Tóc
- Yếu Kém Sinh Lý, Xuất Tinh Sớm, Mâm + Nữ.



Khoá Hướng Dẫn: Dịch Cân Kinh
Thiên Dương Sinh (để tự phòng
Bệnh và tự trị Bệnh)

- Dù đã chữa nhiều nơi mà không kết quả, Bà Con hãy liên lạc với Chúng tôi, vì lòng Thiện Tâm, dùng KIM diệt trùng, CHÂM xong bỏ.
- Có THUỐC ngâm rượu, Thuốc Tế viên Trị Bệnh và bổ dưỡng Tâm, Gan, Tỳ, Phế, Thận (kết quả tốt)
- Chẩn Bệnh Bằng Thư hay Điện Thoại THUỐC sẽ gửi đến tận nhà.

TỬ VI ĐẤU SỐ - BÓI QUÊ DỊCH - ĐỊA LÝ



- Muốn biết trước ĐỜI MÌNH và những NGƯỜI THÂN
 - Giàu/Nghèo, Suông/Khố, Thọ/Yếu, Tình Duyên.
 - Làm ăn hùn hợp, tuổi cưới gả, chọn ngày tốt.
 - Năm nào có con tốt? Muốn sinh trai hay gái như ý?
 - Xem SỐ MỆNH cho trẻ con chọn nghề tương lai.
- Chấm giải cầm nang TỬ VI trọn đời: 35\$
(giá đặc biệt cho 2 lá số: 50\$ + Xem vận hạn trọn năm tốt xấu, gửi đến tận nhà).
- Bói QUÊ DỊCH, xem TƯỚNG, bói bài, chỉ tay, xem chữ ký (Xin gửi 1 tấm hình + 3 chữ ký + 20\$)
- Soạn LỊCH và sách TỬ VI Đông Phương mỗi năm.
- Cúng giải tai nạn, cầu siêu, cầu an.v.v...
- Cho thỉnh Linh Phù Hộ Mạng + Làm ăn.v.v...

PHONG THỦY ĐỊA LÝ

- Xem hướng nhà, cửa hiệu, văn phòng, restaurant, Âm phần lăng mộ chôn táng tốt xấu để tránh hung thần, gia đình lộn xộn tai nạn.

Bày cách sửa đổi giúp cho quý vị
CHUYỂN XẤU THÀNH TỐT CỨU KHỔ PHÙ NGUY
LINH THIÊNG ỨNG NGHIỆM NHƯ THẦN

V.P MONTRÉAL
5469 Ave Victoria
Tél.: (514) 344-0592 & 591-7923

P.O.Box 638, Stn.B.
OTTAWA, Ont, K1P 5S2
Tel.: (613) 225-3257

Money-order và check, đề tên:

TIEU H. NGHIA

gửi về:

576-578 Dundas St. West #137
Toronto, Ont. M5T 1H5 Canada

ĐT: (416) 543-5993 / 348-9164

(xin điện-thoại hẹn trước)

NHẬN ĐI XA PHỤC-VỤ

**TẬP SÁCH ẢNH
QUÊ-HƯƠNG
XỨNG-ĐÁNG
TRONG MỌI
TỦ SÁCH
GIA-ĐÌNH:**

VIỆTNAM
quê hương
muôn thuở



của Nhiếp-ảnh-gia
TRẦN CAO-LĨNH



Dải giang-sơn gấm-vóc của quê-hương Việt-nam yêu-
dấu,

đã được tôn-vinh qua nghệ-thuật nhiếp-ảnh của một
con tim và khoẻ nhìn đặc-thù Việt-nam,

đã gửi gắm sâu-đậm trong 9 chương ngợi ca đất tổ ba
miền, với phong-cảnh, di-tích, đời sống và con người
VN.

212 trang khổ lớn, 3 thứ tiếng Việt, Anh, Pháp và 118
tác-phẩm nhiếp-ảnh nghệ-thuật, màu và đen trắng, in
trên giấy thượng hạng, đóng chĩ, bìa dày.

Giá: 40 mỹ-kim (50 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

(Độc-giả dài hạn có mã-số được bớt 10% như lệ làng).

Phát-hành trong tháng 5.1991



Giá 15 mỹ-kim (18 gia-kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

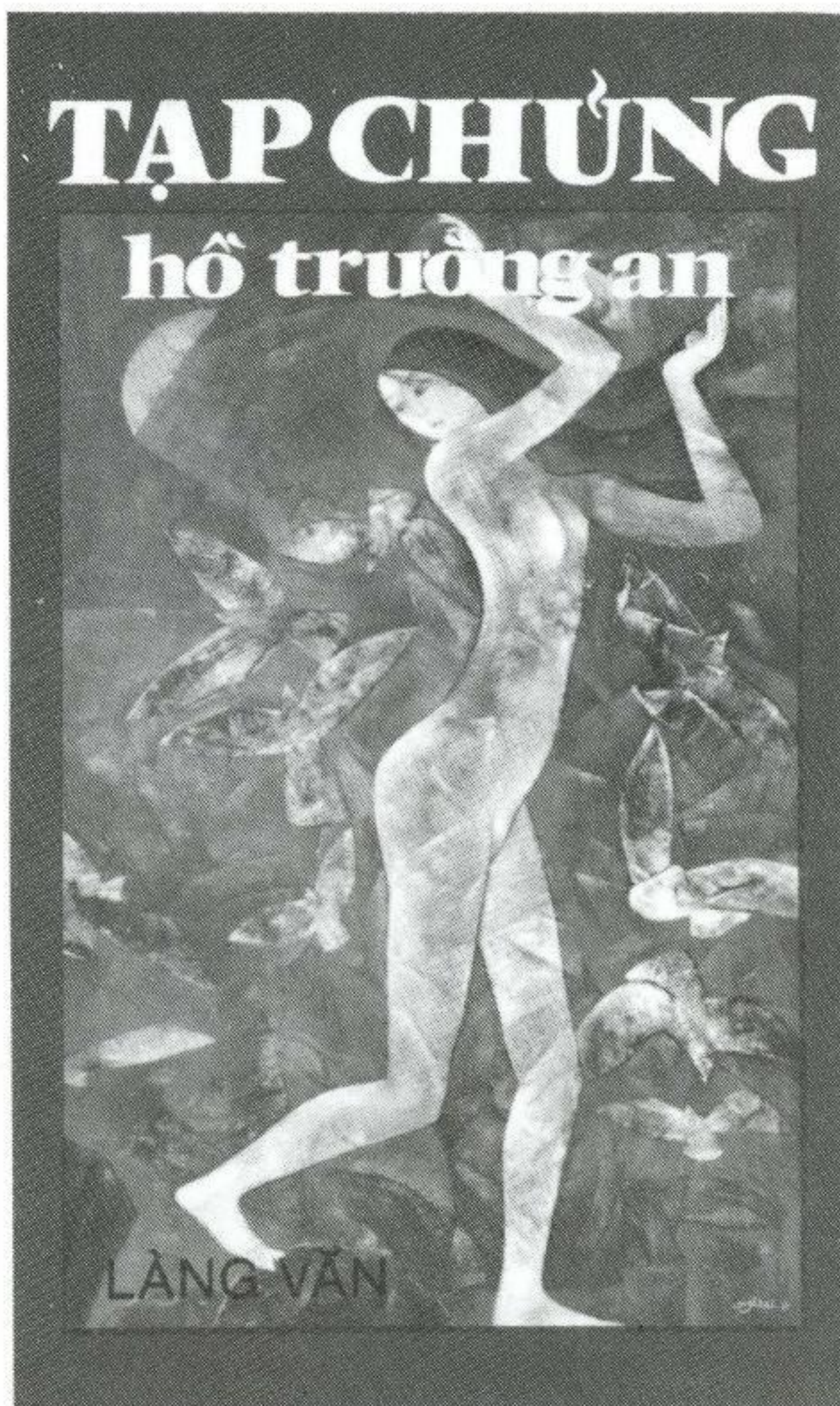
LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"

Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada

Điện-thoại: (416) 249-4195 / Điện-thư: (416) 240-0342

*Tập truyện ngắn hay nhất của
Hồ Trường An*



Giá 14 mỹ-kim / 17 gia-kim (cả GST)

HỎI TẠI NHÀ SÁCH, HOẶC LIÊN LẠC:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W" Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada

Điện-thoại: (416) 249-4195 / Điện-thư: (416) 240-0342

ĐỘC GIẢ DÀI HẠN LÀNG VĂN ĐƯỢC BỐT 10 %